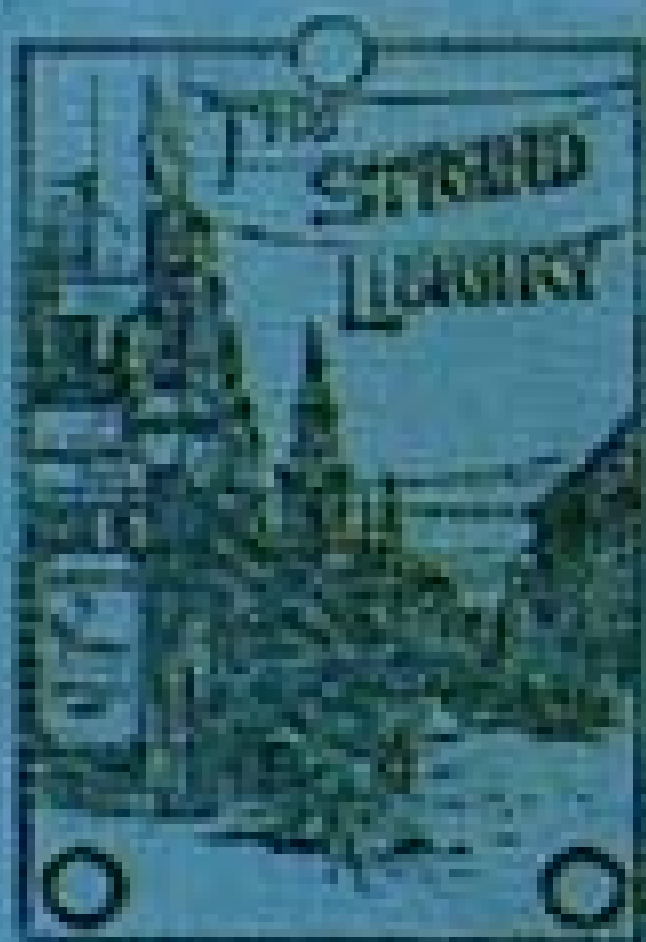


THE
ADVENTURES OF
SHERLOCK HOLMES

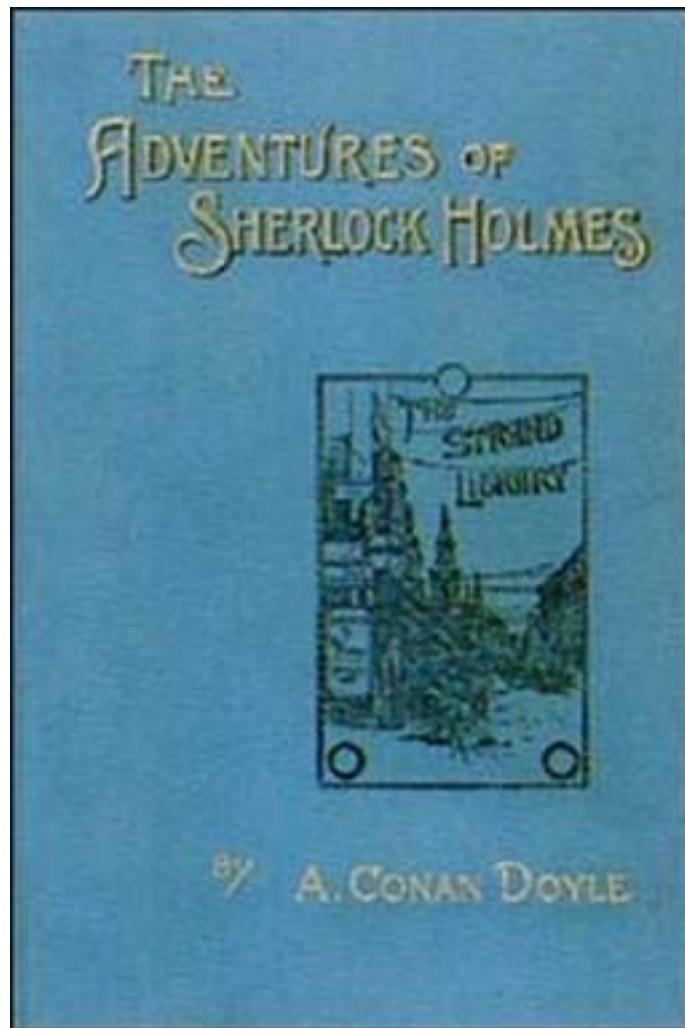


BY A. CONAN DOYLE

NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU CỦA SHERLOCK HOLMES

The Adventures of Sherlock Holmes

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com



Ấn bản đầu tiên 1892

Vụ Tai Tiếng Xứ Bohemia

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 7 năm 1891, với 10 hình minh họa của Sidney Paget.

Hội Tóc Hung

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 8 năm 1891, với 10 hình minh họa của Sidney Paget.

Vụ Mất Tích Kỳ La

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 9 năm 1891, với 7 minh họa của Sidney Paget.

Bí Ẩn Tại Thung Lũng Boscombe

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 10 năm 1891, với 10 hình minh họa của Sidney Paget.

Năm hạt cam

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 10 năm 1891, với 6 minh họa của Sidney Paget.

Người Đàn Ông Môi Trẻ

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 12 năm 1891, với 10 hình minh họa của Sidney Paget.

Viên Ngọc Bích Màu Xanh Da Trời

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 1 năm 1892, với 8 hình minh họa của Sidney Paget.

Dải Băng Lốm Đốm

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 2 năm 1892, với 9 hình minh họa của Sidney Paget.

Ngón Tay Cái Của Viên Kỹ Sư

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 3 năm 1892, với 8 hình minh họa của Sidney Paget.

Chàng Quý Tộc Độc Thân

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 4 năm 1892, với 8 hình minh họa của Sidney Paget.

Chiếc Vương Miện Gắn Ngọc Berin

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 5 năm 1892, với 9 hình minh họa của Sidney Paget.

Vùng Đất Những Cây Dẻ Đỏ

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, Tháng 6 năm 1892, với 9 hình minh họa của Sidney Paget.

Toàn bộ bộ sưu tập lần đầu tiên được xuất bản vào ngày 14 tháng 10 năm 1892 bởi công ty G. Newnes Ltd trong một ấn bản với 10.000 bản.

☺

VỤ TAI TIẾNG XỨ BOHEMIA

A Scandal in Bohemia

1

Với Sherlock Holmes, cô ấy luôn là một người phụ nữ. Tôi ít khi nghe thấy anh đề cập đến cô ấy dưới hình thức khác. Trong mắt anh, cô ấy vượt hơn hẳn mọi người khác bởi vẻ nữ tính. Đó không phải là một tình cảm yêu đương dành cho Irène Adler. Đó là một cảm xúc trái ngược lại với sự điềm tĩnh, lạnh lùng và chính xác đến tuyệt đối của Holmes. Tôi biết anh đã từng có những lý luận sắc bén và sự quan sát tinh tế không ai có được nhưng chính cảm xúc ấy đã làm anh sai lạc. Anh không còn nói đến cảm xúc lãng mạn và cũng thôi những lời chế nhạo.

Gần đây tôi ít gặp Holmes. Từ khi tôi lấy vợ, chúng tôi sống mỗi người một ngả. Niềm hạnh phúc riêng tư tuyệt vời, những mối quan tâm về gia đình hiện lên xung quanh một người lần đầu tiên làm chủ cơ ngơi của mình, cũng đủ chiếm hết sự chú ý của tôi. Trong khi đó, Holmes vẫn ở tại phố Baker, vùi đầu vào đống sách cũ của mình, hết tuần này sang tuần khác, mang hết khả năng và tài quan sát của mình để tháo gỡ những vụ án mà cảnh sát đã đầu hàng.

Đêm 20 tháng Ba năm 1888, tôi đang trở về nhà sau một chuyến đi thăm bệnh ngang qua phố Baker. Khi đi qua cánh cửa nhà quen thuộc, bỗng nhiên tôi muốn gặp Holmes. Phòng anh đèn sáng choang, và khi nhìn lên, tôi thấy cái dáng gầy gầy đi qua hai lần, bóng in lên tấm rèm. Anh bước đi nhanh nhẹn, hăm hở, đầu cúi xuống ngực, hai tay bắt chéo sau lưng. Tôi rung chuông và được đưa vào căn phòng mà xưa kia tôi đã chiếm một phần.



Không nói một lời, anh vẫy tôi đến chiếc ghế bành, ném cho tôi hộp thuốc xì gà và trở vào chiếc lò ga trong góc. Rồi anh đứng trước lò sưởi, nhìn tôi từ đầu đến chân.



- Hôn nhân hợp với anh đấy, Watson ạ. Anh đã lên 7 cân rưỡi ¹⁾ kể từ lần sau cùng ta gặp nhau.

- Bả y thôi.

- Quả thế. Lẽ ra tôi phải suy nghĩ thêm một chút. Anh chưa nói cho tôi biết là anh đã hành nghề trở lại đấy nhé!

- Phải.

- Mới đây anh bị ướm sưng; anh có một cô hầu gái vụng về và bất cẩn nhất trên đời.

- Đúng là hôm thứ năm, tôi có đi bộ ở vùng quê, nhưng mà tôi đã thay quần áo rồi. Còn về người giúp việc, cô ta quả thật bất trị, và nhà tôi đã cho cô ta nghỉ việc. Nhưng, anh suy diễn như thế nào?

Anh cười khúc khích và xoa hai bàn tay vào nhau:

- Phía bên trong chiếc giầy chân trái của anh có sáu nhát cắt gần như song song với nhau. Rõ ràng là những đường cắt đó gây ra do một người bất cẩn khi chà sát xung quanh mép gót giầy để lau bùn. Như thế chứng tỏ, anh vừa gặp thời tiết xấu, vừa có một cô hầu gái rất kém. Còn về chuyện hành nghề thì... Nếu có một người nào đó bước vào phòng tôi mà có mùi iode với một chấm nitrate bạc trên ngón tay trở của bàn tay phải và một chỗ phình ra trên cái mũ chóp cao – cho thấy nơi ông ta đã gắn cái ống nghe – thì tôi sẽ là một thằng ngu nếu không nói ngay được rằng ông ta là đồ đệ của Hippocrate.

Tôi không thể nhịn cười.

- Khi anh đưa ra những lý lẽ, thì sự thể luôn luôn hiện ra với tôi một cách giản dị đến mức buồn cười, thậm chí tôi nghĩ là mình cũng tự suy diễn được dễ dàng. Tuy vậy, mỗi lần anh đưa ra một ví dụ mới, thì tôi lại hoàn toàn mù tịt nếu anh không giảng giải phương pháp của anh. Tôi không nhìn thấy sự việc như anh chẳng?

- Có chứ, - Holmes trả lời, vừa châm điếu thuốc vừa ngả mình xuống ghế - Anh có nhìn thấy nhưng anh không quan sát. Ví dụ, anh thường thấy những bậc thang từ hành lang lên đến phòng này chứ?

- Thường thấy.

- Thường như thế nào?

- Ồ, có đến hàng trăm lần.

- Vậy nó có bao nhiêu bậc?

- Bao nhiêu ư? Tôi không biết?

- Đó, thấy chưa? Anh đã thấy nhưng anh không quan sát. Còn tôi, tôi biết chắc có 17 bậc vì tôi vừa thấy vừa quan sát nữa. Tiện thể, anh xem, có thể anh sẽ thích thú đấy – Anh ném cho tôi một tờ giấy dày màu hồng đang nằm mở ra trên bàn – Nó đến trong chuyển thư vừa rồi. Hãy đọc to lên. Mảnh giấy không đề ngày tháng, không có cả chữ ký và địa chỉ.

“Sẽ đến thăm ông tối nay, vào lúc 8 giờ kém 15. Một người

đàn ông muốn hỏi ý kiến ông về một vấn đề rất quan trọng. Những việc làm mới đây của ông nhằm phục vụ cho một trong những dòng hoàng tộc ở châu Âu đã cho thấy ông là một người đáng tin cậy. Thành tích này của ông chúng tôi đã từ khắp nơi nghe thấy... Vậy ông hãy ở trong phòng ông vào giờ đó, và xin đừng phật ý nếu người khách của ông mang mặt nạ."

- Đây quả thực là một vụ bí hiểm. Theo anh, nó có ý nghĩa gì?

- Hiện tôi chưa có dữ kiện. Lập giả thuyết khi chưa có dữ kiện là một sai lầm nghiêm trọng. Còn về mảnh giấy này, anh có suy diễn gì không?

Tôi quan sát mảnh giấy và chữ viết



- Người đàn ông này có vẻ khá giả - Tôi nhận xét, cố gắng bắt chước tiến trình lý luận của Holmes - Thứ giấy này rất đắt giá. Chất giấy bền và cứng một cách đặc biệt.

- Đặc biệt. Đúng như thế, không phải là giấy sản xuất tại Anh. Đưa lên ánh sáng thử xem.

Tôi làm theo lời anh và thấy một chữ "E" lớn với một chữ "g" nhỏ, chữ "P" và một chữ "G" lớn với một chữ "t" nhỏ lồng vào nhau

- Anh suy ra được điều gì?

- Chắc chắn là tên nhà sản xuất.

- Không phải đâu. Chữ "G" và chữ "t" là viết tắt của "Gesellschaft", tiếng Đức có nghĩa là "Công ty". Nó giống như ta thường dùng chữ "Co." vậy. "P" dĩ nhiên thay cho "Papier". Bây giờ đến chữ "Eg.". Tra trong Từ điển địa lý ²⁾ xem sao.

- Anh lấy xuống một quyển sách to tướng từ trên kệ sách – Eglow, Eglonizt... Đây rồi, Egria. Một vùng nói tiếng Đức, tại xứ Bohemia, cách Carlasd không xa. Nổi tiếng nhờ Wallenstein tạ thế tại đó, và nhờ có rất nhiều nhà máy thủy tinh, nhà máy giấy. Ha ha, bạn ơi, bạn có thấy gì không?

- Giấy sản xuất tại Bohemia.

- Chính xác. Và người đàn ông viết những dòng chữ này là một người Đức. Anh có thấy cấu trúc câu "Thành tích này của ông chúng tôi đã từ khắp nơi nghe thấy". Người Pháp và người Nga không có cách viết như vậy. Chỉ có người Đức mới sử dụng động từ ở cuối câu. Bởi vậy, bây giờ chỉ cần tìm xem cái gã người Đức thích đeo mặt nạ này muốn gì.

Trong khi anh nói, có tiếng vó ngựa lọc cọc và tiếng xe nghiền trên mặt đường, theo sau là tiếng chuông giật mạnh. Holmes húyt sáo:

- Một cặp, theo tiếng động - Anh nói, nhìn ra cửa sổ - Một xe song mã và một cặp ngựa đẹp. Vụ này kiếm được khá tiếng đấy, Watson ạ.

- Thôi, tôi xin phép cáo từ vậy.

- Bạn ơi, cứ ngồi đây. Vụ này hứa hẹn đấy. Bỏ qua rất phí.

- Nhưng còn ông khách của anh ...

- Đừng bận tâm đến ông ta. Có lẽ tôi cần sự trợ giúp của anh và ông ta cũng thế. Hãy ngồi xuống đi và theo dõi xem.

Tiếng bước chân chậm rãi và nặng nề vang lên trên cầu thang và nơi hành lang, ngừng lại ngay phía ngoài cửa lớn. Rồi tiếng gõ mạnh. đầy uy quyền.

- Xin mời vào – Holmes nói.

Một người đàn ông bước vào. Ông ta cao gần 6 feet rưỡi ³⁾, có bộ ngực và tay chân to lớn của một chàng Hercules. Y phục đắt tiền, diêm dúa, một cái áo choàng dài màu xanh đậm, choàng qua hai vai, được thêu bằng lụa màu ngọn lửa. Giày ủng cao lưng chùng bấp đùì, ống ủng được viền bằng lông thú đắt tiền. Ông cầm trên tay một chiếc mũ rộng vành, đeo mặt nạ che phần trên mặt, kéo dài xuống tận hai gò má.



- Ông nhận được mảnh giấy của tôi rồi chứ? – Ông ta hỏi bằng giọng trầm, khàn khàn, phát âm rõ rệt là giọng Đức, ông ta nhìn tôi rồi lại nhìn Holmes, hình như không biết phải nói với ai.

- Xin mời ông ngồi. Đây là bạn và là người cộng sự của tôi, bác sĩ Watson. Tôi được hân hạnh hầu chuyện với ai thế nhỉ?



- Ông có thể gọi tôi là Bá tước Von Kramm, quý tộc xứ Bohemia. Tôi hiểu rằng, vị này, bạn ông là một người đáng trọng, người tôi có thể tin cậy, phó thác một vấn đề vô cùng trọng đại. Nếu không đúng như thế, thì tôi muốn nói chuyện với một mình ông thôi.

Tôi nhồm dậy để đi, nhưng Holmes chộp lấy cổ tay tôi và đẩy tôi trở lại ghế.

- Ông có thể nói trước mặt anh bạn này bất cứ điều gì ông có thể nói với tôi.

Vị bá tước nhún đôi vai to lớn của ông ta.

- Vậy thì, trước hết tôi buộc lòng phải xin hai ông giữ hoàn toàn bí mật chuyện này trong vòng hai năm, sau thời gian đó, vấn đề sẽ không quan trọng nữa.

- Tôi xin hứa – Holmes nói.

- Xin các ông thông cảm cho việc tôi phải dùng cái mặt nạ này. Con người uy nghi lẫm liệt, chủ của tôi, muốn rằng kẻ thay mặt cho ông phải giữ bí mật chân tướng, và tôi có thể thú thật ngay rằng cái tước hiệu mà tôi tự xưng khi này, thì không hoàn toàn chính xác là tước hiệu của chính tôi.

- Tôi biết – Holmes nói giọng tỉnh bơ.

- Nói trắng ra, vấn đề này có liên quan đến dòng họ Ormstein vĩ đại, những vị vua kế thừa của xứ Bohemia.

- Điều này, tôi cũng đã biết – Holmes nói nhỏ, ngồi xuống ghế bành và nhắm mắt lại.

Vị khách của chúng tôi lộ vẻ kinh ngạc liếc nhìn người đàn ông có dáng điệu mệt mỏi, uể oải đang ngồi trước mặt ông ta. Holmes từ từ mở mắt ra và nhìn ông khách to lớn của anh bằng cái nhìn cau có.

- Nếu Bệ hạ chịu khó nhún mình để trình bày sự việc của ngài, thì tôi mới có thể phục vụ ngài tốt hơn.

Người đàn ông nháy lên khỏi ghế và chậm rãi đi lại trong phòng với vẻ hốt hoảng tột độ. Rồi với một cử chỉ tuyệt vọng, ông ta xé tan cái mặt nạ và liệng nó xuống đất.

- Ông nói đúng – Ông ta kêu lên – Ta là vua. Tại sao ta lại phải tìm cách che dấu điều đó?



- Đúng thế. Tại sao phải dấu? - Holmes thì thào - Bệ hạ không nói thì tôi cũng đã biết tôi đang hân hạnh hầu chuyện với ngài Wilhelm Gottsreich Sigismond von Ormstein, Đại Công tước xứ Cassel-Falstein, vua kế vị xứ Bohemia.

- Nhưng xin các ông thông cảm cho - Vị khách nói. Ông ta lại ngồi xuống và đưa tay xoa lên vầng trán - Xin các ông hiểu cho, tôi không quen đích thân làm một công việc như thế này. Song vấn đề quá tế nhị đến mức tôi không thể giao phó cho một ai. Tôi đi thẳng từ Praha ⁴⁾ đến đây để nghe lời khuyên của các ông

- Vậy xin bệ hạ hãy trình bày câu chuyện - Holmes nói, lại nhắm mắt lại.

- Tóm tắt câu chuyện như thế này: Năm năm trước đây, trong một lần thăm viếng Vacsava ⁵⁾, tôi đã làm quen với Irène Adler. Cái tên đó chắc không xa lạ với ông.

- Bác sĩ làm ơn tra giùm tôi quyển danh mục - Holmes nói trong

lúc vẫn nhắm mắt

Đã nhiều năm nay, anh đã thiết lập được một hệ thống hồ sơ gồm những mục nói về người và việc, đến nỗi khó có một đề tài nào hoặc một nhân vật nào mà anh không thể cung cấp ngay tư liệu.

- Đưa tôi xem nào – Holmes nói - Hừm! “Sinh tại New Jersey năm 1858. Giọng nữ trầm ⁶⁾. Hừm... La Scala, vai nữ chính của Nhà hát Opera Hoàng gia Vacsava. Vâng, đã rời rời sân khấu. Ha! Đang sống tại London”. Đúng thế, theo tôi biết thì bộ hạ đã đan dít với cô gái trẻ này, đã viết những lá thư tai hại, và bây giờ muốn lấy lại những lá thư ấy, đúng không?

- Đúng vậy. Nhưng làm thế nào...

- Có hôn nhân bí mật không?

- Không.

- Có giấy tờ pháp lý nào không?

- Không.

- Vậy thì nếu cô ta trưng ra những lá thư nợ để tổng tiền hoặc với một mục đích khác thì cô ta sẽ chứng minh sự xác thực của chúng như thế nào?

- Có chữ viết.

- Úi chà! Có thể giả mạo.

- Loại giấy viết riêng của tôi.

- Có thể đánh cắp.

- Con dấu của tôi.

- Có thể bắt chước.

- Tấm hình của tôi.

- Có thể mua.

- Chúng tôi chụp chung trên tấm ảnh đấy.

- Ôi chao! Thật tai hại! Bệ hạ đã phạm phải một sự hổ hênh thật đáng tiếc.

- Tôi đã yêu điên cuồng.

- Ngài đã tự hại mình một cách nghiêm trọng.

- Lúc ấy tôi chỉ là một hoàng thái tử trẻ mới có 30 tuổi.

- Phải lấy lại.

- Chúng tôi đã cố hết sức, nhưng đều thất bại.

- Bệ hạ phải chi tiền. Phải mua lại nó.

- Cô ta không bán.

- Vậy phải đánh cắp.

- Đã 5 lần thực hiện phương án đó. Hai lần tôi thuê những tên trộm lục soát nhà cô ta. Một lần chúng tôi đánh lạc hướng hành lý của cô ta khi cô ta đi du lịch. Hai lần cô ta bị đột kích, nhưng tất cả đều không có kết quả.

- Không thấy tấm hơi tấm ảnh đâu cả?

- Hoàn toàn không.

- Thật là một vấn đề khá rắc rối đối với tôi – Holmes cười, nói.

- Nhưng đối với tôi, đó là một vấn đề nghiêm trọng - Vị khách trách móc.

- Cô ta dự định làm gì với tấm ảnh.

- Để làm hại tôi.

- Nhưng bằng cách nào?

- Tôi sắp cưới vợ.

- Tôi đã nghe chuyện đó.

- Tôi sắp cưới Clotilde Lothman von Saxe-Meningen, con gái thứ

hai của vua Scandinavia. Chắc ông cũng biết lễ giáo khe khắc của gia đình này. Bản thân cô ấy cũng là một người nhạy cảm.

- Còn Irène Adler?

- Cô ta dọa sẽ gửi tấm ảnh cho gia đình vợ tôi, và tôi biết chắc cô ta sẽ làm. Cô ta có khuôn mặt của một người phụ nữ đẹp nhất nhưng lại có khối óc của một người đàn ông cương quyết nhất.

- Ngài có chắc là cô ta chưa gửi nó đi.

- Chắc chắn.

- Tại sao?

- Cô ta nói rằng sẽ gửi nó đi vào ngày mà lễ đính hôn được công bố. Đó sẽ là ngày thứ Hai tuần tới.

- Vậy thì chúng ta chỉ còn có 3 ngày. Bệ hạ vẫn còn lưu lại London chứ?

- Chắc chắn rồi. Ông sẽ tìm thấy tôi tại khách sạn Langham dưới tên bá tước Von Kramm.

- Vậy thì tôi sẽ gửi cho ngài một vài dòng để thông báo tiến trình công việc.

- Xin cho tôi biết tin. Tôi rất sốt ruột.

- Còn chuyện thù lao thế nào? Thưa ngài?

- Ông sẽ nhận được ngân phiếu trắng.

- Tuyệt đối?

- Tôi chịu mất một địa phận vương quốc của tôi để có tấm ảnh đó.

- Còn việc chi tiêu hiện giờ?

Ông vua lấy một cái túi bằng da sơn dương từ bên dưới áo choàng và đặt nó lên bàn.

- Có ba trăm pound bằng tiền vàng và bảy trăm tiền giấy.

Holmes nguệch ngoạc ký vào một tờ biên nhận trong quyển sổ tay của anh và trao lại cho ông ta.

- Còn địa chỉ của cô ta?
- Biệt thự Briony Lodge, đại lộ Serpentine, St. John s Wood.
- Một câu hỏi nữa. Tấm ảnh to cỡ cái tráp đựng nữ trang.
- Đúng thế.
- Bây giờ, xin tạm biệt Bệ hạ. Tôi sẽ có ngay những tin tức tốt.

Khi chiếc xe chạy khuất xuống phố, anh nói:

- Tạm biệt nhé, Watson, chiều mai hãy ghé tôi, lúc ba giờ chiều. Tôi muốn bàn bạc vấn đề nho nhỏ này với anh.

2

Đúng ba giờ chiều, tôi đã ở phố Baker nhưng Holmes chưa trở lại. Bà chủ nhà báo cho tôi biết, sáng nay anh đã rời nhà sau tám giờ một chút. Tôi ngồi xuống cạnh lò sưởi, có ý đợi anh. Tôi đã quan tâm sâu sắc đến cuộc điều tra này.

Gần bốn giờ chiều thì cửa lớn mở và một tay giữ ngựa có dáng say rượu, tóc tai bờm xờm và có râu mép, mặt đỏ bừng, áo quần xộc xệch bước vào. Mặc dù rất quen thuộc với khả năng hoá trang tuyệt diệu của Holmes, nhưng phải nhìn đi nhìn lại ba lượt tôi mới chắc chắn đó là anh. Với một cái gật đầu, anh biến mất vào phòng ngủ, năm phút sau anh hiện ra trong bộ đồ bằng vải tuyết chỉnh tề, như thường lệ. Đặt hai tay vào túi, anh duỗi chân ra đằng trước lò sưởi và cười ha hả trong vài phút.



- Ồ! - Anh kêu lên, rồi cười sặc sụa, cho đến khi nằm rũ ra trong

ghế.

- Cái gì thế, anh bạn?

- Thật buồn cười. Tôi chắc là anh sẽ không bao giờ đoán được là tôi đã sử dụng buổi sáng như thế nào, và sau cùng tôi đã làm gì.

- Có lẽ anh đã quan sát những thói quen và ngôi nhà của Irène.

- Đúng như vậy. Nhưng tiến trình thì hơi khác thường. Tôi rời nhà sau tám giờ một chút đóng vai một anh chàng thất nghiệp. Chẳng bao lâu tôi tìm thấy biệt thự của cô ta. Đó là một biệt thự nhỏ, xinh, có vườn phía sau, mặt tiền được xây nhô ra tận đường cái, có hai tầng. Cửa sổ có ổ khoá tròn. Phòng khách ở phía bên phải, trang bị tiện nghi với những cửa sổ dài xuống gần tới sát sàn, chốt cửa dễ mở. Phía sau không có gì đáng chú ý, trừ ra những cửa sổ nhỏ nơi hành lang, đứng từ nóc nhà để xe ngựa có thể với tới. Tôi đi xung quanh ngôi nhà, quan sát nó từ mọi vị trí, nhưng không ghi nhận được một cái gì đáng kể. Tôi đi thơ thẩn xuống phố và phát hiện ra một cái chuồng ngựa trong một con hẻm chạy xuống cạnh một bờ tường của khu vườn. Tôi giúp những gã giữ ngựa một tay để họ tắm ngựa. Về khoản thù lao, tôi nhận được hai xu, một ly rượu pha, hai gói thuốc lá và những tin tức mà tôi muốn biết về cô ta.

- Còn cô ta thì thế nào?

- Ô! “Đó là người phụ nữ kiêu diễm nhất trên hành tinh”. Những người ở xóm chuồng ngựa nói như vậy. Cô ta sống lạng lẽ, hát tại những buổi hoà nhạc, mỗi ngày đánh xe ra khỏi nhà lúc năm giờ sáng, và trở về lúc bảy giờ đúng. Ít khi ra khỏi nhà vào những giờ khác, trừ khi đi hát. Chỉ có một người khách nam giới, nhưng anh ta đến thường xuyên. Đó là ông Norton. Khi tôi đã nghe hết những gì mà tôi cần biết, tôi bắt đầu đi tới đi lui gần biệt thự một lần nữa và xem xét các kế hoạch của tôi. Anh chàng Norton này đến thăm một ngày hai lần với mục đích gì? Phải chăng Irène là thân chủ của anh ta, là bạn, là người yêu? Nếu là thân chủ, có lẽ cô ta đã giao tấm hình cho anh ta giữ. Nếu là bạn thì ít có khả năng đó.

Tôi phân vân, không biết nên tiếp tục công việc ở nhà cô gái, hay quay sang anh chàng luật sư. Tôi đang cân nhắc mọi vấn đề trong

đầu, thì một xe song mã chạy đến biệt thự, cô ta và một gã đàn ông nhảy ra, rất vội vàng, bảo tài xế đợi. Bà quản gia mở cửa, anh ta chạy vụt vào với cái vẻ hoàn toàn tự nhiên như ở nhà mình. Anh ta ở trong nhà khoảng nửa tiếng, tôi có thể thấy anh ta nơi cửa sổ phòng khách, đi đi lại lại, nói năng rồi rít và vẫy cánh tay. Về phần cô ta, tôi không nghe thấy gì. Bỗng anh ta hiện ra, trông có vẻ bồn chồn hơn trước. Khi bước lên xe ngựa, anh ta kéo một cái đồng hồ vàng từ trong túi ra và nhìn vào nó, ra dáng sốt ruột.

“Chạy nhanh, thật nhanh lên” - Anh ta quát to – “Đến ngay nhà thờ Sainte Monique. Nửa đồng guinée ⁷⁾, nếu có thể đến trong hai mươi phút?”. Xe chạy đi.

Khi tôi đang tự hỏi có nên theo họ không, thì một chiếc xe nhỏ bé, xinh xắn từ đường hẻm chạy lên. Xe vừa đến nơi thì cô ta chạy bắn ra từ cửa hành lang và nhảy lên xe.

“Đến nhà thờ Sainte Monique” - Cô ta kêu lên – “Nửa đồng souverain ⁸⁾ nếu đến đó trong hai mươi phút?”

Tôi đang tự hỏi, không biết nên chạy theo xe hay leo lên phía sau xe thì có một chiếc xe băng qua đường phố. Bác tài xế nhìn hai lần vào ông khách rách rưới, nhưng tôi đã nhảy vào xe trước khi bác ta phản đối.

“Đến nhà thờ Sainte Monique” - Tôi nói – “Nửa đồng souverain, nếu đến đó trong hai mươi phút?”. Lúc ấy là mười hai giờ kém hai mươi.

Khi tôi đến, hai chiếc xe với những con ngựa đang thở phì phì và đang ở trước cửa lớn. Tôi trả tiền xe và vội vã đi vào nhà thờ. Trong nhà thờ không có ai ngoài hai người và một ông linh mục. Hình như ông linh mục đang giảng cho họ một điều gì đó. Ba người đứng thành hình một cái nút thắt phía trước bàn thờ. Tôi đi thò thân nơi lối đi hai bên như bất cứ một gã nhàn rỗi nào tình cờ bước vào nhà thờ. Bỗng nhiên, ba người tại bàn thờ quay lại nhìn tôi và Norton chạy ba chân bốn cẳng về phía tôi.

“Cám ơn Chúa” - Anh ta kêu lên – “Có bác là đủ. Xin bác làm ơn đến đây.”

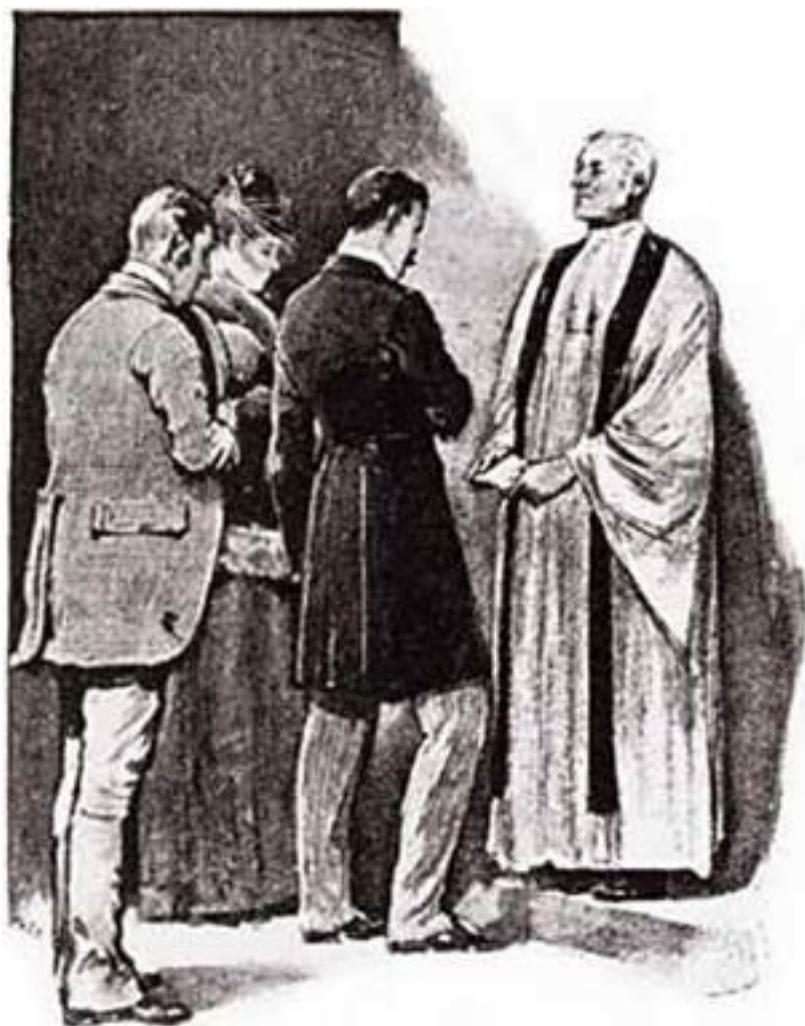
“Cái gì vậy?” - Tôi hỏi.

“Xin bác đến giúp cho. Chỉ ba phút thôi. Nếu không thì không đúng phép”.



Tôi gần như bị lôi đến bàn thờ. Trước khi biết mình đang ở đâu, tôi thấy mình lăm bắm những câu trả lời (đã được thì thầm vào tai tôi) và thề thốt về những điều mà tôi chẳng biết ất giáp gì cả.

Nói chung, tôi là người làm chứng cho cuộc hôn lễ giữa cô dâu và chú rể. Dường như lễ cưới của họ có một cái gì đó chưa đúng phép và ông linh mục dứt khoát từ chối làm phép cưới mà không có một nhân chứng bất kỳ nào đó; sự xuất hiện của tôi khiến cho chú rể khỏi mất công chạy ra phố kiếm một chàng phù rể. Cô dâu trao cho tôi một đồng souverain và tôi có ý đeo nó lên dây đồng hồ để kỷ niệm.



- Đây là một điều bất ngờ, một bước ngoặt của sự việc và rồi cái gì đã xảy ra? - Tôi hỏi.

- Có vẻ như họ sắp lên đường ngay lập tức, và bởi thế, tôi phải có những biện pháp rất gấp rút và thích hợp. Tại cửa lớn nhà thờ, họ chia tay nhau. "Em sẽ đi xe ra công viên vào lúc năm giờ như thường lệ", cô ta nói, khi chia tay. Tôi không nghe thấy gì nữa. Họ đi xe về hai hướng khác nhau, và tôi cũng đi để thu xếp công việc của mình.

- Thu xếp cái gì thế?

- Vài miếng bít tết nguội và một ly nước - Anh nói, tay rung chuông - Tôi bận quá không nghĩ đến chuyện ăn uống. Chiều nay, chắc còn bận rộn hơn nữa. Nhân thể tôi cần được anh giúp đỡ?

- Rất thú vị.

- Anh không ngại làm chuyện phi pháp chứ?

- Hoàn toàn không!

- Có thể bị bắt giữ, chịu được chứ?

- Nếu vì một mục đích tốt đẹp.

- Ồ, mục đích rất tuyệt diệu!

- Vậy thì sẵn sàng.

- Tôi rất tin anh.

- Nhưng anh cần gì ở tôi?

- Xin lỗi, tôi phải bàn chuyện đó trong khi ăn. Trong hai tiếng đồng hồ nữa, chúng ta sẽ ở hiện trường. Cô Irène sẽ trở về nhà lúc bảy giờ. Chúng ta phải có mặt tại đó để gặp cô ta.

- Rồi làm gì nữa?

- Anh cứ để việc đấy cho tôi. Anh không được can thiệp, dù xảy ra chuyện gì đi nữa. Anh hiểu chứ?

- Hiểu.

- Công việc bắt đầu khi người ta đưa tôi vào nhà cô ta. Bốn, năm phút sau đó, cửa sổ phòng khách sẽ mở ra. Anh sẽ đứng trụ gần sát cánh cửa sổ mở ấy.

- Vâng.

- Anh phải theo dõi tôi luôn.

- Vâng.

- Và khi tôi đưa bàn tay lên, anh sẽ ném vào phòng cái mà tôi trao cho anh, và cùng lúc ấy, anh kêu báo động: "Cháy, cháy!".

- Hoàn toàn rõ.

- Chẳng có gì khủng khiếp - Anh nói, lấy trong túi ra một cuộn tròn có hình điệu xì gà - Đây là một thứ lựu đạn khói bình thường. Công tác của anh chỉ có thế. Khi anh kêu báo động cháy, nhiều người khác

sẽ tiếp tục kêu báo động. Rồi sau đó anh có thể đi bộ đến cuối phố, chờ tôi trong mười phút.

- Những chuyện đó tôi làm được.

- Tuyệt lắm!



Anh biến mất vào phòng ngủ, một vài phút sau hiện ra trong vai một mục sư Tin lành chất phác và dễ mến. Cái mũ đen rộng thùng thình, cà vạt trắng, nụ cười dễ mến, thái độ sốt sắng, ân cần ít ai bì.

Trời đã hoàng hôn và những ngọn đèn mới được thắp sáng lúc chúng tôi đi đi lại lại phía trước biệt thự. Có một nhóm đàn ông ăn mặc xấu xếch đang hút thuốc và cười đùa, trong một góc có một thợ mài kéo với cái bánh xe của ông ta, hai người gác đàn đứng đùa giỡn với một cô vú trẻ, và dăm bảy chàng thanh niên ăn vận bánh bao đang thơ thẩn lui tới, miệng ngậm xì gà.

- Anh thấy đó. Bây giờ tấm ảnh trở thành một con dao hai lưỡi. Cô

ta không thích ông Norton nhìn thấy nó, cũng như vị vua không muốn vợ sắp cưới của ông ta nhìn thấy. Bây giờ, câu hỏi là chúng ta phải tìm tấm ảnh ở đâu?

- Nó ở đâu?

- Nó quá lớn, khó giấu vào áo phụ nữ, chắc cô thì không mang nó bên mình.

- Vậy nó ở đâu?

- Nơi người chủ nhà băng hoặc người luật sư. Nhưng phụ nữ chỉ tin tưởng vào chính mình. Và lại, cô ta đã quyết tâm sử dụng nó trong một vài ngày tới đây, vậy nó phải ở cái nơi mà cô ta có thể lấy được dễ dàng: ngay trong nhà cô ta.

- Nhưng đã hai lần người ta tìm cách đánh cắp nó rồi kia mà.

- Ồ, họ không biết cách tìm.

- Nhưng anh sẽ tìm bằng cách nào?

- Tôi sẽ không cần tìm.

- Vậy thì...

- Tôi buộc cô ta phải chỉ chỗ cất giấu tấm hình.

- Nhưng, cô ta sẽ từ chối.

- Cô ta không thể từ chối. Kia kìa, xe cô ta đến đây! Nhớ lời tôi dặn nhé.

Khi anh nói, ánh đèn bên hông của một chiếc xe ngựa chiếu ra từ một khúc queo của đại lộ. Khi xe đỗ lại, một trong những tên lang thang từ góc phố nhào ra để mở cánh cửa, với hy vọng kiếm được một chút cháo, nhưng lại bị một tên khác chen lấn, hấn ta cũng đã lao tới cùng với một mục đích như vậy. Một cuộc xô xát dữ dội xảy ra. Hai gã gác đàn nhảy vào hỗ trợ một tên, còn người thợ mài kéo trợ lực tên kia. Cô gái vừa xuống xe đã bị kẹt vào giữa đám đông. Bọn đàn ông mặt đỏ như đang đánh loạn xạ vào nhau bằng tay và gậy. Holmes nhào vào đám đông để che chở cho người phụ nữ.

Nhưng vừa đến gần cô ta thì anh kêu lên một tiếng và ngã xuống, máu chảy ròng ròng xuống mặt. Hai gã gác đàn hoảng hốt, bỏ chạy về một phía, và những tên vô lại chạy về phía bên kia, trong khi đó, một số người ăn vận bảnh bao - từ nãy giờ đứng ngoài quan sát - ùa vào trợ giúp người phụ nữ và chăm sóc kẻ bị thương. Irène vội vã đi lên những bậc cấp, song vẫn đứng ở bậc cấp trên cùng, nhìn ra đường phố.



- Ông ta có bị thương không? - Cô ta hỏi.

- Ông ấy chết rồi? - Một vài giọng kêu lên.

- Không, không, ông ta còn thoi thóp - Một người khác quát to - Nhưng ông ta sẽ chết trước khi đến bệnh viện.

- Ông ta rất dũng cảm - Một người phụ nữ nói - Hẳn chúng nó đã lấy mất cái ví và cái đồng hồ của bà ta, nếu ông ấy không đến cứu. Đó là một bọn cướp táo tợn. À, bây giờ, ông ta đang thở.

- Không thể để ông ta nằm trên đường phố được. Chúng tôi có thể đưa ông ta vào nhà không, thưa bà?

- Được xin đi lối này!



Holmes được đưa vào biệt thự và đặt nằm trong phòng chính, trong khi tôi vẫn quan sát diễn biến từ bên cạnh cửa sổ. Đèn đã được thắp sáng, nhưng các tấm rèm chưa được vén lên, để tôi có thể thấy Holmes nằm trên đi-văng. Trong đời, tôi chưa bao giờ thấy xấu hổ cho bằng khi nhìn thấy người phụ nữ xinh đẹp này, người mà tôi đang âm mưu gài bẫy để chống lại. Cũng thật xấu hổ khi thấy sự tử tế và ân cần biểu lộ ra trong việc chăm sóc kẻ bị thương. Song, nếu rút khỏi vai trò mà Holmes đã giao phó cho tôi, thì tôi lại phản bạn. Tôi lấy quả lựu đạn khói ra khỏi cái áo choàng dài và rộng. Dù sao đi nữa, chúng tôi cũng không gây thương tích cho cô ta. Chúng tôi chỉ ngăn chặn, không cho cô ta làm hại đến người khác thôi.

Holmes đã ngồi dậy trên đi-văng, tôi thấy anh ra hiệu như một

người đang cần không khí. Một cô tớ gái chạy bằng tới và mở tung cửa sổ. Cùng lúc ấy tôi thấy anh đưa tay lên. Tôi liền ném quả lựu đạn khói vào phòng và kêu lên: "Cháy! Cháy!". Ngay lập tức đám đông đang đứng đó cùng đồng thanh kêu to: "Cháy! Cháy!". Những đám khói dày đặc cuộn cuộn dâng lên trong phòng và tuôn ra ngoài. Tôi thoáng thấy những bóng người chạy vụt đi, một lát sau đó, nghe giọng nói của Holmes từ bên trong, trấn an mọi người rằng đó chỉ là báo động nhầm. Len lỏi qua đám đông đang hò hét, tôi tìm đường đến góc phố. Mười phút sau, tôi sung sướng thấy cánh tay Holmes đang trong tay tôi. Chúng tôi đi nhanh và im lặng trong một vài phút cho đến khi xuống tới một trong những đường phố yên tĩnh.

- Anh hành động rất tốt.
- Anh có tấm ảnh rồi ư?
- Tôi đã biết nó ở đâu.
- Làm sao anh biết.
- Cô ấy chỉ cho tôi, tôi đã nói rồi mà.
- Tôi vẫn chưa hiểu gì.
- Anh đã thấy, mọi người trên phố đều là người của tôi.
- Tôi cũng đoán như thế.
- Khi cuộc ẩu đả nổ ra, tôi để một chút thuốc màu đỏ trong lòng bàn tay. Tôi chạy vụt ra phía trước, ngã xuống, đập tay lên mặt.
- Điều ấy, tôi cũng đoán được.
- Cô ta buộc phải cho tôi vào phòng khách. Tấm ảnh có khả năng nằm giữa phòng ngủ và phòng khách. Người ta đặt tôi lên cái đi-văng. Tôi ra hiệu cần không khí, họ buộc phải mở cửa sổ, và anh đã có cơ hội để hành động.
- Việc ấy giúp anh như thế nào?
- Khi người phụ nữ nghĩ rằng ngôi nhà cô ta đang cháy, theo bản năng, cô ta sẽ lao tới cái mà cô ta cho là quý nhất. Một phụ nữ có

chồng thì chộp lấy đứa con, cô chưa chồng thì với lấy hộp nữ trang; đối với Irène, cô ta chạy tới để cứu lấy tấm ảnh. Báo động cháy đã được thực hiện một cách đáng khâm phục. Khói và tiếng reo hò cũng đủ lay động một bộ thần kinh bằng thép. Tấm ảnh ở trong một góc phía sau tấm pa-nô trượt, chính ngay trên dây chuông bên phải. Thoắt một cái cô ta đã ở đó, và tôi kêu to rằng đó là báo động nhầm, cô ta đặt nó vào chỗ cũ, liếc nhìn quả lựu đạn, chạy vội ra khỏi phòng. Tôi đứng dậy, nói lời cáo từ và thoát ra khỏi nhà. Tôi lưỡng lự, không biết có nên lấy tấm ảnh ngay hay không, nhưng người tài xế đã đi vào, ông ta nhìn tôi một cách chăm chú...

- Và bây giờ?

- Bọn mình sẽ ghé thăm thân chủ của chúng ta. Có thể nhà vua sẽ tha lỗi khi ngài tự tay lấy lại nó.

- Bao giờ anh đến đó?

- Lúc tám giờ sáng mai. Cô ta sẽ chưa dậy, nhờ vậy mà chúng ta rảnh tay để hành động. Tôi phải đánh điện cho nhà vua ngay.

Chúng tôi đã về tới phố Baker và đã ngừng lại ở cửa lớn. Holmes đang lục túi tìm chìa khoá thì có một người đi ngang qua nói:



- Chào ông Sherlock Holmes, chúc ông ngủ ngon.

Lúc đó có dăm bảy người trên vệ đường, nhưng lời chào hình như đến từ một chàng trai mảnh khảnh trong chiếc áo choàng dài vừa mới vội vã đi qua.

- Tôi đã có lần nghe giọng nói ấy - Holmes nói, trở mắt nhìn xuống đường phố mờ mờ ánh đèn - Bây giờ, tôi đang tự hỏi, người ấy là ai?

3

Đêm ấy tôi ngủ tại phố Baker. Sáng hôm sau, khi chúng úng tôi đang ăn điểm tâm, thì nhà vua chạy vụt vào phòng.

- Ông đã lấy được nó? - Ông ta kêu lên, nắm chặt hai vai Holmes.
- Chưa đâu.
- Nhưng có hy vọng?
- Có.
- Vậy thì đi. Xe của tôi đang đợi.
- Tốt lắm!

Chúng tôi xuống cầu thang, lên xe ngựa tiến về biệt thự của cô gái.

- Nàng đã lấy chồng.
- Lấy chồng? Bao giờ vậy?
- Hôm qua.
- Nhưng lấy ai?
- Một luật sư người Anh.
- Cô ta không yêu anh ta chứ?
- Tôi hy vọng là cô ta yêu anh ta.
- Tại sao lại hy vọng?

- Bởi vì chuyện ấy sẽ tránh cho Bệ hạ mọi chuyện rắc rối trong tương lai. Nếu người phụ nữ ấy yêu chồng, tức là nàng không yêu Bệ hạ. Nếu nàng đã không yêu Bệ hạ, thì không có lý do gì mà nàng lại can thiệp vào kế hoạch của Bệ hạ.

- Đúng vậy! Ồ, nếu tôi chọn cô ta làm hoàng hậu, thì cô ta sẽ là một vị hoàng hậu tuyệt vời biết bao?

Ông ta lại chìm vào im lặng trầm tư, một sự im lặng chỉ bị phá vỡ khi xe chạy đến nơi.

Cửa biệt thự mở ra. Một người đàn bà đứng tuổi đang đứng trên những bậc thềm. Bà ta nhìn chúng tôi bằng cái nhìn giễu cợt khi chúng tôi từ trên xe bước xuống.

- Ông là Sherlock Holmes, phải không?

- Tôi là Holmes - Bạn tôi đáp và nhìn bà ta bằng một cái nhìn dò hỏi, sững sốt.

- Thật chẳng sai? Bà chủ tôi bảo rằng thế nào ông cũng ghé đến. Sáng nay ông bà chủ tôi đã lên đường sang châu Âu.

- Cái gì? - Holmes lão đảo muốn ngã ra - Cô ta đã rời nước Anh?

- Vâng! Không bao giờ trở lại nữa.

- Còn giấy tờ? - Ông vua hỏi, giọng khàn khàn - Tất cả đều bị mất rồi ư?

- Chúng ta vào xem.

Anh đi băng qua bà quản gia và chạy vội vào phòng khách. Theo sau là nhà vua và tôi. Đồ đạc tung toé khắp nơi, những cái kệ trống rỗng, những ngăn kéo mở, hình như người phụ nữ đã lục lọi một cách vội vã trước khi ra đi. Holmes lao tới cái dây chuông, kéo cái cửa pa-nô trượt xuống và thọc tay vào, kéo ra một tấm ảnh và một lá thư. Đó là tấm ảnh của chính nàng Irène Adler mặc dạ phục.

Lá thư gửi cho "Ngài Sherlock Holmes".

“ÔNG SHERLOCK HOLMES THÂN MẾN,

Thật ra ông đã hành động rất khéo léo. Ông hoàn toàn đánh lừa được tôi. Cho đến sau khi nghe báo động lửa, tôi vẫn không mảy may ngờ vực. Nhưng, khi tôi đã phát hiện ra tôi đã tự làm lộ chuyện của mình thì tôi bắt đầu suy nghĩ. Từ mấy tháng trước,

người ta đã báo cho tôi biết phải đề phòng ông. Tôi đã được báo tin rằng nếu nhà vua thuê một thám tử, thì chắc chắn người đó phải là ông. Và người ta đã cho tôi địa chỉ của ông. Thế mà, sau cùng ông vẫn buộc tôi phải tiết lộ cho ông cái mà ông muôn biết. Thậm chí, sau khi bắt đầu ngờ vực tôi cũng thấy khó mà nghĩ xấu về ông mục sư tốt bụng.

Nhưng ông biết đấy, tôi cũng đã được huấn luyện trong nghề diễn viên. Y phục nam giới đối với tôi chẳng có gì xa lạ. Trước đây, tôi thường cải trang để sinh hoạt thoải mái hơn. Nhờ có bác tài xế canh chừng ông, tôi chạy lên tầng trên, mặc y phục của đàn ông rồi theo đến nhà của ông để biết chắc chắn rằng ông đang theo dõi tôi. Hơi liêu lĩnh một chút, tôi đã chào ông, chúc ông ngủ ngon giấc, rồi đi đến Temple để gặp chồng tôi. Cả hai chúng tôi đều nghĩ rằng, tốt nhất là tẩu thoát còn hơn ở lại mà bị theo đuổi bởi một đối thủ kinh khủng như ông. Như vậy, ông sẽ tìm thấy chiếc hộp trống không. Còn về tấm ảnh, thân chủ của ông có thể yên tâm. Tôi đang yêu và được yêu bởi một người tốt hơn ông ta. Nhà vua có thể làm những gì mà ông ta muốn, và sẽ không gặp một cản trở nào về phía người phụ nữ mà ông ta đã đối xử tàn tệ. Tôi giữ tấm ảnh chỉ để tự vệ như một thứ vũ khí để chống lại toan tính nào mà ông ta có thể thực hiện được trong tương lai. Tôi để lại một tấm ảnh mà ông ta có thể muốn giữ.

Xin chân thành chào ông, ông Sherlock Holmes thân mến!

IRÈNE NORTON, NHỮ DANH ADLER”.

- Thật là một phụ nữ phi thường - Vua xứ Bohemia kêu lên, khi cả ba chúng tôi đã đọc xong lá thư - Cô ta không được ở vào giai cấp của tôi, là một điều rất đáng tiếc?

- Tôi rất tiếc là không đưa sự việc của ngài đến một kết cục thành công hơn - Holmes nói.

- Trái lại! Không có gì thành công hơn. Tôi biết rằng lời nói của cô ta chắc như đinh đóng cột. Tấm ảnh đó bây giờ an toàn như thể nó nằm trong lửa vậy.

- Tôi rất vui khi nghe Bệ hạ nói vậy.

- Tôi mang ơn ông vô cùng. Xin nói cho tôi biết, tôi có thể đền ơn ông như thế nào? Cái nhẫn này...

Ông ta tháo cái nhẫn ngọc ra khỏi ngón tay và đặt nó giữa lòng bàn tay.

- Bệ hạ có một thứ mà tôi cho là quý hơn thế nữa.

- Ông chỉ cần nói ra.



- Tấm ảnh này?

Nhà vua trở mắt nhìn anh, kinh ngạc.

- Tấm ảnh của Irène à? Sẵn sàng thôi, nếu ông muốn.

- Xin cảm ơn Bệ hạ. Vậy thì, vấn đề đã kết thúc. Tôi trân trọng chúc Bệ hạ một buổi sáng tốt đẹp.

Holmes cúi chào, và quay đi không nhìn thấy bàn tay nhà vua chìa ra cho anh.

*

Xưa nay, anh vẫn thường lấy chuyện thông minh của phụ nữ ra mà đùa cợt. Nhưng gần đây, tôi không nghe anh làm việc đó nữa. Mỗi khi nói về Irène, hoặc khi anh nhắc đến tấm ảnh của nàng, anh luôn luôn gọi nàng bằng danh hiệu cao quý: "Người Phụ Nữ".

☞

HỘI TÓC HUNG

The Red-headed League

Một hôm, tôi bước vào phòng khách thì thấy Sherlock Holmes đang say sưa trò chuyện với một người đàn ông vóc người to béo, sắc mặt hồng hào, mái tóc màu hung đỏ rực như lửa. Tôi xin lỗi vì sự đường đột và đang định quay ra, thì Sherlock Holmes đã kéo tôi vào, rồi đóng cửa lại.

- Watson thân mến, anh đến thật đúng lúc - anh nói.

- Tôi sợ anh đang bận.

- Đúng, rất bận là đằng khác.

- Vậy để tôi sang phòng bên đợi anh.

- Không sao đâu. Thưa ông Wilson, bác sỹ Watson đây là một cộng sự và là một trợ thủ của tôi trong nhiều vụ án thành công nhất. Tôi tin chắc trong vụ này ấy cũng sẽ rất hữu ích.

Người đàn ông to béo hơi nhồm dầy, gật đầu chào, liếc cặp mắt nhỏ nhìn tôi, vẻ dò xét.

- Watson thân mến - Sherlock Holmes nói - Tôi biết anh từng chia sẻ cùng tôi lòng say mê tất cả những gì bí ẩn, và trái với lẽ thường. Đây, ông Jabez Wilson có chuyện kỳ lạ nhất mà tôi từng nghe thấy trong mấy tháng nay. Ông Wilson, theo tôi, ông nên vui lòng kể lại từ đầu. Tôi yêu cầu như vậy không phải chỉ vì bác sỹ Watson, bạn tôi, chưa được nghe phần đầu, mà còn vì câu chuyện kỳ lạ này khiến tôi háo hức muốn nghe kỹ lại mọi tình tiết. Thông thường, chỉ cần nghe qua vài tình tiết là tôi đã liên tưởng đến hàng ngàn vụ tương tự mà mình còn nhớ. Nhưng với vụ này, tôi phải buộc lòng thừa nhận rằng nhiều điểm quả là có một không hai.



Ông khách hàng lôi từ túi trong chiếc áo choàng đang mặc ra một tờ báo ố bẩn, nhàu nát. Cúi người xuống, ông đưa mắt nhìn vào mục quảng cáo đăng trên tờ báo trái trên đùi. "Đây rồi", ông vừa nói vừa giơ ngón tay mập tròn, hồng hào, chỉ vào đoạn dưới nằm giữa cột quảng cáo.



- Toàn bộ câu chuyện mở đầu từ chính cái mẫu này đây. Xin ông tự đọc lấy thì hơn.

Tôi đón lấy tờ báo, rồi nhăm đọc:

“HỘI NHỮNG NGƯỜI TÓC HUNG.

Thế theo ý nguyện mà ông Ezekiah Hopkins ở Lebanon, Pennsylvania, U.S.A di chúc lại thì giờ đây, Hội cần tuyển một hội viên làm một công việc nhàn nhã với mức lương 4 bảng/tuần, trích từ các khoản tài sản của ông. Mọi người có mái tóc hung đỏ và có thể lực, trí lực tốt, trên 21 tuổi, đều có thể dự tuyển. Đơn từ xin gửi về cho ông Duncan Ross, vào sáng thứ Hai, lúc 11 giờ, tại văn phòng Hội, số 7 Pope’s Court, đường Fleet, London”.

- Chuyện quái quỷ gì thế này? - Tôi kêu lên sau khi đọc đi đọc lại hai lần mẫu quảng cáo kỳ quặc đó.



Sherlock Holmes mỉm cười:

- Chuyện khá kỳ quặc, đúng không? - anh nói. Bây giờ, ông Wilson, xin ông kể về chính ông, gia cảnh ông và ấn tượng mà mẫu quảng cáo này gây nên cho ông.

- À, thì cũng như tôi vừa kể với ông đấy, ông Sherlock Holmes - Jabez Wilson nói. Tôi có một cửa hiệu cầm đồ nhỏ, tại Coburg Square, gần khu City. Công việc làm ăn của tôi chẳng bề thế gì cho lắm, và gần đây lời lãi chỉ tạm đủ sống. Trước tôi có thể thuê hai nhân viên giúp việc, nhưng giờ thì chỉ còn dám thuê có một và cũng khó trả nổi tiền lương cho người ta, trừ phi người ấy vui lòng hưởng phần nửa mức lương thông thường, coi như để có dịp làm quen với công việc ở đây.

- Thế anh chàng sốt sắng ấy tên là gì? - Sherlock Holmes hỏi.

- Tên hắn là Vincent Spaulding. Hắn không còn trẻ nữa. Tuổi tác hắn thật khó đoán. Hắn là một nhân viên nhanh nhẹn, ông Sherlock

Holmes ạ, và tôi thừa biết hẳn dễ dàng kiếm được một công việc khá hơn thế này nhiều, lương bổng cao gấp đôi so với đồng lương mà tôi trả hiện nay. Nhưng rất cục, hẳn vẫn nhận, và nếu hẳn thấy bằng lòng, thì việc gì tôi lại gợi ý cho hẳn rằng hẳn đã chịu thiệt kia chứ?

- Đúng, chẳng ích gì thật. Xem ra ông quả tốt số khi kiếm được một tay phụ việc như hẳn. Chắc hẳn cũng đang chú ý chính mẫu quảng cáo này.

-Ồ, hẳn cũng có nhược điểm đấy - ông Wilson nói. Tôi chưa từng gặp một ai mê ảnh như gã này. Hề cao hứng là bấm máy lia lịa, rồi nhanh như một con thỏ chui tọt xuống hầm rượu in in trắng trắng những pô ảnh vừa chụp xong. Đó là nhược điểm chính của hẳn; còn nhìn chung thì hẳn rất được việc. Tôi thấy chẳng có gì đáng phàn nàn.

- Tôi đoán: chắc hiện giờ hẳn vẫn còn làm cho ông?

- Vâng, thưa ông. Hẳn với một cô bé mười bốn tuổi chỉ lo việc bếp núc và dọn dẹp. Ngoài ra nhà tôi chẳng còn ai, vì tôi không vợ không con. Ba chúng tôi sống rất bình lặng, thưa ông, cho tới lúc...

Mọi chuyện bắt đầu bị đảo lộn kể từ ngày tôi đọc được mẫu quảng cáo này. Một hôm, chuyện đó xảy ra cách đây hơn tám tuần, Spaulding bước vào cửa hiệu với tờ báo này trên tay, và nói "Ước gì tôi cũng được trời phú cho một mái tóc hung đỏ, ông Wilson ạ".



- Sao vậy? - Tôi hỏi.

- Sao ư? - hắn nói. Ông cứ đọc mẩu thông báo tuyển người của Hội Tóc Hung đây khắc rõ. Ai may mắn chắc sẽ kiếm được một gia tài nhỏ chứ chẳng phải đùa. Tôi chắc họ còn khuyết nhiều hội viên so với số người xin vào hội. Chỉ cần mái tóc tôi đổi màu là tôi sẽ sẵn sàng xin nhập hội ngay, vì đây là một công việc tôi thấy thật nhàn nhã.

- Sao, vậy nghĩa là thế nào? - tôi hỏi hắn. Ông Sherlock Holmes, ông thấy đó, vì công việc của tôi không bắt tôi phải chạy ngược chạy xuôi tìm khách hàng, nên có khi suốt mấy tuần lễ, tôi chẳng bước chân ra khỏi nhà. Vì vậy, tôi chẳng biết gì nhiều về những chuyện diễn ra xung quanh, nên bao giờ tôi cũng háo hức nghe kể những chuyện mới lạ.

- Thế đã bao giờ ông nghe nói tới Hội Tóc Hung chưa? - hắn hỏi tôi.

- Chưa bao giờ.

-Ồ, ông chính là người có thể chiếm được một trong những chỗ khuyết ấy đấy.

- Thế họ có thể kiếm được bao nhiêu? - tôi hỏi.

- À, mỗi năm chỉ vài trăm bảng thôi, nhưng được cái là công việc rất nhàn nhã, và lại không ảnh hưởng gì nhiều tới những chuyện họ đang làm.

Vâng, điều hẳn kể khiến tôi phải dỏng tai lên nghe. Mấy năm nay, công việc làm ăn của tôi không khấm khá lắm, nên cơ may kiếm thêm được vài trăm bảng quả hết sức hấp dẫn.

- Này, hãy kể hết tôi nghe những gì anh biết về cái Hội nọ. - tôi bảo hẳn.

- Vâng, - hẳn đáp và chìa cho tôi xem mẫu quảng cáo nọ - như chính ông thấy đó, Hội đang khuyết một chỗ. Họ có đăng địa chỉ rõ ràng; ông có thể đến đó hỏi thêm. Theo tôi được biết, Hội này do Eekiah Hopkins, một triệu phú Mỹ tính nết hết sức khác người, lập ra. Tóc ông ấy đỏ rực, nên ông ấy rất thiện cảm với hết thảy những ai có mái tóc cùng màu. Bởi vậy, sau ngày mất, ông ấy đã để lại một tài khoản ketch xù để tạo công ăn việc làm nhàn nhã cho những ai cùng màu tóc với ông ta. Tôi nghe nhiều người đồn là công xá khá hậu mà công việc lại chẳng vất vả gì lắm.

- Nhưng - tôi nói - Số người tóc hung nộp đơn khéo lên đến cả hàng triệu.

- Không nhiều như ông tưởng đâu - hẳn đáp. Như ông thấy đó, Hội chỉ nhận những ai người London. Ông triệu phú này vốn sinh ở London, và sống tại đây thời trai trẻ, nên muốn làm những việc tốt đẹp cho thành phố nơi mình sinh trưởng. Hơn nữa, tôi còn nghe nói, Hội không dành chỗ khuyết đó cho những ai tóc màu hung nhạt, hung sẫm, hoặc bất kỳ sắc hung nào, mà chỉ dành cho người có một mái tóc thật, màu hung đỏ, đỏ rực như lửa. Ông Wilson, nếu muốn nhập đơn, ông nên đến ngay đi. Nhưng xem ra chắc ông chẳng thềm mất công chỉ để kiếm được có vài trăm bảng.

Nhưng chắc quý ông thấy đó, tóc tôi quả thực màu hung đỏ với đủ mọi sắc thái mà chính mẫu quảng cáo kia đòi hỏi. Tôi tự cảm thấy nếu phải dự tuyển, tôi sẽ có nhiều cơ may hơn bất cứ ai tôi từng gặp từ trước tới giờ. Vincent Spaulding xem ra biết rõ chuyện này nhiều hơn những gì tôi có thể trông đợi ở hắn, nên tôi lập tức ra lệnh cho hắn đóng cửa hiệu, rồi chúng tôi liền lên đường, tìm đến cái địa chỉ đã ghi trong mẫu quảng cáo kia.

Ông Holmes ạ, tôi hy vọng đừng bao giờ sẽ phải chứng kiến thêm một lần nữa cảnh tượng như thế. Từ bốn phương đông, tây, nam, bắc, tất cả những ai có mái tóc hung với đủ mọi sắc độ đều lũ lượt kéo đến City để tranh nhau cái chỗ khuyết vắng trên mẫu quảng cáo kia. Tôi không thể hình dung nổi rằng trên đất nước Anh lại có đến ngàn ấy người háo hức đổ về đây chỉ vì mẫu quảng cáo vớ vẩn kia. Màu tóc họ thôi thì đủ mọi sắc độ, nhưng như Spaulding nói số người có mái tóc thật màu đỏ rực như lửa, quả không nhiều. Khi thấy có ngàn ấy người đứng đợi, tôi toan bỏ cuộc. Nhưng Spaulding không chịu nghe. Hắn chen vai thích cánh mãi cho tới lúc lách được qua đám đông, và chúng tôi đặt được chân lên những bậc tam cấp dẫn lên văn phòng.

Trong văn phòng tôi chẳng thấy bày biện gì nhiều, ngoài mấy chiếc ghế gỗ và một cái bàn. Ngồi tại đó là một người bé loắt choắt, màu tóc còn đỏ hơn cả tóc tôi. Hắn nói vắn tắt vài câu với từng người dự tuyển, rồi với ai cũng cố tìm một vài khiếm khuyết này nọ để từ chối. Chiếm được chỗ khuyết đó xem ra chẳng dễ. Nhưng khi đến lượt tôi, anh chàng loắt choắt nọ tỏ ra hài lòng hơn bất cứ ai khác. Hắn đóng chặt cửa lại ngay sau lúc chúng tôi bước vào, để có thể trò chuyện riêng với hai chúng tôi.

- Đây là ông Jabez Wilson - Spaulding nói - ông ấy đến để dự tranh chỗ khuyết mà Hội đang tuyển.

- Ông ấy rất xứng đáng - gã nọ đáp. - Lâu lắm rồi, tôi chưa từng thấy một mái tóc nào tuyệt như thế này. - Hắn lùi lại một bước, nghiêng đầu ngắm nghía mái tóc tôi. Rồi thỉnh thoảng nhìn tới nắm chặt tay tôi, chúc mừng tôi trúng tuyển.



- Không còn gì để phân vân nữa - hắn nói. - Nhưng để biết chắc, xin ông thứ lỗi, tôi phải thật thận trọng để đề phòng. - Nói chưa dứt lời, hắn đã dùng cả hai tay tóm chặt tóc tôi giật lẩy giật để cho tới lúc tôi rơm rớm nước mắt. - Ông ứa nước mắt kìa - hắn vừa nói vừa buông tay ra. - Tôi thấy mọi cái đều ổn. Nhưng chúng tôi phải thận trọng, vì chúng tôi đã hai lần bị lừa, một lần thì tóc giả, một lần thì tóc nhuộm. Hắn đến bên cửa sổ và lớn tiếng báo cho đám đông rằng đã tìm được ứng viên thích hợp. Tiếng suýt xoa và kêu la vì thất vọng từ dưới đường vọng lên, và mọi người lục tục bỏ đi, tản ra nhiều ngã, cho tới lúc chẳng còn thấy mái tóc hung nào, ngoại trừ mái tóc hung của tôi và của gã lo việc tuyển chọn các ứng viên.

- Tên tôi là Duncan Ross - hắn nói. - Bao giờ thì ông có thể bắt tay vào công việc?

- À, có một điều hơi bất lợi là tôi đang bận chuyện làm ăn ở nhà - tôi đáp.

- Ô, ông Wilson, ông đừng lo! - Vincent Spaulding nói. - Tôi có thể thay ông trông coi.

- Tôi phải làm việc vào những giờ nào? - tôi hỏi.

- Từ mười giờ sáng đến hai giờ chiều.

Hiện giờ, ông Holmes ạ, cửa tiệm cầm đồ của tôi chủ yếu chỉ làm việc vào buổi chiều và buổi tối, vì vậy, tôi thấy không có gì bất tiện cho lắm, nếu kiếm thêm được chút đỉnh vào các buổi sáng. Ngoài ra, tôi biết tay giúp việc của tôi là người đáng tin cậy, và hẳn ta có thể thay thế tôi xoay sở mọi việc khi cần.

- Vậy thì rất thuận tiện cho tôi - tôi nói. - Còn thù lao?

- Bốn bảng mỗi tuần.

- Thế công việc?

- Nhàn nhả lắm.

- Ông muốn ngụ ý gì khi gọi là nhàn nhả?

- À, ông phải có mặt hàng ngày tại văn phòng, hay ít ra cũng tại tòa nhà này, trong suốt thời gian đó. Nếu bỏ ra ngoài, ông sẽ mất việc. Bản di chúc có ghi rõ điểm này.

- Mỗi ngày chỉ có mặt bốn tiếng thì chuyện không ra khỏi văn phòng chắc chắn tôi sẽ thực hiện được thôi - tôi nói.

- Chúng tôi không bao giờ dung thứ vì bất cứ lý do nào - ông Duncan Ross nói - cả ốm đau lẫn bận công việc, hoặc bất cứ có gì khác. Ông hoặc phải ở lại, hoặc sẽ bị mất việc.

- Thế tôi phải làm gì?

- Chép lại bộ Bách khoa Toàn thư Anh Quốc ⁹⁾. Đây là tập I. Bắt đầu từ mai trở đi, ông sẵn sàng chưa?

- Dĩ nhiên - tôi đáp.

- Vậy thì tạm biệt ông, ông Jabez Wilson. Một lần nữa xin chúc

mừng ông.

Tôi cùng gã giúp việc trở về, chẳng biết nói gì hay làm gì thêm: tôi rất mừng rỡ vì tìm được một công việc béo bở.

Vâng, chuyện đó khiến tôi khắp khởi mừng thầm suốt ngày, nhưng đến chiều, tôi lại thấy lo. Tôi tự thuyết phục mình rằng toàn bộ chuyện này đúng là một trò đùa, mặc dù thực chất nó là gì, tôi không sao hình dung nổi. Thật khó tin được rằng trên đời lại có kẻ để lại một bản di chúc kỳ cục như thế, và chịu bỏ ra một đồng tiền như thế chỉ để thuê làm một dịch vụ giản dị là chép toàn bộ Bách khoa Toàn thư Anh Quốc. Tuy vậy, sáng hôm sau tôi vẫn quyết định đến xem tận mắt sự thể thế nào, nên tôi lên đường đến Pope's Court.

Tôi sửng sốt và lấy làm thích thú vì mọi chuyện diễn ra hết sức tốt đẹp, ngoài sức tưởng tượng. Họ kê sẵn cho tôi một cái bàn, và Duncan Ross ngồi đó xem tôi bắt tay vào việc ra sao. Gã bảo tôi chép từ văn A, rồi lát sau bỏ đi, để mặc tôi ngồi chép. Nhưng chốc chốc lại tạt vào xem tôi làm việc ra sao. Đúng hai giờ gã khen tôi đã chép được nhiều, rồi tạm biệt tôi, tiễn tôi ra khỏi cửa, xong khóa cửa văn phòng ngay khi tôi vừa đi khỏi.

Ông Holmes ạ, việc đó cứ tiếp diễn hết ngày này sang ngày khác, và đến thứ bảy gã bước vào, trao cho tôi bốn đồng sovereign vàng để trả cho công việc tôi làm tuần qua. Tuần sau mọi chuyện lại diễn ra như tuần đầu rồi tuần tiếp theo nữa cũng thế. Sáng nào tôi cũng có mặt ở đúng lúc mười giờ và ra về lúc hai giờ. Càng về sau, Duncan Ross càng đến thưa dần, chỉ một lần vào buổi sáng, rồi ít lâu sau, không thấy đến nữa. Tuy vậy, dĩ nhiên, tôi vẫn không bao giờ dám rời khỏi phòng dù chỉ một phút. Tôi làm thế nào biết chắc được lúc nào thì gã xuất hiện, hơn nữa, công việc lại nhàn nhã, hợp với sở thích tôi, nên tôi không muốn có nguy cơ bị thải hồi.

Tám tuần liền đã trôi qua như vậy và số giấy tôi chép được đã chất đầy phân nửa cái giá sách trong phòng. Nhưng rồi toàn bộ công việc bỗng nhiên kết thúc.

- Kết thúc?

- Vâng, thưa ông. Mà chỉ mới sáng nay thôi. Tôi đến nơi làm việc

như thường lệ vào lúc mười giờ, nhưng thấy cửa khóa và chính giữa có dính một mẫu thông báo nhỏ, hình vuông, viết trên bìa cứng. Mẫu thông báo ấy đây, ông có thể tự đọc.



Rồi ông thân chủ chìa ra một mẫu bìa trắng, cỡ bằng một trang số tay, viết chỉ vồn vẹn mấy chữ:

“Hội những người tóc hung đỏ giải thể ngày 9 tháng 10 năm 1890”

Holmes và tôi ngắm nghía mẫu thông báo và gương mặt rầu rĩ thấp thoáng sau mảnh bìa nọ cho tới lúc khía cạnh khôi hài của vụ này khiến cả hai cùng cười phá lên.

- Tôi chẳng thấy có gì đáng buồn cười trong chuyện này - ông thân chủ của chúng tôi kêu lên, mặt đỏ ửng lên tận mái tóc hung đỏ rực. - Nếu quý ông không thể làm gì khác ngoài việc nhạo báng tôi, thì tôi đi nhờ người khác ngay đây.

- Ồ, không, không - Holmes kêu lên. - Tôi thực tình không muốn bỏ qua vụ này, dù phải chịu mất bất cứ thứ gì. Nhưng, nói ông bỏ qua cho, trong chuyện này quả có điểm gì đó rất hài hước, Thế ông làm gì khi thấy mẫu bìa này dính trên cửa?

- Tôi chưa biết phải làm gì. Tôi tới dò hỏi các văn phòng kế cận của tòa nhà, nhưng chẳng ai biết gì về cái Hội kia. Rốt cục, tôi đành tìm gặp ông chủ nhà ở dưới tầng trệt, hỏi xem ông ta có thể nói cho tôi điều gì đã xảy ra với cái Hội Tóc đỏ kia không. Ông ấy đáp rằng chưa bao giờ nghe nói đến nó. Rồi tôi hỏi ông Duncan Ross là ai. Ông ấy nói: cái tên đó ông mới nghe thấy lần đầu.

- Vâng - tôi nói - đó chính là cái ông thuê căn phòng số 4.

- À, cái gã tóc màu hung đỏ chứ gì?

- Đúng thế.

- Ồ, - ông ta tiếp - tên gã ấy là William Morris kia. Hắn chỉ thuê tạm căn phòng tôi ít lâu trong lúc chờ tìm được chỗ mới để đặt văn phòng của hắn. Hắn vừa dọn đi hôm qua.

- Thế có thể tìm hắn ở đâu?

- À, tại văn phòng mới của hắn. Hắn có cho tôi biết địa chỉ đấy. Vâng, đây rồi, số 17, đường King Edward, cạnh giáo đường Saint Paul.

Tôi đến ngay nơi đó, ông Holmes ạ, tìm được căn nhà theo địa chỉ, nhưng chẳng ai nghe nói tới cái tên William Morris lẫn cái tên Duncan Ross.

- Rồi ông còn làm gì nữa? - Holmes hỏi.

- Tôi quay về Coburg Square, hỏi gã giúp việc nên tính sao, nhưng gã chẳng nghĩ được cách gì khả dĩ giúp tôi cả. Chỉ bảo tôi là nên chịu khó chờ thư từ qua đường bưu điện. Nhưng như thế tôi thấy chưa yên tâm, ông Holmes ạ. Tôi không muốn bị mất việc, mà chẳng hề làm gì, chỉ khoanh tay ngồi chờ. Tôi nghe nói ông rất tốt bụng, sẵn lòng giúp những ai khốn khổ đến cầu cứu mình, nên đã tìm đến ông ngay.

- Ông ứng phó như vậy là khôn ngoan, Holmes nói. Vụ của ông rất đáng chú ý, và tôi rất lấy làm sung sướng được mời đứng ra giải quyết. Từ những gì ông vừa kể, tôi nghĩ đây chắc chắn là một vụ nghiêm trọng hơn so với mức mà người ta có thể tưởng khi mới nhìn qua.

- Đúng là nghiêm trọng thật! - ông Jabez Wilson. - Không chừng tôi bị mất bốn bảng mỗi tuần.

- Riêng về phần ông - Holmes nhận xét - tôi thấy ông không có gì để oán trách cái hiệp hội kỳ quặc kia cả. Trái lại, theo như tôi hiểu, ông kiếm thêm được khoảng ba mươi bảng và thu thêm được ít nhiều tri thức sâu sắc về tất cả các mục được viết trong văn A. Ông chẳng mất gì cả.

- Ồ, không, thưa ông. Nhưng tôi còn muốn dò ra tung tích bọn chúng xem chúng là ai và chúng chơi trò này với tôi nhằm mục đích gì, nếu đó quả là một trò đùa. Một trò đùa khá tốn kém với bọn chúng, vì chúng phải trả những ba mươi hai bảng.

- Chúng tôi sẽ cố làm sáng tỏ những điểm ông vừa nhắc. Nhưng trước hết, tôi muốn hỏi ông vài câu, ông Wilson. Anh chàng giúp việc của ông, người đầu tiên lưu ý ông về mẫu quảng cáo kia, làm việc cho ông đã bao lâu rồi?

- Trước đó khoảng một tháng.

- Hẳn đến với ông như thế nào?

- Theo lời quảng cáo tôi cho đăng trên báo.

- Chỉ một mình hẳn đến hay còn có thêm ai khác?

- Không, có khoảng một tá đến dự tuyển.

- Tại sao ông chọn hẳn?

- Vì hẳn năng nổ và không đòi hỏi nhiều.

- Thực sự, chỉ đòi phân nửa số lương phải không?

- Vâng.

- Tướng mạo hẳn thế nào, cái gã Vincent Spaulding ấy?

- Thấp, mập, rất nhanh nhẹn, không có râu, tuy tuổi khoảng ba mươi. Trên trán có một vết sẹo trắng.

Holmes ngồi bật dậy, vẻ rất kích động.

- Tôi cũng đoán vậy. - anh nói - trên mái tai hẳn ông có thấy hai lỗ đeo hoa tai không?

- Có, thưa ông. Hẳn bảo tôi một bà Digan đã xỏ cho hẳn khi hẳn còn trẻ.

- Thôi được rồi, ông Wilson. Vài ngày nữa, tôi sẽ rất sung sướng, báo cho ông biết kết quả vụ này. Hôm nay là thứ Bảy, tôi hy vọng đến thứ Hai chúng tôi sẽ có kết luận.

Khi ông thân chủ đã ra về, Holmes liền thu người lại trong ghế bành, hai đầu gối khằng khiu gần chạm mũi. Anh ngồi ở tư thế đó hồi lâu, mắt lim dim, chiếc tàu bằng đồng nung màu đen nhô ra phía trước, trông tựa cái mỏ của một giống chim kỳ lạ. Tôi đã tưởng anh ngủ thiếp đi thì thình lình anh chồm dậy, dáng điệu như thể một người vừa nảy ra một quyết định, và đặt chiếc tàu lên mặt lò.



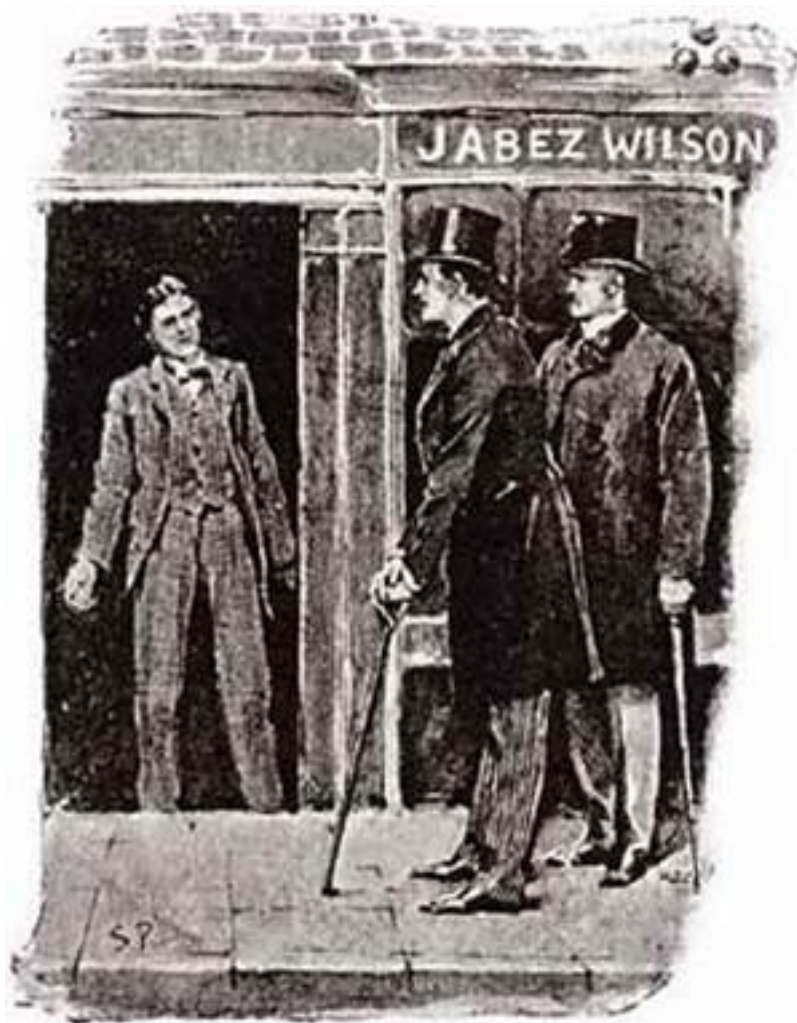
- Chiều nay có một buổi hòa nhạc tại St.James's Hall. - anh thốt lên. - Anh nghĩ sao, Watson? Bệnh nhân của anh có thể vui lòng buông tha anh trong vài giờ được không?

- Hôm nay tôi chẳng có gì phải làm. Công việc của tôi không bao giờ khiến tôi phải miệt mài cả ngày trong phòng khám.

- Vậy thì anh đội mũ vào, rồi ta đi thôi. Trước tiên, tôi phải đến khu City. Rồi sau đó, trên đường về, ta có thể ghé vào một cửa hiệu nào đó ăn chiều. Nào, ta lên đường thôi!

Chúng tôi đáp tàu điện ngầm đến tận Aldersgate, rồi đi bộ một quãng tới Coburg Square, nơi diễn ra câu chuyện kỳ dị mà chúng tôi vừa được nghe kể ban sáng. Một tấm biển hiệu màu nâu, kẻ hai chữ "JABEZ WILSON" bằng sơn trắng, treo ở góc nhà cho biết đó là cơ ngơi hành nghề của ông thân chủ tóc hung đỏ của chúng tôi. Holmes dừng lại ngay trước cửa hiệu, nghiêng đầu ngắm nghía mọi thứ, mắt sáng quắc. Rồi anh thong thả đi đi lại lại trên đường, sau đó vòng

xuống tận góc phố, mắt vẫn chăm chú quan sát từng ngôi nhà. Cuối cùng, anh quay lại trước cửa hiệu. Anh dùng đầu gậy nện mạnh hai ba lần xuống vỉa hè, rồi tiến thẳng tới trước cửa hiệu gỗ cửa. Cánh cửa mở toang ngay và trong khung cửa hiện ra một chàng trai mặt mũi sáng sủa lên tiếng mời mọc.



- Cảm ơn - Holmes nói. Tôi chỉ muốn nhờ anh chỉ giúp đường đến Strand.

- Đến ngã tư thứ ba rẽ phải, đến ngã tư thứ tư thì rẽ trái, - gã giúp việc của ông Wilson vừa đáp, vừa đóng chặt cửa lại.

- Quả là một gã ranh mãnh, - Holmes nhận xét khi chúng tôi quay ra. - Theo tôi xét đoán, hẳn là tay ranh mãnh đứng hàng thứ tư ở London này, và có lẽ đứng hàng thứ ba về mặt liều lĩnh. Tôi đã biết ít nhiều về hắn!

- Rõ ràng là gã giúp việc của ông Wilson đã đóng một vai trò đáng kể trong vụ làm ăn bí ẩn của Hội Tóc Hung - tôi nói. - Tôi tin chắc

việc anh hỏi đường chỉ là cái cớ để nhìn mặt hẳn.

- Không phải đâu.

- Vậy anh muốn xem gì?

- Ông quần hẳn, nơi hai đầu gối.

- Thế anh thấy được những gì?

- Thấy cái mà tôi mong đợi nơi hẳn ta.

- Vậy tại sao anh gõ gõ đầu gậy xuống vỉa hè?

- Bác sỹ thân mến ơi, đây là lúc để quan sát, chứ không phải để trò chuyện. Ta đã biết được ít nhiều về Coburg Square. Giờ ta phải tìm kiếm những ngõ ngách nằm sau lưng nó.

Con đường mà chúng tôi vừa đặt chân tới sau khi đi vòng qua góc quảng trường Coburg Square là một trong những trục giao thông huyết mạch nối liền khu City với hai phần thuộc mạn phía Bắc và Tây của kinh thành. Khó mà hình dung nổi những dãy cửa hiệu và văn phòng hoa lệ mà chúng tôi đang nhìn thấy trước mắt lại chính là mặt sau của cái quảng cáo ảm đạm mà chúng tôi vừa mới ghé qua.

- Để tôi ngắm một chút nhé - Holmes nói khi dừng lại góc đường và đưa mắt nhìn dọc con đường. - Tôi muốn ghi nhớ thứ tự các toà nhà ở đây. Tìm hiểu tường tận London là một thú vui của tôi. Đầu tiên là cửa hiệu thuốc lá Mortimer, kế đến là một sạp báo nhỏ, rồi chi nhánh Coburg của ngân hàng thành phố và các Vùng phụ cận. Chỗ này ăn thẳng sang lô nhà phía bên kia. Anh Watson, thế là chúng ta đã xong việc. Bây giờ chúng ta được quyền thư giãn đầu óc trong chốc lát. Một khoanh sandwich, một tách café, rồi sau đó ta đến dự buổi hòa nhạc, nơi mà chẳng một thân chủ tóc hung nào có thể quấy rầy chúng ta bằng những vụ rắc rối điên đầu.

Bạn tôi say mê âm nhạc, vì anh vốn là người chơi nhạc và cũng là một nhạc sĩ có tài. Suốt buổi chiều hôm đó, anh ngồi trong phòng hòa nhạc, tận hưởng một niềm hạnh phúc tột đỉnh và khẽ đánh nhịp bằng mấy ngón tay dài khăng khiu theo các tiết tấu được nghe.



- Chắc anh đang muốn về ngay, phải không bác sỹ? - Holmes nói khi chúng tôi vừa rời khỏi phòng hòa nhạc.

- Vâng, tôi muốn về.

- Còn tôi, tôi phải làm nốt một số việc, mất khoảng vài tiếng nữa. Vụ Coburg Square quả là một vụ nghiêm trọng.

- Thật vậy sao?

- Đây là một vụ phạm tội quy mô có mưu tính trước. Tôi có đủ lý do để tin chắc chúng ta còn kịp ngăn chặn. Tôi mong anh vui lòng giúp tôi tối nay.

- Vào lúc mấy giờ?

- Từ 10 giờ tối là vừa. Watson ạ, vụ này e nguy hiểm, nên xin anh bỏ túi khẩu súng nhà binh của anh. - Holmes vẫy tay tạm biệt, rồi quay đi và mất hút ngay trong đám đông.

Tôi luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ là mình thật khù khờ mỗi lần cộng tác với Sherlock Holmes. Tôi cũng nghe rõ những gì anh nghe thấy và cũng nhìn rõ những gì anh nhìn thấy. Nhưng qua lời anh tôi hiểu rằng anh không chỉ thấy được những gì đã xảy ra, mà còn tiên đoán được những gì sắp tới, trong khi dưới mắt tôi toàn bộ nội vụ vẫn chỉ là một mớ bòng bong.

Tối hôm đó, vừa đặt chân vào phòng Holmes, tôi thấy anh đang sôi nổi trò chuyện với hai người, mà một thì tôi nhận ra ngay – đó là Peter Jones, một thám tử của sở cảnh sát. Còn người kia thì cao gầy, nét mặt buồn bã, đầu đội một chiếc mũ bóng loáng.

- Ra, vậy là đủ mặt cả rồi - Holmes vừa nói vừa cài khuy chiếc áo vét, rồi với tay lên giá lấy chiếc gậy nặng trĩch xuống – Anh Watson, tôi nghĩ chắc anh đã biết ông Jones, đảng Scotland Yard? Vậy chỉ xin giới thiệu với anh: đây là ông Merryweather, một cộng sự của chúng ta trong cuộc phiêu lưu tối nay. Với ông, ông Merryweather, món tiền đặt cọc cho cuộc chơi tối nay là ba mươi ngàn bảng. Còn với ông, ông Jones, đó sẽ là gã tội phạm mà từ lâu ông vẫn ước ao tóm cổ.

- Vâng, đó là John Clay, một tên giết người kiêm trộm cắp. Gã còn trẻ, ông Merryweather ạ, nhưng là tay rất sừng sỏ trong nghề. Tôi muốn bắt gã hơn bất cứ tên tội phạm nào ở London. Một nhân viên rất đáng chú ý, cái gã John Clay trai trẻ ấy. Đầu óc hẳn cũng tinh quái như đôi bàn tay hẳn vậy, nên tuy chúng tôi đã phát hiện được dấu tích hẳn để lại khắp nơi, chúng tôi vẫn không biết tìm hẳn ở đâu. Tôi đã theo dõi hẳn nhiều năm rồi, nhưng chưa bao giờ được nhìn thấy hẳn tận mắt.

- Hy vọng rằng tối nay tôi sẽ có thể có hân hạnh được giới thiệu hẳn với ông. Tôi cũng đã một vài lần được nhìn thấy chiến công của cái gã John Clay này, và tôi hoàn toàn đồng ý với ông rằng hẳn quả là một tay cao thủ trong nghề. Nhưng kìa, đã hơn mười giờ rồi, ta phải lên đường thôi. Nếu hai ông lên chiếc xe đầu, thì Watson và tôi sẽ theo sau trên chiếc xe thứ hai.

Trên đoạn đường dài, Holmes rất ít nói. Xe chúng tôi lăn bánh trên những dãy phố dài bất tận cho tới lúc đổ ra đường Farringdon.

- Sắp đến nơi rồi - bạn tôi nói. - Tay Merryweather kia là một Giám đốc nhà băng và có liên quan trực tiếp đến vụ này. Tôi nghĩ Jones cũng rất cần cho chúng ta. Ta xuống đây thôi, họ đang chờ chúng ta kia kìa.

Chúng tôi đặt chân xuống chính khúc đường vốn tập nập mà chúng tôi vừa tới hồi sáng. Theo chân Merryweather, ba chúng tôi băng qua một con hẻm hẹp, rồi theo một cánh cửa hông đã mở sẵn để đón chúng tôi đi vào nhà. Bên ngoài cánh cửa là một dải hành lang ngắn, dẫn thẳng tới một cái cổng sắt đồ sộ. Cánh cổng cũng đã mở sẵn, và chúng tôi lần bước trên những bậc cầu thang xoắn bằng đá, dẫn xuống một cái cổng đồ sộ nữa. Ông Merryweather dừng lại, châm đèn, xong dẫn chúng tôi xuống một lối đi tối om, sức mùi đất ẩm, rồi ông mở tiếp cánh cửa thứ ba, đưa chúng tôi xuống một căn nhà hầm rất rộng. Xung quanh, chúng tôi thấy chất đồng hàng dãy thùng gỗ và hòm lớn.



- Từ phía trên ông rất an toàn - Holmes vừa nhận xét, vừa giơ cao

ngọn đèn lồng, đưa mắt nhìn quanh.

- Cả từ phía dưới cũng thế - ông Merrywether vừa nói vừa gõ gõ đầu gậy xuống mặt sàn bằng đá. - Trời ơi, sao nghe như trống rỗng thế này! - ông ngược mắt, kinh ngạc thốt lên.

- Tôi buộc phải yêu cầu ông nói nhỏ hơn một chút, - Holmes nghiêm nghị nói. - Nếu không chúng ta sẽ có nguy cơ chẳng gặt hái được gì trong chuyến phiêu lưu này. Xin quý ông làm ơn ngồi xuống mấy cái thùng kia và đừng can thiệp vào công việc của tôi.

Ông Merryweather liền ngồi ngay xuống một cái thùng gỗ, vẻ mặt rất phật ý. Holmes quỳ xuống dưới sàn và dùng chiếc đèn lồng bắt đầu xem xét cẩn thận từng kẽ đá. Chỉ vài phút sau anh đã mãn nguyện ngay vì tôi thấy anh đã đứng bật dậy.

- Chúng ta phải chờ ít nhất một tiếng nữa - anh nói - Vì bọn chúng khó có thể làm gì trước khi ông chủ hiệu cầm đồ ngủ yên. Bây giờ, chúng sẽ không bỏ lỡ lấy một phút, vì công việc càng xong sớm, chúng sẽ càng có nhiều thì giờ để chạy trốn. Anh Watson, chắc anh đã đoán được hiện nay, chúng ta đang ở dưới tầng hầm Chi nhánh City của một trong những nhà băng chủ chốt ở London. Ông Merryweather đây là chủ tịch ban Giám đốc. Ông ấy sẽ giải thích cho anh rõ rằng lúc này bọn tội phạm táo tợn nhất của thành London có những lý do để quan tâm nhiều đến căn nhà hầm này.

- Chúng tôi hiện cất giữ tại đây toàn bộ số vàng Pháp mà ngân hàng đã vay được - ông Giám đốc khẽ nói.

- Vàng Pháp của các ông?

- Vâng. Cách đây vài tháng chúng tôi có vay của Ngân hàng Pháp quốc một số vàng trị giá ba mươi ngàn bảng. Ai cũng biết là chúng tôi chưa bao giờ khai số vàng ấy ra, và cho tới bây giờ mấy thùng vàng đó vẫn còn nằm nguyên ở đây, tại căn hầm này. Cái thùng tôi đang ngồi này đựng một số vàng trị giá tới hai ngàn bảng Anh. Nghĩa là nhiều hơn rất nhiều so với mức bình thường tại một văn phòng của một chi nhánh nhỏ, và các viên Giám đốc đều đã có những mối nghi ngờ về chuyện này.

- Họ nghi ngờ là rất phải - Holmes nhận xét - và bây giờ đã đến

lúc chúng ta phải trù liệu những gì cần làm để hoàn tất cái kế hoạch nhỏ của ta. Tôi hy vọng trong khoảng một giờ nữa, mọi chuyện sẽ kết thúc. Trong thời gian đó, ông Meryweather ạ, chúng ta phải che tạm ngọn đèn lại.

- Vậy là phải ngồi trong bóng tối?

- Tôi e rằng đành phải thế thôi. Tôi thấy đối thủ của chúng ta đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng, nên ta không thể liều lĩnh để cho chúng thấy dưới này có ánh sáng. Và trước nhất, chúng ta phải chọn cho mỗi người một vị trí thuận lợi để ra tay. Bọn này rất táo tợn, nên chúng ta có lợi thế hơn, chúng vẫn có thể gây tổn hại cho chúng ta, nếu ta không cẩn thận. Tôi sẽ đứng nép sau cái thùng này; còn các ông hãy nép sau mấy cái kia. Khi nào tôi chiếu đèn vào bọn chúng, các ông hãy mau lẹ bắt lấy chúng. Nếu chúng nổ súng thì Watson, anh hãy bắn hạ chúng.

- Bọn chúng chỉ còn một lối thoát - Holmes nói khẽ - Đó là lui về căn nhà trên Coburg Square. Ông Jones, tôi hy vọng chắc ông đã làm đúng những gì tôi yêu cầu?

- Tôi đã cho một viên thanh tra và hai cảnh sát mai phục ở cửa trước hiệu cầm đồ.

- Vậy là chúng ta đã chặn hết tất cả các lối ra và giờ chỉ còn phải ngồi im đợi chúng nữa thôi.

Thời gian như thể ngừng trôi! Lúc này mới có một giờ mười lăm phút, thế mà tôi có cảm giác như đêm đã sắp tàn và trời đang rạng sáng. Từ chỗ nép, tôi có thể nhìn bao quát cả sàn hầm. Bỗng mắt tôi nhìn thấy một ánh đèn.

Mới đầu, đó chỉ là một tia sáng nhỏ trên mặt đá. Về sau, tia sáng cứ dài dần cho tới lúc trở thành một vệt vàng, rồi bất thần, không hề gây tiếng động, khe hở trên mặt sàn như mở rộng ra thành một lỗ hổng. Một bàn tay hiện ra, trắng trẻo như tay phụ nữ, sờ soạng ở phía giữa quãng sáng nhỏ. Rồi một trong những phiến đá rộng, màu trắng, bị lật sang bên, phát ra một tiếng động ngắn, và một lỗ hổng trắng hoác hình vuông xuất hiện, khiến một dòng ánh sáng từ một ngọn đèn lồng tuôn vào căn hầm. Qua cái lỗ hổng đó, một gương

mặt rất trẻ con từ từ nhô lên, đưa cặp mắt dò xét nhòm quanh. Sau đó gã nọ vươn dần người lên cho tới lúc tỳ được gối vào mép lỗ. Chỉ một khoảnh khắc sau, hắn đã đứng bên mép lỗ, và đưa bàn tay ra, kéo tên đồng bọn lên theo, một gã cũng thấp như hắn, mặt mũi xanh xao mái tóc hung đỏ rực như lửa.

- Ổn rồi - hắn thì thầm. - Mà có mang theo mấy cái bao không? Thế là đại thắng! Nhảy đi, Archie, nhảy đi!

Holmes lao ra, tóm chặt cổ áo gã mới đột nhập đó. Gã kia tụt vội xuống cái lỗ hồng nọ, và tôi nghe thấy tiếng vải rách soạt khi Jones túm lấy chiếc áo khoác của hắn. Ánh đèn rơi thẳng vào khẩu súng ngắn hắn cầm, nhưng chiếc gậy của Holmes đã giáng mạnh vào cổ tay hắn, khiến khẩu súng rời xuống mặt sàn đá.



- Vô ích thôi, John Clay - Holmes nói. - Anh chẳng còn một cơ may nào nữa đâu.

- Ta biết - gã đáp, giọng ráo hoảnh - Nhưng ta tin bạn ta đã thoát, tuy ta thấy anh đã vớ được chiếc áo choàng của cậu ta.

- Có ba người đợi hẵn ngoài cửa đấy - Holmes nói.

- À, ra thế. Xem ra anh đã tính đầu vào đấy rồi nhỉ. Khá khen cho anh.

- Cả cho anh nữa. Holmes đáp - ý đồ lập Hội Tóc Hung của anh quả rất tân kỳ và hữu hiệu.

John Clay nghiêng mình chào một vòng cả ba chúng tôi, rồi lặng lẽ đi theo sau viên thám tử.

- Watson, anh thấy không? Holmes giảng giải khi chúng tôi ngồi bên cốc whisky tại phố Baker. - Ngay từ đầu, tôi đã thấy rõ ràng mục đích duy nhất của cái Hội nọ là điệu ông chủ hiệu cầm đồ ra khỏi nhà mình hàng ngày trong nhiều giờ. Cái biện pháp đó quả có kỳ quặc thật, nhưng quả tình cũng khó tìm được một cách nào tốt hơn. Ngón này rõ ràng là do cái trí tuệ của Clay nghĩ ra nhờ mái tóc đỏ rực của tên đồng bọn gợi ý. Bốn bảng mỗi tuần là một miếng mồi hết sức cám dỗ đối với ông chủ hiệu, nhưng có đáng là bao khi bọn chúng tính chuyện vớ được hàng ngàn? Chúng cho đăng quảng cáo, rồi một gã lừa đảo đã thuê tạm một văn phòng; còn gã kia khuyến khích ông chủ mình nộp đơn, và cả hai cùng nhau tìm cách làm sao cho ông ta chắc chắn vắng nhà tất cả các buổi sáng trong nhiều tuần lễ. Chỉ cần thoáng nghe câu chuyện là hẵn chỉ xin giúp việc với phân nửa số lương, tôi đã hiểu ngay: hẵn phải có một động cơ mạnh mẽ nào đó thôi thúc hẵn chịu làm với đồng lương như thế!

- Nhưng bằng cách nào mà anh đoán được động cơ của bọn chúng?

- Công việc làm ăn của thân chủ chúng ta chẳng lời lãi bao nhiêu, nên trong nhà ông ta chẳng có món gì đáng giá để chúng phải trù tính việc này, việc kia và chi tiêu tốn kém như vậy cả. Vì thế, rõ ràng là cái mà chúng đi tìm phải ở chỗ khác kia. Nhưng đó là cái gì? Tôi nghĩ tới cái thói hay chụp ảnh của gã giúp việc và cái thói quen chui xuống căn hầm của gã. Tăng hầm! Chìa khóa của mọi chuyện đây rồi. Tôi liền dò tìm lai lịch gã giúp việc bí ẩn nọ, và phát hiện ra rằng

mình đang đối mặt với một trong những tên tội phạm nhứt tâm nhất và táo tợn nhất thành London. Hẳn đang làm gì đó dưới tầng hầm - một công việc phải mất nhiều giờ mỗi ngày và phải làm mấy tháng mới xong. Việc gì nhỉ? Tôi nghĩ: đó chỉ có thể là việc đào một đường hầm để đột nhập vào một tòa nhà.

- Đó là những điều mà tôi đã suy ra được khi đến thăm hiện trường. Tôi đã làm anh ngạc nhiên khi gõ gõ đầu gậy xuống vỉa hè. Tôi muốn biết tầng hầm đó dẫn ra phía trước hay phía sau. Không phải phía trước. Thế là tôi giật chuông gọi cửa, và gã giúp việc nọ đã ra mở ngay, đúng như tôi hy vọng. Tôi hầu như không nhìn vào mặt hẳn, hai đầu gối hẳn mới khiến tôi chú ý. Chắc anh cũng đã nhìn thấy tận mắt: cả hai ống quần hẳn đều sờn nhàu và nhem nhuốc nơi hai đầu gối. Đó là vết tích của bấy nhiêu giờ đào bới.

Bấy giờ chỉ còn một điểm chưa rõ: con đường đó dẫn đến đâu? Tôi vòng ra góc quảng trường thì thấy ngân hàng City và Ngoại thành với cửa hiệu cầm đồ kia đầu lưng vào nhau. Tôi cảm thấy mình đã giải xong bài toán. Khi anh ra về sau buổi hòa nhạc, tôi ghé đến Scotland Yard, rồi đi gặp ông chủ tịch ban Giám đốc của ngân hàng nọ, và tôi đã gạt hái được kết quả như chính anh đã thấy đấy.

- Nhưng anh làm cách nào mà đoán được rằng đêm nay chúng sẽ hành động? - tôi hỏi.

- Ấy, khi chúng đóng cửa văn phòng của Hội thì cũng chính là lúc chúng không còn lo nghĩ gì nữa tới chuyện ông Jabez Wilson đi vắng hay ở nhà. Nói cách khác, chúng đã đào xong con đường hầm kia. Nhưng cái chính là chúng phải sử dụng sớm thành quả đó, vì chúng sợ có thể bị phát hiện hoặc ngân hàng sẽ chuyển chỗ vàng kia đi nơi khác. Thứ bảy là dịp thuận tiện cho chúng hơn bất kỳ ngày nào khác, vì chúng sẽ có tới hai ngày để tẩu thoát. Vì tất cả những lý do đó, tôi dự kiến chúng sẽ hành động ngay đêm nay.

- Cách suy luận của anh thật tài tình, - tôi thán phục reo lên.

- Nó chỉ cứu tôi ra khỏi cảnh buồn chán thôi - anh vừa đáp, vừa ngáp dài.

VỤ MẤT TÍCH KỲ LẠ

A Case of Identity

- Bạn thân mến! - Sherlock Holmes nói khi chúng tôi ngồi cạnh lò sưởi trong căn hộ tại phố Baker - Cuộc sống là sự bí ẩn hơn bất cứ cái gì mà con người có thể khám phá. Chúng ta không thể cảm nhận mọi thứ mà thật sự chỉ là những biểu hiện nhỏ của sự tồn tại. Nếu chúng ta có thể bay ra khỏi cửa sổ, bay lượn trên thành phố này, hãy nhìn vào bên trong những ngôi nhà, nơi những điều bất thường đang xảy ra, sự trùng hợp ngẫu nhiên, các kế hoạch được xếp đặt, những ý kiến mâu thuẫn, móc xích những sự kiện và liên kết chúng lại. Cuối cùng, nó giúp ta hình dung thói quen và thấy trước được kết quả của sự việc.



- Tuy thế, tôi lại không tin tưởng vào điều đó - Tôi trả lời - Nhiều vụ án được phanh phui trên báo chí đều dựa vào các quy tắc, trần trụi và thô kệch. Theo các báo cáo cảnh sát, sự hiện thực đẩy tới giới hạn tốt cùng của nó, và hiệu quả. Nó tường thuật từng yếu tố trực tiếp, không hấp dẫn mà cũng không nghệ thuật.

- Một sự chọn lọc và sự thận trọng nhất định sẽ sản sinh một hiệu ứng hiện thực - Holmes nhận xét - Đây chính là cái tồn tại trong các báo cáo của cảnh sát, nơi có quá nhiều sự căng thẳng, có lẽ, ở trên tính vô vị của thẩm phán hơn là ở trên những chi tiết, nơi một người quan sát thấy được bản chất liên kết sống còn của toàn bộ vấn đề. Dựa theo đó, mọi thứ sẽ trở nên không có gì là khác thường.

Tôi cười và lắc đầu.

- Tôi có thể hiểu suy nghĩ của anh. - Tôi nói. - Tất nhiên, trong vị trí cố vấn và người giúp đỡ không chính thức của mọi người mang đầy màu sắc huyền thoại, trên cả ba lục địa, anh được cho là bí ẩn và kỳ quái. Nhưng ở đây - Tôi nhặt một tờ báo buổi sáng từ dưới nền nhà - Chúng ta thử xem. Tôi đọc ngay tiêu đề đầu tiên nhé. "Một người chồng ngược đãi vợ". Trên nửa cột in, nhưng tôi không cần đọc cũng có thể biết nội dung. Trong này, thế nào cũng có những thứ "người đàn bà khác", "nghiện rượu", "đấm đá", "bầm tím", "em gái xinh xắn", "bà chủ nhà"... Chẳng có cái gì là hấp dẫn cả.

- Thật vậy, ví dụ của anh là một trường hợp không may cho lý lẽ của anh, - Holmes nói. Anh cầm lấy tờ báo và đọc tiếp xuống dưới - Đây là vụ ly dị của nhà Dundas, và trên cơ bản những thông tin của nó, tôi sẽ viết lại và liên kết các sự việc mà không đụng đến các yếu tố trên. "Người chồng không nghiện rượu và không có người phụ nữ khác. Vấn đề than phiền là anh ta thường có thói quen khi nổi nóng trong mỗi bữa ăn thì lại lấy hàm răng giả của anh ta và ném vào vợ mình". Nào, có được không? Đây không phải là những yếu tố kích thích trí tưởng tượng đối với một người kể chuyện trung bình. Hút thuốc nhé, bác sĩ. Và anh cũng thấy là bản tường thuật của tôi không nằm trong ví dụ của anh.

Anh cầm lấy cái hộp đựng thuốc lá bằng vàng. Một viên ngọc tím lớn được khám trên nắp. Nó hoàn toàn tương phản với cách bài trí đơn giản của căn nhà mà trước đây tôi đã có dịp mô tả.

- A, - Anh nói - Tôi quên mất là mấy tuần rồi chúng ta không gặp nhau. Đó là một vật kỷ niệm nho nhỏ của ông vua xứ Bohemia đã tặng cho tôi trong vụ Irène Adler.

- Còn cái nhẫn? - Tôi hỏi, liếc nhìn vật lấp lánh ở trên ngón tay anh.

- Nó là vật gia bảo của một gia đình Hà Lan từng là thân chủ của tôi, tiếc là tôi không thể tiết lộ cho anh được, dù rằng qua đó anh có thể bổ sung vào bộ sưu tập của mình một hoặc hai vụ án nữa.

- Lúc này anh có vụ nào không? - Tôi hỏi với vẻ quan tâm.

- Cả một tá, toàn là những vụ không quan trọng nên chúng không có một chút hứng thú nào cả. Thường thường chỉ trong những vụ quan trọng, chúng ta mới thi thố được óc quan sát và khả năng phân tích nguyên nhân và hậu quả, khi tội ác càng lớn thì nguyên nhân lại càng giản dị, dễ hiểu, đó là nguyên tắc... Nhưng có lẽ chỉ trong vài phút nữa, chúng ta sẽ có một nữ thân chủ.

Holmes rời khỏi ghế bành, đến đứng sau bức màn, hướng mắt xuống con đường ảm đạm. Nhìn qua vai anh, tôi thấy một thiếu phụ, thân hình đầy đặn, đang đứng trên lề đường đối diện. Nàng đội nón rộng vành được trang điểm bằng một chiếc lông chim lớn, màu đỏ. Nàng nhìn lên cửa sổ phòng chúng tôi với một vẻ do dự. Thân hình nàng đong đưa. Thành linh, nàng chạy băng qua đường và tiếng chuông cửa reo vang.

- Tôi đã từng biết loại triệu chứng này rồi - Holmes nói, vừa ném tàn thuốc lá vào lò sưởi - Người thiếu nữ này đang ở trong một tình trạng bối rối vì một vấn đề tình yêu. Nàng muốn được giúp đỡ, nhưng không biết có thể lộ câu chuyện của mình ra chăng.



Có tiếng gõ cửa, và người hầu vào thông báo có cô Mary Sutherland đến. Holmes lịch sự đón tiếp nàng. Anh đóng cửa lại, mời nàng ngồi:

- Thưa cô, với cặp kính cận, cô có cực nhọc lắm không, khi phải đánh máy quá nhiều?

- Đó là lúc đầu, bây giờ tôi có thể đánh máy mà không cần nhìn vào bàn máy.

Nàng trả lời một cách tự động, không chú ý đến tính cách đặc biệt của nó. Nhưng vừa nói xong, nàng bỗng giật nảy mình, đưa mắt nhìn bạn tôi với một vẻ kinh ngạc:

- Ông Holmes! Phải chăng người ta đã nói với ông về tôi? Nếu không, làm sao ông có thể biết được điều đó?

- Không có gì quan trọng cả! - Holmes cười đáp - Nghề nghiệp bắt buộc tôi phải biết nhiều điều... Và lại, nếu không, thì cô đâu có đến

đây tìm tôi?

- Thưa ông, tôi đến tìm ông do lời giới thiệu của bà Etherage, ông đã tìm ra được chồng của bà ấy một cách dễ dàng, trong khi mọi người, kể cả cảnh sát, đều cho là ông ta đã chết? Ô, thưa ông Holmes! Tôi không giàu, nhưng mỗi năm tôi được hưởng 100 bảng, ngoài ra tôi còn có tiền công đánh máy. Tôi sẵn sàng trả cho ông bao nhiêu cũng được, miễn là ông tìm ra ông Hosmer Angel giùm tôi.

- Vì sao cô có vẻ quá hấp tấp vậy? - Holmes đan mười đầu ngón tay vào nhau và đưa mắt nhìn lên trần nhà.

Một lần nữa, nàng lại biểu lộ một sự kinh ngạc đến sững sờ.

- Ông Windibank - cha của tôi, chẳng quan tâm âm gì đến việc này cả. Ông ấy không muốn tôi báo cảnh sát, cũng không muốn tôi đến gặp ông. Ông ấy nói rằng việc này không có gì nghiêm trọng. Tôi đã nổi giận và chạy thẳng đến đây.

Holmes hỏi:

- Cha của cô à? Chắc là cha dượng của cô chẳng?

- Phải! Tôi gọi ông ấy bằng cha, nhưng ông ấy chỉ lớn hơn tôi có năm tuổi.

- Mẹ cô vẫn còn sống chứ?

- Vâng. Bà rất khỏe mạnh. Thưa ông, tôi không được vừa lòng khi thấy mẹ tôi tái giá quá sớm, nhất là tái giá với người đàn ông kém hơn bà đến 15 tuổi. Cha ruột tôi là thợ sửa ống và đặt ống ở Tottenham Court Road. Ông để lại cả một cơ xưởng trị giá 4.700 bảng đang hoạt động tốt. Mẹ tôi tiếp tục điều khiển cơ xưởng này với sự phụ tá của người đốc công là ông Hardy. Nhưng khi bà gặp ông Windibank, bà liền bán cơ xưởng và theo về với ông ấy.

- Phải chăng số lợi tức hàng năm của cô là do cơ nghiệp của cha cô để lại?

-Ồ không. Đó là gia tài của chú Ned ở Auckland. Đó là những cổ phiếu New Zealand trị giá tổng cộng 2.500 bảng, với 4,5% tiền lời.

Tôi chỉ lãnh số tiền lời đó thôi.

- Câu chuyện của cô làm cho tôi thích thú. Xem nào! Như thế, mỗi năm cô lãnh được 100 bảng, và tiền công đánh máy. Với hai số tiền ấy, một thiếu nữ độc thân có thể sống thoải mái, thảnh thơi đi du lịch hoặc mua sắm một vài món đồ, phải không?

- Vâng! Nhưng hiện giờ tôi còn ở chung với mẹ tôi và ông Windibank. Do đó tôi để cho hai ông bà hưởng số tiền lời ấy cho đến khi nào tôi có gia đình riêng. Cứ mỗi quý, ông Windibank đi lãnh số tiền lời của tôi đem về cho mẹ tôi. Còn tôi, tôi chỉ tiêu xài số tiền đánh máy.

- Cô đã cho tôi biết rất rõ ràng về tình trạng của cô - Holmes nói - Và bây giờ, đây là bác sĩ Watson, bạn thân của tôi. Cô đừng e ngại gì cả, cứ tự nhiên kể lại cuộc giao thiệp giữa cô và ông Hosmer.



Đôi má của nàng hơi ửng đỏ một chút:

- Khi cha tôi còn sống, các công nhân khí đốt thường gửi thiệp mời cả gia đình tôi đến khiêu vũ. Còn bây giờ họ gửi thiệp mời mẹ tôi và tôi. Ông Windibank chẳng bao giờ muốn chúng tôi đi đâu cả. Lần này, tôi nhất quyết đi dự! Ông tìm đủ cách để bác bỏ. Sau cùng, thấy tôi không chịu đổi ý ông ta bèn lên đường đi Pháp công tác cho công ty của ông ta. Mẹ tôi và tôi bảo ông Hardy đưa chúng tôi đi dự buổi khiêu vũ; và tôi đã gặp anh Hosmer ở đó.

- Từ Pháp trở về, ông bố dượng rất giận dữ khi được biết cô đã dự buổi khiêu vũ hôm đó?

- Ồ không. Ông ta chỉ cười và nhún vai. Ông ta còn nói rằng không nên cấm một người phụ nữ làm điều gì họ thích, bởi vì có cấm thì họ cũng vẫn làm.

- Tốt.

- Ngày hôm sau, Hosmer đến thăm chúng tôi, sau đó chúng tôi có gặp lại ông ấy một lần nữa... Nghĩa là, chúng tôi đã gặp nhau hai lần và đi dạo với nhau. Nhưng khi cha dượng tôi trở về, Hosmer không thể đến nhà thăm tôi nữa.

- Sao vậy?

- Bởi vì, cha dượng tôi không thích khách khứa đến nhà. Nhưng tôi nói với mẹ tôi rằng tôi muốn có gia đình.

- Ông Hosmer không tìm cách gặp lại cô sao?

- Thế này: cha dượng tôi lại phải đi Pháp trong một tuần lễ. Hosmer viết thư nói rằng nên chờ đợi cho cha dượng tôi đi đã rồi hãy gặp nhau. Trong thời gian chờ đợi, chúng tôi vẫn viết thư cho nhau. Mỗi buổi sáng, tôi đích thân ra hộp thư lấy thư, do đó cha dượng tôi chẳng hay biết gì cả.

- Vào thời gian đó, cô đã hứa hôn với ông Hosmer chưa?

- Ồ có, chúng tôi đã hứa hôn với nhau ngay từ buổi đi dạo đầu tiên. Hosmer là thủ quỹ trong một văn phòng ở phố Leadenhall và...

- Văn phòng nào?

- Thưa ông, đây chính là điều làm cho tôi hoang mang nhất: tôi không biết đó là văn phòng nào.

- Vậy thì ông ấy ở đâu?

- Anh ấy ngủ ngay tại chỗ làm việc.

- Cô không biết địa chỉ của ông ấy?

- Không. Tôi chỉ biết đó là phố Leadenhall.

- Vậy, cô gửi thư đến địa chỉ nào?

- Đến bưu điện phố Leadenhall, hộp thư lưu trữ. Anh ấy bảo rằng nếu tôi gửi thư đến văn phòng, thì anh ấy sẽ bị các bạn đồng nghiệp chế nhạo. Tôi đề nghị sẽ đánh máy những bức thư của tôi; giống như những bức thư của anh ấy gửi cho tôi vậy. Nhưng anh ấy không chịu, bảo rằng khi đọc những bức thư do chính tay tôi viết, anh ấy có cảm giác như được ở gần bên tôi. Thưa ông Holmes, điều này chứng tỏ anh ấy yêu thương tôi đến mức nào, và luôn luôn quan tâm đến những chi tiết nhỏ.

- Rất hay! Cô có thể nhớ lại những chi tiết nhỏ nào khác về ông Hosmer không?

- Thưa, đó là một thanh niên rất nhút nhát. Vì thế, anh ấy thích đi dạo vào một buổi tối hơn là ngay giữa ban ngày. Anh ấy rất nhu mì, ngay cả đến tiếng nói cũng nhỏ nhẹ, dường như lúc nhỏ có bị chứng viêm họng làm cho cổ họng bị yếu đi, do đó anh ấy có một giọng nói hơi thì thầm... không được rõ ràng lắm... Luôn ăn mặc đàng hoàng, sạch sẽ và giản dị... Mắt của anh ấy cũng không được tốt: lúc nào anh ấy cũng phải mang một cặp kính màu.

- Tốt lắm! Và chuyện gì đã xảy ra khi cha cô trở về?

- Trước đó, anh Hosmer đến đề nghị cử hành hôn lễ trước khi cha dưỡng tôi trở về. Anh ấy có vẻ gấp rút lắm, anh ấy bảo tôi đặt bàn tay lên quyển Kinh thánh, hứa rằng sau này dẫu cho có chuyện gì xảy ra, tôi sẽ vẫn luôn luôn trung thành với anh ấy. Mẹ tôi cho rằng đó là một dấu hiệu đẹp đẽ của tình yêu. Ngay từ lúc đầu, mẹ tôi đã có thiện cảm với anh ấy, tôi hỏi cha dưỡng tôi có ý kiến gì về việc

này, bà hứa sẽ dàn xếp với ông ấy, điều này không làm cho tôi thích lắm. Tại sao tôi lại phải xin phép cha dượng tôi để kết hôn. Nhưng tôi cũng viết thư cho ông ấy ở Bordeaux, nơi công ty ông ấy có văn phòng đại diện. Lá thư được gửi trả lại cho tôi ngay trong buổi sáng ngày hôn lễ.

- Ông ấy không chịu nhận thư à?

- Không, ông ấy lên đường đi Anh trước khi lá thư đến Bordeaux.

- Thật không may mắn! Vậy là hôn lễ đã được dự tính cử hành vào ngày thứ sáu vừa qua?



- Vâng, hôn lễ đã được dự tính cử hành ở nhà thờ St. Saviour's, gần King's Cross và sau đó chúng tôi sẽ dự bữa ăn trưa gia đình tại khách sạn St. Pancras. Hosmer đến nhà đón chúng tôi. Anh đỡ mẹ tôi và tôi lên chiếc xe ngựa có mui, còn anh thì nhảy lên một chiếc khác đang đậu gần đây. Xe của chúng tôi đến nhà thờ trước. Khi chiếc xe ngựa của anh ấy hiện ra, chúng tôi trông đợi anh Hosmer xuống xe, nhưng trông mãi chẳng thấy. Người đánh xe quay đầu nhìn vào bên

trong xe: anh Hosmer đã biến mất. Người đánh xe bảo rằng ông ta chẳng hiểu gì cả, rằng chính mắt ông ta đã trông thấy người khách nhảy lên xe... Chuyện này đã xảy ra hôm thứ sáu vừa qua, và cho đến nay tôi vẫn không được một tin tức gì cả về anh Hosmer.

- Tôi có cảm giác rằng cô đã bị lừa gạt một cách hết sức bỉ ổi - Holmes nói.

-Ồ không, thưa ông. Anh ấy quá tốt và quá ngay thật. Này nhé! Suốt cả buổi sáng hôm đó, anh ấy không ngừng lặp đi lặp lại với tôi rằng dẫu cho có chuyện gì xảy ra, tôi phải luôn luôn trung thành với anh ấy, rằng dẫu có một biến cố bất ngờ nào chia cách hai chúng tôi, tôi phải luôn luôn nhớ rằng tôi là của anh ấy, và sớm hay muộn gì anh ấy cũng sẽ tìm lại với tôi. Có lẽ đây là một cuộc nói chuyện thật kỳ dị trong một buổi sáng của ngày hôn lễ. Nhưng những sự việc xảy ra sau đó đã cho chúng ta thấy tất cả ý nghĩa của nó!

- Như thế theo ý cô thì Hosmer đã gặp phải một tai nạn bất ngờ

- Thưa phải.

- Nhưng cô không hề biết gì về cái điều nguy hiểm mà ông ấy đã tiên đoán.

- Hoàn toàn không.

- Mẹ cô đã phản ứng như thế nào trong vụ này?

- Bà rất giận dữ. Bà bảo tôi đừng bao giờ nhắc đến cái tên ấy trước mặt bà nữa.

- Cô có cho cha dượng biết việc này không?

- Có. Ông ấy cũng cho rằng có một điều gì đó đã xảy ra. Và ông ấy bảo đảm rằng chỉ trong thời gian ngắn, tôi sẽ được biết tin tức về Hosmer. Ông ấy nói với tôi: "Không có lý do gì một người đàn ông đã đưa con đến tận ngưỡng cửa nhà thờ rồi lại bỏ rơi con một cách ngang xương như vậy?". Thưa ông, tại sao chuyện này lại có thể xảy ra?

- Tôi sẽ giải quyết vụ này - Holmes nói, vừa đứng dậy - Tôi tin

chắc sẽ đạt được kết quả. Nhưng trước mắt, cô hãy cố gắng xóa bỏ cái tên Hosmer ra khỏi tâm trí của cô, hãy quên ông ta một cách hoàn toàn, cũng như ông ta đã hoàn toàn ra khỏi cuộc đời của cô.

- Vậy... ông nghĩ rằng tôi sẽ không còn gặp lại anh ấy nữa?

- Không.

- Nhưng điều gì đã xảy ra cho anh ấy?

- Tôi sẽ trả lời câu hỏi này sau. Tôi muốn có một bản mô tả đúng đắn hình dạng của ông ấy, và một trong số những lá thư của ông ta.

- Trên báo Saturday's Chronicle thứ bảy vừa qua có đăng một bản tin "Tìm người mất tích" với những chi tiết về hình dạng của anh ấy. Đây là bản tin được cắt ra và bốn lá thư của anh ấy.

- Cảm ơn cô. Địa chỉ của cô?

- 31, Lion Place, Camberwell.

- Ông Hosmer không hề cho cô biết địa chỉ của ông ấy. Còn cha dượng của cô, ông ấy làm việc ở đâu?

- Ông ấy làm đại diện thương mại cho công ty Westhouse & Marbank ở phố Fenchurch.

- Cảm ơn cô. Lời tường thuật của cô rất rõ ràng và đầy đủ. Xin cô nhớ lời khuyên của tôi: "Hãy quên đi tất cả câu chuyện này, đừng bao giờ để nó ám ảnh cuộc đời của cô nữa".

- Cảm ơn ông, thưa ông Holmes. Nhưng không thể được. Tôi phải tin tưởng anh Hosmer.



Mặc dầu trông nàng có vẻ xoàng xĩnh với chiếc mũ rộng vành kỳ dị và gương mặt hơi ngây ngô chât phác, nhưng tấm lòng chung thủy của nàng có một cái gì cao quý làm cho người ta phải kính trọng. Nàng đặt xấp thư của nàng lên bàn và ra về sau khi hứa sẽ trở lại bất cứ lúc nào chúng tôi cần đến nàng.

Holmes ngồi im lặng một lúc lâu, hai bàn tay đan nhau, hai chân duỗi thẳng, nhìn đăm đăm trên trần nhà. Rồi anh cúi xuống, cầm lấy cái tẩu đất cũ mỗi thuốc. Sau khi rít một hơi thuốc, anh dựa thẳng người vào ghế bành, một làn khói nhạt tỏa ra, vẻ mặt chìm đắm trong suy tư.

- Thiếu nữ đó là một sự nghiên cứu khá thú vị. - Anh nói - Tôi nghĩ là cô ấy thú vị hơn là vấn đề nhỏ bé của cô ấy. Nào, nhân tiện, anh tìm giúp tôi một bộ hồ sơ cũ. Vụ án Andover hồi năm 1877, và một vụ tương tự ở Hague hồi năm ngoái. Về ý tưởng thì xưa rồi, tuy nhiên, cũng có một vài chi tiết mới. Trừ phi chính thiếu nữ ấy là bổ ích.

Tôi đưa ra một nhận xét:

- Anh đã đọc thấy nơi nàng vô số những điều mà tôi hoàn toàn không thấy được.

- Không phải là không thấy được, chỉ vì anh không chú ý đến chúng đấy thôi, anh không biết nhìn, chính vì thế mà anh không nắm được cái chính yếu. Nào, bây giờ anh hãy thử mô tả lại nàng cho tôi xem đi.

- Nàng đội một chiếc nón rộng vành màu xám đá, được trang trí bằng một cọng lông chim màu đỏ gạch. Chiếc áo jacket màu đen có gắn những hạt ngọc trai cũng màu đen. Nàng mặc một chiếc áo dài nâu, sẫm hơn màu cà phê, cổ áo và hai cánh tay áo có một miếng vải lông nhỏ màu đỏ tía. Đôi găng tay màu xám, bị mòn ở ngón trỏ bên mặt. Tôi không quan sát đôi giày của nàng. Nàng mang một đôi bông tai nhỏ bằng vàng.

Holmes vỗ tay khen ngợi, tuy giọng nói của anh có vẻ hơi chế nhạo.

- Watson, anh tiến bộ nhiều đấy! Sự thật, anh gần như không bỏ sót chi tiết nào cả, ngoại trừ một chi tiết khá quan trọng. Nhưng tôi khen anh đã có cái nhìn đúng về màu sắc. Anh đừng bao giờ tin tưởng vào cái cảm giác tổng quát đầu tiên của mình, mà phải tập trung sự chú ý vào những chi tiết. Khi tôi quan sát một phụ nữ, trước hết tôi nhìn vào hai cánh tay áo. Anh đã nhận xét đúng, nàng có miếng vải lông trên hai cánh tay áo, và vải lông là một yếu tố có ích, bởi vì nó giữ được những dấu vết. Nếu chú ý hơn chút nữa, anh sẽ thấy cái lằn nếp đôi ở phía bên trên cổ tay áo một chút, nơi mà người đánh máy tựa tay vào bàn. Kế đó, quan sát gương mặt nàng, tôi để ý dấu vết của một chiếc kính cặp mũi, tôi bèn đưa ra một nhận xét về tình trạng cận thị của nàng và về chiếc máy đánh chữ, một nhận xét khiến cho nàng phải kinh ngạc vì nó trúng phóc.

- Tôi cũng kinh ngạc nữa.

- Sau đó, nhìn đôi giày, tôi phải ngạc nhiên và chú ý. Đó là đôi giày boots cao cổ, nhưng một chiếc thì chỉ được cài ở hai nút phía dưới, còn chiếc kia thì chỉ được cài ở nút thứ nhất, thứ ba và thứ năm. Khi

anh thấy một thiếu nữ ăn mặc sang trọng như thế mà lại ra đường với một đôi giày chưa được cài nút đàng hoàng, anh sẽ đoán biết nàng đã ra đi một cách rất vội vã...

- Còn gì nữa không? - Tôi rất quan tâm đến những suy luận sắc bén của Holmes.

- Tôi nhớ rằng cô ấy đã viết trước khi đi nhưng sau khi đã ăn vận xong xuôi. Anh có thể thấy găng tay bị mòn phía bên phải nhưng lại không để ý rằng cả ngón tay lẫn găng tay đều bị lấm mực. Cô ấy đã viết rất vội vã và nhúng bút quá sâu vào bình mực. Điều đó chỉ mới xảy ra sáng nay thôi. Còn nhiều điều thú vị khác nữa, nhưng bây giờ xin anh vui lòng đọc cho tôi bản tin rao vặt mô tả hình dạng của Hosmer.

Tôi đưa miếng báo cắt đến gần đèn và đọc:

"Một người đàn ông tên Hosmer Angel đã mất tích vào buổi sáng ngày 14. Cao gần 1 mét 70, thân hình cân đối, nước da vàng, tóc đen, đầu hơi hói, râu mép và râu má rậm. Mang kính màu. giọng nói hơi khó nghe..."

- Như vậy đủ rồi - Holmes nói - Bây giờ chúng ta hãy xem qua những lá thư... Nội dung của chúng xoàng xĩnh đến phát chán và không cho chúng ta biết gì cả về ông Hosmer. Tuy nhiên, có một chi tiết đáng chú ý...

- Tất cả những lá thư đó đều được đánh máy...

- Đúng, nhưng đây là chi tiết quan trọng nhất: ngay cả chữ ký cũng được đánh máy. Bạn hãy xem hai chữ "Hosmer" được đánh máy rất rõ ràng ở phía dưới lá thư. Có ghi ngày tháng, nhưng địa chỉ thì chỉ được ghi một cách mơ hồ là phố Leadenhall. Cái chi tiết về chữ ký này có một ý nghĩa rất quan trọng.

- Ý nghĩa như thế nào?

- Có lý nào anh không nhận thấy tầm quan trọng của nó.

- Có lẽ ông Hosmer làm thế là để có thể chối bỏ chữ ký của mình trong trường hợp bị đưa ra tòa về tội đơn phương hủy bỏ hôn ước.

- Không phải như thế. Nhưng tôi chỉ cần viết hai lá thư là sẽ giải quyết xong vấn đề. Lá thứ nhất gửi cho một công ty ở trung tâm thương nghiệp London, lá thứ nhì gửi cho người cha dượng của Sutherland, yêu cầu ông ấy đến gặp chúng ta vào lúc 6 giờ chiều ngày mai. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy tạm thời xếp cái vấn đề nhỏ bé này vào ngăn tủ và khóa lại.

Suốt cả ngày hôm sau, tôi mắc bận săn sóc cho một bệnh nhân rất nặng. Mãi đến gần 6 giờ chiều tôi mới được rảnh, liền nhảy lên một chiếc xe ngựa. Khi tôi bước vào, anh đang nằm gọn lỏn trong chiếc ghế bành ngủ gà ngủ gật. Chung quanh anh ngổn ngang vô số những chai lọ, ống nghiệm, và một mùi acid clohidric còn phả phất trong không khí.



- Thế nào, bạn đã tìm ra chưa? - Tôi hỏi.

- Tìm ra rồi! Đó là chất Sufat barium.

- Không, không, tôi muốn hỏi cái vụ bí mật của ông Hosmer kia.

- À, cái vụ bí mật đó hả? Thế mà tôi cứ tưởng anh hỏi kết quả những thí nghiệm hóa học. Cái vụ đó chả có gì là bí mật cả. Điều làm cho tôi bức tức là trong trường hợp này không có điều luật nào được trừ liệu để trừng phạt tên đầu giả đó.

- Vậy hẳn là ai? Và tại sao hẳn đã bỏ rơi nàng?

Holmes mở miệng toan trả lời thì có tiếng bước chân ngoài hành lang và tiếng gõ cửa.

- Đó là cha dượng của cô Sutherland. Ông ta đã trả lời rằng ông ta sẽ đến đây vào lúc 6 giờ. Xin mời vào.

Khách là một người đàn ông vạm vỡ, cao trung bình, trạc 30 tuổi. Gương mặt vàng nhạt, trụi lủi, không có râu mép, râu cằm hay râu má gì cả. Ông ta có một vẻ dịu dàng giả tạo. Đôi mắt xám, rất linh hoạt và sắc sảo ném một cái nhìn dò hỏi về phía chúng tôi. Đoạn ông ta đặt nón lên chiếc tủ buýp-phê, hơi nghiêng mình một chút và ngồi xuống chiếc ghế gần nhất.

- Xin chào ông Windibank. Có phải lá thư đánh máy, xác nhận ông bằng lòng đến đây gặp chúng tôi, là của ông không?

- Thưa ông, phải. Tôi đến hơi trễ một chút nhưng tôi không làm chủ được thì giờ. Tôi rất lấy làm tiếc rằng con tôi đã đến quấy rầy ông vì cái việc nhỏ nhặt này. Thật vậy, tôi thấy không nên đem chuyện xấu của gia đình mình phơi bày ra cho người ngoài biết. Dĩ nhiên, ông chỉ là một thám tử tư, không dính líu gì cả với cảnh sát, nhưng dẫu sao tôi cũng không thích thấy người ta làm rùm beng lên chung quanh một chuyện của gia đình tôi. Hơn nữa, những chi phí này rất là vô ích, bởi vì làm sao ông có thể tìm ra được anh chàng Hosmer.

- Trái lại. Tôi sẽ tìm ra được ông Hosmer.

Ông Windibank giật nảy mình, để rơi đôi găng tay xuống sàn nhà.

- Tôi rất mừng được nghe ông báo tin này.

- Điều đáng ngạc nhiên, là những máy đánh chữ cũng có cá tính riêng biệt của chúng! Những chữ của chúng đánh ra không bao giờ y hệt nhau. Có những chữ có vẻ mòn hơn những chữ khác, có những chữ chỉ mòn có một bên... Này ông, trong lá thư đánh máy của ông gửi cho tôi, tôi nhận thấy trên tất cả những chữ "e" đều có một vết nhòe nhỏ, và tất cả những chữ "t" đều có dấu gạch ngang hơi mờ. Tôi còn đếm được 14 đặc điểm khác, nhưng hai đặc điểm vừa kể, là nổi bật nhất.

- Ở văn phòng, chúng tôi sử dụng cái máy chữ đó để đánh tất cả những thư tín của chúng tôi, chắc chắn là nó không còn được tốt lắm.

Trong khi trả lời, đôi mắt sắc sảo của ông ta nhìn Holmes đăm đăm.

- Và bây giờ, tôi sẽ trình bày cho ông xem một trường hợp thật là thú vị. Đây, bốn lá thư đều được đánh máy. Trong mỗi lá thư, bên trên những chữ "e" đều có những vết nhòe nhỏ, và tất cả những chữ "t" đều có dấu gạch ngang không được rõ. Nếu ông chịu khó lấy chiếc kính lúp của tôi để xem, tôi sẽ chỉ cho ông thấy 14 đặc điểm khác mà tôi đã nói với ông lúc nãy.

Ông Windibank liền đứng phắt lên và chụp lấy chiếc nón của ông ta.

- Ông Holmes, tôi không có thì giờ rảnh để nói những chuyện tầm phào! Nếu ông có thể bắt gặp được ông Hosmer thì hãy cứ bắt đi, rồi báo tin cho tôi biết.



- Chắc chắn là như thế? - Holmes đáp, vừa lẹ làng đứng lên khóa trái cửa lại - Ông nên biết rằng tôi đã bắt được Hosmer rồi.

- Sao? Ở đâu? - Ông Windibank kêu lên bằng một giọng thoảng thốt, gương mặt nhợt nhạt nhìn dáo dác khắp chung quanh như một con chuột bị sa bẫy.

- Ồ không sao... Không sao cả! - Holmes đáp bằng một giọng ngọt lịm - Ông Windibank, bây giờ ông không còn cách nào để thoát được nữa. Tất cả đều đã quá rõ ràng. Nào! Bây giờ ông hãy ngồi xuống và chúng ta sẽ nói chuyện với nhau!

Ông Windibank ngồi phịch xuống. Gương mặt tái mét, trán ướt đầm mồ hôi.

- Pháp... pháp luật không thể làm gì được tôi! - Ông ta nói lắp bắp.

- Có thể là pháp luật không làm gì được ông. Nhưng hành động

của ông thật là vô cùng đê tiện, tàn nhẫn và ích kỷ... Tôi sẽ kể lại sự việc từ đầu đến cuối và nếu tôi có sai chỗ nào thì ông cứ việc sửa.

Ông Windibank ngồi thu mình trong chiếc ghế bành, hoàn toàn mất hết tinh thần. Holmes bắt đầu nói, hai tay thọc vào túi quần, hai chân gác lên góc lò sưởi.

- Người đàn ông đó đã kết hôn với một người đàn bà lớn tuổi hơn ông ta rất nhiều, chỉ vì tiền. Người đàn bà có một cô con gái riêng còn đang sống chung trong nhà với họ, và cặp vợ chồng đó được hưởng số tiền 100 đồng bảng, lợi tức hằng năm của cô gái. Đó là một số tiền khá lớn đối với họ, và họ muốn được hưởng nó mãi mãi. Dĩ nhiên, khi cô gái lập gia đình riêng, người cha dượng sẽ không còn được hưởng số tiền đó nữa, ông ta bèn tìm cách ngăn cản việc lập gia đình của cô gái.

Thoạt đầu, ông ta ngăn cấm không cho nàng giao thiệp với những chàng trai cùng lứa tuổi. Nhưng sự ngăn cấm này không có hiệu lực được lâu. Một hôm, cô gái nổi lên chống lại sự độc đoán của người cha dượng, và báo cho ông ta biết quyết định của nàng đi dự một buổi khiêu vũ. Trước tình thế này, đầu óc thông minh của người cha dượng liền nghĩ ra một kế: với sự đồng lõa giúp đỡ của bà vợ và lợi dụng tình trạng cận thị của cô gái, ông ta bèn cải trang thành một người đàn ông khác.

Mang một cặp kính màu, đeo một bộ râu giả, và biến giọng nói bình thường của mình thành một giọng nói thì thầm êm dịu, ông ta đến dự buổi khiêu vũ, làm quen với cô gái và tự giới thiệu mình là Hosmer, thế là người cha dượng đã đóng vai trò một kẻ si tình cô con gái riêng của vợ mình, để gạt ra ngoài bất cứ anh chàng nào muốn lăm le tán tỉnh cô.

- Lúc đầu, đó chỉ là một trò đùa mà thôi - Ông Windibank nói bằng một giọng rên rỉ - Vợ tôi và tôi, chúng tôi không ngờ cô ấy lại có một tâm hồn dễ say mê đến thế.

- Có lẽ! Nhưng đầu sao, nàng cũng đã say mê ông Hosmer. Tin rằng người cha dượng đang ở bên Pháp, nàng không hề nghĩ có một sự sắp xếp giữa bà mẹ và ông ta để lừa gạt nàng. Và nàng còn say mê ông Hosmer nhiều hơn khi thấy chính mẹ nàng cũng tỏ ra rất có

thiện cảm với ông ta. Sau đó hai người đã có những cuộc gặp gỡ, những cuộc đi dạo thân mật và đã đính hôn với nhau. Tuy nhiên sự lừa gạt không thể kéo dài mãi mãi được. Ông Hosmer bèn nghĩ ra một cách kết thúc vụ này như là một bi kịch đột ngột và bí mật, cố ý gây cho cô gái một ấn tượng sâu xa, một xúc động mạnh mẽ để cô không còn nghĩ đến bất cứ một người đàn ông nào khác trong tương lai. Do đó mới có cái màn ông Hosmer yêu cầu cô gái đặt tay lên quyển Kinh thánh thề trọn đời thủy chung với ông ta, và cũng do đó mới có những lời nói bóng gió của ông Hosmer về một biến cố bất ngờ có thể xảy ra làm cho hai người phải xa nhau. Ngay trong buổi sáng ngày hôn lễ, Hosmer muốn làm cho cô Sutherland phải yêu thương mình trọn đời, và đặt cô trong tình trạng hoang mang về số phận của người hôn phu mất tích. Mục đích của ông ta là làm cho cô không nghe lời tán tỉnh của bất cứ một người đàn ông nào, ít nhất là trong vòng 10 năm nữa, như thế ông ta sẽ còn được hưởng 100 bảng trong một thời gian nữa. Ông ta đưa nàng đến tận cửa nhà thờ, đến đó tấn bi kịch lừa gạt phải chấm dứt. Chuyện phóng mình ra khỏi chiếc xe ngựa đang chạy thong thả không có gì là khó khăn hết. Ông Windibank, tôi thuật lại câu chuyện từ đầu đến cuối như vậy có sai chỗ nào không?

Trong khi Holmes mãi mê nói, ông Windibank đã trấn tĩnh trở lại. Ông ta đứng lên, cất tiếng cười gằn:

- Ông Holmes, có thể là ông không sai lầm. Nhưng ông đã thông minh đến thế thì chắc phải hiểu rằng, trong lúc này, nếu có kẻ nào phạm pháp thì đó là ông chứ không phải là tôi. Từ đầu đến cuối, tôi không hề phạm một điều gì mà pháp luật có thể can thiệp được. Nhưng ông, cho tới khi nào ông vẫn còn khóa chặt cửa phòng này, ông có thể bị thưa về tội hành hung và giam giữ người trái phép.

- Đúng vậy, ông không có điều gì phạm pháp cả - Holmes đáp, vừa mở rộng cửa phòng ra - Mặc dầu vậy, ông vẫn đáng bị đánh đòn; nếu cô gái đó có một người anh hay một người bạn trai, chắc chắn ông sẽ bị một trận đòn như tử.

Cái cười ngạo nghễ và chọc tức của Windibank làm cho Holmes nổi cơn giận dữ. Anh nói như hét:

- Hãy ném thử cây gậy này.

Anh với tay chụp lấy cây gậy ở gần bên, nhưng gã lưu manh đã ba chân bốn cẳng chạy xuống cầu thang, rồi có tiếng cánh cửa ra vào của ngôi nhà đóng sầm lại. Đứng bên cửa sổ nhìn xuống, chúng tôi thấy gã đang chạy như bay trên lễ đường.



- Đúng là một tên đầu giả mặt dày! - Holmes nói, rồi phá lên cười và buông mình xuống một chiếc ghế bành - Tên này trong tương lai gần sẽ còn phạm thêm nhiều tội ác nữa, cuối cùng thì hẳn cũng sẽ đi đến cây cột treo cổ thôi! Vụ này kể ra cũng không phải là không thú vị.

- Tuy nhiên tôi thú thật rằng tôi không theo kịp được những suy diễn của anh trong vụ này.

- Này nhé! Ngay từ lúc đầu, tôi thấy rõ là cái ông Hosmer đó có một thái độ rất kỳ quặc. Và tôi cũng thấy rõ là người duy nhất hưởng lợi trong vụ này là người cha dượng. Thế nhưng hai người đàn ông đó không bao giờ gặp mặt nhau cả. Khi một người xuất hiện thì

người kia biến mất; sự kiện này là một chi tiết hướng dẫn rất quan trọng! Và rồi cặp kính màu, bộ râu giả, giọng nói khác lạ với giọng nói của một người bình thường... Khi xem xét đến những lá thư đánh máy với chữ ký cũng được đánh máy, tôi thấy những nghi ngờ của tôi là đúng; người gửi những lá thư đó muốn che giấu chữ viết của mình mà cô gái đã quá quen thuộc. Tất cả những chi tiết rời rạc này được sắp xếp lại và phối hợp với những chi tiết khác, dẫn dắt sự suy luận của tôi vào một chiều hướng duy nhất.

- Và anh đã kiểm chứng những chi tiết đó như thế nào.

- Tôi biết ông Windibank làm việc cho công ty Westhouse & Marbank ở Frenchurch. Tôi có bản mô tả hình dạng của Hosmer do cô Sutherland trao cho. Tôi bắt đầu loại bỏ tất cả những gì có thể nguy hại được: cặp kính màu, bộ râu, giọng nói, và gửi bản mô tả hình dạng đó đến công ty, yêu cầu họ vui lòng cho tôi biết trong số những người đại diện thương mại của họ có ai phù hợp với hình dạng này không.

Trước đó, tôi đã chú ý đến những đặc điểm của những lá thư đánh máy, và tôi viết cho Windibank một lá thư gửi ngay đến công ty của ông ta, yêu cầu ông ta đến gặp tôi. Như tôi đã đoán trước, ông ta trả lời tôi bằng một lá thư đánh máy, và lá thư này cũng có những đặc điểm y hệt như những đặc điểm mà tôi đã nhận xét nơi bốn lá thư kia. Đồng thời, tôi cũng nhận được của công ty Westhouse & Marbank một lá thư xác nhận rằng bản mô tả hình dạng của tôi gửi đến hoàn toàn phù hợp với hình dạng của ông Windibank. Tất cả sự việc chỉ giản dị có thể thôi.

- Còn cô Sutherland.

- Nếu tôi nói sự thật cho cô ấy biết, cô ấy sẽ không tin đâu. Bạn có nhớ một câu tục ngữ của người Ba Tư không: "Vào hang cọp để bắt cọp con là một điều nguy hiểm; nhưng làm cho một người đàn bà mất hết những ảo tưởng của họ lại càng nguy hiểm hơn".

BÍ ẨN Ở THUNG LŨNG BOSCOMBE

The Boscombe Valley Mystery

Vào một buổi sáng khi hai vợ chồng tôi đang đi tìm chỗ con hầu chạy vào đưa cho tôi bức điện của Sherlock Holmes, nội dung bức điện như thế này:

“Anh có thể vắng nhà vài ngày được không? Tôi được mời đến miền Tây nước Anh vì một câu chuyện đau đớn đã xảy ra ở thung lũng Boscombe. Rất sung sướng nếu anh cùng đi với tôi. Thời tiết rất tuyệt. Chúng ta sẽ đi từ ga Paddington vào lúc 11 giờ 15 phút.”

“Anh sẽ đi chứ?” Vợ tôi âu yếm nhìn tôi và hỏi.

“Anh chưa biết nữa. Hiện anh có nhiều bệnh nhân quá...”

“Ồ, ngài Anstruther sẽ tiếp nhận hết, lo gì! Trong thời gian gần đây anh không được khỏe lắm. Cuộc dạo chơi này sẽ bổ ích cho anh đấy. Hơn nữa anh bao giờ cũng quan tâm đến từng công việc của anh Sherlock Holmes kia mà?!”

Kinh nghiệm trong những năm sống hoang dã tại Afghanistan đã làm cho tôi cứng cáp chai sạn trong những chuyến đi tham quan dài ngày. Đồ đạc của tôi rất giản đơn, vì vậy tôi ngoi lên chiếc xe ngựa sớm hơn dự định và phóng nhanh ra ga Paddington.

Sherlock Holmes đang đi dọc theo chỗ đợi tàu. Bộ quần áo đi đường màu nâu với cái mũ nỉ làm cho thân hình gầy, cao của anh càng gầy nhom và dài ngoẵng ra.

“Thật tuyệt khi anh đã đến, Watson ạ” Holmes nói “Tôi rất mừng khi bên cạnh tôi là một người mà tôi hoàn toàn tin cậy. Cảnh sát địa phương đã bắt lực, hoặc đi theo hướng sai lầm. Anh nhảy lên chiếm hai chỗ trong góc toa, còn tôi chạy lấy hai cái vé.”

Khi chúng tôi ngồi yên vị trong toa tàu, Holmes lấy báo ra đọc,

thình thoảng anh dừng lại ghi chép và nghỉ ngơi. Tàu đến ga Reading. Bỗng Sherlock vò nát tất cả giấy tờ lại một nắm và ném vào gói hành lý.



“Anh đã nghe nói gì về câu chuyện này chưa?” anh hỏi.

“Chưa nghe. Đã mấy ngày nay tôi chưa hề ngó tới một tờ báo!”

“Các báo xuất bản ở London đều đăng rất cụ thể. Tôi vừa mới đọc lướt qua để hiểu rõ ràng hơn. Nhưng hình như đó là một trường hợp không phức tạp lắm, nhưng người ta cho là rất khó giải quyết.”

“Những lời anh nói nghe mới ngược đời làm sao!”

“Nhưng đó là sự thật. Trong ngược đời thường có những căn cứ để làm sáng tỏ chân lý, vụ án càng đơn giản bao nhiêu thì càng khó phá bấy nhiêu. Ở trường hợp này quan trọng là chứng cứ chống lại con trai của kẻ bị giết.”

“Tức là có vụ giết người à?”

“Họ cho là như vậy. Còn tôi thì chưa khẳng định khi tôi chưa tìm hiểu cụ thể sự việc. Tôi chỉ giải thích được cho anh trong chừng mực nào đó về tình trạng hiện nay mà tôi biết được.

Thung lũng Boscombe là vùng nông thôn gần thị trấn Ross, thuộc miền Herefordshire. Chủ đồn điền lớn nhất vùng này là ngài John Turner. Ông ta đã làm giàu bên Áo và vài năm trước đây đã trở về tổ quốc. Ông ta cho ngài Charles McCarthy thuê một trang trại của mình, trang trại Hatherley - người này trước kia cũng sống ở bên Áo. Họ quen nhau trong những năm bốn ba đất khách quê người và khi thay đổi môi trường sống họ vẫn quan hệ với nhau như những người bạn. Thực ra mà nói ngài Turner giàu có hơn, còn ngài McCarthy thì mượn ruộng đất của ngài Turner, nhưng quan hệ của họ vẫn thân thiết. Ngài McCarthy có một cậu con trai khoảng 17-18 tuổi; còn ngài Turner thì có một cô con gái độc nhất cũng trạc tuổi như vậy. Cả hai người cha ấy đều góa vợ. Họ có vẻ như muốn lẫn, tránh giao thiệp với những gia đình khác và sống rất tách biệt, mặc dù họ rất yêu thích thể thao và thường tham gia đua ngựa. Ngài McCarthy chỉ thuê một người hầu trai và một người hầu gái. Ngài Turner giàu có hơn nên thuê nửa tá người hầu. Đó là tất cả những gì tôi biết về hai gia đình ấy. Còn bây giờ là những điều đã xảy ra với họ.

Vào ngày mùng 3 tháng 6, có nghĩa là vào hôm thứ hai vừa rồi, ngài McCarthy đi đến Hatherley vào lúc 15 giờ chiều rồi sau đó ra hồ Boscombe. Đây là một cái hồ không lớn lắm, hồ này do một con suối nhỏ đổ vào, con suối ấy chảy dọc theo thung lũng Boscombe. Buổi sáng ông ta ra thị trấn Ross và có nói với người hầu là ông ta rất vội vì đúng 15 giờ có cuộc hẹn hò rất quan trọng. Sau cuộc hẹn không thấy ông ta trở về nữa. Từ trang trại Hatherley đến hồ Boscombe khoảng một phần tư dặm ¹⁰⁾. Trong lúc ông ta đi đến đây thì có hai người nhìn thấy. Người thứ nhất là một bà già không thấy nhắc tên trên báo. Còn người thứ hai là ông William Crowder, người kiểm lâm của ngài Turner. Cả hai nhân chứng này đều nói rằng ngài McCarthy chỉ đi có một mình. Người kiểm lâm còn bổ sung một chi tiết nữa là, sau cuộc gặp gỡ McCarthy cha không lâu, thì anh ta lại nhìn thấy James McCarthy. Anh chàng này mang theo khẩu súng săn bên mình. Người gác rừng khẳng định là chắc chắn người con trai cũng đi theo

gót cha. Người gác rừng hoàn toàn quên biến cuộc gặp gỡ kia, nhưng đến tối khi nghe câu chuyện đau đớn xảy ra thì anh ta bỗng nhớ tất cả.

Hồ Boscombe được bao bọc bởi một khu rừng rậm rạp, xung quanh bờ lau sậy mọc um tùm. Cô bé Patience Moran 14 tuổi, con người bảo vệ rừng, trong lúc hái hoa ở khu rừng bên cạnh đã nhìn thấy hai cha con nhà McCarthy đang cãi nhau gay gắt. Cô ta nghe thấy tiếng quát của ông bố như tát nước, còn người con trai giơ tay lên như định dọa đánh bố mình. Cô bé hoảng sợ trước cảnh tượng như vậy và vội vàng chạy về nhà kể lại cho bố mẹ nghe những gì đã xảy ra. Cô bé kể xong câu chuyện đó được một lát thì người con trai McCarthy lao đến gặp người gác rừng, anh ta thều thào rằng vừa thấy bố mình bị sát hại và nhờ người gác rừng ra giúp một tay. Anh ta hoảng sợ mất bình tĩnh, trên người không súng, không mũ và ở cánh tay phải có dính những vết máu còn mới nguyên. Người gác rừng nhanh chóng đi theo anh ta đến chỗ người bị giết. Xác chết nằm sững sượt trên bãi cỏ gần mép nước. Sọ người chết bị đập dập bởi một thứ vũ khí nặng vào tà đầu. Những vết thương kiểu ấy chỉ có thể do bóng súng gây ra, khẩu súng săn của anh con trai vút lăn lóc cách thi hài chỉ vài ba bước. Trước những tang chứng đó, người con trai bị bắt ngay lập tức. Vào ngày thứ ba người ta đã buộc tội sơ bộ: "Một vụ giết người có chủ tâm". Vào hôm thứ tư cậu McCarthy phải ngồi ghế bị cáo của tòa sơ thẩm huyện Ross. Công việc ngã ngũ ra sao còn phải đợi ngày ra tòa chung thẩm. Tất cả những sự kiện và dữ kiện ấy thì cảnh sát an ninh đã nắm đầy đủ hết."



“Khó lòng mà tưởng tượng nổi, quả là một sự việc hèn hạ và bí ối!” Tôi nhận xét “Đây là trường hợp mà bằng chứng gián tiếp đủ vạch mặt kẻ phạm pháp, tôi chưa thấy bao giờ.”

“Mọi chứng cứ gián tiếp đều dễ đánh lừa lắm.” Holmes dăm chiêu “Nó có thể chứng minh theo một hướng rõ ràng; nhưng nếu anh có khả năng phân tích những dẫn chứng ấy, thì anh có thể phát hiện ra những chứng cứ này thường không dẫn chúng ta đi đến chân lý, mà đi vào một hướng phi chân lý. Chắc chắn giờ đây sự việc đang chống lại người con trai; loại trừ khả năng chính cậu ta là kẻ phạm pháp thật sự. Tuy thế vẫn có người làm chứng cho sự vô tội của cậu ta. Đó là nàng Turner - con gái ngài Turner. Tiểu thư đã nhờ thanh tra Lestrade bào chữa cho bị cáo. Ngài Lestrade cho rằng bào chữa trong trường hợp này sẽ rất khó, vì vậy ông ta chuyển nó đến tôi và nhờ tôi giải quyết giúp. Thế là có hai thám tử hiện đang trên đường phóng tới miền Tây với tốc độ 50 dặm một giờ, để đến sáng mai có thể đàng hoàng ăn điểm tâm tại nhà.”

“Tôi chỉ ngại,” Tôi nói “từ một dữ kiện buộc tội đã qua rồi, khả năng giành thắng lợi trong vụ này của anh sẽ bị hạn chế.”

“Những sự kiện, hiển nhiên không thể che mờ tất cả” Holmes vừa cười vừa nói “Nhưng, nếu chúng ta cũng có khả năng tìm được những chứng cứ hiển nhiên không thể chối cãi được như thế thì sao. Biết đâu chúng nó sẽ có ích cho ngài Lestrade. Anh đã hiểu tôi quá rồi, trong suy nghĩ anh đừng cho tôi là kẻ khoác lác. Tôi hoặc là sử dụng những dữ kiện do Lestrade thu thập được, hoặc là tôi bác bỏ hoàn toàn: bởi vì ngài Lestrade không hiểu một tí gì hết. Chỉ cần ví dụ như thế này: Tôi biết buồng ngủ của anh quay về phía bên phải, nhưng chắc chắn ngài Lestrade chưa biết điều đó.”

“Quả thật như thế thì có sao đâu?”

“Anh bạn thân mến của tôi ơi! Tôi với anh quen nhau đã lâu và tôi rất rõ tính cẩn thận của anh. Mỗi buổi sáng anh đều cạo râu dưới ánh sáng mặt trời - Phía bên trái khuôn mặt của anh cạo không được tốt bằng phía bên phải. Điều đó chứng tỏ bên má phải anh được ánh sáng chiếu nhiều hơn bên má trái. Anh là một con người cẩn thận, ăn mặc chải chuốt, cho nên khi quan sát thấy như vậy tôi đã có kết luận đúng đắn. Tôi chỉ ví dụ thế thôi, một ví dụ đơn giản về quan sát để rút ra những kết luận. Nghề nghiệp của tôi chỉ gói gọn trong mấy thứ ấy và có thể nó rất cần thiết cho công việc sắp đến của chúng ta. Có một vài chi tiết nhỏ mọn được làm sáng tỏ trong lúc hỏi cung cậu con trai làm cho tôi chú ý.”

“Anh chú ý cái gì?”

“Người ta đã đến bắt McCarthy con sau đó một chút khi anh ta đã về đến trang trại Hatherley. Khi cảnh sát đọc lệnh bắt, anh ta nói rằng - điều đó không làm anh ta ngạc nhiên chút nào, vì anh ta đáng bị trừng phạt. Lời của anh ta mang tính chất phục thù. Điều đó đã làm tiêu tan những nghi ngờ của người thẩm vấn.”

“Một sự thú nhận tội lỗi!” Tôi thốt lên.

“Không đâu, sau đó anh ta mới bào chữa cho sự trong sạch của mình.”

“Nhưng những lời bào chữa xuất hiện sau những chứng cứ xác

đáng đến khủng khiếp như vậy, càng làm họ nghi ngờ thêm.”

“Ngược lại,” Holmes nói “đó chính là một đốm sáng duy nhất mà tôi hy vọng sẽ nhìn thấy từ trong đám mây đen. Chính chàng trai kia cũng không thể ngờ rằng tai họa đang giáng xuống đầu mình. Nếu anh ta giả vờ làm bộ ngạc nhiên và chống đối khi được tin mình bị bắt, thì điều đó càng vạch mặt kẻ dối trá mà thôi. Bởi vì mọi sự công phần trong bối cảnh phức tạp như vậy chỉ là một sự giả dối trắng trợn. Thái độ bàng quan, thờ ơ của anh ta trong giây phút bị bắt, hoặc nói lên anh ta vô tội hoặc ngược lại, nó vạch trần tính tự chủ có ý định và lòng kiên nghị của anh ta. Khi anh ta nói anh ta bị bắt là điều hiển nhiên mà thôi, vì anh ta đã quên mất, nghĩa vụ làm con của mình, đã dám lăng mạ cha mình, còn định đánh nữa. Câu trả lời ấy nói lên sự ăn năn hối hận, lương tâm anh ta bị vò xé, điều này làm cho tôi nghĩ anh ta là người trong sạch hơn là một kẻ giết người.”

Tôi ngao ngán lắc đầu.

“Nhiều người đã bị treo cổ vì những bằng chứng nhỏ như thế.” Tôi nhận xét.

“Đúng như vậy, và trong số họ cũng có nhiều người bị treo cổ oan ức.”

“Thế anh đã có cách gì để cứu vớt chàng thanh niên kia chưa?”

“Chưa có gì đặc biệt để giúp cho ngài luật sư bào chữa cho anh ta cả mặc dù rằng có đôi chút hy vọng. Đây, anh đọc xem có tìm thấy gì không?!”

Anh lấy trong cặp ra vài tờ báo địa phương, lật qua mấy trang rồi chỉ cho tôi mấy dòng tự khai của anh bạn trẻ McCarthy. Tôi ngồi vào một góc toa tàu và chăm chú đọc tờ báo.

“Ngài James McCarthy được gọi lên chất vấn. Anh ta khai:

- Tôi vắng mặt ở nhà ba ngày đêm; những ngày này tôi ở Bristol và trở về nhà vào đúng hôm thứ hai tuần vừa rồi, ngày mừng ba khi tôi về tới nhà thì không thấy cha tôi ở nhà; người hầu gái nói lại rằng cha tôi đi ra thị trấn Ross cùng với gã đánh xe ngựa John Cobb. Một lúc sau tôi nghe thấy tiếng kêu của cỗ xe ngựa trước nhà, và nhìn

qua cửa sổ tôi thấy cha tôi đang rất vội ở ngoài sân; tôi không biết cha tôi đi về hướng nào. Tôi vớ lấy khẩu súng săn của mình và quyết định đi đến hồ Boscombe để săn thỏ ở bãi đất bỏ hoang nằm bên kia bờ hồ. Trên đường đi tôi có gặp bác coi rừng William Crowder, như điều bác nói trong bản tường trình, tuy nhiên bác ta đã nhầm khi cho rằng tôi có ý định chạy theo cha tôi. Tôi không biết là cha tôi đang đi phía trước. Khi cách hồ chừng một trăm bước, tôi nghe thấy tiếng kêu "Kô.. ê..." tiếng mà cha con tôi vẫn thường hay gọi nhau. Tôi liền chạy đến chỗ phát ra tiếng gọi ấy và tôi nhìn thấy cha tôi đang đứng cạnh hồ. Cha tôi rất ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi và hỏi một cách giận dữ rằng tôi làm gì ở đây? Cuộc nói chuyện đi đến chỗ gay gắt suýt nữa thì xảy ra ẩu đả, vì cha tôi là một người rất nóng tính. Khi cảm thấy cha tôi không thể kiềm chế được cơn giận nữa, tôi quyết định chuồn về trang trại Hatherley. Khi đã đi được một quãng ¹¹⁾, tôi bỗng nghe thấy tiếng kêu lạnh buốt xương sống, thế là tôi lập tức quay trở lại. Tôi nhìn thấy cha tôi nằm sững xoài trên mặt đất. Ở đầu có một vết thương gớm ghiếc, toang hoác miệng, cha tôi đang thoi thóp thở. Khẩu súng săn trên vai tôi rơi xuống lúc nào không hay, tôi nâng đầu cha tôi lên, nhưng trong khoảng tích tắc ấy cha tôi đã ngừng thở. Tôi quỳ gối bên thi hài vài phút đồng hồ, sau đó tôi chạy đến gặp người gác rừng của ngài Turner nhờ bác ta giúp một tay, vì ngôi nhà của bác ấy gần hơn cả. Khi quay lại chỗ cha tôi, tôi không nhìn thấy ai cả, do vậy tôi không biết được ai đã giết cha tôi. Ở đây, rất ít người biết cha tôi, bởi tính tình của cha tôi xưa nay rất ngại tiếp xúc với mọi người xung quanh. Nhưng tôi cũng biết là cha tôi hiện nay không có kẻ thù.



Thẩm phán: - Cha anh nói gì với anh trước lúc tắt thở không?

Bị cáo: Cha tôi có lắp bắp mấy tiếng không rõ, tôi chỉ nghe thấy một từ hình như là "a rat" ¹²⁾

Thẩm phán: Điều gì đã làm cho anh và cha anh cãi nhau?

Bị cáo: - Tôi không thể nói chuyện đó ra đây được.

Thẩm phán: - Rất tiếc là tôi buộc anh phải trả lời.

Bị cáo: - Nhưng tôi không thể trả lời câu hỏi đó. Tôi thề với ngài là câu chuyện của chúng tôi không hề liên quan đến câu chuyện đau đớn đó.

Thẩm phán: - Quan tòa sẽ quyết định chuyện đó. Tôi chỉ nói cho anh biết việc từ chối câu trả lời sẽ bất lợi cho anh.

Bị cáo: - Tôi sẽ không bao giờ trả lời chuyện ấy đâu.

Thẩm phán: - Cha con anh thường dùng tiếng "Kô.. ê..." để nói với nhau phải không?

Bị cáo: - Vâng.

Thẩm phán: - Có nghĩa là, cha anh đã phát ra tiếng ấy trước khi ông biết anh đã từ Bristol trở về có phải không?

Bị cáo: - Tôi không biết nữa.

Chánh án: - Anh không phát hiện một dấu hiệu nghi vấn gì khi anh chạy đến chỗ bố anh bị nạn à?

Bị cáo: - Tôi không phát hiện được cái gì rõ rệt hết.

Thẩm phán: - Thế nghĩa là thế nào?

Bị cáo: - Tôi hồi hộp và sợ hãi đến nỗi khi chạy ra khỏi khu rừng, tôi chỉ nghĩ đến cha tôi, ngoài ra không còn chú ý gì nữa. Tôi chỉ mang máng nhớ là bên trái có một vật gì, hình như là tấm khăn choàng. Khi tôi đứng lên khỏi cha tôi, tôi nhìn quanh tìm vật ấy, nhưng nó đã biến mất.

- Anh có cho là vật ấy biến mất trước lúc anh chạy đi nhờ người giúp chăng?

- Vâng.

- Anh cố nhớ xem vật ấy là cái gì?

- Không, tôi chỉ cảm thấy có vật gì đó, thế thôi.

- Vật đó cách chỗ người chết bao xa?

- Khoảng mười bước chân.

- Và cách với góc rừng bao xa?

- Gần bằng nhau.

- Có nghĩa vật ấy cách anh khoảng hai mươi bước chân?

- Vâng, nhưng tôi quay lưng về phía nó.

Cuộc hỏi cung được kết thúc ở đây”.

“Tôi thấy vào cuối cuộc hỏi cung, ngài thẩm phán hơi khắt khe với anh chàng McCarthy.” Tôi nói, sau khi đã đọc xong những dòng ghi trên báo “Ông ta chứng minh những mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo là hoàn toàn có căn cứ. Tại sao người cha gọi tên con khi biết con mình hoàn toàn không có mặt? Ngay cả chuyện cậu con trai từ chối không cung khai về nội dung câu chuyện giữa anh ta với người bố. Sau cùng là lời thốt ra khó hiểu của người bố khi sắp chết. Ngài thẩm phán nhận xét tất cả đều hết sức chống lại anh ta.”

Holmes đổi tư thế ngồi, vui vẻ nói:

“Anh và ngài thẩm phán cùng đau đầu vào chuyện không đâu: trong khi đó thì vứt bỏ hết cái có lợi cho anh ta. Chẳng nhẽ anh không thấy anh ta diễn đạt lúc thì quá nhiều, lúc thì quá ít ư? Quá ít - vì McCarthy trai trẻ không thể bịa ra một nguyên nhân nào về chuyện cãi cọ với bố. Nếu anh ta giải thích cho ngài chánh án thì tội anh ta sẽ được nhẹ hơn. Quá nhiều - Vì anh ta có thể bịa đặt ra “con chuột cống” của kẻ hấp hối và chuyện chiếc áo tự nhiên biến mất. Tôi có nhận xét như thế này: những gì McCarthy con khai đều là sự thật. Hãy xem giả thiết ấy sẽ dẫn chúng ta đi đến đâu? Chúng ta tạm dừng câu chuyện, vì chúng ta chưa đi đến nơi xảy ra án mạng. Hai chúng ta sẽ dùng bữa ăn sáng thứ hai ở Swindon. Chỉ còn 20 phút nữa chúng ta sẽ đến.”

Tàu đã vượt qua thung lũng Stroud và chạy vào thị trấn bé nhỏ Ross. Lúc này đã gần 16 giờ. Ra đón chúng tôi ở sân ga là một con người cẩn thận, có cặp mắt tinh ranh như loài cú vọ. Anh ta mặc chiếc áo khoác màu xám và đi ủng cao gót phù hợp với vùng nông thôn này. Tôi nhận ra đó chính là ngài Lestrade từ Scotland Yard đến. Chúng tôi cùng anh ta đi đến “Hereford Arms”. Ở đây, người ta đã chuẩn bị phòng ngủ cho chúng tôi.

“Tôi đăng ký một cỗ xe ngựa rồi,” Sau khi uống một chén trà, ngài Lestrade nói. “Tôi đã biết cách thức làm việc của ngài, ngài không thể ngồi yên được khi chưa trực tiếp đến chỗ xảy ra vụ án mạng.”

“Ngài chỉ quá khen đấy thôi.” Holmes trả lời “Bây giờ tất cả mọi việc đều phụ thuộc vào kết quả chỉ của phong vũ biểu.”

Lestrade kinh ngạc, không hiểu gì.

“Tôi hoàn toàn không hiểu ý của ngài.” Anh ta nói.

“Phong vũ biểu chỉ bao nhiêu? 29 hả? Sẽ không có gió trên bầu trời không có một gợn mây - có nghĩa là không có mưa. Chúng ta cần hút vài điếu đã. Ghế đệm ở đây cũng thơm tất sạch sẽ hơn bất kỳ khách sạn nào ở nông thôn. Tôi sẽ không dùng đến cỗ xe của ngài trong buổi chiều hôm nay.”

Lestrade cười trịch thượng và nói:

“Chắc ngài đã đi đến một kết luận thì phải vì ngài đã đọc hết bản luận tội đăng trên báo? Sự việc quá rõ ràng, rõ như tôi thấy ngài. Càng nhìn càng rõ thêm. Nhưng tất nhiên không nên từ chối lời thỉnh cầu của một cô gái đẹp và đáng yêu như thế? Cô ta có nghe nói về ngài và hy vọng ngài sẽ bào chữa cho bị cáo; mặc dù đã nhiều lần tôi nói cho cô ta biết là ngài cũng đang khoanh tay không thể làm hơn những gì mà tôi đã gắng hết sức. Xe của cô nàng đã đến đây!”

Trong lúc Lestrade đang thao thao bất tuyệt thì một người con gái duyên dáng bước vào phòng. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ai đẹp như cô ta! Cặp mắt xanh biếc, đôi môi hé mở dịu dàng, đôi má ửng hồng, trông cô xinh xắn và dễ thương làm sao?! Nỗi lo lắng làm cho cô gái quên cả e dè.



“Ôi! Thưa ngài Sherlock Holmes?” Cô ta thốt lên đưa cặp mắt đẹp như mơ nhìn từ Sherlock sang tôi và cuối cùng bằng linh tính đặc biệt của phụ nữ, cô ta dừng mắt lại ở chỗ bạn tôi “Tôi rất sung sướng vì ngài đã có mặt ở đây! Tôi đến đây để nói cho ngài rõ câu chuyện. Tôi tin là James vô tội. Ngài hãy bắt đầu công việc, khi tôi nói cho ngài rõ. Ngài đừng nghi ngờ gì hết dù chỉ trong một phút thôi. Tôi kết bạn với anh ấy từ thời thơ ấu kia, nên tôi hiểu anh ấy hơn ai hết, tôi biết những nhược điểm của anh ấy. James nhân ái đến nỗi không làm đau đến cả một con ruồi. Những ai quen biết anh ấy đều cho lời buộc tội là hoàn toàn phi lý.”

“Tôi hy vọng, chúng tôi sẽ bào chữa được cho anh ấy, thưa tiểu thư Turner xinh đẹp?” Holmes nói “Tiểu thư hãy tin tưởng ở tôi, tôi sẽ làm hết sức của mình.”

“Ngài đã đọc được những lời buộc tội ấy chưa? Ngài có ý kiến gì không? Ngài có thấy một tia hy vọng nào không? Ngài tin là anh ấy vô tội chứ?”

“Tôi cho rằng rất có thể.”

“Thế là anh ấy sẽ được tha!” Cô gái vui mừng ra mặt và ngẩng cao đầu, đưa cặp mắt dò hỏi nhìn ngài Lestrade “Ngài có nghe thấy gì không? Giờ thì tôi có thể hy vọng được rồi.”



Lestrade nhún vai nói:

“Tôi chỉ sợ anh bạn của tôi hơi vội vã trong lời kết luận của mình.”

“Nhưng ông ấy nói đúng. Tôi tin ông ấy! James không thể là tên giết người. Còn chuyện dính dáng đến vụ cãi cọ với cha anh ấy tôi biết hết. Và nguyên nhân nào khiến cho anh ấy không nói với ngài thẩm phán vì chuyện này có dính líu đến tôi.”

“Như thế nào thưa tiểu thư?” Holmes hỏi.

“Bây giờ là lúc tôi không phải dấu giếm cái gì hết. Vì tôi mà James

đã có những bất đồng với cha anh ấy. Cha của James thì muốn chúng tôi lấy nhau. Chúng tôi yêu nhau, như anh em ruột thịt. Nhưng anh ấy, tất nhiên, còn quá trẻ, chưa hiểu gì về cuộc đời... và... và... Nói tóm lại, anh ấy chưa muốn cưới vợ. Vì thế mà có cuộc cãi cọ kia. Tôi tin tưởng rằng đó là một trong những nguyên nhân của cuộc cãi vã."

"Ý kiến cha tiểu thư như thế nào?" Holmes hỏi "Ông ấy có muốn hai người lấy nhau không?"

"Cha tôi rất phản đối. Ngoài cha của James ra thì không ai ủng hộ cuộc hôn nhân này cả."

Holmes ném cái nhìn dò xét lên khuôn mặt cô gái làm cô ta ngượng ngùng đỏ bừng cả mặt.

"Xin cảm ơn tiểu thư về nguồn tin mới mẻ." Holmes nói "Ngày mai tôi có thể gặp cha của tiểu thư không, nếu ngày mai tôi ghé thăm?!"

"Tôi e rằng bác sỹ sẽ không cho gặp?!"

"Bác sỹ ư?"

"Vâng, chẳng lẽ ngài không biết sao? Trong những năm gần đây, cha tôi hay ốm lắt nhắt, nhưng điều đó cũng đủ làm cho cha tôi kiệt sức hoàn toàn. Cha tôi chỉ nằm suốt ngày, còn ngài bác sỹ Willows nói: Cha tôi bị chấn thương sọ não vì bị kích động mạnh. Ngài McCarthy là người duy nhất ở đây biết được cha tôi trong thời gian ở Victoria xa xôi."

"Sao? Cha của tiểu thư đã từng ở Victoria hả?"

"Vâng, cha tôi tham gia vào đoàn tìm kiếm."

"Tôi hiểu. Ngài Turner đã làm giàu tại những mỏ vàng có phải không, thưa tiểu thư?"

"Vâng, đúng thế, thưa ngài."

"Xin cảm ơn tiểu thư. Tiểu thư giúp cho tôi rất nhiều."

"Ngày mai, nếu có tin tức gì mới ngài hãy làm ơn cho tôi biết với!

Chắc ngài sẽ đến gặp anh James ở trại giam phải không? Nếu gặp ngài hãy nói giúp rằng tôi bao giờ cũng tin là anh ấy vô tội.”

“Tiểu thư cứ an tâm, thế nào tôi cũng nói lại điều đó.”

“Tôi phải về nhà gấp. Cha tôi hiện đang nguy kịch và cần có tôi bên cạnh. Xin tạm biệt ngài, cầu chúa phù hộ cho ngài trong công việc.”

Cô gái vội vã bước ra khỏi phòng và chúng tôi nghe tiếng còi xe đang xa dần.

“Tôi ngưỡng thay cho ngài, ngài Holmes ạ!” Lestrade nói với giọng đàn anh, sau một phút im lặng “Ngài hy vọng làm gì chứ?! Không phải tôi lo quá xa đâu, nhưng ngài làm như vậy quả là liều lĩnh.”

“Tôi đã lần ra được hướng để giúp cho James McCarthy” Holmes nói “Ngài có giấy phép vào thăm trại giam không?”

“Có đây nhưng chỉ dùng cho hai người thôi.”

“Như vậy, tôi sẽ thay đổi chương trình là không đi đâu nữa. Chúng ta có kịp thời gian đi đến trại giam Hereford để thăm tù nhân không?”

“Hoàn toàn kịp.”

“Chúng ta cùng đi? Watson, tôi sợ anh buồn nhưng chỉ sau hai giờ tôi sẽ quay về đây.”



Tôi tiễn họ ra bến xe. Sau đó đi bách bộ dọc các đường phố của thị trấn. Rồi quay về khách sạn, tôi nằm xuống salon và lấy cuốn tiểu thuyết ra đọc. Nhưng cuốn sách không ăn nhập với câu chuyện đáng thương đang hiện ra trước mắt tôi. Tôi nhận thấy tất cả mọi ý nghĩ của mình lúc này đều quay về thực tại. Tôi ném cuốn sách vào góc phòng và thử ôn lại trình tự, suy luận về những sự kiện. Cứ cho những lời khai của chàng thanh niên kia là đúng đi, thì liệu có con quỷ nào lọt vào khoảnh khắc ngắn ngủi giữa lúc chàng trai đi khỏi và chạy lại với tiếng kêu của người cha. Ai vào đây? Điều này thật là kinh khủng, đáng sợ. Tôi là bác sỹ, công việc sẽ được rõ ràng hơn, nếu tôi đưa xem xét những vết thương. Tôi gọi điện và đề nghị cung cấp cho tôi tất cả những số liệu và kết quả của cuộc giải phẫu giám định đầy đủ nhất.

Trong bản kết luận của nhà giải phẫu cho biết: xương đỉnh phía sau và phần trái của xương chẩm bị vỡ do một cú giáng rất mạnh bằng một vũ khí không nhọn. Tôi tự sờ lên đầu mình để kiểm tra, không còn nghi ngờ gì nữa, cú đánh như vậy chỉ có thể thực hiện từ phía sau lưng nạn nhân. Điều này sẽ biện hộ phần nào cho bị cáo, vì trong lúc cãi nhau người ta nhìn thấy anh ta đứng đối diện với người cha. Cần phải nói cho Holmes biết điểm này. Tôi nhớ đến từ "a rat", có ý nghĩa gì nhỉ. Trong trường hợp này thì không phải là lời nói mê.

Con người trước lúc chết vì bị đánh bất ngờ, không bao giờ nói mê cả. Chẳng lẽ, ông ta muốn giải thích tại sao ông ta chết?

Ông ta muốn nói điều gì? Tôi cố gắng hết sức để tìm ra một lời lý giải thích hợp. Tôi nhớ lại trường hợp chiếc áo xám ma quỷ. Nếu đúng như vậy thì có một kẻ thứ ba đã bỏ quên chiếc áo khi bỏ chạy và liêu lĩnh quay lại lấy ngay sau lưng cậu con trai, cách cậu ta chỉ 20 bước chân. Toàn bộ câu chuyện này là một vấn đề khó hiểu và khó tin!

Lời nhận xét của Lestrade không làm cho tôi kinh ngạc, nhưng tôi tin vào tầm nhìn xa trông rộng của Holmes nên tôi không mất hy vọng. Đến lúc này tôi có cảm giác là Holmes đã tóm được một vài chi tiết để củng cố lương tâm của mình về sự trong trắng, vô tội của James.

Khi Holmes về thì trời đã tối từ lâu. Anh đi một mình vì Lestrade nghỉ lại ngoài thành phố.

“Phong vũ biểu vẫn chưa chịu hạ tí nào.” Anh ngồi xuống và nói “Chỉ cầu sao cho trời đừng có mưa vào lúc chúng ta chưa đến nơi xảy ra án mạng? Con người cần phải dồn sức lực, trí tuệ và nhiệt tình vào công việc nhân đạo. Thật lòng mà nói tôi cũng chưa hứng thú bắt tay ngay vào công việc vì tôi rất mệt sau một chuyến đi xa như vậy. Tôi đã gặp anh chàng McCarthy rồi.”

“Gặp anh ta, anh có hiểu thêm gì không?”

“Không có gì mới cả.”

“Sự việc không sáng sủa à?”

“Tuyệt nhiên không. Lúc đầu tôi có ý nghĩ là anh ta đã biết rõ họ tên kẻ sát nhân, nhưng muốn giấu. Đến giờ thì tôi khẳng định là chính anh ta cũng đang thắc mắc như mọi người khác. McCarthy không phải là người khôn ngoan cho lắm, song rất dễ thương. Tôi có cảm nghĩ anh ta là người tốt.”

“Tôi không tán thành quan điểm của anh ta,” tôi nhận xét “Nếu đó là sự thật thì tại sao anh ta không chịu cưới cô tiểu thư Turner kiều diễm kia làm vợ.”

“Cũng vì thế mà xảy ra câu chuyện đáng tiếc! Anh ta yêu tiểu thư Turner chân thành tha thiết, và say đắm. Nhưng anh thử nghĩ xem? Anh ta đã làm gì cách đây hai năm, khi còn là một thằng con nít mới lớn, lúc ấy tiểu thư Turner đang học ở trường nội trú, anh biết không? Thằng ngốc ấy bị rơi vào tay một cô gái bán hàng ở Bristol và đại đột đăng ký kết hôn với cô ta. Về chuyện này thì không một ai biết cả. Anh thử tưởng tượng xem, đối với anh ta thật là đau đớn khi phải nghe hoài những lời trách móc của người cha! Nỗi tuyệt vọng bao trùm, ám ảnh anh ta, khi anh ta giang hai tay lên trời cầu cứu để trả lời đề nghị của cha anh ta là kết hôn với tiểu thư Turner. Mặt khác, anh ta hết khả năng tự bào chữa rồi, và người cha, theo mọi người nói là kẻ hẹp hòi, đố kỵ, sẽ đuổi cậu ta ra khỏi nhà nếu biết được tất cả sự thật. Chàng thanh niên đã sống với người vợ của mình ở Bristol trong ba ngày cuối cùng, nhưng người cha không biết cậu ta ở đâu. Hãy ghi nhớ kỹ điểm ấy.

Điều này rất quan trọng. Trong cái rủi lại có cái may. Cô bán hàng khi nghe tin chồng mình bị kết tội nặng và có thể không lâu sẽ bị treo cổ nên đã bỏ anh ta ngay lập tức. Cô ta tự thú nhận trong một bức thư gửi cho chồng là từ lâu cô ta đã có một người chồng chính thức khác ở Bermuda; cô ta trắng trợn tuyên bố giữa cô ta và James McCarthy không hề có sự ràng buộc nào hết. Tôi nghĩ tin ấy phần nào đền bù nỗi đau khổ của cậu Mark McCarthy.”

“Nếu cậu ấy vô tội thì ai là thủ phạm gây án mạng?”

“Đúng, kẻ giết người là ai? Tôi lưu ý cho anh hai điểm sau đây: Thứ nhất - Người đã khuất cần gặp ai đó bên hồ, người đó không thể là con trai ông ta được, bởi người con trai đã đi khỏi không biết bao giờ mới về. Thứ hai - Người cha gọi “Kô.. ê...” trước khi ông ta nhìn thấy con trai. Đó là nút chính, nhờ nó mà chúng ta làm thấy đổi được tình thế. Còn bây giờ hãy nói đến những sáng tác mới của George Meredith nếu như anh thích. Hãy để những công việc thứ yếu khác đến mai.”

Đúng như Holmes mong muốn, hôm sau trời không mưa.

Sáng nay trời quang đãng không một bóng mây. Vào lúc 9 giờ Lestrade đến đón chúng tôi đi trên cỗ xe ngựa, chúng tôi tiến về

trang trại Hatherley và từ đó đi bộ đến hồ Boscombe.

“Có một tin quan trọng,” Lestrade nói “nghe nói là ngài Turner ốm nặng đến nỗi khó lòng mà qua được.”

“Hình như ông ấy già lắm phải không?” Holmes hỏi.

“Khoảng 60 tuổi, nhưng ông ta mất sức từ ngày ở đoàn tìm kiếm và từ lâu đã mang bệnh hiểm nghèo. Ông ta là bạn cũ của ngài McCarthy, hơn thế còn là ân nhân nữa. Tôi được biết ngài Turner không lấy tiền thuê trại Hatherley của ngài McCarthy.”

“Ồ! Điều này rất lý thú đấy các vị ạ?” Holmes bỗng reo lên.

“Vâng, ngài Turner giúp đỡ ngài McCarthy bằng mọi biện pháp có thể được. Ở đây mọi người đều nói là ngài Turner đối xử với bạn rất tốt.”

“Sao ngài lại nghĩ thế?! Ngài không lấy làm lạ là ngài McCarthy không giàu có gì mà lại tính đến chuyện cưới cô tiểu thư Turner xinh đẹp - người thừa kế duy nhất gia tài kếch sù cho con trai? Ngài biết rồi đấy ông Turner đâu có chấp nhận cuộc hôn nhân ấy theo như tiểu thư Turner đã nói. Ngài có thể rút ra kết luận gì bằng phương pháp suy diễn.”

“Chúng tôi đã suy diễn và rút ra những kết luận logic nhất.” Lestrade nói và nháy mắt ra hiệu cho tôi “Ngài cứ tiếp tục sử dụng các dữ kiện ấy, nó có thể đi xa chân lý để rơi vào thế giới hão huyền.”

“Sự thật thì bao giờ cũng là sự thật.” Holmes nói “Ngài sử dụng dữ kiện không tốt lắm.”

“Tôi chỉ nhấn mạnh một dữ kiện, mà đối với ngài thì khó hiểu.” Lestrade nói.

“Dữ kiện nào?”

“Là McCarthy cha đón nhận cái chết bi thảm của mình từ McCarthy con, còn tất cả mọi giả thiết khác bác bỏ nó - chỉ là vệt sáng trắng.”

“Nhưng dù sao vệt sáng trắng còn sáng hơn sương mù?” Holmes

vừa cười vừa nói “Nếu tôi không nhầm thì bên trái kia là trang trại Hatherley.”

“Đúng, chính nó.”

Đó là một ngôi nhà hai tầng khang trang đầy đủ tiện nghi, mái bằng đá, rêu bám từng mảng lớn ở mặt tiền sảnh. Những tấm rèm thả xuống bịt kín mít các cửa sổ trông rất ảm đạm; những ống khói đã mấy hôm nay không có khói bay. Những cái đó đã làm cho ngôi nhà trở nên hiu quạnh; dường như án mạng đang phủ lên, đè nén mấy bức tường với tất cả sức phá hoại ghê gớm của nó.

Chúng tôi gọi cửa. Người hầu gái, theo yêu cầu của Holmes, chỉ cho chúng tôi đôi giày của chủ nhân đã mang trong ngày hôm ấy, và đôi giày của cậu con trai đã mang. Holmes ngồi đo từng li từng tí đôi giày; sau đó anh đề nghị người ta dẫn chúng tôi ra sân, từ đó chúng tôi đi theo đường mòn quanh co uốn khúc dẫn đến hồ Boscombe.



Holmes biến đổi hoàn toàn khi anh lôi mọi người theo những dấu

vết bản thiêu. Những người đã từng biết ngài thám tử lừng danh ở hẻm Baker, lúc này chắc không thể nhận ra anh được. Anh ta ủ dột, mặt hơi phớt hồng, cặp mắt lấp lánh dưới hàng mi đen chạy dài.

Đầu anh cúi xuống, cặp vai nhô lên, đôi môi cắn chặt: trên cái cổ gân guốc hằn rõ những đường mạch máu xanh. Hai lỗ mũi của anh phồng lên như cặp mũi của những nhà đi săn thú lão luyện.

Anh say mê công việc đến nỗi không trả lời bất cứ câu hỏi nào, hoặc nếu có chỉ nhăm nhẩn cho qua chuyện. Anh đi âm thầm, nhưng rất nhanh theo lối mòn xuyên qua một cánh rừng và đồng cỏ tới hồ Boscombe. Đó là vùng đầm lầy trước kia nay đã khô ráo giống như cả vùng thung lũng. Trên lối mòn, hai bên có những loại cỏ dại thấp mọc dày xuất hiện những dấu vết dẫm nát. Holmes lúc thì vội vội vàng vàng, lúc thì dừng hẳn lại. Có một lần anh bất thành linh quay lại và đi ngược vài ba bước.

Lestrade và tôi theo dõi anh từng bước. Lestrade thì quan sát với thái độ thờ ơ, khinh khinh ra mặt, còn tôi luôn luôn theo sát Sherlock với sự hứng thú trong lòng, bởi tôi dám khẳng định là mỗi động tác của anh đều dẫn tới một kết cục tốt đẹp.



Hồ Boscombe rộng chừng 50 yards ¹³⁾, lau sậy bao bọc xung quanh. Nó kéo dài trên ranh giới của trang trại Hatherley và địa hạt của ngài Turner giàu có. Ở phía xa, nơi khu rừng chạy dài đến tận bờ xa tấp, thấp thoáng những ngọn tháp nhọn đỏ chót. Ở phía Hatherley khu rừng rất rậm rạp, um tùm; chỉ có một khoảng đất hẹp, rộng chừng hai mươi bước là có cỏ dại mọc và một số cây sậy còn sót lại bao quanh. Lestrade chỉ cho chúng tôi chính xác nơi nạn nhân ngã xuống. Mảnh đất chỗ ấy bị dẫm nát đến nỗi tôi dễ dàng nhận ra ngay nơi nằm của người bị giết.

Còn những gì liên quan thì Holmes quan sát rất kỹ lưỡng. Holmes chăm chú nhìn kỹ đám cỏ bị xéo nát. Anh chạy đi chạy lại, sau đó lại gần người bạn đồng hành với chúng tôi:

“Ngài đã làm những gì ở đây?”

“Tôi đã cào xới khắp bãi cỏ, tìm kiếm một loại vũ khí và những chứng cứ khác, nhưng ngài đã thấy đấy...”

“Thôi đủ rồi. Tôi không có nhiều thời giờ! Dấu chân trái của ngài hiện lên khắp nơi. Thậm chí con chuột chù cũng có thể đánh hơi được điều đó. Còn đến chỗ đám lau sậy thì dấu vết biến mất. Nếu tôi đến đây trước khi bị đàn bò dẫm nát thì mọi việc sẽ đơn giản! Những người ra đây đã làm loạn xạ ngẫu mọi dấu vết xung quanh chỗ nạn nhân chừng 6 hoặc 7 feet ¹⁴).”

Holmes lấy kính lúp ra rồi nằm xuống tấm vải không thấm nước để quan sát và thì thầm nói với bản thân mình hơn là nói với chúng tôi.

“Đây là dấu vết của anh chàng McCarthy, anh ta đã đi qua đây hai lần và một lần chạy nhanh đến nỗi vết giày hầu như khó nhìn thấy, những vết còn lại thì rất rõ. Những dấu vết này khẳng định cho lời khai của anh ta. Chàng thanh niên chạy đến nhìn thấy cha mình đang nằm gục trên mặt đất. Tiếp theo là những dấu chân của người cha đi lui đi tới. Cái gì thế này? À, dấu vết của báng súng khi người con đứng và dựng súng xuống nghe cha nói. Còn đây nữa? Cái gì nhỉ? Có một người đi rón rén trên đầu các ngón chân! Đây là đôi giày không bình thường, hình như hình vuông?! Hẳn đến rồi chuồn khỏi, rồi lại đến, chắc là để lấy chiếc áo. Nhưng hẳn từ đâu đến?”

Holmes chạy đi chạy lại quan sát, đôi lúc mất dấu vết, đôi lúc nhìn thấy. Trong lúc đó chúng tôi chưa đi vào bìa rừng, dưới bóng một cây bạch dương to già cỗi, Holmes đã bắt được các dấu vết, anh nhẹ nhàng nằm xuống. Bỗng anh reo lên sung sướng. Holmes nằm yên rất lâu, lật đi lật lại những chiếc lá cây và cành cây khô queo, nhặt bỏ vào phong bì một vật gì đó giống như là bụi đất. Anh thận trọng nhìn qua kính lúp một chiếc vỏ cây, một hòn đá có cạnh không đều nhau. Anh cầm hòn đá lên và ngắm nghía vẻ thỏa mãn, sau đó anh theo lối mòn dẫn đến một con đường ở đây mọi dấu vết bị xóa sạch.



“Hòn đá này quan trọng đấy.” Anh nhận xét khi đã quay lại với giọng nói bình thường “Ngôi nhà xam xám phía bên phải kia có lẽ là nhà của người gác rừng. Tôi sẽ ghé lại chỗ ngài Moran để nói vài lời và viết một bức thư. Rồi chúng ta sẽ về khách sạn trước bữa ăn sáng thứ hai. Hai người cứ đi đến xe ngựa trước, tôi sẽ tới sau.”

Sau 10 phút, chúng tôi về tới thị trấn Ross. Hòn đá nhặt được ở trong khu rừng vẫn nằm trong tay Holmes.

“Vật này có thể sẽ làm cho ngài chú ý, thưa ngài Lestrade.” Holmes chìa hòn đá ra “Đây chính là vũ khí mà kẻ sát nhân đã dùng.”

“Tôi không nhìn thấy vết tích nào cả?!”

“Đúng, không có.”

“Vậy làm sao ngài quả đoán như thế?”

“Vì dưới hòn đá này cỏ vẫn mọc bình thường. Có nghĩa nó nằm chỉ vắn vắn có vài ngày. Còn xung quanh không thấy dấu chỗ hòn đá được nhặt lên. Hòn đá này tương xứng với những thương tích. Không có dấu vết của loại vũ khí nào khác.”

“Ai là kẻ sát nhân?”

“Đó là một người cao to, thuận tay trái và bị thọt chân phải. Hắn mang giày đi sần, đế to và mặc bành tô xám. Hút thuốc Ấn Độ bằng

tẩu, ở trong túi thì có chiếc dao cùn gấp cán. Có nhiều đặc điểm nữa, nhưng như thế cũng đủ cho chúng ta tìm kiếm."

Lestrade cười mỉm.

"Đáng tiếc, đến bây giờ tôi vẫn là kẻ hoài nghi." Ông ta nói "Mọi giả thiết của ngài đều chí lý, nhưng chúng ta cần làm việc với đạo luật của Hoàng gia nước Anh."

"Chúng tôi sẽ tìm thấy." Holmes bình tĩnh trả lời "Ngài có cách của ngài, tôi có phương pháp của tôi. Thật tuyệt vời, có thể hôm nay tôi sẽ về London trong chuyến tàu tối."

"Ngài bỏ dở công việc ư?"

"Không, mọi việc đã sáng tỏ."

"Bí mật là gì?"

"Chiếc màn bí mật đã được vén lên."

"Ai là kẻ sát nhân?"

"Kẻ mà tôi vừa mô tả."

"Nhưng hắn là ai?"

"Ồ, có khó gì đâu, dân cư ở đây không nhiều nhận gì."

Lestrade nhún vai:

"Tôi là con người thực tế." Ông ta nói "Không thể tìm kiếm một người chỉ thọt chân phải và thuận tay trái. Chắc tôi sẽ bị cả vùng Scotland chế nhạo mất thôi."

"Được," Holmes điềm đạm trả lời "Tôi sẽ cho ngài biết mọi khả năng để tìm ra điều bí mật. Tôi không cần che giấu, còn ngài có lẽ sẽ khám phá ra vụ án khó hiểu này."

Sau khi từ biệt ngài Lestrade, chúng tôi quay về căn buồng của mình, ở đây bữa ăn sáng thứ hai đã dọn sẵn. Holmes im lặng, trầm ngâm suy nghĩ. Khuôn mặt của anh buồn rười rượi, giống như khuôn mặt của một người rơi vào tình trạng khó giải quyết.

“Hãy nghe đây Watson,” Anh nói, khi người hầu đã dọn xong mọi thứ trên bàn ăn “Anh ngồi vào kia, tôi sẽ kể cho anh nghe một số điều tôi biết. Không hiểu tôi phải làm gì bây giờ? Tôi muốn nghe ở anh một lời khuyên. Anh hãy hút thuốc đi, tôi sẽ bắt đầu.”

“Nào, kể đi.”

“Trong khi nghiên cứu công việc, tôi nhận thấy có hai điểm trong bản tường trình của anh chàng McCarthy làm tôi chú ý; tôi cho là điểm đó có lợi cho anh ta, còn anh thì cho là có hại. Thứ nhất là: Người cha đã kêu “Kô.. ê...” trước khi nhìn thấy con trai của mình; thứ hai là: cha anh ta nói tới con chuột trong cơn hấp hối.

Anh nên hiểu, người cha nói lấp bắp vài từ, nhưng người con chỉ nghe được có một. Công cuộc khám phá của chúng ta xuất phát từ hai điểm này. Tôi nghĩ những điều chàng thanh niên khai trên đều đúng với sự thật một trăm phần trăm.”

“Tiếng gọi “Kô.. ê...” là gì?”

“Rõ ràng ông ta không gọi con trai. Vì ông nghĩ con ông vẫn ở Bristol. Người con nghe thấy tiếng gọi rất tình cờ. Tiếng “Kô.. ê...” để gọi người đã hẹn gặp ông ta. Từ “Kô.. ê...” là từ của người Áo, nó chỉ dùng giữa những người Áo với nhau mà thôi. Đó là điều chứng minh xác đáng cho giả thiết rằng, người mà McCarthy hẹn gặp ở hồ Boscombe phải là một người Áo.”

“Nhưng còn chuyện “Con chuột cống”?” [15](#))

Sherlock Holmes lôi trong túi ra tờ giấy gấp làm tư rồi cẩn thận trải nó ra bàn, “Đây là tấm bản đồ bang Victoria.” Anh nói.

“Tôi hôm qua tôi đã đánh điện đến Bristol và nhờ họ gửi cho tấm bản đồ này.” Holmes lấy tay che một phần tấm bản đồ.

“Anh đọc đi” - Anh đề nghị.

“ARAT.”

“Còn bây giờ?” Anh nhắc tay lên.

“BALLARAT”

“Hoàn toàn đúng. Đây chính là từ mà người hấp hối thốt ra, nhưng anh con trai chỉ kịp nghe có hai âm tiết cuối cùng. Nạn nhân cố gượng nói tên kẻ giết người và tên đó là Ballarat.”

“Thật tuyệt diệu!” Tôi thốt lên.

“Không nghi ngờ gì nữa, vòng vây đã khép kín. Chiếc áo choàng màu xám của tên tội phạm là bằng chứng thứ ba. Nhưng điều chưa biết này đã biến mất, và xuất hiện một người Áo mặc bành tô màu xám nào đấy từ Ballarat tới.”

“Sự thể sẽ ra sao?”

“Chắc chắn, hẳn là người địa phương ở đây; vì bên cạnh hồ ngoài trang ấp ấy ra, không còn gì nữa. Người lạ không đi đến đây làm gì.”

“Tất nhiên.”

“Sau đó là cuộc khám nghiệm hiện trường của chúng ta. Trong khi xem xét nền đất, tôi đã phát hiện thêm một số chứng cứ mà tôi đã nói cho lão Lestrade nghe tuy không quan trọng lắm. Những chứng cứ này chỉ có liên quan tới việc mô tả hình dáng kẻ phạm tội mà thôi.”

“Nhưng bằng cách nào mà anh phát hiện được?”

“Anh quá quen phương pháp của tôi rồi! Nó dựa trên sự so sánh tất cả dữ kiện không đáng kể.”

“Về tầm vóc của tên sát nhân anh phán đoán gần đúng dựa vào bước chân, hoặc đôi giày, nhưng cũng có thể dựa trên những dấu vết để lại; phải không?”

“Đúng, một loại giày không bình thường.”

“Sao anh biết hẳn bị thọt?”

“Dấu chân phải không được rõ như dấu chân trái. Bàn chân phải dẫm nhẹ hơn. Tại sao? Chỉ vì hẳn bị thọt.”

“Còn chuyện hẳn thuận tay trái?”

“Chính anh đã kinh ngạc với đặc điểm vết thương mà người phẫu thuật mô tả. Nạn nhân bị một cú giáng bất ngờ từ phía sau lưng; nhưng ở bên trái. Ai có thể làm được? Nếu như không thuận tay trái?! Trong lúc hai cha con đang nói chuyện với nhau, thì thủ phạm núp sau thân cây. Thậm chí hắn còn hút thuốc. Tôi đã tìm thấy tàn thuốc lá, và nhờ khiếu phân biệt các loại thuốc của mình tôi đã xác định được hắn đã hút loại thuốc của Ấn Độ. Anh biết đấy, tôi đã nghiên cứu về thuốc lá và có viết một bài báo nói về tro của 140 loại thuốc lá khác nhau, kể cả thuốc điếu cũng như thuốc tẩu. Sau khi phát hiện ra tàn thuốc lá, tôi quan sát xung quanh, và tìm thấy mẫu thuốc còn lại mà hắn đã vút. Đó là loại thuốc của Ấn Độ, sản xuất tại Rotterdam.”

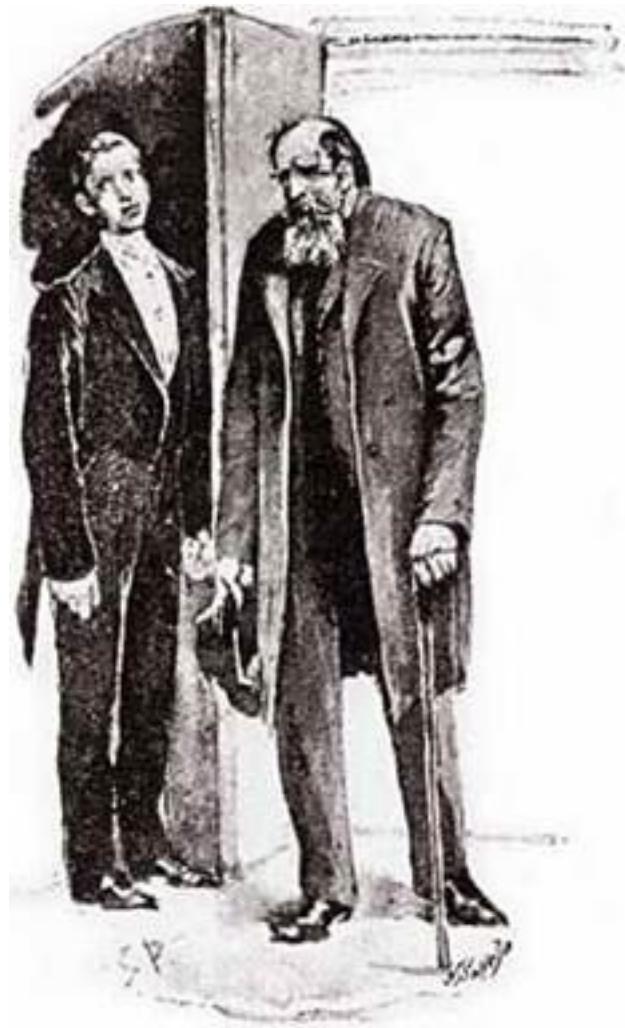


“Còn cái tẩu?”

“Tôi nhận thấy mẫu thuốc không bị ngậm, suy ra hắn đã dùng tẩu. Phần cuối của điếu thuốc bị cắt, nhưng nhát cắt không sắc gọn, mà nham nhở, vì thế tôi quả quyết dao của hắn bị cùn.”

“Holmes,” Tôi nói “Anh đã giăng xung quanh tên tội phạm một tấm lưới, hẳn không thể chui ra được và anh sẽ cứu thoát chàng thanh niên vô tội kia. Anh sẽ tháo chiếc nút thòng lọng khỏi cổ anh ta. Tôi đã hình dung được tất cả những dẫn chứng của anh đã tụ điểm vào ai rồi. Tên của kẻ giết người là...”

“Ngài John Turner đến.” Người hầu phòng báo, sau khi mở cửa phòng chúng tôi và dẫn người khách vào.



Thân hình của kẻ vừa vào thật khác thường, dáng đi chậm chậm, khập khiễng; đôi vai buông xuống làm cho ông trông khắc khổ già nua; còn bộ mặt trông gớm ghiếc và thô tục; tấm thân đồ sộ thì toát lên một sức mạnh khôn lường của con người kỳ dị ấy. Bộ râu để dài xồm xoàm, mái tóc bạc trắng phủ kín gáy lởm chởm, cặp lông mày rậm đã làm cho ông ta có vẻ kiêu kỳ và mãn nguyện. Mặt ông xám xịt, còn môi và hai cánh mũi thì nhợt nhạt xanh tái. Thoạt nhìn tôi biết ngay ông đã mắc một thứ bệnh kinh niên khó chữa khỏi.

“Mời ngài ngồi.” Holmes đề nghị nhẹ nhàng “Chắc ngài đã nhận được bức thư của tôi?”

“Vâng, người gác rừng đã mang đến. Ngài muốn gặp tôi ở đây để tránh bớt sự lôi thôi.”

“Tôi nghĩ rằng, sẽ có chuyển biến nếu tôi phát biểu tại phiên tòa.”

“Ngài cần tôi ư?”

Turner nhìn chăm chăm vào anh bạn của tôi. Trong đôi mắt mệt mỏi của ông chứa đựng nỗi tuyệt vọng, dường như ông đã đoán được câu trả lời cho câu hỏi của mình.

“Vâng,” Holmes nói nhỏ nhẹ, cái nhìn của anh đã thay cho câu trả lời “Vấn đề là như thế. Tôi đã biết hết câu chuyện về ngài McCarthy rồi.”

Ông già dang hai tay ôm lấy mặt.

“Các ngài hãy làm ơn giúp tôi?” Ông ta kêu lên tuyệt vọng “Tôi sẽ không thể để cho chàng trai kia chết đâu? Tôi sẽ nói hết sự thật trong phiên tòa phúc thẩm. [16](#))”

“Rất hân hạnh được nghe.” Holmes nói lạnh lùng.

“Từ lâu tôi muốn phơi bày tất cả, nhưng còn đứa con gái thân yêu của tôi. Chuyện này sẽ làm trái tim nó tan nát mất, nó sẽ đau khổ và sẽ không sống nổi khi tôi bị bắt.”

“Có thể không xảy ra chuyện đó đâu.” Holmes an ủi.

“Có thể như vậy sao?”

“Tôi không phải là kẻ thừa hành chính thức. Cô con gái của ngài cần sự có mặt của tôi, cho nên tôi phải làm mọi việc vì lợi ích của cô ta. Ngài hiểu cho: chàng McCarthy kia cần được tự do ngay bây giờ.”

“Tôi ở gần cửa địa ngục lắm rồi,” Ông Turner nói “Tôi bị bệnh đái đường đã lâu. Bác sỹ nói không biết tôi có sống được một tháng nữa hay không. Dầu sao tôi cũng muốn được chết dưới mái nhà của mình, hơn là phải chết trong tù.”

Holmes đứng dậy, đi đến bàn viết cầm cây bút và tờ giấy:

“Ngài hãy kể tất cả những gì đã xảy ra,” Anh đề nghị “Còn tôi viết lại vắn tắt, ngài sẽ ký vào đó và Watson là người làm chứng. Tôi chỉ công bố lời tự thú của ngài trong trường hợp cần thiết nhất thôi, để cứu tính mạng chàng trai McCarthy. Ngược lại tôi hứa với ngài sẽ không dùng biện pháp ấy.”

“Được,” Ông già trả lời “Có lẽ tôi không còn sống đến phiên tòa phúc thẩm ¹⁷⁾ đâu. Cho nên điều kiện của ngài không làm cho tôi lo lắng. Tôi chỉ muốn đỡ cho Alice khỏi đòn khủng khiếp. Tôi sẽ kể cho ngài nghe tất cả... việc kéo dài thì lâu nhưng tôi sẽ kể vắn tắt:

.. Ngài chưa được biết tay McCarthy đã khuất đâu. Đó là một con quỷ hiện hình, tôi thể với ngài hẳn đúng như thế. Cầu chúa hãy cứu thoát ngài khỏi bàn tay thép dơ bẩn của hắn! Hai chục năm cuối cùng của đời tôi, tôi bị hắn kìm kẹp và chi phối. Hắn đã đầu độc toàn bộ cuộc đời của tôi. Trước hết tôi sẽ kể vì sao tôi lại rơi vào nanh vuốt kìm kẹp của hắn.

Câu chuyện này xảy ra vào đầu những năm 60 ¹⁸⁾ trong thời kỳ tìm vàng. Thời đó tôi còn là một cậu bé thiếu suy nghĩ, nóng nảy sẵn sàng lao vào bất cứ việc gì. Tôi lọt vào bẫy của những người xấu và bắt đầu cuộc đời rượu chè be bét. Tôi sống một cuộc sống lang thang nay đây mai đó như một hiệp khách giang hồ. Bọn tôi có sáu người, chúng tôi đã trải qua cuộc đời hoang dã, phóng đảng, ngày này qua tháng khác chúng tôi đột nhập vào các bến xe, nhà ga, chặn đứng từng đoàn xe ở dọc đường để cướp bóc. Lúc ấy người ta gọi tôi là Black Jack ở Ballarat. Bạn bè ngày ấy của tôi cho đến bây giờ vẫn nhớ tôi với cái tên Ballarat.

Hôm đó có một đoàn hộ tống áp tải vàng từ Ballarat đến Melbourne. Chúng tôi đã tổ chức cuộc tấn công, có sáu người áp tải canh giữ xe vàng. Chúng tôi cũng có sáu người. Thế là xảy ra một trận cướp bóc, giết người thật tàn ác và quá khủng khiếp.

Loạt súng đầu tiên chúng tôi hạ thủ. Nhưng khi thu chiến lợi phẩm thì chúng tôi còn có ba người. Tôi chĩa súng vào thái dương tên xà ích - Người ấy là McCarthy. Lúc ấy tôi giết hắn luôn thì hay quá!

Nhưng tôi đã thương hại, mặc dù tôi nhận thấy hắn nhìn tôi bằng cặp mắt ti hí gian ác, dường như muốn ghi nhớ bộ mặt của tôi. Chúng tôi đã cướp được một số vàng đáng kể, trở thành những người giàu có và hồi hương về Anh quốc, không bị một ai nghi ngờ. Ở đây tôi đã vĩnh viễn từ bỏ những người bạn xưa của mình để bắt đầu cuộc đời no đủ và yên ả.

Tôi mua cơ ngơi này và cố gắng bằng những đồng tiền của mình làm những công việc từ thiện nhỏ để chuộc lại quá khứ đen tối của mình. Trong thời gian đó tôi lấy vợ, cô ta chết trong lúc còn quá trẻ và đã để lại cho tôi con bé Alice dịu dàng nết na. Thậm chí khi Alice còn bé bỏng, bàn tay múp míp nhỏ xíu của nó đã giữ chân tôi trên con đường làm ăn lương thiện hơn bất cứ cái gì trên thế giới này. Tôi đã vĩnh viễn chôn vùi quá khứ của mình. Mọi việc đều trôi chảy, tốt đẹp khi tôi chưa bị rơi vào tay của McCarthy.

Một lần tôi ra thành phố để giải quyết công chuyện tiền nong và bất ngờ tôi gặp McCarthy ở góc phố Regent. Trên người hắn không có cả áo bành tô, không giày dép gì hết. "Thế là chúng ta lại gặp nhau, Jack." hắn nói và chìa tay nắm lấy tay tôi "Từ nay chúng ta sẽ không phải xa nhau nữa. Tớ đi không phải một mình mà mang theo cả thằng con, cậu cần phải quan tâm giúp đỡ tớ. Ngược lại cậu biết đấy: Nước Anh là một nước tuyệt vời, ở đây luật pháp mạnh mẽ. Ngoài ra khắp nơi còn có đội tuần tra cảnh sát".

Thế là hắn cùng với thằng con trai đi đến miền Tây sinh sống, và tôi không thể nào thoát khỏi con người đáng sợ ấy được. Bọn họ sống trên mảnh đất của tôi không phải mất tiền. Tôi không có phút giây nào thanh thản, không được nghỉ ngơi và luôn luôn nơm nớp lo sợ cái quá khứ của mình bị vạch ra.

Nơi nào tôi đến tôi cũng gặp bộ mặt đặc chí và ranh ma của hắn. Khi đưa con gái của tôi trưởng thành thì nỗi lo sợ của tôi tăng thêm, bởi vì hắn biết rằng: Đối với tôi điều đáng sợ nhất, còn sợ hơn cảnh sát là con gái tôi biết quá khứ của tôi. Không có cái gì mà hắn không muốn, không đòi hỏi, hắn bắt tôi cấp đất, cấp nhà, cấp tiền, đó mới là yêu cầu nhỏ nhất, trong khi chưa nói đến những đòi hỏi khác. Hắn đòi luôn cả Alice cho con trai hắn. Mọi người đều biết căn bệnh hiểm nghèo của tôi, hắn dự tính khả năng tuyệt diệu là thằng con của hắn sẽ chiếm toàn bộ gia sản của tôi. Nhưng lần này tôi cương quyết, tôi

không thể cho phép cái giống đáng nguyên rủa ấy kết hôn với con gái tôi cho dù ở trong ý nghĩ.

Tôi và hãn hẹn gặp nhau ở khoảng giữa hai nhà sát bờ hồ để trao đổi mọi chuyện. Nhưng khi tới chỗ hẹn tôi nhìn thấy hãn đang nói chuyện với con trai. Tôi đứng đợi sau gốc cây và lấy thuốc ra hút chờ hãn. Trong khi nghe những lời hãn nói với con trai, trong tôi trào lên sự tức giận, máu sôi lên, tôi không thể chịu đựng được nữa. Hãn ép buộc thẳng con phải cưới con gái tôi làm vợ, tuyệt nhiên không hề đếm xỉa đến con gái tôi có chấp thuận hay không, cứ như con gái tôi là đứa con gái làm tiền.

Tôi phát điên lên khi nghĩ là tất cả những gì tôi yêu quý sẽ phải lọt vào tay con người ấy. Tôi không thể chặt đứt gông cùm trói buộc hay sao? Tôi sắp chết vì tuyệt vọng, mặc dù lý trí tôi vẫn rất minh mẫn và tay chân còn khỏe mạnh, tôi hiểu rằng, cuộc đời tôi như thêm là hết. Nhưng còn tên tuổi tôi, còn đứa con gái cưng của tôi? Tôi sẽ cứu vớt được cả hai, nếu như tôi buộc lão McCarthy giữ mồm giữ miệng... Tôi đã giết nó, ngài Holmes ạ... Tôi giết nó, lần này thì tôi không tha. Tôi là kẻ trọng tội nhưng chẳng lẽ cuộc đời đầy rẫy bất công, đau thương này không thể chuộc được lỗi lầm hay sao? Tôi đã phạm tội nhưng cứ nghĩ con gái tôi bị rơi vào cạm bẫy là tôi không thể chịu được. Tôi giết hãn, lương tâm không hề cắn rứt tôi đã vứt bỏ một tên độc địa kinh tởm nhất. Thằng con trai chạy lại, tôi kịp trốn vào rừng, nhưng buộc phải quay lại để nhặt chiếc áo bành tô đánh rơi... Đó là sự thật hoàn toàn, thưa các ngài, tất cả những gì đã xảy ra chỉ có thế."

"Tôi không kết tội ngài" Holmes thủ thỉ, trong khi ông già ký vào tờ khai "Tôi thiết nghĩ chúng tôi không phải đưa chuyện này ra tòa."

"Tôi cầu mong như thế. Thưa ngài! Ngài sẽ giải quyết như thế nào?"

"Tình trạng sức khỏe của ngài không quan trọng. Ngài biết đấy, sắp tới ngày phải có mặt tại phiên tòa. Tôi sẽ giữ kín lời thú nhận của ngài. Chỉ trong trường hợp McCarthy bị kết tội tôi mới buộc lòng phải sử dụng. Nếu anh ta trắng án, dù ngài còn sống hay đã chết thì sẽ không một ai biết điều bí mật của ngài. Nó chỉ ở trong chúng tôi và ngài."



“Xin tạm biệt!” Ông già trịnh trọng nói “Khi nào đến lúc lâm chung, tôi sẽ nhẹ nhõm với ý nghĩ là ngài đã xoa dịu tâm hồn tôi.”

Lão đảo đứng lên, tấm thân đồ sộ rung rung, ông già chậm chạp nặng nề bước ra khỏi phòng, chân đi cà nhấc.

“Chúng ta thật bất hạnh.” Holmes thốt lên sau một hồi im lặng khá lâu “Vì sao số phận cứ đùa giỡn với tạo hóa lại không giúp đỡ những con người khốn khổ này?”

Phiên tòa phúc thẩm đã xử trắng án cậu thanh niên James McCarthy nhờ những dẫn cứ, biện luận hùng hồn của Holmes. Ngài Turner già yếu sống thêm được bảy tháng nữa kể từ khi đến gặp chúng tôi. Hiện nay ông ta đã khuất. Chàng trai James McCarthy và tiểu thư Turner có thể sống yên vui hạnh phúc mà không hề biết gì về những đám mây ảm đạm của bầu trời dĩ vãng xa xôi.

NĂM HẠT CAM

The Five Orange Pips

Mỗi khi đọc lại những ghi chép về Sherlock Holmes trong thời kỳ 1882-1890, tôi thấy những câu chuyện lý thú, nhiều đến nỗi không biết nên chọn chuyện nào. Tuy nhiên một số chuyện đã được đăng trên các báo, còn những chuyện khác chưa có điều kiện ra mắt bạn đọc để giới thiệu khả năng tiềm tàng của Sherlock cho các bạn thấy anh ta đã đạt đến đỉnh cao của nhà trinh thám như thế nào? Dầu sao tôi cũng muốn giới thiệu với bạn đọc yêu mến của tôi những câu chuyện có tình tiết thú vị, bất ngờ.

Mặc dù có những mối liên quan chưa được sáng tỏ, năm 1887 đã mang đến một chuỗi dài những câu chuyện ly kỳ nhiều ít khác nhau. Tôi đã cố gắng ghi chép tất cả. Trong số đó có chuyện "Paradol Chamber" chuyện "Hội những người yêu chuộng cái nghèo" - Hội ấy có cả một câu lạc bộ sang trọng ở tầng trệt một cửa hàng đồ gỗ to lớn... Bản thanh toán có liên quan đến cái chết của chiếc tàu "Sophy Anderson". Câu chuyện về những cuộc phiêu lưu kỳ lạ của Grice Patersons trên hòn đảo Uffa. Và cuối cùng là những ghi chép có liên quan đến chuyện đầu độc ở Camberwell. Trong chuyện này bằng cách nghiên cứu cơ cấu của chiếc đồng hồ tìm thấy trong xác nạn nhân, Sherlock đã chứng minh được chiếc đồng hồ vừa lên giây trước khi chủ nhân chết hai giờ đồng hồ, như vậy người quá cố mới nằm ngủ trong khoảng thời gian đó. Từ những kết luận dựa trên cơ sở khoa học tài tình, Holmes đã tìm ra thủ phạm một cách dễ dàng.

Tất cả những chuyện ấy, có lẽ tôi sẽ viết lại trong khoảng thời gian gần nhất. Nhưng câu chuyện mà tôi ghi chép ra đây chứa nhiều sự bất thường mà không một câu chuyện nào có thể sánh được.

Hồi đó, vào cuối tháng 9, những cơn bão mùa thu đang hoành hành hung dữ, phô trương sức mạnh ghê gớm của thiên nhiên. Suốt ngày gió gào rít âm ỉ, mưa trút xối xả va đập như gỗ trống vào các cánh cửa sổ. Càng về tối cơn bão càng dữ dội hơn, gió thổi vào các ống khói như trẻ con cả thành phố nhất loạt khóc hu hu.

Hôm ấy, Sherlock ngồi buồn rầu cạnh lò sưởi và sắp xếp lại cho

ngăn nắp trật tự tài liệu của mình. Còn tôi thì ngồi đối diện với anh, say mê đọc những câu chuyện tuyệt vời của Clark Russell nói về biển.

Tôi say mê đến mức tiếng rít của cơn bão rơi vào tiềm thức của tôi như lời của câu chuyện, còn tiếng mưa rơi như tiếng rì rào của sóng biển. Vợ tôi mấy hôm nay có công việc phải về bên nhà bà nhạc. Còn tôi tạm trú tại căn hộ cũ kỹ rêu phong trong phố Baker.

- Hãy nghe kìa - tôi nói và nhìn Sherlock. - Hình như có tiếng chuông gọi cửa. Ai lại đến trong lúc cơn mưa bão thế này được nhỉ? Hay là bạn của anh?

- Ngoài anh ra, tôi chẳng có ai là bạn cả, - Holmes trả lời - Còn khách khứa thì tôi không động viên họ đến hỗ trợ tôi.

- Vị khách nào nhỉ?

- Nếu như vậy thì công việc vô cùng nghiêm trọng và cấp bách. Cái gì có thể buộc con người kia đi ra ngoài đường trong cơn mưa bão hoành hành găm rít vào giờ này? Có khi lại là người đàn bà ngồi lê mách lẻo nào đó, bạn của bà chủ nhà đến chơi cũng nên?

Holmes đã nhầm. Chúng tôi nghe thấy tiếng chân ngoài phòng và tiếng gõ cửa rụt rè. Holmes thò cái tay dài ngoẵng của mình quay bóng đèn về phía chiếc ghế bành còn trống.

- Mời vào! - Anh nói.



Một người trai trẻ tuổi độ 20 - 22, ăn mặc khá chải chuốt có phần tao nhã và hơi kiêu cách. Nước ở chiếc dù chảy xuống thành dòng, chứng tỏ thời tiết thật kinh khủng. Người mới vào lo lắng nhìn xung quanh và dưới ánh sáng ngọn đèn, tôi thấy khuôn mặt anh ta bệch bạc, còn đôi mắt thì đầy nỗi lo âu tuyệt vọng.

- Tôi thành thật xin lỗi hai ngài. - Anh ta nói và đưa cái kính gọng vàng đang cầm ở tay lên mắt. - Tôi hy vọng các ngài không cho tôi là kẻ quấy rầy... Sở dĩ tôi phải mang vào căn phòng ấm cúng sự lạnh lẽo ướt át của cơn mưa bão là...

- Hãy đưa áo khoác và dù của ngài cho tôi, - Holmes nói. - Tôi treo vào chiếc móc sẽ khô ngay. Tôi nhận thấy hình như ngài vừa đi từ hướng tây nam tới đây.

- Vâng, tôi từ Horsham tới.

- Bùn trên đế giày của ngài đúng là đất bùn của vùng ấy.

- Tôi đến gặp ngài xin ngài lời khuyên bảo.

- Điều đó thì ngài nhận được dễ thôi.

- Và nhờ sự giúp đỡ.

- Sự giúp đỡ thì không phải bao giờ cũng dễ dàng có được.

- Tôi đã được nghe về ngài rất nhiều, thưa ngài Holmes. Tôi nghe ngài thiếu tá Prendergast kể là ngài đã cứu ông ta thoát khỏi vụ scandal ở câu lạc bộ Tankerville.

- À tôi nhớ rồi, ông ấy bị bọn xấu lừa đảo, buộc tội chơi bài không sòng phẳng.

- Ông ta nói là ngài thông thạo trong mọi lĩnh vực.

- Ông ta khen quá lời đấy.

- Theo lời ông ấy là ngài chưa bao giờ thất bại.

- Tôi đã bị thua bốn lần. Ba lần do cánh đàn ông, một lần do cánh đàn bà cho đo ván.

- Những con số ấy thắm vào đâu so với những chiến thắng?

- Vâng, nói chung tôi thường thành công.

- Vậy thì ngài cũng sẽ thành công trong chuyện của tôi.

- Mời ngài, kéo ghế ngồi sát lò sưởi và hãy kể thật tỉ mỉ từng chi tiết.

- Chuyện của tôi rất khác thường.

- Chuyện bình thường không bao giờ đến với tôi. Tôi đại diện cho cơ quan phá án cao cấp nhất.

- Nhưng dù sao, thưa ngài, tôi vẫn ngờ là trong quá trình hoạt động của mình, ngài chưa bao giờ nghe nói đến những chuyện kinh khủng như chuyện đã xảy ra với gia đình tôi.

- Ngài kích thích trí tò mò nghề nghiệp của tôi quá - Holmes nói. -

Trước hết ngài hãy bình tĩnh kể hết những tình tiết chính, còn sau đó tôi sẽ hỏi thêm những chi tiết cần thiết khác mà tôi cho là bổ ích.

- Tên tôi là John Openshaw, - anh ta tự giới thiệu. – Nhưng theo tôi hiểu, công việc của tôi ít liên quan đến những sự việc ghê rợn kia. Đó là chuyện thừa kế, vì vậy để cho ngài nắm được sự kiện một cách rõ ràng, tôi buộc phải quay lại từ đầu toàn bộ lịch sử gia đình tôi.

Ông nội tôi sinh được hai người con trai: người bác của tôi tên là Elias và bố tôi - Joseph. Cha tôi tậu được một xí nghiệp nhỏ ở Coventry. Sau đó cha tôi mở rộng quy mô sản xuất hơn nhờ sản xuất xe đạp. Cha tôi đã phát minh ra loại vành xe đạp không rỉ "Openshaw". Xí nghiệp làm ăn rất phát đạt cho nên sau khi bán cơ ngơi ấy cha tôi về sống rất đầy đủ và sung túc.

Bác Elias tôi trong những năm trai trẻ đã sang tận châu Mỹ làm ăn, và trở thành một chủ đồn điền ở bang Florida, ở đây công việc làm ăn của bác tôi rất trôi chảy. Trong thời gian chiến tranh bác tôi chiến đấu trong quân đội của tướng Jackson, sau đó thì dưới quyền chỉ huy của tướng Hood và đã được phong cấp đại tá. Đến khi tướng Lee hạ vũ khí đầu hàng, bác tôi trở về với đồn điền của mình. Ông sống ở đó ba bốn năm. Vào năm 1869 hoặc 1870 gì đấy, bác tôi quay về châu Âu và thuê một nơi ở không xa lắm ở Sussex, gần Horsham. Khi ở bên Mỹ, bác tôi đã dành dụm được một số vốn liếng khá lớn, và cầm món tiền đó bác tôi rời khỏi nước Mỹ với nguyên nhân là: kinh tởm những người da đen và không đồng tình với chính phủ trong việc giải phóng người da đen khỏi ách nô lệ. Bác tôi là một người kỳ quặc, ông ấy rất ác độc và nóng tính. Tức giận cái gì đó là ông văng ra những câu chửi nghe thật kinh tởm.

Ông ấy sống độc thân, tránh giao tiếp với mọi người. Tôi chắc chắn rằng trong những năm tháng sống ở Horsham, bác tôi chưa một lần nào ra phố. Bác tôi có một mảnh vườn và hai, ba mảnh đất trống xung quanh nhà, ông chỉ bách bộ dạo chơi trong khu vực đó mà thôi. Có những tuần ông bác tôi ngồi lì trong phòng, ông uống rượu và hút thuốc rất nhiều, xa lánh mọi người, thậm chí ngay đến em ruột của mình ông ấy cũng không thèm biết đến. Ông ấy tỏ ra yêu mến tôi, mặc dù mới gặp tôi lần đầu lúc tôi 12 tuổi - năm đó là năm 1878. Trong thời gian đó bác tôi đã sống ở nước Anh được tám hay chín năm rồi. Bác tôi thương lượng với cha tôi để cho tôi sang sống với

ông, bác rất thương tôi. Trong những lúc không say rượu bác thường chơi cờ nhảy với tôi. Ông hoàn toàn tin tưởng giao phó mọi việc trong nhà cho tôi. Đến năm tôi lên 16 tuổi thì tôi thực sự là ông chủ trong nhà. Tôi giữ các loại chìa khóa muốn vào chỗ nào cũng được, muốn làm gì thì làm, nhưng với một điều kiện: không được phá rối sự yên tĩnh cô độc của người bác. Ngoài ra tôi còn bị ràng buộc bởi trường hợp ngoại lệ: ở gác lửng có một căn phòng luôn luôn đóng kín. Bác tôi không cho phép bất cứ một người nào vào, kể cả tôi. Với tính hiếu kỳ của trẻ con, có lần tôi nhìn trộm qua lỗ khóa nhưng không thấy gì cả ngoài chiếc rương và túi linh tinh gì đó.

Một hôm vào tháng 3 năm 1883 - có một bức thư dán phong bì nước ngoài nằm trên bàn. Bác tôi hầu như chẳng bao giờ có thư vì mọi chuyện mua bán ông ấy đều trả bằng tiền mặt, còn bạn bè thì không có.

- "Từ Ấn Độ gửi tới," - cầm bức thư ông nói. - "Dấu bưu điện đóng ở Pondicherry! Chuyện gì có thể xảy ra đây?"

Bác tôi mau chóng xé phong bì, từ trong phong bì năm hạt cam khô rơi xuống kê lạnh canh trong đĩa sứ. Tôi định reo lên, nhưng nụ cười của tôi vụt tắt ngấm khi tôi ngược nhìn bác tôi. Mũi dưới của ông trĩ xuống, cặp mắt mở to thao láo, cả bộ mặt trở nên xám ngắt, ông ấy nhìn bất động chiếc phong bì đang cầm trên tay run run.

"K.K.K.! ông ấy thốt lên, và sau đó nói thêm. - Lạy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! Đây là bản thanh toán món nợ của tôi".

"Cái đó là gì thưa bác? - Tôi hỏi".

"Cái chết" ông nói xong và đứng lên ra khỏi ghế và từ từ đi vào phòng của mình, để mình tôi ở lại sửng sốt và hoảng sợ. Tôi cầm lấy phong bì và nhìn vào thấy bên trong có ba chữ "K" bằng mực đỏ. Trong phong bì không còn gì nữa, ngoài năm hạt cam đã khô. Cái gì làm cho bác tôi hoảng sợ?

Tôi đứng dậy chạy lên tầng trên. Bác tôi đi xuống trên tay cầm một chiếc chìa khóa cũ đã bị rỉ nhiều, có lẽ chiếc chìa khóa để mở căn phòng trên gác lửng. Còn tay kia ông đang giữ một chiếc hộp bằng đồng thau.

“Chúng muốn làm gì mặc chúng. Dù sao chẳng nữa bác cũng không thể trao cho chúng đâu! - Bác tôi nói với sự nguyên rủa, căm tức. - Cháu nói cô Mary đến nhóm lò sưởi ở phòng bác và đi mời ngài Fordham, luật sư ở Horsham tới”.

Tôi thi hành tất cả mệnh lệnh mà bác tôi sai bảo. Khi ngài luật sư đến, người ta gọi tôi lên phòng bác tôi. Ngọn lửa trong lò sưởi cháy sáng rực, trên tấm sàn của nó là một đồng tro dày, dường như tro của một mớ giấy tờ vừa bị đốt. Chiếc hộp bằng đồng thau mở ra rỗng tuếch. Nhìn vào chiếc hộp, tôi thở dài ngao ngán, lo sợ vì nhìn thấy phía trong nắp có khắc ba chữ “K” giống y như trên phong bì.

“Bác muốn cháu là người làm chứng cho việc lập biên bản này, John - Bác tôi nói, bác sẽ để lại chỗ này cho em của bác, tức là cha cháu, tất nhiên nó sẽ được truyền lại cho cháu, nếu cháu có thể sử dụng một cách yên ổn thì điều đó rất tốt! Còn nếu cháu không có khả năng làm điều đó, thì hãy nghe theo lời khuyên của bác là nên trao nó lại cho kẻ thù độc ác nhất của bác! Bác rất phiền muộn khi để lại cho cháu một thừa kế như vậy, nhưng bác không hiểu sự việc sẽ xảy ra thế nào? Hãy vui lên và ký vào tờ giấy này vào cái chỗ mà ngài Fordham sẽ chỉ cho cháu”.

Tôi ký vào tờ giấy ấy, và ngài luật sư mang nó đi luôn. Trường hợp rất kỳ lạ khiến cho tôi băn khoăn và có một ấn tượng sâu sắc. Tôi nghĩ đến nó mà chưa hề tìm ra được lời giải đáp. Tôi không thể nào xua tan đám mây lo sợ bao phủ, mặc dù nỗi niềm lo âu đã giảm sút sau vài tuần êm ả trôi qua, không có một dấu hiệu nào làm thay đổi cuộc sống hàng ngày của chúng tôi. Thú thực rằng tôi có nhận thấy những thay đổi lớn lao trong chiều sâu con người bác tôi. Ông ấy uống rượu nhiều kinh khủng và xa lánh tất cả thế giới bên ngoài. Phần lớn thời gian ông ấy khóa kín cửa ngò trong phòng. Nhưng thỉnh thoảng trong lúc say khướt ông đi ra khỏi phòng với khẩu súng lục trong tay, bác ra vườn và hét toáng rằng ông không sợ ai hết và cũng không cho bất kỳ người hay là ma quỷ đụng đến ông và chặt ông như chặt con cừu. Tuy thế nhưng khi cơn nóng giận say sưa đã nguôi, ông ấy vội vã chạy về phòng đóng chặt cửa lại, khoá ổ, cài then như một kẻ đang bị nỗi sợ hãi bao trùm từ tứ phía không thể giữ thân nổi. Trong lúc nóng giận, khuôn mặt của bác tôi, kể cả những ngày giá buốt, cũng vẫn mờ hôi mờ kê nhể nhại, y như người

ta vừa mới tắm hơi về. Để kết thúc câu chuyện bi thảm ấy, thưa ngài Holmes, và cũng khỏi lạm dụng lòng kiên nhẫn của ngài, tôi chỉ kể vắn tắt kết cục như sau: Một hôm trời vừa tối; sau khi uống rượu say mềm bác tôi thực hiện một cuộc dạo chơi. Sau đó chúng tôi không thấy ông về nữa. Chúng tôi hoảng hốt vội vã chạy đi tìm, và thật tang thương khi nhìn thấy ông nằm sấp mặt xuống trong chiếc ao đầy nước, chiếc ao phủ đầy rong rêu nằm phía sâu trong vườn.



Trên người ông không thấy một dấu vết đánh đập nào hết, còn chiếc ao thì rất cạn chỉ sâu không quá 2 feet. Chính vì thế tòa phúc thẩm chỉ chú ý đến tính khí bất thường của bác tôi để kết luận rằng đây là một vụ tự vẫn. Nhưng tôi biết chắc chắn ý nghĩ cái chết làm bác tôi hoảng sợ, bởi thế làm sao bác tôi tự nguyện lìa bỏ cõi đời này một cách dễ dàng và nhanh chóng như thế. Dù có muốn gì đi nữa thì thực tế vẫn phủ phàng bao trùm tất cả. Cha tôi là người thừa kế gia sản khoảng 14.000 bảng nằm tại ngân hàng...

- Xin phép, - Holmes ngắt lời anh ta. - Câu chuyện của ngài thật ly

kỳ và có những bí ẩn khó hình dung ngay được. Ngài hãy cho tôi biết bác ngài nhận được lá thư ngày nào và ông chết ngày nào?

Bức thư đến ngày 10 tháng 3 năm 1883, và bác tôi chết sau đó đúng 7 tuần, tức là đêm mồng 1 rạng mồng 2 tháng 5 năm 1883.

- Xin cảm ơn ngài, xin ngài cứ tiếp tục.

Khi cha tôi bắt đầu nắm quyền kế thừa cơ ngơi của bác tôi ở Horsham, thì theo đề nghị của tôi, cha tôi đã lục kỹ lưỡng căn buồng ở gác lửng mà trước kia luôn đóng kín. Chúng tôi tìm thấy một chiếc hộp bằng đồng thau, nhưng bên trong dường như bị hủy hết. Bên trong nắp đây có dán một mảnh giấy ghi ba chữ "K" và một dòng chữ nhỏ phía dưới "Thư từ, ghi chép biên lai, kế ước cho vay". Tôi cho rằng những dòng chữ nói lên nội dung những giấy tờ đã được đựng bên trong chiếc hộp và đã bị ngài đại tá Openshaw đốt hết. Ngoài chiếc hộp ra trong buồng không có gì đáng kể, nếu không tính một đồng giấy vút bừa bộn và những quyển sổ ghi chép linh tinh có liên quan đến cuộc sống của bác tôi bên Mỹ. Trong mớ lộn xộn ấy có thứ đề cập đến thời gian chiến tranh và đã cho thấy bác tôi là một quân nhân thi hành nghĩa vụ của mình rất tốt. Những giấy tờ khác thì nói về thời kỳ thành lập các bang ở miền Nam, phần lớn đều liên quan đến vấn đề chính trị. Rõ ràng bác tôi đã đóng một vai trò lớn trong phe chống đối, đối lập hẳn với các nhà lãnh đạo từ miền Bắc được cử vào.

Vào đầu năm 1884, cha tôi chuyển hẳn tới sống ở Horsham. Mọi việc đều rất tốt đẹp. Một hôm vào ngày 4 tháng giêng năm 1885, khi chúng tôi đang ăn sáng, bỗng cha tôi kinh ngạc kêu lên. Một tay cha tôi cầm chiếc phong bì, còn trong lòng bàn tay kia là năm hạt cam khô. Cha tôi thường giấu cọt trước cái chết hoang đường của ngài Đại tá, còn bây giờ chính cha tôi cũng bàng hoàng hoảng hốt, khi nhận đúng giấy báo của tử thần như thế.



“Thế này là thế nào? John” - Cha tôi hỏi khẽ.

Tim của tôi chột lạnh buốt.

“Đó là ba chữ “K”, - Tôi trả lời.

Cha tôi nhìn vào phía trong chiếc phong bì.

“Đúng ở đây cũng có ba chữ ấy. Nhưng còn cái gì đây?”

“Hãy đặt tất cả giấy má lên chỗ chiếc đồng hồ mặt trời” - Nhìn qua vai cha tôi, tôi đọc.

“Đồng hồ mặt trời nào? Những giấy tờ gì kia chứ? ” – cha tôi thảng thốt ngạc nhiên hỏi.

“Đồng hồ mặt trời đặt ở trong vườn, còn giấy tờ chắc bị cháy rụi rồi”.

“Quý tha ma bắt hết bọn nó đi! - Cha tôi nói. - Chúng ta đang

sống trong một đất nước văn minh, không thể chấp nhận những điều nhảm nhí được. Bức thư từ đâu tới?”.

“Từ Dundee” - Tôi trả lời, sau khi đã lướt nhìn con dấu bưu điện.

“Một trò đùa mù quáng của một kẻ khùng nào đó - Cha tôi nói. - Đồng hồ mặt trời và giấy má lằng nhằng có liên quan gì đến tôi kia chứ? Không thèm chấp cái đồng hồ quái quỷ ấy làm gì!”.

“Con muốn báo cho cảnh sát”, - Tôi nói lo âu.

“Để cho người ta lấy cha mày làm trò cười. Cha không nghĩ như thế!”.

“Vậy để con tự làm lấy”.

“Không đời nào - Cha không muốn rung chuông ầm ĩ với thiên hạ rằng mình là thằng điên”.

Thuyết phục cha tôi quá là uổng công, vì ông ấy rất ương ngạnh. Còn tôi thì bị nỗi lo sợ dày vò.

Ba ngày sau, cha tôi đi thăm một người bạn cũ – ngài thiếu tá Freebody, đang chỉ huy một đồn ở đồi Porlocktsdown. Tôi mừng là cha tôi đã đi khỏi, vì tôi ngỡ ra khỏi căn nhà này sẽ bớt nguy hiểm. Nhưng tôi đã lầm. Ngày hôm sau tôi nhận được một bức điện của ngài thiếu tá gửi, yêu cầu tôi đến gấp. Cha tôi đã bị rơi xuống một mỏ đá phẫn sâu hoắm, ở địa phương này khá nhiều hố như vậy. Tôi chạy vội tới chỗ cha tôi. Bị vỡ sọ, chết rồi, ông không kịp trăng trối lời nào. Cha tôi đi từ Fareham về lúc nhá nhem tối, ở đây cha tôi không thông thạo địa hình mà các mỏ đá phẫn không được rào dậu cẩn thận, cho nên tòa phúc thẩm không chút do dự kết luận ngay “Chết trong trường hợp đáng tiếc”. Tôi nghiên cứu kỹ lưỡng những dữ kiện có liên quan đến cái chết của cha tôi, nhưng không thể phát hiện được gì để kết luận đó là một vụ giết người tinh vi. Không có vết tích đánh đập, không có dấu vết trên mặt đất. Tôi chỉ nói riêng với ngài: Tôi lo lắng vô cùng và cảm giác như cha tôi đã lọt vào chiếc bẫy giăng sẵn.

Nghiễm nhiên tôi trở thành người thừa kế toàn bộ gia sản trong cảnh tang tóc đau thương như thế đấy. Ngài có thể hỏi lại tôi, tại sao

anh không từ chối thừa kế tài sản đẫm máu ấy? Tôi trả lời ngài rằng: Tôi khẳng định những điều bất hạnh xảy ra với gia đình tôi có liên quan tới những sự kiện bí mật xa xưa lắm trong cuộc đời của người bác quá cố và mối đe dọa tương tự sẽ đến bất kỳ từ đâu, lúc nào cũng sẵn sàng giáng xuống đầu tôi, dù tôi có ở ngôi nhà nào cũng vậy.

Người cha xấu số của tôi qua đời vào tháng giêng năm 1885. Từ đó đến nay đã 2 năm 8 tháng trôi qua. Tất cả chuỗi thời gian đó tôi hoàn toàn sống yên ổn ở Horsham và hy vọng câu chuyện đáng nguyên rủa kia không còn đè nặng lên gia đình tôi nữa. Tôi nghĩ sau những cái chết của thế hệ bác tôi, cha tôi thì nó cũng rời xa theo dĩ vãng luôn. Nhưng tôi hy vọng quá sớm. Sáng hôm qua tôi bị choáng váng, cũng vẫn bức thư của thần chết đến gõ cửa cuộc sống êm đềm của chúng tôi.



Chàng trai lấy ra từ trong túi một chiếc phong bì nhàu nát, lật đi lật lại, rồi trút năm hột cam khô đặt xuống tấm khăn trải bàn.

- Chiếc phong bì này đây. - Anh ta nói tiếp, - Dấu bưu điện đóng tại London - khu Đông, bên trong vẫn ba chữ "K" khó hiểu và dòng chữ "Hãy đặt tất cả giấy má vào chỗ đồng hồ mặt trời".

- Ngài đã làm những gì rồi? Holmes hỏi.

- Chưa làm gì cả?

- Chưa làm gì à?

- Nói đúng ra, - Anh ta gục mặt vào đôi bàn tay nhỏ nhắn, - Tôi bất lực như một con chuột bị một con rắn đuổi cùng đường chỉ biết nằm im chờ rắn tới gần. Hình như tôi bị rơi vào tay của một thế lực siêu phàm không thể nào thoát được và không có cách gì cứu nổi.

- Ngài nói gì lạ vậy?! - Sherlock vội thốt lên an ủi, - Ngài cần phải hành động gấp, nếu không ngài sẽ chết. Chỉ có ý chí và năng lực là có thể cứu sống ngài. Giờ đây không phải lúc tuyệt vọng.

- Tôi đã đến gặp cảnh sát.

- Ở đó đã giải quyết ra sao rồi?

- Nghe tôi nói, họ chỉ cười. Tôi nghĩ ngài chỉ huy cảnh sát cho những lá thư kia là trò đùa của một kẻ vô công rồi nghề nào đó! Còn những cái chết của người thân trong gia đình tôi, theo quan tòa chứng nhận chỉ là những trường hợp không may mà thôi. Nó không dính líu gì đến lời những đe dọa, cảnh cáo...

Holmes vung nắm đấm trong không trung.

- Ngu xuẩn không tưởng tượng nổi? - Anh bắt bình.

- Dấu thế người ta cũng cử một người cảnh sát đến chỗ tôi, người ấy túc trực suốt ngày đêm trong phòng tôi.

- Ông ta có đi cùng ngài đến đây không?

- Không, người ta ra lệnh cho ông ta phải ngồi trong nhà.

Một lần nữa, Holmes lại vung nắm đấm lên, vẻ tức giận.

- Ngài đến đây để làm gì? - Anh hỏi. - Quan trọng là tại sao ngài không đến đây ngay lúc nhận thư?

- Tôi không biết, vừa mới hôm qua tôi mới nói chuyện sự nguy hiểm của tôi cho ngài thiếu tá Prendergast, và ông ấy khuyên tôi nên đến gặp ngài.

- Đã hai ngày rồi, đáng lẽ ngài phải hành động sớm hơn mới phải. Ngài không còn những số liệu gì thêm ngoài những cái ngài mới kể ư? Có còn tình tiết nào gợi ý để giúp ích cho chúng tôi được không?

- Còn một chi tiết nữa, - John Openshaw nói, anh ta lục tìm trong túi áo bành tô và lấy ra mẫu giấy màu xanh đã ngả màu, đặt lên trên bàn. - Tôi vừa nhớ ra. - Anh ta tiếp. - Trong ngày bác tôi đốt tất cả giấy tờ thì mẫu giấy này còn sót lại chưa cháy kịp, nằm lẫn trong đám tro ấy. Tôi tìm thấy ở trên sàn phòng bác tôi. Tôi nghĩ chắc đây là mẫu giấy tình cờ bị sót lại trong cuộc thiêu hủy kia. Ngoài mấy hột cam ra, trong tờ giấy này không có gì giúp ích cho tôi. Tôi cho đó là một trang của sổ nhật ký, nét chữ này là của bác tôi.

Holmes xoay bóng điện, và cả hai chúng tôi cúi sát xuống tờ giấy. Đường biên có những vết xước nham nhở, chứng tỏ tờ giấy này được xé trong một quyển vở nào đó. Phía trên cùng có dòng chữ: "Tháng 3 năm 1869", phía dưới có những câu vừa đọc vừa đoán như sau:

Mồng 4 - Hudson có mặt: Tại cầu cảng như trước kia.

Mồng 7 đã gửi những hột cam cho McCauley, Paramore và John Swain từ St. Augustine.

Mồng 9 - McCauley đã cút khỏi mặt đất.

Mồng 10 John Swain đã cút khỏi mặt đất.

Ngày 12. Paramore đã được đến gõ cửa - Mọi việc đều êm đẹp.

- Cảm ơn ngài. - Holmes nói và xếp tờ giấy trả lại cho người khách trẻ. - Ngay bây giờ ngài hãy nhanh chóng, khẩn trương bắt tay vào việc. Chúng ta không cần tốn thêm một chút thời gian nào để tranh luận điều ngài vừa kể. Ngài cần trở về nhà ngay lập tức và hành

động gấp.

- Tôi cần phải làm gì bây giờ?

- Có mỗi một việc thôi, nhưng cần phải giải quyết ngay. Ngài phải đặt ngay tờ giấy mà ngài vừa cho chúng tôi xem vào chiếc hộp đồng thau mà ngài đã nói lúc nãy. Ngài đặt vào đó một bức thư báo tin là tất cả những giấy tờ còn lại đã bị ông bác của ngài đốt sạch sành sanh và chỉ còn lại duy nhất một mẫu giấy này thôi. Ngài phải thông báo điều này để gây lòng tin, sau khi viết xong bức thư ấy ngài hãy đặt ngay chiếc hộp bằng đồng thau kia lên chiếc đĩa của đồng hồ mặt trời như trong thư người ta yêu cầu. Ngài hiểu chứ?

- Tôi hoàn toàn hiểu ý ngài.

- Ngài nên nhớ hiện tại không nên nghĩ đến chuyện báo thù, hoặc một ý nghĩ nào tương tự như vậy. Tôi đề nghị chuyện ấy để pháp luật trừng trị, nhưng chúng ta cũng cần giăng một mẻ lưới, tuy nhiên chúng nó đã giăng sẵn rồi. Vì vậy, trước hết cần phải thoát khỏi mối nguy hiểm đang đe dọa ngài. Còn sau đó chúng tôi sẽ làm sáng tỏ sự việc mờ ám và trừng trị những kẻ sát nhân.

- Chân thành cảm ơn ngài, - Chàng trai nói và đứng lên lấy chiếc áo khoác mặc vào. - Ngài đã trả lại cho tôi cuộc sống và niềm hy vọng. Tôi sẽ hành động đúng như ngài đã dạy bảo.

- Không được lãng phí dù chỉ một phút nào hết. Điều quan trọng là hãy giữ lấy mình. Rõ ràng không thể chối cãi là ngài đang đứng trước mối hiểm họa ngàn cân treo sợi tóc. Ngài quay về bằng cách nào?.

- Tôi sẽ đi tàu hoả, từ ga Waterloo.

- Chưa đến 21 giờ. Ngoài đường vẫn còn đông người. Tôi hy vọng ngài sẽ bình an. Nhưng dầu sao ngài cũng nên đề phòng kẻ thù.

- Tôi đã mang phòng theo khẩu súng lục.

- Rất tốt, ngay ngày mai tôi sẽ bắt tay vào công việc của ngài.

- Có nghĩa là tôi sẽ gặp ngài ở Horsham.

- Ô! Đó là điều bí mật của công việc. Ở tại London này, chính ở

đây tôi sẽ tìm ra hắn.

- Vậy thì, tôi sẽ ghé lại chỗ ngài một hoặc hai ngày nữa và thông báo cho ngài tất cả sự việc dính dáng tới chiếc hộp đồng thau và giấy má kia. Tôi sẽ làm đúng tất cả những gì ngài dặn.

Anh ta bắt tay chúng tôi rồi từ biệt ra về.

Gió vẫn gầm rít, mưa vẫn liên tiếp gõ vào cánh cửa sổ. Câu chuyện ly kỳ bi thảm kia đã làm cho chúng tôi phần nào quên đi nỗi phiền muộn về cơn bão dai dẳng, giờ đây đang xâm chiếm bao phủ trở lại.



Holmes ngồi im lặng, đầu anh hơi cúi xuống, mắt nhìn chăm chú vào ngọn lửa đỏ rực trong lò sưởi đang hùng hực cháy. Anh hút hết một tẩu thuốc, rồi ngồi ngả người ra sau ghế và nhìn những làn khói xanh đang nhẹ nhàng uốn éo liên tiếp nối nhau bay trên trần nhà.

- Watson, tôi nghĩ là, - Cuối cùng anh phá tan sự im ắng. - Trong

công việc "chữa bệnh" của tôi có lẽ không bao giờ gặp phải những vụ nguy hiểm, ly kỳ hơn vụ này.



- Nhưng trước hết anh đặt cho mình một quy định cụ thể về tính chất của nguy hiểm ra sao cái đã? - Tôi hỏi.

- Ở đây không có chuyện hoài nghi về tính chất tương đối của nó.
- Anh trả lời.

- Nhưng cụ thể ra sao? Ai là người có tên K. K. K.? Và hẳn ta cứ bám riết như con đĩa gia đình bất hạnh ấy nhằm mục đích gì?

Holmes nhắm mắt lại, dựa hẳn vào thành ghế và gập hai tay vào nhau.

- Một nhà suy luận chính thống. - Anh nhận xét. Khi nhìn thấy một dữ kiện duy nhất trong cả tổng thể có thể rút ra từ đấy không những toàn bộ chuỗi sự kiện tạo nên nó, mà còn thấy được những hậu quả sẽ xảy ra theo sau. Cũng như Cuvier có thể mô tả đúng một con vật

mà chỉ dựa vào cơ sở một chiếc xương của nó. Một quan sát viên nghiên cứu một mắt xích trong toàn bộ chuỗi sự kiện, cần phải dựng lại được tất cả những mắt xích còn lại, kể cả những tiền tố và hậu tố. Nhưng không thể đưa nền nghệ thuật suy luận lên đến đỉnh cao tột cùng, người suy diễn cần phải sử dụng tất cả những dữ kiện đã được đắp nên. Để làm được việc này, anh ta cần có những kiến thức chung nhất định nào đó. Nếu như trí nhớ của tôi không phản tôi, thì trong ngày đầu chúng ta quen biết nhau, anh đã xác định chính xác ranh giới kiến thức của tôi.

- Đúng như vậy. - Tôi mỉm cười trả lời, - Đó là một tài liệu bất thường

- Tôi nhớ là: Triết học, thiên văn học và bộ môn chính trị đứng vào vị trí số không. Kiến thức trong lĩnh vực thực vật học luôn luôn dao động, trong ngành địa chất thì sâu hơn. Bởi công việc dính dáng tới những vết dơ bẩn của bất kỳ một vùng nào đó trong giới hạn 50 dặm xung quanh thành London; còn trong lĩnh vực hóa học thì hài hước, kỳ quặc. Trong giải phẫu học thì không đồng bộ tản mạn, rời rạc. Trong lĩnh vực văn học giải trí, kiến thức đặc biệt khác thường. Trong đó, võ sĩ quyền Anh thì dùng kiếm, còn luật sư thì tự đầu độc mình bằng thuốc phiện và thuốc lá. Đó là những nét cơ bản nhất trong cách nhận định, đánh giá của tôi.

Holmes cười rất khoái trá, khi nghe tôi nói những tiếng sau cùng.

- Cũng như lúc xưa tôi đã nói con người cần phải điều khiển trí nhớ của mình như thế nào để cho mớ kiến thức được sắp xếp thứ tự ngăn nắp trong kho tàng trí tuệ, sao cho đến lúc cần dùng là có thể lấy ra dễ dàng không phải tìm kiếm lục lọi. Chúng ta nội trong tối hôm nay cần phải huy động tất cả vốn liếng mà chúng ta có. Anh lấy giúp tôi cuốn Bách khoa Toàn thư nước Mỹ ¹⁹⁾, tập có chữ "K". Nó nằm trên giá sách, gần chỗ anh ngồi đấy. Cám ơn! Giờ đây chúng ta sẽ đặt ra các giả thiết và từ đó rút ra những kết luận. Trước hết bắt đầu từ ngài đại tá Openshaw xem thử vì lý do gì mà ông ta rời bỏ nước Mỹ. Trong thời đại ngày xưa con người không có khuynh hướng phá bỏ những thói quen của mình để tự nguyện tự giác thoát thác ra đi khỏi vùng khí hậu tuyệt vời như ở bang Florida, để rồi sống một cuộc đời ẩn dật trong thị trấn quê mùa bên nước Anh này. Sự ham

mê thích thú ẩn dật nói lên ý nghĩa rằng ông ta sợ một điều gì đó hoặc một người nào đó, hay đại loại như vậy. Chúng ta khẳng định giả thiết này dựa trên cơ sở những bức thư dọa dẫm đáng sợ mà ông ta cũng như người thừa kế đã nhận được. Anh có nhận xét gì về những con dấu đóng trên phong bì đó không?

- Lá thư thứ nhất từ Pondicherry, thư thứ hai từ Dundee, thư thứ ba từ London.

- Từ phía đông London! Anh rút ra kết luận gì?

- Đó là những bến cảng của đại dương. Hình như người viết lá thư ấy là thủy thủ.

- Tuyệt diệu! Chúng ta đã có chìa khóa rồi. Hoàn toàn có khả năng người viết thư đang sống trên một con tàu. Còn bây giờ chúng ta sẽ xem xét vấn đề này từ khía cạnh khác. Trong trường hợp từ Pondicherry thì khoảng thời gian giữa lời dọa dẫm đến chuyện thực cách nhau bảy tuần lễ; trong trường hợp từ Dundee khoảng cách ấy chỉ có ba, bốn ngày. Anh có nghĩ gì?

- Khoảng cách trong trường hợp thứ nhất lớn hơn nên cần thời gian để thực hiện lâu hơn.

- Nhưng chính bức thư cũng phải một quãng đường lớn như thế?

- Tôi chịu. Không hiểu sự thể ra sao?

- Có cơ sở để rút ra nhận xét là, con tàu mà kẻ sát nhân đang sống là một chiếc thuyền buồm, hoặc một nhóm đang sống là một chiếc thuyền buồm. Cũng như những trường hợp tương tự, chúng nó bao giờ cũng gửi đi những lời cảnh cáo sau đó mới thi hành bản án. Anh thấy không trường hợp từ Dundee xảy ra nhanh chóng làm sao? Nếu chúng đi bằng tàu thủy từ Pondicherry, thì chúng tới cùng với lá thư. Nhưng ở đây lại 7 tuần. Bảy tuần này là hiệu số giữa tốc độ của tàu thủy bưu điện đã mang bức thư với tốc độ của thuyền buồm mà kẻ sát nhân đang sống.

- Có thể là như thế?!

- Đó là điều chắc chắn. Dựa trên cơ sở đó anh thấy ngay sự nguy

hiểm chết người trong trường hợp cuối. Anh biết vì sao tôi cần dặn anh chàng Openshaw phải thận trọng rồi chứ?! Đòn trừng phạt bao giờ cũng giáng vào thời hạn kết thúc cần thiết cho những kẻ đã gửi bức thư khi vượt qua khoảng cách trên chiếc thuyền buồm. Nhưng chính bức thư cuối này lại được gửi đi từ London, vì vậy chúng ta không thể cho phép mình trì hoãn công việc.

- Lạy chúa? - Tôi thốt lên. - Cuộc truy nã gắt gao kia có ý nghĩa gì?

- Rõ như ban ngày, giấy tờ đã bị Openshaw cuồn đi mang trong đó một bí mật liên quan đến sự sống còn của bọn trên chiếc thuyền buồm. Tôi cho là trên thuyền này không chỉ có một thằng. Một người không thể tham gia hai vụ giết người tài tình, không để lại dấu vết gì. Trong chuyện này phải vài ba tên nhúng tay vào, hơn nữa chúng là như kẻ giết người sành sỏi và không hề run tay. Những giấy tờ mà chúng muốn chiếm lại bằng được, dù nó nằm trong tay ai mặc kệ. Chính thế anh thấy không "K.K.K" đâu phải là tên của một người, mà là dấu hiệu ám chỉ một tổ chức xã hội bí mật nào đó.

- Tổ chức gì? Tôi chưa nghe thấy bao giờ?

Holmes lật lật mấy trang sách đang nằm trên đùi anh:

- Ở đây họ có viết như thế này "Ku Klux Klan" là tên gọi xuất phát từ sự giống tiếng lên quy lát của khẩu súng. Tổ chức bí mật nguy hiểm đáng sợ này có những cựu chiến binh của quân đội miền Nam sau cuộc nội chiến thành lập, và sau một thời gian ngắn đã nhanh chóng lập các chi nhánh ở các bang khác. Chủ yếu là bang Tennessee, bang Louisiana, bang Carolinas, bang Georgia, và bang Florida. Tổ chức này dùng bạo lực phục vụ cho mục đích chính trị, chủ yếu là khủng bố, ám sát những ứng cử viên đại biểu cho dân da đen, hoặc đuổi khỏi đất nước, giết những kẻ đối lập có quan điểm chống đối chúng. Bọn chúng thường cảnh cáo trước rồi mới thực hiện. Lời cảnh cáo chỉ gửi cho những người mà bọn chúng định ám sát dưới hình thức thơ mộng, nhưng mọi người đều quen thuộc, ở một số địa phận trong nước thì một cành lá sồi, còn những nơi khác thì vài hạt dưa gang, hoặc hột cam. Sau khi nhận được những lời cảnh cáo đó, người ta hoặc thay đổi quan điểm của mình, hoặc đi khỏi Tổ quốc. Nếu không chú ý đến lời cảnh cáo đó, thì người bị gửi

thư sẽ không tránh khỏi cái chết. Thường là một cái chết kỳ quặc, không lường trước được. Tổ chức này được lãnh đạo rất chặt chẽ, nó nghĩ ra những biện pháp hành động hữu hiệu đến nỗi chưa ai có thể khám phá ra được hoặc tránh khỏi cái chết thảm thiết. Chưa bao giờ những kẻ gây tội ác bị vạch mặt. Tổ chức được hình thành trong vài ba năm bất chấp mọi sự đàn áp của chính phủ Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ và tầng lớp tiến bộ của nhân dân. Năm 1869 những hoạt động của tổ chức bí mật này bỗng dưng chấm dứt, tuy nhiên vẫn xảy ra một vài vụ khủng bố.

- Anh có thấy không? - Holmes nói và lật lật quyển sách, - Sự chấm dứt bất bình thường những hoạt động chống đối của tổ chức sát nhân này trùng lặp với cuộc ra đi của Openshaw, ông ta đã thu góp tất cả tài liệu giấy tờ của tổ chức mang theo mình hồi hương. Có khả năng là những nguyên nhân và kết quả nằm ở điểm này. Không phải ngẫu nhiên những người tàn ác dã man kia cứ theo đuổi mãi gia đình Openshaw. Anh hiểu không, bảng thống kê và những cuốn nhật ký có thể là bôi nhọ, nói xấu những nhà hoạt động nổi tiếng nhất của miền Nam nước Mỹ và chính những giấy tờ này đã làm cho nhiều kẻ mất ăn mất ngủ.

- Có nghĩa là những giấy tờ mà chúng ta vừa được thấy...

- Chính nó - Đó là một thứ mà người ta mong đợi. Nếu tôi không nhầm thì ở đó ghi: "Đã gửi những hạt giống cho A.B.C." - Có nghĩa là họ đã gửi những lời cảnh cáo. Tiếp theo là mấy dòng chữ A và B đã cút xéo khỏi mặt đất - Có nghĩa bọn họ đã bỏ Tổ quốc ra đi. Còn C. đã được đến thăm. Tôi sợ ngài C đã kết thúc không tốt đẹp. Chúng ta còn kịp làm sáng tỏ công chuyện mờ mịt này. Con đường để cứu thoát Openshaw trai trẻ kia - chính là phải hành động đúng như tôi khuyên bảo. Hôm nay chúng ta không thể nói thêm được gì nữa và cũng không thể làm thêm được gì... Anh đưa tôi mượn cây đàn, chúng ta đành chịu khó ngồi im lặng nửa tiếng đồng hồ để quên đi thời tiết tồi tệ và quên đi những hành động còn tồi tệ gấp bội của con người.

Gần sáng cơn bão mới tan, mặt trời hé ửng lên xuyên qua những đám mây mù u tối rặng rờ chiếu rọi thành London.

Khi tôi đi xuống thì Holmes bắt đầu ăn sáng.

- Xin lỗi, tôi buộc phải bắt đầu không đợi anh được - Anh nói. - Tôi thấy trước rằng tôi phải làm việc cật lực trong ngày hôm nay vì câu chuyện của Openshaw.

- Anh chuẩn bị đến đâu rồi? - Tôi hỏi.

- Điều này phụ thuộc vào sự đánh giá chính xác hay không của tôi. Có lẽ tôi phải ghé tới Horsham.

- Anh không định tới đó trước sao?

- Không, tôi sẽ bắt đầu từ City. Anh gọi người hầu mang cà phê lên đi.

Trong lúc đợi cà phê, tôi cầm tờ báo để trên bàn và đọc lướt qua các mục. Bất chợt một cột báo làm tim tôi lạnh toát.

- Holmes, - Tôi thốt lên, anh bị chậm mất rồi.

- Có chuyện gì vậy? - Anh nói và đặt cốc cà phê xuống. - Tôi đã dự đoán trước là sẽ xảy ra chuyện này. Chuyện xảy ra như thế nào? - Giọng anh rất bình tĩnh, chúng tôi cảm thấy anh đang xúc động mãnh liệt.



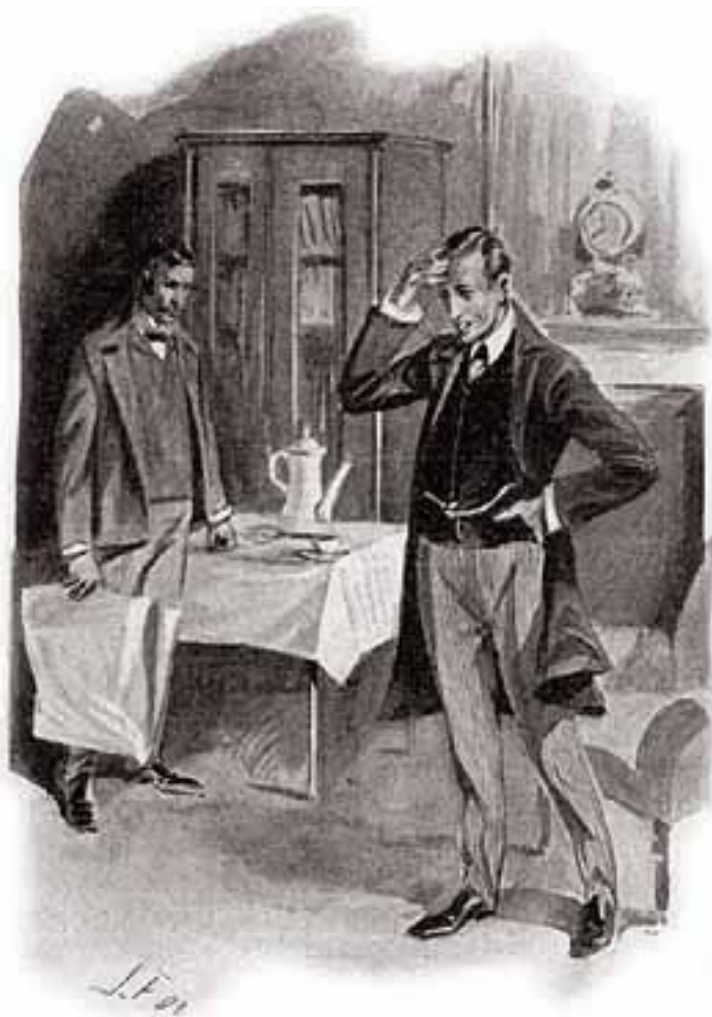
Cái tên Openshaw đã đập vào mắt tôi và đề mục “Câu chuyện tang thương ở cầu Waterloo” được như thế này:

“Tối qua vào khoảng 21 - 22 giờ, nhân viên cảnh sát có tên Cook trong lúc đang tuần tra canh gác cầu Waterloo, có nghe thấy tiếng kêu cứu và tiếng nước “bõm”. Nhưng do trời tối đen như mực, gió thét ào ào, cho nên mặc dù chạy đến cứu giúp, vẫn không vớt được kẻ chìm dưới sông. Cảnh sát lập tức nổi còi báo động, và nhờ chiếc xuồng cấp cứu xác chết đã được tìm thấy. Đó là một chàng trai trẻ, tên anh ta theo phong bì tìm thấy trong người là John Openshaw, sống gần Horsham. Người ta đoán anh ta vì quá vội để đi chuyển tàu cuối cùng xuất phát từ ga Waterloo, trong bóng đêm mịt mù và đã bị trượt chân lọt xuống dưới cầu. Trên thi hài nạn nhân không thấy phát hiện một dấu vết đánh đập hành hung nào. Không thể nghi ngờ gì nữa, anh ta đã mất mạng trong trường hợp đáng tiếc. Điều đó bắt buộc chính quyền địa phương phải chú ý đến tình trạng chiếc cầu”.

Chúng tôi lặng đi mấy phút. Tôi chưa hề nhìn thấy Holmes mặt nhọc đến như thế.

- Cái đó đã giáng một đòn chí mạng vào tính tự ái của tôi, - Cuối cùng anh thốt lên đau đớn. - Không thể chối cãi và bào chữa được điều gì, tính tự ái là một thứ tình cảm nhỏ nhen, ích kỷ, nó không giải quyết được việc gì cả. Bây giờ câu chuyện này trở thành việc riêng của tôi, và nếu Chúa có ban cho tôi một sức khoẻ thì tôi sẽ tóm gọn cả băng sát nhân ấy. Anh ta hoảng sợ đến nhờ tôi giúp đỡ, thế mà tôi lại đẩy anh ta đến chỗ chết.

Anh đứng dậy khỏi chiếc ghế, bước đi bước lại trong căn phòng, khuôn mặt trắng bệch bừng bừng tức giận. Anh hết bóp lại thả ra những ngón tay dài và nhỏ nhắn của mình một cách điên tiết.



- Những con quỷ lấu cá! - Cuối cùng anh thét lên, - Làm thế nào mà chúng lừa phỉnh được anh chàng để nhấn chìm xuống đáy sông? Bờ sông không phải là con đường dẫn tới nhà ga. Còn trên cầu thậm

chí trời có tối đi chẳng nữa cũng còn rất nhiều người. Watson chúng ta thử xem ai là người chiến thắng trong hiệp này. Tôi đi đây.

- Tới đồn cảnh sát à?

- Không, tôi sẽ làm cảnh sát. Tôi sẽ giăng một tấm lưới như tấm mạng nhện, và cứ để cho cảnh sát đến bắt những con ruồi trong đó, nhưng không để làm ngay bây giờ.

Cả ngày hôm đó, tôi mắc công việc chữa bệnh. Khi quay về hẻm Baker thì trời đã tối từ lâu.

Sherlock Holmes vẫn chưa về. Khi anh về thì đã hơn 21 giờ đêm, người bơ phờ, nhợt nhạt. Anh đến tủ đựng thức ăn, lấy một mẩu bánh mì cho vào miệng nhai ngấu nghiến và nuốt ừng ực những ngụm nước lớn.

- Anh đói lắm phải không? - Tôi nhận xét.

- Đói gần chết đây. Tôi làm quên cả ăn, kể từ buổi ăn lót dạ sáng đến giờ.

- Thế anh nhin à?

- Không có lấy một hột. Tôi không có thời gian rỗi để nghĩ đến chuyện ăn uống nữa.

- Còn công việc của anh ra sao?

- Rất tốt đẹp.

- Anh đã tìm ra chìa khóa vén mở điều bí mật chưa?

- Bọn nó đã nằm gọn trong lòng bàn tay tôi. Rồi chàng Openshaw trẻ tuổi kia không còn bao lâu nữa sẽ được rửa hận. Watson, chúng ta sẽ dán nốt cái nhãn hiệu ma quỷ chính thống của chúng nó. Chẳng nhẽ, đó là điều không hay?

- Anh nói về cái gì thế?

Holmes lấy từ trong chạn ra một quả cam. Rồi anh bóc nó ra từng múi, và cẩn thận nhặt mấy hạt để lên bàn. Anh nhặt năm hột cho vào

chiếc phong bì. Phía trong phong bì anh viết "S.H. gửi cho J.C."

Sau đó anh dán phong bì lại và ghi địa chỉ ở ngoài "Gửi thuyền trưởng James Calhoun, thuyền buồm "Bark Lone Star", Savannah, Georgia."

- Bức thư sẽ đợi Calhoun khi hắn ta cập bến - Holmes vừa nói vừa cười. - Điều này, sẽ làm cho hắn mất ăn mất ngủ. Tôi tin rằng, hắn sẽ chịu chung cái số phận như số phận của ngài Openshaw.

- Thuyền trưởng Calhoun là ai vậy?

- Hắn là thủ lĩnh của cả bọn khốn kiếp ấy. Dần dần tôi sẽ lần ra những thằng khác nữa. Hắn là thằng đầu tiên.

- Bằng cách nào mà anh tìm ra chúng nó?

Holmes lôi ra từ trong túi một tờ giấy cỡ lớn ghi chép chi chít những năm tháng và tên người...

- Cả ngày tôi chỉ chú ý đầu sục vào các tập hồ sơ, giấy má cũ, theo dõi số phận của từng chiếc tàu đã cập bến Pondicherry trong thời gian từ tháng Giêng và tháng Hai năm 1883. Trong 2 tháng ấy, có ghi lại 36 chiếc tàu có trọng tải khá lớn. Trong số đó có chiếc "Bark Lone Star" làm cho tôi chú ý nhất, bởi địa điểm cập bến là London. Hơn nữa "Bark Lone Star" - một biệt danh của một bang bên Mỹ.

- Hình như bang Texas phải không?

- Điều này chưa chắc chắn. Nhưng tôi biết con tàu đó đã xuất phát từ bên Mỹ.

- Có gì nữa không?

- Tôi đọc lướt qua các mục ghi chép về ngày đến và ngày đi của tất cả tàu thuyền ở cảng Dundee. Và khi tôi thấy chiếc thuyền buồm "Bark Lone Star" đã cập bến Dundee trong tháng Giêng năm 1885 thì mọi nghi ngờ của tôi đã chuyển sang khẳng định. Tôi lập tức lục tìm bảng chỉ dẫn có liên quan tới những chiếc tàu thuyền đã đậu ở cảng London trong thời gian hiện nay.

- Anh có thấy được gì không?

- "Bark Lone Star" vừa cập bến London trong tuần trước. Tôi vội chạy đến chỗ ụ Albert và được biết đúng hôm nay, lúc thủy triều lên sớm "Bark Lone Star" đã rời bến ra sông để quay về cảng Savannah. Tôi đã điện tới Gravesend và được báo cho biết "Bark Lone Star" vừa mới qua đây không lâu. Và do gió hướng đông nên tôi không nghi ngờ gì hết. "Bark Lone Star" đã vượt qua Goodwins và hiện giờ đang cách không xa hòn đảo Wight.

- Anh định hành động ra sao?

-Ồ! Calhoun đang nằm trong tay tôi! Hẳn với hai tên thủy thủ - là những tên người Mỹ duy nhất trên tàu. Những người còn lại là người Phần Lan và người Đức. Thậm chí tôi còn được biết tối hôm qua cả ba đứa đều không có mặt trên thuyền. Người khuân vác đã cho tôi biết chi tiết ấy. Ông ta làm nhiệm vụ bốc vác trên chiếc thuyền buồm "Bark Lone Star". Khi thuyền "Bark Lone Star" cập bến Savannah, thì tàu thủy đã mang bức thư của tôi tới trước rồi. Còn bức điện tôi báo cho cảnh sát ở Savannah là phải bắt ngay ba tên người Mỹ vì tội đã giết người.

Tuy nhiên, trong mọi dự tính cẩn thận nhất của con người, bao giờ cũng có một chỗ sơ hở nào đó. Những kẻ đã giết hại cả gia đình Openshaw kia, chưa phán đoán được là sẽ nhận được những hột cam do người khác gửi cho chúng. Mà con người ấy, cũng kiên quyết, láu cá như bọn chúng nó. Con người đó, đã lẩn ra dấu vết chúng nó.

Trong năm ấy những trận cuồng phong thật là dữ dội, kéo dài dai dẳng. Chúng tôi chờ đợi tin tức của chiếc thuyền buồm "Bark Lone Star" rất lâu, nhưng tất cả đều không đúng như chúng tôi mong đợi.

Cuối cùng chúng tôi mới được biết là ở một nơi xa xôi nào đó trên bờ Đại Tây Dương, người ta đã nhìn thấy chiếc đuôi tàu bị vỡ, đập dềnh theo sóng biển. Trên đó người ta đã nhìn thấy những chữ "L. S.". Đó là tất cả những gì chúng tôi được biết về số phận của "Bark Lone Star".

NGƯỜI ĐÀN ÔNG MÔI TRỀ

The Man with the Twisted Lip

Một đêm tháng 6 năm 1889, có chuông cửa reo. Tôi nhồm dậy trên ghế, còn vợ tôi thì đặt đồ may vá xuống, khẽ nhăn mặt, bực mình.

- Một bệnh nhân! Anh sẽ phải đi thôi - Nàng nói.

Tôi rên rỉ, vì vừa mới trở về sau một ngày mõi mệt. Có tiếng cửa mở, một vài tiếng nói vội vã và sau đó là những bước chân hối hả. Cửa lớn mở tung ra và một người phụ nữ mặc đồ sẫm màu, che mặt bằng một tấm mạng, bước vào phòng.

- Xin thứ lỗi cho tôi vì đã gọi cửa vào giờ này - Bà ta bắt đầu nói. Rồi, không kìm được nữa, bà chạy về phía trước, quàng tay lên cổ vợ tôi và khóc nức nở trên vai nàng - Tôi đang có chuyện chẳng lành, rất cần một sự trợ giúp, dù nhỏ bé!

- Ồ, chị! - Vợ tôi nói, kéo tấm mạng của người khách lên - À! Chị Kate đây mà?

- Tôi không biết phải làm gì, nên tôi đến chỗ các em.

- Chị đến đây là tốt lắm. Bây giờ, chị uống nước rồi kể cho em nghe. Ồ, em có nên mời anh ấy đi nghỉ không nhỉ?

- Ồ, không đâu! Chị cần lời khuyên và sự trợ giúp của bác sĩ nữa. Đây là chuyện về anh Isa. Đã hai ngày nay, anh ấy không về nhà. Chị rất lo!

Đây không phải là lần đầu tiên chị Kate nói với chúng tôi về chồng chị. Gần đây, anh thường lui tới một động phù dung ở phía nam thành phố. Từ trước tới giờ, cơn say thuốc chỉ kéo dài khoảng một ngày, và anh trở về nhà vào buổi chiều, chân tay co giật, áo quần lếch thếch. Nhưng hiện giờ, đã 48 tiếng đồng hồ rồi và có lẽ anh đang nằm đó, giữa bọn người cặn bã của bến tàu.

“Có thể tìm thấy anh ấy ở đó”, chị ấy chắc thế, “tại quán Bar of Gold, trong hẻm Thượng Swandam”. Nhưng chị phải làm gì? Làm thế nào mà một người phụ nữ trẻ và rụt rè như chị, lại có thể đến một nơi như thế, để đem chồng mình ra khỏi những tên vô lại. Chỉ có một lối thoát. Tôi phải hộ tống chị đến chỗ ấy? Và rồi xét cho kỹ thì chị có nên đến đây không? Tôi là cố vấn y học cho Isa Whitney và với tư cách đó, tôi có ảnh hưởng đối với anh ta. Tôi dễ dàng xoay sở nếu tôi đi một mình. Tôi hứa với chị, tôi sẽ đưa anh ta về nhà trong vòng hai tiếng đồng hồ, nếu quả thật anh ta đang ở đó. Thế là khoảng mười phút sau, tôi đã ngồi trên xe ngựa chạy bon bon.

Hẻm Swandam là một ngõ hẻm mật hạng nằm ẩn khuất phía sau những cầu tàu cao chạy thẳng từ phía bắc của con sông đến phía đông cầu London. Trong khoảng giữa từ cái cửa hàng bán quần áo tới một quán rượu, tôi tìm thấy cái động phù dung đó. Cho xe đợi ở bên ngoài, tôi đi xuống những bậc thềm trũng sâu ở giữa bởi những bước chân lên xuống liên tục của con nghiện. Qua ánh sáng chập chờn của cây đèn dầu treo phía trên cửa lớn, tôi tìm thấy cái chốt và mò mẫm đi vào một căn phòng dài, thấp, nồng nặc mùi khói thuốc.

Xuyên qua bóng tối mờ mờ có thể thấy những thân người đang nằm trong những tư thế lạ lùng, đôi vai cúi xuống, đầu gối cong lại, đầu ngả ra sau, cằm ngửa lên trời, đây đó một con mắt lác tròng, lơ lơ quay ra nhìn người mới đến. Từ phía trong những bóng đen toả ra những vòng ánh sáng lập loè, khi tỏ khi mờ. Hầu hết nằm yên lặng, nhưng một vài người nói làm nhảm một mình, những người khác nói chuyện với nhau bằng giọng thấp, đờn điệu, kỳ dị. Cuộc đàm thoại của họ tuôn ra trong một lát, rồi bỗng nhiên chìm vào im lặng, mỗi người lẩm bẫm những ý nghĩ của chính mình, chẳng lưu tâm đến những lời của người bên cạnh. Phía bên kia là một lò than hồng, bên cạnh nó, trên một cái ghế đầu gỗ ba chân có một người đàn ông ngồi. Đó là một ông già cao, gầy gò, quai hàm tựa trên hai nắm tay, cùi chỏ đặt trên đầu gối, trở mắt nhìn vào lò sưởi.



Khi tôi bước vào, một người hầu Mã Lai vội vã vẫy tôi đến một cái giường ngủ để trống.

- Tôi muốn nói chuyện với ông Isa Whitney.

Có một sự chuyển động và một tiếng kêu từ bên phải tôi, nhìn qua bóng tối nhờ nhờ, tôi thấy Isa đang trở mắt nhìn ra phía tôi.

- Trời ơi! Watson đây à? - Anh ta nói, run rẩy một cách tội nghiệp
- Watson, mấy giờ rồi nhỉ?

- Gần 11 giờ đêm.

- Ngày nào thế?

- Thứ sáu, 19-6.

- Trời đất! Tôi vẫn nghĩ là thứ tư đây. Đúng là thứ tư. Sao anh lại nói dối tôi làm gì?

Anh ta úp mặt xuống hai cánh tay và bắt đầu khóc nức nở.

- Hôm nay là thứ sáu. Vợ anh đợi anh đã hai ngày rồi. Lẽ ra, anh phải biết xấu hổ chứ?

- Tôi không nhớ là thứ mấy. Nhưng tôi sẽ đi về với anh. Ôi, Kate bé bỏng của tôi. Đưa tay anh cho tôi. Có xe chứ?

- Xe đang đợi.

- Vậy thì chúng ta đi về.

Tôi bước xuống lối đi hẹp giữa hai hàng người đang nằm. Khi tôi đi ngang qua một gã đàn ông ngồi cạnh lò than, tôi cảm thấy có một cái giạt mạnh vào áo sơ mi mình, rồi nghe tiếng thì thào: "Hãy đi ngang qua tôi, rồi quay lại nhìn tôi". Tôi liếc nhìn xuống. Những lời đó, chỉ có thể cất lên từ ông già ở bên cạnh tôi, nhưng bây giờ ông ta vẫn ngồi trầm tư như trước. Tôi bước tới hai bước rồi nhìn lại. Phải cố gắng lắm tôi mới ngăn được một tiếng kêu kinh ngạc. Ông ta đã quay lưng để cho không ai có thể nhìn thấy mình, ngoài tôi ra. Dáng người ông ta đã mập ra, những nếp nhăn đã biến đi, đôi mắt lơ lơ đã sáng hẳn lên, và kia, ngồi bên cạnh lò sưởi và nhe răng cười: chính là Holmes. Anh khẽ ra hiệu cho tôi đến gần anh, và ngay lập tức, xoay nửa người về phía đám người nọ, trở lại thành một ông già run cầm cập, miệng há hốc.



- Holmes! Anh vào đây để làm gì? - Tôi thì thăm.

- Nói nhỏ một chút. Tai tôi thính lắm. Anh hãy tổng hãn đi nơi khác, tôi muốn nói chuyện với anh...

- Xe đợi ở ngoài.

- Vậy, cho hãn đi bằng xe đó đi, rồi viết mấy chữ cho bà xã anh, nói rằng anh đang giúp tôi. Anh cứ đợi bên ngoài. Năm phút nữa, tôi sẽ ra.

Trong một vài phút, tôi đã viết xong lá thư cho nhà tôi, trả tiền xe cho Isa, dẫn anh ta ra xe; chỉ một lát sau, một dáng người già nua, ốm yếu hiện ra từ động phù dung. Ông ta kéo lê chân, gù lưng và một bàn chân đi cà nhắc. Rồi, bỗng người ấy nhanh nhẹn liếc nhìn ra phía sau, vươn người ra và bật lên một chuỗi cười hề hả.

- Này Watson, tôi ngạc nhiên khi thấy anh ở đó.

- Tôi đến để tìm một người bạn.

- Còn tôi, để kiếm một kẻ thù.

- Một kẻ thù?

- Vâng, một trong những con mồi. Tôi hy vọng tìm thấy một đầu mối trong những lời làm nhảm rời rạc của những dân nghiện này. Cái động đó chính là cái bẫy giết người ghê gớm nhất trong suốt dọc bờ sông, và tôi e rằng ông Neville St. Clair đã vào đó mà không bao giờ trở ra nữa. Những cái bẫy của chúng ta sẽ đặt ở đây.

Anh đặt hai ngón tay trở vào giữa hai hàm răng và huýt sáo lạnh lạnh. Tín hiệu ấy được đáp lại bằng một tiếng huýt sáo tương tự đàng xa, tiếp theo ngay sau đó là tiếng bánh xe lộc cộc và tiếng vó ngựa.

- Bây giờ, anh sẽ đi với tôi chứ?

- Nếu tôi giúp ích được.

- Ồ, một người bạn tin cần luôn luôn có ích, và một người chép sử biên niên còn hữu ích hơn. Phòng của tôi tại biệt thự Tuyết Tùng ²⁰⁾, có hai giường.

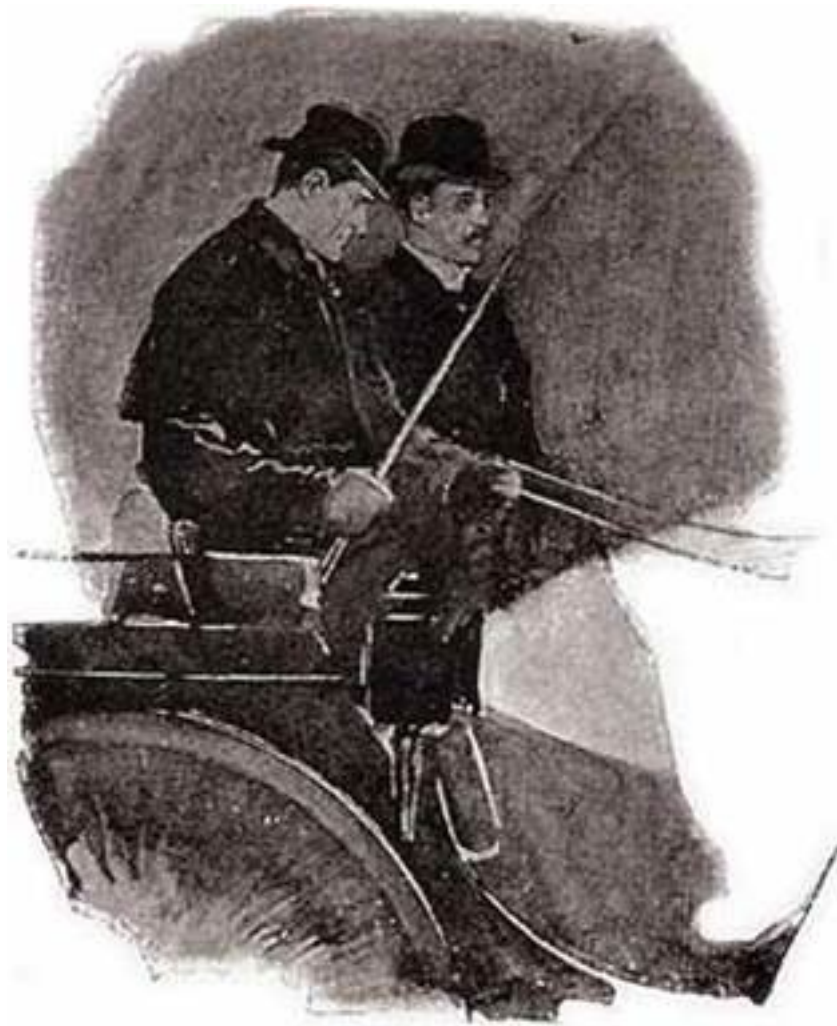
- Biệt thự Tuyết Tùng?

- Vâng. Đó là nhà ông St. Clair. Tôi đang ở đó để điều tra vụ này.

- Nó ở đâu?

- Gần thôn Lee, thuộc hạt Kent.

- Lát nữa đây anh sẽ biết mọi chuyện. Nhảy lên đi! Được rồi bác xà ích. Đây là tiền công của bác. Hãy đợi tôi ngày mai, vào khoảng 11 giờ. Chào nhé!



Anh quất roi và xe chúng tôi lao đi, băng qua những đường phố tối tăm, vắng vẻ và vô tận, những đường phố này rộng dần ra cho đến khi xe băng qua một cái cầu lớn có tay vịn, dưới đó là con sông đen thẫm chảy lờ đờ. Phía bên kia là những đồng gạch, vôi vữa, sự yên lặng của chúng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng bước chân nặng nề, đều đặn của người cảnh sát, hay những bài hát và tiếng quát tháo của bọn người nhậu nhẹt say sưa về muộn. Một đám mây nặng nề trôi lơ lửng qua bầu trời và một, hai ngôi sao nhấp nháy mờ mờ đây đó xuyên qua những khe hở của đám mây. Holmes yên lặng cầm cương, đầu cúi xuống ngực, với dáng vẻ của một người đang đắm chìm trong suy tư. Tôi ngồi bên anh, tò mò muốn biết cuộc truy tìm này là cái gì, nhưng lại không dám làm gián đoạn dòng suy tưởng của anh. Chúng tôi đã đi được năm, bảy dặm và bắt đầu đi đến mép vành đai của một biệt thự ngoại ô, bỗng nhiên anh lắc mình nhún vai và chiêm tấu với cái vẻ của một người thoả mãn.

- Anh Watson, tôi không biết đêm nay mình phải nói cái gì với người đàn bà này.

- Anh quên là tôi chưa biết gì về chuyện đó.

- Được, tôi sẽ kể rành rọt cho anh nghe, và may ra, anh có thể giúp tôi.

- Anh kể đi.

- Cách đây một vài năm, vào tháng 5-1884, một gã đàn ông tên là Neville St. Clair đến Lee. Ông ta có vẻ khá giả. Ông ta mua một cái biệt thự lớn, và sống một cách đúng điệu. Dần dà, ông làm bạn với xóm giềng. Năm 1887, ông ta cưới con gái của một người nấu rượu địa phương, bà ta sinh được hai con. Ông ta không có nghề nghiệp, nhưng có cổ phần tại một vài công ty, và thường lên phố vào buổi sáng, trở về nhà vào lúc 5 giờ 14 chiều. Bấy giờ ông ta 37 tuổi. Đó là một người điều độ, một người chồng tốt, một người cha thương con và là một người được mọi người xung quanh yêu mến. Tôi có thể nói thêm rằng mặc dù số tiền nợ của ông ta hiện nay là 88 bảng 10 shilling. Nhưng ông ta có 220 bảng trong ngân hàng Capital and Counties. Vì vậy, vấn đề tiền bạc không làm ông ta lo nghĩ nhiều. Thứ hai tuần trước, ông lên phố sớm hơn thường lệ. Trước khi đi, ông bảo rằng ông có hai việc quan trọng phải làm, và hứa sẽ đem về cho con trai một bộ hộp xếp hình. Thế rồi, do một sự tình cờ run rủi, vào đúng ngày thứ hai đó, sau khi ông ta đi một lát, bà vợ nhận được một bức điện tín, báo tin rằng bà có một gói quà nhỏ đang nằm tại văn phòng của Công ty đóng tàu Aberdeen. Ăn cơm trưa xong bà lên phố, mua sắm vài đồ vật trên đường đi tới Công ty; sau đó, bà nhận gói hàng và đúng 4 giờ 35', bà đi bộ xuyên qua hẻm Swandam trên đường trở lại nhà ga. Anh có theo dõi được không?

- Rất rõ ràng.

- Ngày thứ hai ấy cực kỳ nóng bức. Bà St. Clair đi bộ chậm rãi, liếc nhìn quanh để tìm một chiếc xe ngựa. Trong khi bà đi bộ theo đường này xuống hẻm Swandam, bỗng nhiên bà nghe một tiếng kêu, bà lạnh cả người khi thấy chồng bà đang nhìn xuống bà và hình như ông đang vẫy gọi bà từ cửa sổ tầng lầu thứ hai. Cánh cửa sổ mở và bà thấy rõ chồng mình đang hốt hoảng, ông ta vẫy gọi một cách điên dại rồi biến mất khỏi cửa sổ một cách bất ngờ, đến nỗi bà cảm thấy dường như ông ta đã bị kéo lùi lại bằng một sức mạnh không cưỡng

được. Một điểm kỳ lạ đập vào mắt bà: chồng bà vẫn mặc áo khoác đen, như lúc ra đi, nhưng bà không thấy cổ áo sơ mi hay cà vạt đâu cả.



Bà chạy vội xuống bậc thang rồi chạy băng qua phòng phía trước, cố leo lên cầu thang đến tầng một. Thế nhưng, tại chân cầu thang, bà gặp tên chủ nhà vô lại ²¹⁾, hấn cùng với một gã tay chân Đan Mạch đẩy bà ra ngoài đường phố. Lòng tràn ngập những mối ngờ vực và sợ hãi, bà lao xuống con hẻm và khi chạy tới đường Fresno, bà gặp một cảnh sát và một người thanh tra. Những người này hộ tống bà trở lại, và đi vào cái phòng hồi nãy có ông St. Clair. Họ không thấy ông ta đâu cả, trừ một gã tàn tật có gương mặt gớm ghiếc. Gã này và tên vô lại đều thề độc rằng suốt cả buổi chiều không có ai ở trong phòng phía trước. Bọn này phản đối một cách quá quyết liệt, đến nỗi vị thanh tra trở nên ngờ vực, nhưng bỗng nhiên bà St. Clair kêu lên một tiếng sững sốt, nháy chồm tới một cái hộp gỗ nhỏ nằm trên bàn và mở tung cái nắp ra. Từ trong đó đổ ra những viên gạch xếp hình. Đó là món đồ chơi mà ông St. Clair đã hứa đem về nhà.

Sự phát hiện này cùng với sự bối rối hiện ra trên gương mặt gã tàn tật, khiến cho ông thanh tra thấy vấn đề rất nghiêm trọng. Lập tức, họ mở cuộc khám xét. Căn phòng phía trước được trang bị như một phòng khách, nó dẫn vào một phòng ngủ nhỏ, nhìn ra một bến tàu. Giữa bến tàu và cửa sổ phòng ngủ là một con lạch cạn, khi thủy triều rút, người ta nhìn thấy đáy, nhưng khi thủy triều lên, mực nước cao tới 4,5 feet. Cửa sổ phòng ngủ thì rộng và được mở từ phía bên dưới. Trên bậu cửa sổ có nhiều vết máu, một vài giọt rơi trên sàn gỗ của giường ngủ. Phía sau cái màn cửa của căn phòng phía trước, người ta thấy toàn bộ áo quần của ông St. Clair, trừ cái áo khoác, giày, ủng, bút tất, mũ và đồng hồ đeo tay. Trên mọi thứ đồ vật; không có dấu hiệu nào của sự hành hung. Rõ ràng là ông ta đã đi ra ngoài cửa sổ, vì người ta không thấy có lối ra nào khác, những vết máu cho thấy ông ta đã bị lâm nguy hơn là đã trốn thoát?

Tên chủ nhà vô lại là một người có tiền án, nhưng theo lời kể của bà St. Clair, thì hẳn chỉ có thể là một kẻ tòng phạm, vì sau khi bà trông thấy chồng tại cửa sổ được vài phút thì hẳn xuất hiện ở chân cầu thang. Hẳn phản đối, bảo rằng hẳn không biết gì về những việc làm của Hugh Boone, người khách cư trú tại đó. Hẳn cũng nói rằng hẳn không thể nào giải thích được sự hiện diện của những áo quần của người đàn ông mất tích.

Gã tàn tật Hugh Boone sống trên tầng hai của động phù dung. Những ai lên thành phố nhiều lần đều quen với cái gương mặt góm ghiếc của hẳn. Hẳn là một tay ăn may chuyên nghiệp, nhưng giả bộ bán diêm. Hẳn chiếm một góc nhỏ trên đường Threadneedle làm chỗ ngồi hàng ngày, chân bắt chéo, một hộp diêm nhỏ trên đầu gối. Trông hẳn rất tội nghiệp, vì thế mà những đồng xu rơi như mưa xuống cái mũ da bên cạnh hẳn. Tôi đã quan sát gã này hơn một lần trước khi nghĩ đến chuyện làm quen với tư cách bạn đồng nghiệp. Đây là người mà bây giờ chúng ta biết là một kẻ cư trú thường xuyên tại động phù dung, và cũng là người cuối cùng đã nhìn thấy St. Clair.



- Nhưng một gã tàn tật đơn thương độc mã thì làm gì được một người đàn ông còn trẻ tuổi?

- Hẳn ta chỉ đi cà nhắc thôi, trông hẳn khoẻ mạnh và ăn uống đầy đủ. Kinh nghiệm y học cho biết rằng nhược điểm nơi một chân thường được bù lại bằng một sức mạnh phi thường ở những nơi khác.

- Anh cứ kể tiếp.



- Bà St. Clair đã ngất đi khi thấy máu trên cửa sổ và được cảnh sát đưa về nhà. Thanh tra Barton xem xét hiện trường rất kỹ nhưng không thấy một tia sáng nào. Cảnh sát không bắt giữ Boone ngay, để cho hắn có một vài phút liên hệ với tên chủ nhà, nhưng sai lầm này đã được sửa chữa, hắn đã bị bắt và lục soát, nhưng không tìm thấy cái gì có thể buộc tội hắn. Đúng là có vài vết máu trên tay áo sơ mi phía bên phải của hắn, nhưng hắn chỉ vào ngón tay đeo nhẫn, có vết đứt. Hắn còn nói thêm, trước đó không lâu hắn đã đứng tại cửa sổ, những vết máu ở đó, cũng là máu của hắn. Về điều bà St. Clair xác nhận rằng bà đã thấy chồng mình tại cửa sổ, hắn nói rằng có lẽ bà ta nhìn nhầm đó thôi. Hắn được đưa tới đồn cảnh sát, trong khi đó viên thanh tra ở lại hiện trường chờ nước rút xuống.

Khi nước rút xuống, họ không thấy ông St. Clair, mà thấy cái áo khoác của ông ta. Và dĩ nhiên, họ thấy gì trong những túi áo?

- Tôi không thể tưởng tượng được.

- Mọi túi áo đều đầy tiền kim loại: có tất cả 421 penny và 270 đồng nửa penny. Thảo nào mà nó đã không bị nước cuốn đi. Giữa cái bến tàu và cái động, nước xoáy dữ dội. Có lẽ cái áo nặng trĩu đã nằm lại trong khi cái cơ thể trần truồng đã bị nước cuốn vào con sông...

- Nhưng, tất cả những y phục khác đều được tìm thấy ở trong phòng. Chẳng lẽ ông ta chỉ mặc mỗi cái áo khoác?

- Không bạn ạ. Có thể là các sự kiện chỉ mới được nhìn thấy một cách khá hời hợt. Giả thử rằng gã Boone này đã ném St. Clair qua cửa sổ và không có ai trông thấy. Rồi, hắn sẽ làm gì? Phải thủ tiêu cái y phục! Hắn chộp lấy cái áo khoác, nhưng chỉ sắp ném nó ra, hắn bỗng thấy rằng cái áo sẽ không chìm xuống. Thời gian rất gấp rút, vì hắn đã nghe tiếng xô xát ở dưới cầu thang khi người vợ cố sức chống cự để leo lên.

Hắn lao tới một cái góc bí mật nào đó, nơi hắn đã tích lũy thành quả "lao động" của hắn, nhét những đồng xu vào đầy các túi áo để chắc chắn là nó sẽ chìm xuống.

Hắn ném nó ra, và hắn định ném luôn những thứ khác nữa, nhưng không kịp. Hắn chỉ còn đủ thời gian để đóng cửa sổ khi cảnh sát xuất hiện.

- Lý luận nghe được lắm.

- Vâng, chúng ta sẽ xem đó như là một giả thiết tạm thời, vì chưa có giả thiết nào tốt hơn. Cảnh sát thấy hắn chưa có tiền án nào cả. Cuộc sống của hắn có vẻ như là một cuộc sống lạng lã và vô tội. Hiện nay vẫn đề ngưng ở đó, và những câu hỏi cần phải được trả lời: St. Clair đã làm gì trong động phù dung? Tại đó, chuyện gì đã xảy đến cho ông ta? Và Boone có dính líu gì tới vụ mất tích của ông ta chẳng?

Bây giờ chúng ta đang ở vùng ngoại ô của Lee. Vậy là chúng ta đã đi ngang qua ba hạt của nước Anh trong chuyến đi ngắn này. Anh thấy làn ánh sáng giữa hai cái cây chứ? Đó là biệt thự Tuyết Tùng, bên cạnh cái đèn là một người đàn bà.

- Tại sao anh không điều tra vụ này từ phố Baker?

- Bởi vì có nhiều cuộc thăm dò phải thực hiện ở đây. Bà St. Clair

đã có lòng tốt dành riêng cho tôi phòng hai giường. Tôi không muốn gặp bà khi chưa có tin gì về người chồng. Đến rồi!

Xe chúng tôi đậu lại đằng trước một biệt thự lớn. Cậu bé giữ ngựa đã chạy tới đầu con ngựa. Tôi nhảy xuống theo Holmes lên lối đi rải đá nhỏ, ngoằn ngoèo dẫn đến nhà. Khi chúng tôi đến gần, cửa mở tung ra, một người đàn bà tóc hung đứng bên cạnh cửa. Bà đứng đó, dáng người nổi bật lên trong làn ánh sáng chói loà, một tay vịn cửa, tay kia đưa lên lưng chừng, ra vẻ trông ngóng, thân người bà hơi cúi xuống, đầu và mặt nhô ra, đôi môi hé mở, đôi mắt thiết tha như dò hỏi.

- Thế nào? - Bà kêu lên.

Bà cất lên một tiếng rên rĩ khi bà thấy bạn tôi lắc đầu và nhún vai.

- Không có tin vui?

- Không.

- Không có tin buồn?

- Không.

- Xin mời vào. Sau một ngày dài, chắc các ông đã mệt?

- Đây là bạn tôi, bác sĩ Watson. Anh ấy đã giúp tôi rất nhiều trong dăm bảy trường hợp, và hôm nay, tôi may mắn kéo anh cùng đi.

- Tôi sung sướng được gặp ông - Bà nói, nồng nhiệt nắm lấy tay tôi - Tôi chắc là ông sẽ thông cảm cho những sơ suất trong lúc bối rối.

- Thưa bà. Xin bà khỏi cần khách sáo. Nếu tôi có thể giúp được gì cho bà, tôi sẽ rất vui sướng.

- Bây giờ, ông Holmes ạ - Người đàn bà nói, khi chúng tôi bước vào phòng ăn sáng - Tôi rất muốn hỏi ông một hai câu hỏi thẳng thắn và mong nhận được một câu trả lời thẳng thắn.

- Chắc chắn là được, thưa bà.

- Tận tâm tâm ông, ông có nghĩ rằng anh ấy còn sống không?



Sherlock Holmes dường như bối rối vì câu hỏi này.

- Xin hãy thành thật! - Bà lặp lại, đứng trên tấm thảm và nhìn anh chăm chú khi anh dựa lười trong ghế.

- Thành thật mà nói, thưa bà, tôi không biết.

- Ông nghĩ rằng anh ấy đã chết?

- Vâng.

- Bị ám sát?

- Tôi không nói thế. Có lẽ...

- Thế anh ấy chết vào ngày nào?

- Vào thứ hai.

- Vậy tại sao hôm nay tôi lại nhận được một lá thư của anh ấy?
Sherlock Holmes nhảy ra khỏi ghế, dường như anh bị sửng sốt.



- Làm sao?
- Vâng, mới hôm nay - Bà mỉm cười, đưa một mảnh giấy lên cao.
- Tôi xem được chứ?
- Chắc chắn rồi.

Anh hăm hờ giật nó ra khỏi tay bà, đưa cây đèn lại gần và chăm chú quan sát. Tôi cũng rời ghế và chăm chú nhìn nó qua vai anh. Bì thư làm bằng giấy rất xấu, dấu bưu điện nơi gửi là Gravesend, ghi ngày gửi là chính ngày hôm đó.

- Chữ viết xấu. Chắc chắn không phải là chữ viết của chồng bà.

- Không, những thứ bên trong thì đúng là của anh ấy.
- Tôi nhận thấy rằng người đề bì thư hẳn đã phải đi hỏi địa chỉ.
- Sao ông lại nói thế?

- Cái tên người nhận thư thì viết bằng mực đen tuyền, tự nó khô đi. Còn địa chỉ thì có màu xám xám, chứng tỏ rằng giấy thấm đã được dùng đến. Nếu tất cả được viết một lượt, rồi áp giấy thấm, thì sẽ không có chữ nào đậm, chữ nào lợt. Người này viết xong cái tên, ngưng lại một thời gian rồi mới viết địa chỉ, điều ấy có nghĩa là người đề bì thư không biết địa chỉ của bà. Bây giờ, ta hãy xem lá thư. Hừ! Có một vật gì ở đây?

- À! Cái nhẫn của anh ấy.

- Bà tin rằng chính bàn tay ông ấy viết?

- Khi anh ấy viết vội, nét chữ không giống nét chữ bình thường, tuy vậy tôi biết rõ nó.

“Em chớ có lo sợ gì cả. Mọi việc sẽ tốt đẹp. Có một sai lầm cần phải đính chính. Hãy kiên nhẫn đợi chờ anh.

NEVILLE”.

Thư được một người có ngón tay cái bẩn viết trên một tờ giấy trắng. Phong bì được dán hồ bởi một người đã từng nhai thuốc lá và bà có chắc là bàn tay của chồng bà không?

- Không nghi ngờ gì cả chính ông ấy đã viết những dòng chữ đó.

- Và chúng được gửi đi hôm nay tại Gravesend. Thưa bà, những đám mây đã tan dần, nhưng tôi không dám nói là tai hoạ đã qua.

- Nhưng chắc chắn là anh ấy còn sống.

- Trừ phi đây là một sự giả mạo khéo léo để đánh lạc hướng chúng ta. Cái nhẫn không chứng tỏ được điều gì. Người ta có thể đánh cắp của ông ấy.

- Không. Chính là nét chữ của anh ấy mà?

- Rất có thể. Tuy thế, có thể là nó được viết vào ngày thứ hai nhưng hôm nay mới gửi đi.

- Có thể như thế.

- Như vậy, trong khoảng thời gian ở giữa hai sự việc đó có nhiều chuyện đã xảy ra.

-Ồ, ông Holmes ạ, giữa chúng tôi có một mối đồng cảm sâu sắc, cho nên nếu có gì không lành xảy đến cho anh ấy, hẳn là tôi đã biết. Vào cái ngày sau cùng, khi anh ấy bị đứt tay trong phòng ngủ, thế mà đang ở trong phòng ăn, tôi chạy vụt lên cầu thang tức khắc, biết chắc chắn rằng có một cái gì đó đã xảy ra. Tôi đã cảm nhận được ngay dù chỉ là chuyện vặt vãnh như thế, thì lẽ nào tôi lại không hay biết gì về cái chết của chồng tôi.

- Vâng, trực giác của người phụ nữ đôi khi có giá trị hơn sự suy luận, phân tích. Và trong vụ lá thư này, chắc hẳn bà có một vài bằng chứng ủng hộ cho quan điểm của bà. Nhưng nếu chồng bà còn sống và có thể viết thư, thì tại sao ông ấy lại phải ở xa bà?

- Tôi không thể hiểu được.

- Ngày thứ hai, ông ấy không nói gì trước khi đi chứ?

- Không.

- Bà có ngạc nhiên khi thấy ông ấy tại hẻm Swandam.

- Rất kinh ngạc.

- Cánh cửa sổ mở?

- Vâng.

- Vậy thì, có thể là ông ấy đã gọi bà?

- Có lẽ

- Theo tôi hiểu, ông ấy chỉ kêu ú ớ, đúng không?

- Vâng.

- Một tiếng gọi cầu cứu, bà có nghĩ thế không?
- Vâng, anh ấy vẫy tay.
- Nhưng cũng có thể đó là một tiếng kêu kinh ngạc. Nổi kinh ngạc, khi bất ngờ thấy bà, cũng có thể khiến ông ấy đưa hai tay lên?
- Có thể.
- Và bà nghĩ rằng ông ấy bị ai đó kéo lui ra đằng sau?
- Anh ấy biến đi quá đột ngột.
- Bà không thấy ai khác trong phòng chứ?
- Nhưng gã đàn ông nọ đã thú nhận rằng hẳn ta có mặt ở đó còn tên vô lại thì ở chân cầu thang.
- Đúng thế. Chồng bà ăn mặc bình thường?
- Nhưng không có cổ áo sơ mi hay cravat. Tôi thấy cái cổ trần trụi của anh ấy.
- Có bao giờ ông ấy nói về hẻm Swandam không?
- Không.
- Cám ơn bà. Đó là những điều cơ bản mà tôi muốn được biết chính xác. Bây giờ hãy ăn một chút rồi đi nghỉ, ngày mai chúng ta sẽ bận suốt ngày.

Một phòng rộng, tiện nghi, có hai giường đã được dành riêng cho chúng tôi, và tôi nhanh chóng chui vào trong chăn. Giờ đây, Holmes đang chuẩn bị cho một đêm không ngủ. Anh cởi áo khoác và áo gi-lê, mặc vào một áo ngủ màu thiên thanh, rồi đi xung quanh phòng, thu nhặt những chiếc gối và đệm từ ghế xô pha và ghế bành. Với những vật này, anh chồng chất chúng lại rồi ngồi lên, hai chân bắt chéo. Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn, tôi thấy anh ngồi đó, mắt lơ đãng nhìn lên góc trần nhà. Anh ngồi yên lặng, không nhúc nhích, ánh sáng chiếu lên dáng người anh, nom như một con quạ già. Anh cứ ngồi như thế đến khi tôi ngủ thiếp đi, và anh vẫn còn ngồi như thế

khi một tiếng kêu bất thần đánh thức tôi dậy, mặt trời đã chiếu vào trong căn phòng.



- Watson, anh thức rồi chứ?

- Vâng.

- Thích dạo buổi sáng chứ?

- Thích.

- Chưa ai dậy, nhưng tôi biết chỗ cậu bé giữ ngựa.

Khi mặc quần áo, tôi liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Chỉ mới 4 giờ 25. Thảo nào chưa có ai dậy cả. Tôi chuẩn bị chưa xong thì Holmes đã trở lại, báo tin là cậu bé đang chuẩn bị ngựa.

- Tôi muốn kiểm tra lại cái lý thuyết nhỏ của tôi - Anh nói và đi giày ủng vào chân - Watson ạ, tôi là một trong những thẳng ngốc

nghech nhất châu Âu. Nhưng bây giờ tôi đã có chìa khoá để mở vụ này.

- Nó ở đâu? - Tôi mỉm cười hỏi.

- Ở trong phòng tắm. Tôi vừa mới có mặt ở đây, và đã lấy nó ra, đặt nó vào trong cái túi này, nhanh lên bạn ơi!

Chúng tôi rón rén xuống cầu thang và đi ra ngoài. Trên đường có một xe độc mã với cậu bé giữ ngựa đang đợi. Cả hai chúng tôi phóng lên, và xe lao xuống đường London. Một vài xe bò vùng quê đang rục rịch, mang rau củ đến thành phố, nhưng những ngôi nhà hai bên đường vẫn im lặng và vô hồn.

- Xét về một số điểm thì đây là một vụ độc đáo - Holmes nói, thúc ngựa chạy nước kiệu - Thú thật với anh tôi đã mù như cú ngày, nhưng thà học sự khôn ngoan chậm một chút còn hơn là không bao giờ.

Sherlock Holmes quen thuộc với lực lượng cảnh sát, vì thế mà hai cảnh sát tại cửa nhà tù giơ tay chào anh. Một người giữ đầu con ngựa, trong khi người kia dẫn chúng tôi vào.

- Ai trực thế? - Holmes hỏi.

- Thưa ông, thanh tra Bradstreet.

- À, chào ông Bradstreet, ông mạnh khoẻ chứ?

Một viên chức khổ người cao, to béo, đã đi xuống lối đi lát đá, đầu đội mũ lưỡi trai chóp nhọn và áo gi-lê có khuy khuyết rùa.

- Tôi muốn giúp việc ông - Holmes nói.

- Được thôi. Xin vào phòng tôi.

Đó là một phòng nhỏ kiểu văn phòng, với một quyển sổ cái to tướng ở trên bàn, và một điện thoại nhô ra từ bức tường. Viên thanh tra ngồi vào bàn giấy.

- Tôi có thể giúp gì cho ông, ông Holmes?

- Tôi đến là vì cái gã ăn mày tên Boone này.
- Vâng. Hắn đã bị trả về khám, đợi thẩm vấn tiếp.
- Tôi nghe nói như thế. Hắn có ở đây chứ.
- Trong nhà giam.
- Hắn có quạu không.
- Ồ, hắn chả gây phiền hà gì cả. Chỉ mỗi cái tội là quá dơ dáy.
- Dơ dáy?

- Vâng. Mặt mày hắn đen như lọ nôi. Vâng, khi nào vụ án của hắn được giải quyết xong, hắn sẽ phải tắm đều đặn trong tù. Nếu trông thấy hắn, chắc ông cũng sẽ nghĩ như tôi.

- Tôi muốn gặp hắn.
- Dễ thôi. Đi lối này. Ông có thể gửi lại cái túi xách.
- Không! Tôi xin mang nó theo.
- Được thôi.

Ông ta dẫn chúng tôi xuống một hành lang, mở một cánh cửa cài then, đi xuống một cầu thang quanh co, và đưa chúng tôi đến một hành lang quét vôi trắng với một hàng cửa lớn ở mỗi phía.

- Hắn ở phòng thứ ba, phía bên phải. Đây rồi - Vị thanh tra nói. Ông ta đẩy lùi tấm ván ở phần trên của cửa lớn và liếc nhìn vào. - Hắn đang ngủ.

Cả hai chúng tôi đặt mắt vào tấm lưới sắt. Người tù ngủ say, mặt quay về phía chúng tôi, thở chậm và nặng nề. Đó là một gã đàn ông tầm thước, ăn mặc xơ xác, bản thiêu, phù hợp với nghề của hắn, những lớp cáu ghét che phủ khuôn mặt cũng không thể che giấu được cái vẻ xấu xí khủng khiếp của hắn. Một vết rộng từ cái sẹo cũ băng qua mặt từ mắt tới cằm, vết sẹo làm cho môi trên trề ra làm lộ rõ ba cái răng. Một mớ tóc đỏ quạch chảy xuống ngang qua mắt và trán.

- Hẳn đẹp trai đấy chứ. - Vị thanh tra nhận xét.

- Đương nhiên là hẳn cần tầm - Holmes nói – Tôi cũng nghĩ là hẳn sẽ cần tầm nên đã mạo phép mang theo những thứ này.



- Hê, hê! Ông hóm hình quá đấy? - Vị thanh tra cười khúc khích.

- Lát nữa đây, chúng ta sẽ biến hẳn thành một vật đáng nể trọng hơn.

- Vâng, ông cứ tự nhiên.

Ông ta đút chìa khoá vào ổ khoá và tất cả chúng tôi nhẹ nhàng bước vào xà lim. Kẻ đang ngủ xoay nghiêng mình, rồi lại ngủ ngon lành. Holmes cúi xuống cái bình nước, thấm nước vào cái bọt biển, rồi chùi lại lằn ngang qua và dọc xuống mặt người tù.

- Xin giới thiệu với ông - Anh nói to - Đây là ông Neville St. Clair.

Khuôn mặt của người đàn ông tróc ra dưới cái bọt biển. Cái màu nâu thô kệch đã bay đi. Bay đi cả cái sẹo khủng khiếp chạy ngang qua mặt, và cái môi trề. Một cái giạt mạnh nữa làm bay đi mớ tóc đỏ và ngồi dậy trên giường là một người đàn ông tóc đen và da mịn, đang dụi mắt và ngỡ ngàng nhìn xung quanh. Rồi bỗng nhiên, hắn kêu thét lên một tiếng và buông mình xuống, úp mặt vào gối.



- Đúng là người đàn ông bị mất tích. Tôi đã biết mặt ông ta qua tấm ảnh - Viên thanh tra nói.

Người tù quay đầu với cái vẻ bất cần của một kẻ đã liều mình cho số mệnh.

- Cứ cho là thế. Và hãy cho biết, tôi đã phạm tội gì?

- Cái tội đã thủ tiêu ông St. Clair. Ồ, không thể buộc cho anh cái tội đó, chỉ có thể buộc về cái tội "tự ám sát" cái tên cứng cựa của mình thôi - Viên thanh tra nhe răng cười - Vâng. Tôi đã công tác trong ngành cảnh sát 27 năm, nhưng vụ này đúng là số một.

- Nếu tôi tên là St. Clair, thì rõ ràng tôi không phạm một tội ác nào cả. Và như thế, tôi đã bị bắt giữ trái phép.

- Không phải tội ác, nhưng anh đã phạm phải một lầm lẫn - Holmes nói - Lẽ ra anh nên tin tưởng vợ anh hơn.

- Vấn đề không phải là vợ tôi, mà chính là các con tôi - Người tù rên rỉ - Xin Chúa cứu giúp tôi. Tôi không thể để cho chúng phải xấu hổ về cha mình. Lạy Chúa! Thật xấu hổ quá sức. Tôi có thể làm gì bây giờ?

Sherlock Holmes ngồi xuống bên cạnh và dịu dàng vỗ nhẹ lên vai ông ta.

- Nếu ông thuyết phục được cơ quan cảnh sát tin rằng không có ai kiện tụng gì ông, thì không có lý do gì những chi tiết này sẽ được đăng trên báo. Vụ này sẽ không được đem ra xử nữa.

- Xin Chúa ban phúc lành cho ông. Tôi thà là chịu tù tội, thậm chí bị xử tử, còn hơn là để cái bí mật này phơi ra, làm nhơ nhuốc các con tôi. Các ông là những người đầu tiên nghe câu chuyện này của tôi.

"Cha tôi là một thầy giáo tại Chesterfield. Thời trẻ tuổi, tôi hay đi đây đi đó, làm diễn viên và sau cùng trở thành phóng viên của một tờ báo tại London. Một hôm, ông chủ bút muốn có một loạt bài viết về chuyện ăn xin tại thành phố và tôi tình nguyện cung cấp những bài ấy.

Chính là nhờ đóng vai một gã ăn xin, tôi đã viết được các bài báo theo yêu cầu của ông chủ bút. Khi còn là một diễn viên, tôi đã học các bí quyết hoá trang. Thế là tôi vẽ mặt, và để cho gương mặt trông càng tội nghiệp càng tốt, tôi tạo ra một cái sẹo và một cái môi trề bằng một miếng băng dán có màu da thịt. Rồi với một cái đầu tóc đỏ và một bộ quần áo phù hợp, tôi đến nhà ga tại khu vực đông đúc nhất của thành phố, bề ngoài là một người bán diêm, nhưng thực nhất là một kẻ ăn xin. Tôi thử hành nghề trong 7 tiếng đồng hồ, và khi tôi trở về nhà vào buổi chiều, tôi thấy mình đã kiếm được 4 bảng 26 shilling.

Tôi tiếp tục viết báo và không quan tâm gì tới chuyện đó nữa, cho tới một thời gian sau, tôi đã vay 25 bảng và tới ngày phải trả nợ. Tôi không biết xoay đâu ra tiền. Thế rồi một ý tưởng chợt đến với tôi. Tôi xin chủ nợ hoãn lại cho nửa tháng, xin ông chủ tờ báo cho tôi nghỉ

mười ngày và cải trang lên thành phố ăn xin. Trong mười ngày, tôi đã trả xong món nợ.

Vâng, các ông thấy đó, thật là khó mà trở lại làm một công việc nặng nhọc để có lương 2 bảng một tuần. Đó là một cuộc chiến đấu trường kỳ giữa danh dự và tiền bạc, nhưng sau cùng, tiền đã thắng. Tôi đã bỏ nghề phóng viên, ngày này sang ngày khác, tôi ngồi lại một góc phố để cho cái thân thể tàn tạ giả tạo này làm mũi lòng người và nhét đầy xu. Chỉ có một người biết bí mật của tôi. Hẳn là chủ động phù dung, nơi mà tôi thường cư trú. Gã này được tôi trả tiền phòng rất hậu, thế bí mật của tôi được hẳn giữ kín.

Rất nhanh chóng, tôi kiếm được nhiều tiền. Tôi không nghĩ rằng bất cứ người ăn xin nào cũng kiếm được 700 bảng một năm như tôi, mà thường là ít hơn bởi tôi có được những ưu thế đặc biệt. Mỗi ngày, những đồng xu càng rơi vào tôi nhiều hơn, nhanh chóng xóa nhòa ký ức về cái ngày tồi tệ, khi mà tôi quyết định bỏ công việc 2 bảng một tuần.

Càng nhiều tiền, tôi càng có nhiều tham vọng. Tôi mua một cái nhà tại vùng quê và cưới vợ. Không ai nghi ngờ về cái nghề thực của tôi. Vợ tôi chỉ biết rằng tôi có công ăn việc làm tại thành phố, nhưng không rõ là nghề gì. Thứ hai tuần trước, sau khi hành nghề xong và đang thay đổi y phục, tôi nhìn ra cửa sổ, thấy vợ tôi đang đứng ngoài đường phố, mắt dán chặt lên người tôi. Tôi kêu lên một tiếng kinh ngạc, đưa tay lên che mặt rồi chạy đến tên chủ động, nài nỉ hẳn đừng cho ai đi lên phòng tôi. Tôi nghe giọng nói của vợ tôi dưới cầu thang. Tôi nhanh chóng cởi bỏ quần áo, mặc vội bộ đồ ăn xin, và hoá trang như cũ. Vợ tôi không nhận ra tôi. Nhưng rồi, tôi bỗng thấy rằng người ta có thể lục soát phòng tôi và những áo quần để lại sẽ làm lộ diện tôi. Tôi mở tung cửa sổ, vì quá sức, tôi đã làm chảy máu vết đứt mà tôi mới bị lúc sáng trong phòng ngủ. Tôi chộp lấy cái áo khoác, để những đồng xu ăn xin vào đó. Tôi ném nó qua cửa sổ. Chưa kịp ném nốt những áo quần khác thì tôi nghe có tiếng của cảnh sát dưới gác, trong một vài phút sau đó, tôi thấy mình bị bắt giữ tội ám sát ông St. Clair thay vì bị nhận diện.

Biết rằng nhà tôi sẽ vô cùng lo lắng, tôi cởi cái nhẫn và lén trao nó cho tên chủ nhà vào lúc không có ai canh chừng cùng với vài dòng nguệch ngoạc, báo cho nhà tôi biết là không có gì phải lo sợ cả.

- Lá thư mới đến tay bà ấy hôm qua - Holmes nói.

- Trời ơi! Suốt cả tuần nay, nhà tôi đã lo lắng biết bao.

- Cảnh sát đã theo dõi gã chủ động này. Và tôi hoàn toàn hiểu rằng hẳn ta khó lòng gửi thư mà không bị phát giác. Có lẽ hẳn giao nó cho một khách hàng nào đó và anh chàng này quên khuấy đi, để chậm một vài hôm - Viên Thanh tra Bradstreet nói.

- Đúng thế. Nhưng có bao giờ, ông bị phạt về tội ăn xin chưa? - Holmes hỏi.

- Nhiều lần. Nhưng bị phạt thì có nghĩa lý gì đối với tôi!

- Nhưng bây giờ thì phải chấm dứt đi thôi. Nếu muốn cảnh sát ém nhẹm vụ này, thì phải thủ tiêu cái gã Hugh Boone đó nhé. - Bradstreet nói.

- Tôi xin thề bằng những lời thề trang trọng nhất.

- Trong trường hợp đó, tôi nghĩ có lẽ không cần phải đi thêm một bước nào nữa trong việc điều tra. Nhưng nếu người ta lại phát hiện ra ông hành nghề một lần nữa, thì lúc ấy mọi sự sẽ bị phanh phui - Holmes nói.

☺

VIÊN NGỌC BÍCH MÀU XANH DA TRỜI [22\)](#)

The Blue Carbuncle

Vào ngày thứ hai sau lễ Giáng sinh, tôi ghé tới Sherlock Holmes để chúc mừng anh nhân ngày lễ. Anh đang nằm dài trên đi văng, người khoác chiếc áo màu đỏ, bên phải anh là vài ba chiếc tẩu đã nhận đầy thuốc lá; còn bên trái là một chồng báo buổi sáng nhàu nát, hình như anh mới đọc lướt qua. Cạnh đi văng là một cái ghế, trên chỗ dựa lưng có treo một chiếc mũ ni đã sờn rách, thủng vài nơi trông thật thảm hại. Holmes có lẽ đã nghiên cứu rất tường tận chiếc mũ, bởi trên mặt ghế có một cái nhíp và một chiếc kính lúp.



- Anh bạn - Tôi nói. Tôi có quấy rầy anh không?

- Không hề gì. Anh trả lời. Tôi rất sung sướng khi bên tôi có một người bạn mà tôi có thể tâm sự bàn bạc những kết quả nghiên cứu

của mình. Vật mà anh nhìn thấy rất tầm thường, có vẻ như không đáng kể; anh chỉ tay về phía chiếc mũ cũ kỹ và tiếp. Nhưng có những sự kiện gây sự tò mò thích thú liên quan tới vật này, nó rất cần lời chỉ bảo cần thiết.

Tôi ngồi ngả xuống chiếc ghế bành và sưởi ấm đôi tay bên lò sưởi, ngọn lửa reo tí tách. Trời lạnh kinh khủng, các tấm kính cửa đều đóng một lớp băng dày trông như những nét hoa văn.

- Mặc dù chiếc mũ không đẹp, nhưng nó có thể liên quan đến câu chuyện máu lửa nào chẳng?! Tôi nhận xét. Rõ ràng nó đóng vai trò chiếc chìa khóa để mở ra những điều bí ẩn khủng khiếp nhất, và nhờ nó anh sẽ vạch ra tên tội phạm để kết tội, trừng phạt.

Holmes chỉ cười.

- Không, không phải đâu. Anh nói. Không có chuyện phạm pháp nào hết, mà chỉ là một chuyện buồn cười nhỏ nhoi. Nơi mà 4 triệu con người đang chen lấn chui rúc trong không gian chật hẹp vài dặm vuông thì chuyện này có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Trong bể đời đồ sộ khổng lồ này bao giờ cũng có những yếu tố mơ hồ, không thể hòa cùng âm vào những vụ án. Chúng ta cần đề cập tới những trường hợp tương tự.

- Lại có chuyện rồi! Tôi thốt lên. Trong những mẫu chuyện do tôi chép lại, thì có ba chuyện không dính tới vấn đề phạm pháp.

- Hoàn toàn đúng. Tôi cũng không nghi ngờ việc nhỏ mọn này sẽ không có gì là tội lỗi. Anh có biết ngài Peterson, người tùy phái viên không?

- Có biết.

- Chiến lợi phẩm này là của ông ta.

- Chiếc mũ này của ông ta?

- Không, ông ấy tìm thấy nó. Chủ nhân chiếc mũ không biết là ai. Anh thử nhìn xem nó không phải thuần túy là một đồ vật cũ kỹ, mà như phái viên của nhiệm vụ quan trọng... Trước hết tôi kể cho anh nghe chiếc mũ này lọt vào đây như thế nào?! Nó xuất hiện ngay sáng

hôm Giáng sinh cùng với một con ngỗng béo quay. Con ngỗng chắc là đã được nấu trong bếp của ngài Peterson.

Câu chuyện xảy ra như sau: Vào hôm Giáng sinh, khoảng 4 giờ sáng. Peterson - một con người cao thượng và trong sạch - về nhà ngang qua khu Tottenham. Dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu, ông ta nhìn thấy trước mặt một bóng người cao to đi loạng choạng mang trên mình một chú ngỗng lông trắng như tuyết. Đến góc phố Goodge thì có mấy gã bợm trộm nhẩy vồ vào người kia. Một thằng hất rơi chiếc mũ của anh ta; người lạ trong lúc chống trả vung tay lên và vô tình làm vỡ chiếc tủ kính bày hàng ở phía sau lưng anh ta. Tấm kính vỡ tan thành nhiều mảnh vụn.

Peterson vội vàng lao tới hòng bảo vệ người lạ mặt. Nhưng kẻ bất hạnh trong lúc hoảng sợ vì làm vỡ tấm gương, vừa nhìn thấy có người chạy tới đã vội vàng hốt hoảng vút luôn chú ngỗng và ba chân bốn cẳng chuồn thẳng vào con đường ngoằn ngoèo trong góc hẻm nằm sau khu Tottenham. Peterson đang mặc đồ cảnh sát, điều đó làm kẻ bỏ chạy càng hoảng sợ. Khi Peterson xuất hiện, tội lưu manh cũng toán loạn tẩu tán. Cuối cùng chỉ còn lại ngài đặc phái viên ở giữa bãi chiến trường và nghiêm nhiên trở thành người chủ của chiếc mũ nhàu nát này với chú ngỗng tuyết vời cho ngày Giáng sinh.



- Tất nhiên con ngỗng, ngài Peterson đã kịp trả lại cho người lạ mặt kia chứ?

- Chính nó mới làm cho chúng ta khổ sở. Người lạ mặt là ai? Anh ta sống ở đâu? Ở chân trái con ngỗng có đeo chiếc thẻ mang tên "tặng bà Henry Baker". Tôi cũng đã tìm thấy trong tấm vải lót của chiếc mũ có hai chữ cái "H.B". Nhưng trong thành phố thì có vài nghìn người có họ Baker; trong đó cũng có độ vài trăm người là Henry Baker. Không dễ dàng trả lại con ngỗng và chiếc mũ bị đánh mất cho một ai trong số những người ấy.

- Ngài Peterson đã làm gì?

- Ông ta chỉ mang chiếc mũ cùng con ngỗng tới chỗ tôi, vì ông cho rằng tôi có khả năng giải đáp mọi câu hỏi hóc búa nhất. Con ngỗng chúng tôi vẫn giữ đến tận ngày hôm nay. Khi mọi việc đã rõ ràng, mặc dù bằng giá như thế này, chúng ta vẫn còn dùng tốt chán, không nên trì hoãn. Peterson đã xách con ngỗng đi đãi bạn rồi, tôi chỉ còn lại độc chiếc mũ này thôi.

- Người ấy không thông báo lên báo chí à?

- Không.

- Làm sao biết được anh ta là ai?

- Bằng con đường suy luận.

- Suy luận chỉ một chiếc mũ thôi ư?

- Tất nhiên.

- Anh có đùa không đấy?! Anh rút ra được gì từ cái của nợ với lớp nỉ sờn rách này?

- Kính lúp của tôi đây, anh cầm lấy và tự áp dụng phương pháp của tôi xem. Anh biết phương pháp rồi, anh hãy nói những gì về chủ nhân chiếc mũ.

Tôi cầm chiếc mũ sờn rách lên, buồn bã xoay xoay nó trên tay. Đó là chiếc mũ hình tròn, màu đen giản dị, đã sờn quá nhiều, lớp lót bên trong bằng dạ sơn màu đỏ, nhưng bây giờ đã bạc màu hết. Nhãn hiệu của nơi sản xuất không thể nào phát hiện được. Nhờ Holmes nói nên tôi cũng tìm thấy phần bên có mấy chữ cái "H.B". Tôi còn nhìn thấy mấy lỗ nhỏ dùng để buộc dây, nhưng sợi dây đã mất. Nhìn chung, chiếc mũ không có gì đặc biệt ngoài những vết sờn rách, bản thủ được phủ lên bởi lớp mực.

- Không có gì để nói cả. Tôi nói và đưa trả Holmes chiếc mũ.

- Không phải, anh nhìn thấy tất cả, nhưng anh không chịu đầu tư suy nghĩ trước những cái anh nhìn thấy. Anh quá rụt rè trong kết luận logic của mình.

- Anh hãy nói cho tôi nghe, anh đã rút ra được kết luận gì từ việc xem xét chiếc mũ?

Holmes cầm chiếc mũ trong tay và chăm chú ngắm nghía bằng ánh nhìn thông suốt mà chỉ anh có.

- Tất nhiên, không phải mọi sự đều rõ ràng cả đâu - Anh nhận xét.

Có một vài chi tiết cho phép ta đặt giả thiết gần đúng, cũng có những cái mà ta hoàn toàn khẳng định một cách chắc chắn. Chủ nhân chiếc mũ này là người thông minh; khoảng ba năm về trước anh ta làm ăn khá giả; nhưng hiện nay lại sa sút. Trước kia anh ta là người thận trọng, luôn luôn quan tâm chăm chút đến hình thức bên ngoài và biết lo lắng cho ngày mai; còn giờ đây có phần cầu thả lười biếng; tài sản anh ta đã hao tổn khá nhiều. Chúng ta có cơ sở để nói rằng anh ta đã chạy theo một thói xấu nguy hại, chẳng hạn như rượu chè be bét. Chính vì thế vợ anh đã bỏ anh ta...

- Holmes yêu quý của tôi!

- Nhưng dầu sao trong một chừng mực nào đó, anh ta vẫn giữ được mặt mạnh của mình, Holmes vẫn tiếp tục nói và không chú ý tới lời cảm thán của tôi. Anh ta sống lì ở nhà ít ra ngoài và hoàn toàn không luyện tập thể thao. Người này độ tuổi khoảng trung niên, tóc đã điểm bạc, anh ta chải tóc bằng một loại dầu thơm, anh ta mới cắt tóc cách đây không lâu. Tôi khẳng định chắc chắn ở nhà anh ta không thắp sáng bằng khí đốt.

- Anh chỉ nói đùa thôi.

- Tuyệt nhiên không đùa chút nào. Chẳng lẽ đến giờ, khi tôi đã kể hết cho anh mà anh vẫn không hiểu là tại sao tôi đoán được như thế?!

- Anh cứ cho tôi là kẻ ngu dốt đi, nhưng phải thừa nhận là tôi không thể nào hiểu được cách lập luận của anh. Chẳng hạn như dựa trên cơ sở nào anh cho là anh ta thông minh?

Thay cho câu trả lời, Holmes kéo xụp chiếc mũ xuống tận trán, chiếc mũ che hết phần trán và sệ đến sống mũi.

- Anh thấy chưa, nó rộng gớm! Anh nói, Bộ não to như thế này không thể là bã đậu được.

- Thế từ đâu anh cho anh ta là nghèo khó?

- Chiếc mũ này chủ nhân dùng độ khoảng đã ba năm. Vành rộng có viền bọc xung quanh - thời ấy rất mốt. Mũ thuộc loại hảo hạng, anh thử nhìn kỹ mấy miếng dạ lót trong này xem. Nếu ba năm trước

đây người này dám bỏ tiền ra mua một chiếc mũ quý giá như thế này và cho đến tận bây giờ chưa hề mua lại chiếc khác, rõ ràng công việc làm ăn của anh ta trở nên tồi tệ hơn.

- Thôi tạm chấp nhận. Trong chuyện này anh đúng. Nhưng vì sao anh biết trước đây anh ta là người cẩn thận, và trong thời gian gần đây anh ta sống buông thả?

- Tính cẩn thận! Nó đấy. Anh nói và chỉ lên mấy cái lỗ để xỏ dây vào mũ. Người ta bán mũ không bao giờ bán cả dây; muốn mua dây phải mua riêng. Khi chủ nhân đã mua dây buộc vào mũ, anh ta đã có ý thức giữ chiếc mũ cho gió khỏi bay. Sợi dây đứt, anh ta không mua cái mới buộc vào, có nghĩa là trước kia anh ta luôn luôn chú ý đến hình thức bên ngoài, còn giờ thì thâm kệ, phớt lờ tất. Tuy nhiên về khía cạnh khác, anh ta vẫn muốn che đậy những vết bẩn thỉu bằng cách lấy mực phết vào; có nghĩa anh ta chưa phải hoàn toàn mất hết lòng từ trọng bản thân.

- Tất cả cứ giống như là thật?

- Anh ta trạc tuổi trung niên. Tóc đã điểm bạc và anh ta mới cắt tóc, bôi tóc bằng dầu thơm. Dưới kính lúp, tôi nhìn thấy những sợi tóc còn dính vào lớp đệm, do người thợ cắt bằng kéo. Tất cả những vụn tóc ấy đều bốc mùi dầu thơm. Anh có thấy không, vết bẩn trên mũ không phải là bụi ngoài đường phố, bởi vì bụi ngoài đường phố có màu xám tro, mà là bụi trong nhà – có màu nâu lông tơ, tức là chiếc mũ phần nhiều được treo ở nhà. Phía bên trong mũ bị ẩm ướt là do chủ nhân vừa mới chạy một mạch toát mồ hôi.

- Làm sao, anh biết anh ta bị vợ ruồng bỏ?

- Chiếc mũ đã vài tuần nay chưa được lau chùi giặt giũ. Tôi biết nếu chiếc mũ của anh dù chỉ một tuần chưa được lau chùi thì vợ anh không bao giờ cho phép anh đi ra đường với chiếc mũ như thế. Nếu đi hình hài như vậy thì anh gặp phải điều bất hạnh là đã mất đi sự quan tâm săn sóc của vợ.

- Nhưng lỡ anh ta là kẻ độc thân thì sao?

- Không đâu, anh ta mang ngỗng về chỉ nhằm một mục đích duy nhất là làm vui lòng người vợ. Anh hãy nhớ tấm giấy buộc ở cằm con

ngỗng.

- Anh đã có đáp án cho tất cả câu hỏi. Nhưng tại sao nhà anh ta không thả khí đốt?

- Nếu trên mũ của anh ta chỉ có một hoặc hai vết sáp thì tôi sẵn sàng bỏ qua và cho đó là sự tình cờ. Nhưng ở đây tôi nhìn thấy không ít hơn năm vết, chẳng nghi ngờ gì nữa là anh chàng thường xuyên phải dùng nến. Chẳng là ban đêm khi leo lên cầu thang, anh ta một tay cầm chiếc mũ, một tay cầm cây nến đang cháy vì chắc chắn dòng khí đốt sẽ không bao giờ có những vết sáp nến. Thế nào, anh đồng ý với tôi không?

- Đúng, tất cả thật đơn giản và tuyệt vời. Tôi vừa cười, vừa nói. Nhưng trong câu chuyện này, tôi chưa phát hiện được điểm nào là phạm pháp. Không ai bị tổn thất, thiệt hại, không có ai ngoài anh chàng bị mất ngỗng. Anh đã tự làm điên đầu một cách vô tích sự.

Holmes mở miệng định trả lời, nhưng trong lúc ấy cánh cửa bật ra và ngài tùy viên Peterson hộc tốc lao vào phòng, người vẫn còn thể hiện những nét xúc động dữ dội. Đôi gò má anh ta đỏ bừng.

- Con ngỗng, cái con ngỗng. Thưa ngài Holmes! Anh ta cố bình tĩnh và hét lên.

- Hãy bình tĩnh? Điều gì đã xảy ra? Con ngỗng đã ăn uống no nê và đã bay qua cánh cửa sổ bếp phải không?

Holmes quay lại đi vắng để ngắm nhìn khuôn mặt đang kích động của Peterson rõ hơn.

- Các vị hãy nhìn xem cái gì đây. Cái gì nằm trong điều con ngỗng đây?



Anh ta chìa tay ra. Chúng tôi nhìn thấy một viên đá màu xanh da trời lấp lánh, rục rỡ trong lòng bàn tay. Viên đá nhỏ hơn hạt đậu một chút, trong như pha lê, rục chiếu như tia hồ quang của ánh lửa điện.

Holmes huýt sáo và tụt khỏi ghế đi vắng.

- Thật tình mà nói thưa ngài Peterson, Anh nói. Ngài đã tìm được một báu vật quý giá vô cùng! Tôi nghĩ chắc ngài biết đó là vật gì rồi chứ?!

- Viên kim cương thưa ngài! Viên đá quý! Nó tiện đứt một tấm thủy tinh như cắt một miếng bơ.

- Không chỉ đơn thuần là viên đá quý, mà chính là viên đá quý nhất.

- Chẳng lẽ đây là viên ngọc bích màu xanh của bá tước phu nhân Morkar? Tôi thốt lên.

- Đúng như vậy. Tôi được biết nó thuộc loại nào, bởi trong thời gian gần đây tôi có đọc vài dòng trong tờ "Times". Viên đá này là độc

nhất trong loại của nó, mà chúng ta chỉ có thể đoán mò giá trị thực tại. Phần thưởng 1.000 bảng cho ai tìm ra nó. Hình như số tiền này bằng 20% giá trị viên đá.

- Một nghìn bảng, lạy chúa!

Ngài tùy viên ngồi phịch xuống ghế trở mắt kính ngạc, hết nhìn tôi lại nhìn Sherlock Holmes.

- Phần thưởng chỉ thuần túy phần thưởng, tôi có cơ sở để cho rằng, Holmes nói. Theo lời đồn đại, bá tước phu nhân sẵn sàng đổi một nửa gia tài của mình để lấy lại viên đá ấy.

- Nếu tôi không nhầm, hình như nó bị mất ở khách sạn "Cosmopolitan". Tôi góp thêm.

- Đúng vào ngày 22 tháng 12, cách đây vừa đúng năm ngày. Anh chàng thợ hàn thiếc tên là John Horner đã bị buộc tội trong vụ ăn cắp viên đá này. Những bằng chứng chống đối anh ta nghiêm trọng đến nỗi sự việc sẽ phải đưa ra tòa. Về chuyện này hình như tôi có giữ bản tin đăng trên báo.

Sherlock Holmes đào bới, lục tìm ở đồng báo một lúc lâu cuối cùng anh rút ra một tờ giấy, gấp lại làm đôi và đọc:

**"VỤ ÁN TRỘM ĐỒ TRANG SỨC QUÝ Ở KHÁCH SẠN
"COSMOPOLITAN".**

John Horner, 26 tuổi, thợ hàn thiếc bị kết tội ăn cắp của bá tước phu nhân Morkar viên đá quý để trong một chiếc hộp vào ngày 22 tháng 12. Viên đá ấy nổi tiếng với tên "The Blue Carbuncle". Ngài James Ryder, nhân viên lâu năm của khách sạn nói, anh ta đã nhìn thấy Horner ở trong buồng vệ sinh của bá tước phu nhân để hàn lại thanh sắt bị long ra ở tấm lưới của lò sưởi, trong ngày viên đá bị mất.

Ryder ở trong phòng cùng với Horner được một lát, sau đó đi ra vì có người gọi. Khi quay lại anh ta không thấy Horner đâu, còn chiếc bàn giấy bị cạy bung ra, chiếc ví bằng da dê của bá tước phu nhân đựng viên đá quý thì mở trống rỗng trên bàn vệ

sinh. Ryder liền báo động, ngay tối hôm đó Horner bị bắt, nhưng người ta vẫn không tìm thấy viên đá, trong người anh ta cũng không có và trong nhà cũng chẳng thấy. Cô Catherine Cusack, hầu gái của bá tước phu nhân cũng khẳng định: khi nghe tiếng kêu thất thanh của Ryder, cô vội lao vào phòng và phát hiện hòn đá quý đã không cánh mà bay. Thanh tra cảnh sát Bradstreet, phân ban B đọc lệnh bắt Horner. Người bị bắt chống cự quyết liệt và cố chứng minh thật hùng hồn cho sự vô tội của mình. Nhưng vì trước kia Horner đã có tiền án về tội ăn trộm, cho nên tòa án không xét xử và chuyển anh ta cho chung thẩm. Horner rất lo sợ và đã ngất xỉu khi nghe tuyên bố như vậy.”

- Đây là tất cả tư liệu của bên cảnh sát. Holmes dăm chiêu nói và đặt tờ báo xuống. Nhiệm vụ của chúng ta là phải tìm cho được câu trả lời vì sao viên đá quý lại từ chiếc ví da chui vào điều một con ngỗng?! Watson anh thấy chưa, những phán đoán khiêm tốn của chúng ta bỗng nhiên có chuyện để nói, nó có ích hơn là ta tưởng. Viên đá quý nằm trong con ngỗng, còn con ngỗng lại là của ngài Henry Baker, chủ nhân của chiếc mũ tồi tàn này. Người có ngoại hình mà tôi mới phác họa cho anh thì anh lại cho là vô tích sự đấy. Bây giờ chúng ta phải nghiên cứu cách tìm kiếm con người bí ẩn này thật nghiêm chỉnh mới được, và xác định cho rõ ông ta đóng vai gì trong câu chuyện mờ ám này. Để tìm ông ta, chúng ta thử dùng một phương pháp đơn giản nhất: Đăng thông báo lên các báo buổi chiều. Nếu không hữu hiệu, tôi sẽ dùng phương pháp đặc biệt hơn.

- Chúng ta viết gì trong thông báo?

- Anh lấy cho tôi cây bút và tờ giấy. Tôi sẽ ghi như thế này:

“Chúng tôi vô tình nhặt được một con ngỗng và một chiếc mũ dạ màu đen ở góc phố Goodge. Ngài Henry Baker đến nhận những thứ đã đánh rơi trong ngày hôm nay tại phố Baker, nhà 221B, vào lúc 18 giờ 30 phút”.

- Rất hoàn hảo, nhưng liệu ông ta có phát hiện được lời thông báo này không?

- Tất nhiên là phát hiện được. Hiện nay ông ta đang đọc tất cả các báo, vì ông ta là người nghèo khó và con ngỗng mừng ngày lễ Giáng

sinh đối với ông ta là một tài sản đáng giá. Ông ấy hoảng sợ đến nỗi khi nghe tiếng thủy tinh bị vỡ và nhìn thấy ngài Peterson chạy đến, đã cầm đầu cầm cổ chạy thẳng, không nghi ngờ gì. Nhưng khi đã ở nhà, ông ta sẽ hối tiếc vì sự sai lầm do quá hoảng sợ mà mất chú ngỗng. Trong thông báo chúng ta có nói tên ông ta, và bất cứ ai quen biết cũng nói cho ông ta cái tin đó... Peterson ngài hãy cấp tốc đến văn phòng thông báo và xin đăng các dòng này trên tất cả các báo buổi chiều.

- Đăng ở những báo nào thưa ngài?

- Báo nào cũng được, ví dụ như báo "Clobe", "Star", "Pall Mall", "St. James s", "Bản tin chiều", "Tiếng vang", và ở các báo khác nữa, những báo nào mà ngài nghĩ ra.

- Đồng ý, thưa ngài! Còn viên đá thì làm sao bây giờ?

- Ngài cứ để đó cho tôi! Tôi sẽ giữ ở đây. Trên đường quay về, ngài nhớ mua một con ngỗng khác thế vào con mà ngài đã đánh chén ngon lành.

Viên tùy phái đi khỏi, còn Holmes cầm viên đá quý ngăm ngúa trước ánh sáng.

- Viên ngọc vinh quang? Anh nói. Anh hãy nhìn xem, nó lấp lánh và rực rỡ làm sao. Cũng như tất cả những viên đá quý khác, nó kéo những tên tội phạm về phía mình như nam châm hút sắt. Nó chính là cái bẫy của quỷ satan. Trong những viên đá quý lâu đời, thì mỗi một cara của nó đều mang theo một cuộc tàn sát đẫm máu. Viên đá này có chưa đầy 20 năm, nó được tìm thấy trên bờ sông Amoy ở Nam Trung Hoa. Nó đặc biệt quý ở chỗ có tính chất của hồng ngọc, duy chỉ khác ở một điểm là nó không phải màu hồng đỏ mà là màu xanh da trời. Mặc dù sinh sau đẻ muộn, nhưng nó cũng đã từng kéo theo những tấn thảm kịch rùng rợn. Vì viên đá trong suốt 13 carats ²³⁾ này mà đã có nhiều vụ tranh cướp ác chiến xảy ra, hai vụ giết người, một vụ tự vẫn và một người bị tước axit sunfuarich. Ai dám nói đồ trang sức lộng lẫ này lại dẫn lối cho con người đi vào nhà đá và đi đến giá treo cổ kia chứ? Tôi sẽ cho của nợ này vào chiếc tủ chống cháy và tôi sẽ viết thư cho bá tước phu nhân biết hòn ngọc của bà ta đang nằm ở đây.

- Anh có cho Horner vô tội không?

- Tôi chưa khẳng định được điều gì cả.

- Còn Henry Baker thì sao?

- Chắc Henry Baker không dính dáng gì. Tôi nghi ông ta không biết con ngỗng lại trị giá đến thế (?). Anh sẽ được trả lời chắc nhất nếu như ngài Henry Baker phớt lờ những dòng thông báo của chúng ta.

- Đến tận bây giờ mà anh vẫn khoanh tay ư?

- Chưa giải quyết được gì đâu.

- Vậy thì, tôi sẽ đi thăm bệnh nhân và đúng giờ hẹn tôi sẽ đến. Tôi muốn biết câu chuyện giạt gân này dẫn đến đâu!

- Rất hân hạnh được gặp lại anh. Tôi ăn bữa tối vào 19 giờ. Sẽ có một con gà gô đợi anh đấy. Sau những sự kiện vừa rồi không biết có ai nói với bà Hudson kiểm tra kỹ lưỡng điều con ngỗng hay chưa?

Tôi hơi trễ hẹn một chút, quá 18 giờ 30 phút mới tới phố Baker. Khi bước gần tới cửa, tôi thấy một người đàn ông cao to đầu đội chiếc mũ Scotland và khoác lễ phục cài khuy kín đến tận cằm. Vừa lúc ấy cửa xịch mở, hai chúng tôi cùng vào phòng Holmes.

- Nếu tôi không nhầm, thì ngài đây là Henry Baker? Holmes đứng lên nói và niềm nở đón người khách. Xin mời ngài ngồi gần lò sưởi hơn. Trời quá giá lạnh, tôi cảm thấy chiếc mũ này hợp với mùa hè hơn mùa đông... Watson! Anh thật đúng lúc... Chiếc mũ này là của ngài có phải không?

- Thưa ngài, đúng... không nghi ngờ gì nữa nó chính là của tôi.

Baker là người hơi gù lưng, có cái đầu to quá cỡ, khuôn mặt thông minh sáng sủa, chòm râu màu hạt dẻ để như chóp nhọn. Trên mũi và má có những vết đỏ, bàn tay run nhẹ chứng tỏ lời phán đoán của Holmes về khuynh hướng chạy theo rượu chè be bét của người khách là đúng. Chiếc áo khoác đã bạc màu, nhưng hàng khuy được gài rất cẩn thận. Thò ra ngoài tay áo là hai bàn tay khẳng khiu, không hề thấy một dấu hiệu nào của sự sung túc. Ông ta nói giọng

khô khan, ngắt quãng và cố gắng lựa lời, tất cả toát lên ấn tượng mạnh mẽ của con người trí thức đã bị cuộc sống làm hư hỏng hoàn toàn.

- Chúng tôi đã ngẫu nhiên phải lưu giữ chiếc mũ và con ngỗng của ngài trong vài ngày, Holmes nói. Chúng tôi hy vọng tìm được địa chỉ của ngài trên báo. Nhưng không hiểu sao ngài lại thờ ơ.

Người khách hơi cúi đầu vẻ ngán ngẩm.

- Tôi hiện nay không có nhiều tiền như trước kia, Ông ta nói. Tôi nghĩ là có lẽ bọn lưu manh đã chén mất rồi và không muốn mất thêm tiền vì chuyện phiêu lưu nữa.

- Hoàn toàn tự nhiên, nhưng chúng tôi bắt buộc phải xơi con ngỗng của ngài.

- Các ngài đã chén nó rồi sao?

Người khách hồi hộp xúc động mạnh và ngồi không yên trên ghế.

- Vâng, nếu không kịp thịt thì đến hỏng mất thôi, Holmes trả lời. Con ngỗng trong lồng khác còn tươi rói và nặng không kém con ngỗng của ngài chúng tôi định thay cho ngài?!

- Ô! Quá tốt, tất nhiên được thưa ngài. Baker trả lời và thở phào nhẹ nhõm.

- Con ngỗng của ngài hiện nay chúng tôi chỉ còn bộ lông, điều, nếu ngài muốn...

Baker cười sung sướng:

- Chẳng lẽ để kỷ niệm cuộc phiêu lưu. Ông ta nói. Tôi không biết bộ hài cốt của "người bạn quá" cỡ sẽ giúp ích được gì nữa? Hầm chằng? Không thưa ngài, nếu ngài cho phép thì tôi chỉ chú ý đến chú ngỗng tuyệt vời đang nằm trong lồng mà thôi.

Sherlock lướt nhìn nhanh sang tôi và nhún vai.

- Chiếc mũ và con ngỗng đây, ngài cứ tự nhiên, Anh nói. À quên, ngài có thể cho tôi biết ngài mua con ngỗng chỗ nào vậy? Tôi rất

muốn biết điều đó vì con ngỗng của ngài thật là béo và xơi thì rất tuyệt.



- Sẵn lòng, thưa ngài! Baker nói và đứng lên xách con ngỗng mới kẹp vào nách. Cái Hội không lớn của chúng tôi chuyên uống rượu ở quán "Alpha" bên cạnh viện bảo tàng ấy. Trong năm nay ông Windigate, chủ quán rượu, một người quả là chu đáo và lo xa đã đứng ra thành lập "Câu lạc bộ ngỗng" – hàng tuần chúng tôi đóng góp mỗi người vài ba xu, đến lễ Giáng sinh mỗi người được nhận một con ngỗng. Tôi vô cùng cảm ơn ngài, vì thật bất tiện cho người lịch thiệp trong độ tuổi của tôi lại phải đội chiếc mũ Scotland?!

Ông ta cúi rạp xuống chào chúng tôi một cách trịnh trọng rồi đi khỏi.

- Với ngài Henry Baker mọi chuyện đã kết thúc, Holmes nói, sau khi đã đóng cửa lại. Rõ mồn một là ông ta không hề biết viên đá quý... Anh đói chưa Watson?

- Chưa đói lắm.

- Tôi đề nghị chuyển bữa ăn của chúng ta vào buổi tối luôn thể. Chúng ta cần nhanh chóng lần theo dấu vết nóng hổi ngay bây giờ.

- Đồng ý.

Tối, trời rất lạnh, chúng tôi phải khoác bành tô và trùm khăn kín cổ. Những ngôi sao lạnh lẽo lấp lánh trên nền trời sâu thẳm và hơi thở của người qua lại như khói của nòng súng lục khí đồng loạt nhả đạn. Bước chân chúng tôi nện trên đường phố nghe khá rõ. Chúng tôi đi dọc theo phố Wimpole; phố Harley; băng qua phố Wigmore và đi đến phố Oxford - khoảng 5 phút sau chúng tôi đã có mặt tại Bloomsbury, ngay kề quán rượu "Alpha Inn."; một chiếc quán khiêm nhường nằm ở góc phố dẫn tới Holborn. Holmes bước vào quán gọi hai vai bia. Người chủ quán mặt đỏ gay, mặc tạp dề trắng chạy ra.

- Quán của ngài bia rất tuyệt, nhưng nó vẫn dở hơn những con ngỗng của ngài. Holmes nói tỉnh bơ.

- Quán tôi làm gì có ngỗng.

Người chủ quán tròn mắt ngạc nhiên.

- Ô! Cách đây nửa tiếng đồng hồ tôi có đàm luận với ngài Henry Baker, thành viên của "Câu lạc bộ ngỗng" chỗ ngài.

- A? Tôi hiểu rồi. Nhưng đây không phải ngỗng của tôi.

- Thế ngỗng của ai, thưa ngài?

- Tôi mua hai tá ngỗng của một nhà buôn gần Covent Garden.

- Ở đây tôi biết vài người trong bọn họ, ngài mua của người nào vậy?

- Ngài Breckinridge.

- Ô! Tôi không quen ngài Breckinridge. Holmes nói, sau khi chúng tôi bước ra ngoài trời giá rét và Holmes cài vội khuy áo bành tô lại. Watson, không được quên một đầu của chuỗi xích là con ngỗng, còn đầu kia là một người đang bị giam giữ. Anh ta chắc sẽ bị án hơn 7

năm tù khổ sai, nếu chúng ta không chứng minh được anh ta vô tội. Rất có khả năng cuộc truy tìm của chúng ta sẽ tìm ra được thủ phạm. Dầu sao trong tay chúng ta cũng đã có sợi chỉ mà sợi chỉ này đã tuột khỏi tay sở cảnh sát và rơi vào chúng ta một cách thật tình cờ nhưng đầy thi vị, hứng thú. Dựa vào đây, chúng ta sẽ lần ra đầu mối. Vòng hướng khác, bước đều, bước.

Chúng tôi băng qua phố Holborn, đi dọc theo phố Endell rồi vội vã vượt qua vài khu nhà tồi tàn đến Covent Garden. Chúng tôi nhìn thấy một cửa hiệu lớn nhất có biển đề "Breckinridge". Chủ tiệm là một người có bộ mặt như ngựa: Bộ râu quai nón được chăm sóc công phu, đang giúp thẳng bé đóng cánh cửa sổ.

- Chào quý vị! Trời năm nay lạnh giá làm sao? Holmes nói. Tay lái buôn khẽ gật đầu chào lại và ném cái nhìn dò xét rất sắc lên anh bạn tôi.

- Ngỗng ông bán hết rồi à? Holmes nói tiếp và giơ tay chỉ vào quầy hàng được lát bằng gạch hoa trống không.

- Sáng mai ngài muốn 500 con ngỗng có ngay.

- Ngày mai tôi không biết dùng nó vào việc gì nữa?!

- Thế ngài đến chỗ tiệm kia kìa, nơi sang sáng đó, có khi họ còn con nào chẳng?

- Nhưng người ta cử tôi đến chỗ ngài.

- Ai vậy?

- Ông chủ tiệm "Alpha".

- À, đúng tôi đã bán cho ông ấy hai tá.

- Những con ngỗng ra ngỗng! Ngài mua nó ở đâu vậy?

Tôi sửng sốt kinh ngạc khi thấy lão nhà buôn khùng lên giận giữ khi nghe câu hỏi ấy.

- A! Ngài muốn gì? Ông ta ngẩng phắt đầu lên, hai tay chống nạnh thách thức. Ngài định giở trò gì đây? Xin cứ nói thẳng.

- Tôi nói thẳng tuột ra rồi. Tôi muốn biết ai đã bán cho ngài những con ngỗng mà ngài đã bán cho quán "Alpha"?

-Ồ! Thế thì tôi không nói đâu.

- Ngài không thích thì đừng nói, có gì quan trọng đâu! Thật không hiểu tại sao ngài lại nổi nóng vô cớ như thế?

- Tôi nổi nóng ư? Ở vào địa vị của tôi ngài có nổi nóng không? Tôi trả một món tiền lớn mua một món hàng béo bở và như thế là xong xuôi tốt đẹp chứ có gì mà cứ hỏi "Những con ngỗng đâu rồi?". "Ngài mua ở đâu?". "Ngài đã bán cho ai?" "Ngài đã thu được bao nhiêu tiền lời?" Thật rắc rối chỉ vì mấy con ngỗng mà xì ngậu cả lên.

- Tôi không có mối quan hệ với những người hay tò mò tọc mạch như thế. Holmes không giữ được, vội nói. Ngài không muốn nói thì đừng nói. Nhưng tôi đã đánh cược mất 5 bảng, con ngỗng mà tôi đã ăn, được nuôi ở nông thôn.

- Ngài bị thua cuộc rồi! Con ngỗng ấy ở thành phố. Người lái buôn nói.

- Không thể như vậy được?!

- Tôi đảm bảo với ngài là những con ngỗng ấy ở thành phố!

- Không đời nào tôi tin được!

- Ngài đừng nghĩ là ngài sành hơn tôi trong chuyện này. Tất cả những con ngỗng tôi bán cho quán "Alpha" đều được nuôi ở thành phố chứ không phải nông thôn, ngài nghe rõ chưa?

- Ngài không đánh lừa tôi được đâu!

- Ngài muốn cược chứ?

- Ngài chỉ mất tiền vô ích. Tôi tin vào sự sành sỏi của mình. Nhưng nếu ngài muốn tôi sẵn sàng cược với ngài để dạy cho ngài một bài học về cái tính ngang bướng của mình.

Người lái buôn nhếch mép cười mỉa.

- Bill, con mang lại đây cho cha quyển sổ, ông ta nói.

Cậu bé mang lại hai quyển sổ, một quyển mỏng dính, còn một quyển thì to đùng dính đầy dầu mỡ. Ông ta đặt cuốn sổ xuống dưới ngọn đèn.

- Đây là ngài Cocksure. Người buôn nói. Tôi cứ nghĩ hôm nay ông ta bán hết ngỗng rồi, nhưng trời xui đất khiến thế nào lại mang đến cho tôi một con ngỗng nữa. Ngài có thấy cuốn sổ kia không?

- Thì sao?

- Danh sách những người tôi thường mua hàng được ghi chép trong đó. Ở trang này là danh sách những người cung cấp hàng ở nông thôn, còn những con số nằm sau họ tên của mỗi người là chỉ số trang của quyển sổ lớn, trong đó ghi những tính toán nợ nần. Còn trang này ngài thấy chưa, nó được viết bằng mực đỏ. Đây là danh sách những người bán hàng cho tôi ở thành phố. Xin ngài hãy căng mắt mà đọc họ tên người thứ ba, hãy đọc to thành tiếng xem nào?!



- "Bà Oakshott; số 117 đường Brixton, trang 249", - Holmes đọc.

- Hoàn toàn đúng, bây giờ ngài hãy lật trang 249 ở quyển sổ lớn.

Holmes lật đến trang 249.

- "Bà Oakshott, số 117 đường Brixton, người cung cấp chim muông và các loại trứng".

- Ngài đọc xem cái gì ghi ở dòng cuối kia!

- "Ngày 22 tháng 12, bán 24 con ngỗng, giá mỗi con là 7 shillings 6 pence".

- Đúng, hãy nhớ lấy, còn phía dưới?!

- "Đã bán cho ngài Windigate, chủ quán "Alpha" mỗi con 12 shilling".

- Sao, ngài nói sao?

Sherlock Holmes làm ra vẻ buồn rầu, rút tiền trong túi ra vút nó lên trên bàn và ra đi không nói thêm một lời. Sau khi đi được vài mét, anh dừng lại dưới một ngọn đèn rồi cười thỏa thích, cười rung không thành tiếng.

- Nếu không may anh gặp con người có bộ râu như thế với chiếc khăn lau màu đỏ bỏ trong túi áo, anh có thể xoay được ở anh ta bất cứ điều gì anh muốn miễn là anh đề nghị đánh cược - anh nói. Tôi khẳng định là: dù phải bỏ ra 100 bảng cũng không bao giờ đạt được những số liệu tương tự như thế này đâu. Như vậy chúng ta đã gỡ đến nút cuối cùng của cuộn chỉ rồi rồi. Chúng ta cần giải quyết nốt nhiệm vụ duy nhất cuối cùng: đến ngay nhà bà Oakshott hay để đến sáng mai? Qua những lời của tên lỗ mắng ấy tôi thấy rõ là ngoài chúng ta còn có kẻ đang quan tâm đến những chú ngỗng đấy.

Những tiếng ồn ào rất to bỗng vọng tới từ tiệm mà chúng tôi mới đi ra, không cho Holmes nói hết câu. Khi quay lại, dưới ánh sáng vàng vọt của cây đèn chao qua chao lại, chúng tôi nhìn thấy một người có bộ mặt đỏ chót nhỏ nhắn. Breckinridge đang chống nạnh đứng bên cửa tiệm, một tay dứ dứ nắm đấm về phía người kia.

- Với tôi, với ngài, và với những con ngỗng thế là đủ rồi! Breckinridge thét lên.

- Quý tha ma bắt các người đi! Nếu ngài còn đến đây với những câu chất vấn ngu ngốc - thì tôi sẽ thả chó ra cắn ngài đấy. Ngài cứ dẫn bà Oakshott tới đây, tôi sẽ trả lời cho bà ta, chẳng có việc gì dính tới ngài. Tôi mua ngỗng của ngài chắc?!

- Không! Không! Nhưng đầu sao thì một con trong đó là của tôi. Người lạ than thở.

- Ngài cứ đến gặp bà Oakshott mà hỏi!

- Chị ấy khuyên tôi đến gặp ngài.

- Với tôi thế là đủ rồi! Quá thế lắm rồi! Mời ngài xéo ngay! Cút khỏi đây ngay!

Ông chủ tiệm lao nhanh khỏi cửa, và con người khốn khổ kia biến vào bóng đêm bao trùm.

- Chúng ta khỏi phải đến phố Brixton làm gì nữa, Holmes nói thì thầm, mà thử tới với người lạ kia, sẽ có ích đấy.

Len qua đám người tò mò đang bắt đầu giải tán, anh bạn của tôi chạy rất nhanh và đã đuổi kịp con người bé nhỏ kia. Holmes nắm vai anh ta. Kẻ lạ mặt giật mình quay lại và dưới ánh sáng của ngọn đèn, mặt anh ta trắng nhợt nhạt.

- Ngài là ai? Ngài cần gì? Anh ta hỏi với giọng run run.

- Hãy tha lỗi cho tôi, Holmes nói nhẹ nhàng. Tôi tình cờ nghe được câu mà ngài đã hỏi tên nhà buôn. Tôi nghĩ là tôi có thể giúp ích cho ngài được chẳng?

- Ngài ư? Nhưng ngài là ai? Từ đâu ngài biết được tôi đang cần gì?

- Tôi tên là Sherlock Holmes. Nghề nghiệp của tôi là biết những gì người khác không biết được.

- Nhưng chuyện mà tôi muốn biết, ngài không thể nào biết được

đâu?!

- Xin ngài bỏ qua cho sự đường đột, nhưng tôi biết tất cả. Ngài mưu toan tìm theo dấu vết những con ngựa mà bà Oakshott ở đường Brixton bán cho nhà buôn có tên Breckinridge, nhà buôn này lại bán chúng cho ngài Windigate - chủ tiệm rượu "Alpha". Đến lượt mình ngài Windigate lại phân phát cho các thành viên trong "Câu lạc bộ ngựa" của mình. Ngài Henry Baker là một trong những thành viên ấy.



- Ô! Ngài chính là người mà tôi mong gặp! Người lạ thốt lên mà chìa đôi bàn tay run rẩy ra. Tôi không thể diễn tả hết với ngài tất cả chuyện ấy đối với tôi nó rất quan trọng như thế nào?

Sherlock Holmes gọi một chiếc xe ngựa chạy ngang qua.

- Tốt hơn hết chúng ta sẽ ngồi nói chuyện trong một căn phòng ấm cúng tiện lợi hơn đứng ở đây trên sân chợ gió thổi lạnh giá. Sherlock đề nghị. Nhưng trước khi chúng ta khởi hành, ngài làm ơn

cho biết quý danh?

Người lạ chần chừ trong giây lát.

- Tên tôi là John Robinson. Hẳn nói, lảng cái nhìn đi nơi khác.

- Không, tôi muốn biết tên thật của ngài kia? Holmes dịu giọng. Làm việc với tên thật của mình bao giờ cũng thích thú hơn.

Gò má nhợt nhạt của hẳn bỗng đỏ lựng lên.

- Tên thật của tôi... là... James Ryder. Hẳn nói khó nhọc.

- Đúng, ngài làm việc ở khách sạn "Cosmopolitan". Mời ngài ngồi vào xe, tôi sẽ kể tất cả cho ngài nghe những gì ngài muốn biết.

Con người bé nhỏ đứng im bất động. Hẳn cứ lúc thì liếc nhìn tôi, lúc thì liếc nhìn Sherlock. Niềm hy vọng mới vụt sáng trong đôi mắt hẳn bỗng đổi sang những ánh lo âu sợ hãi. Rõ là hẳn đang suy tính không biết những gì đang đợi hẳn, bất hạnh hay là một hạnh phúc lớn lao? Cuối cùng rồi hẳn cũng phó mặc cho số phận ngồi vào xe với chúng tôi. Sau 30 phút chúng tôi đã ngồi trong phòng khách ở phố Baker.

Trong lúc đi đường, chúng tôi không ai nói với ai một lời. Chính thế mà người bạn đường thờ dờn dập và khó nhọc, hai tay nắm chặt đến nỗi không cần nói chúng tôi cũng thấy hẳn đang hồi hộp và hoang mang đến cùng cực.

- Thế là chúng ta đã có mặt ở nhà rồi. Holmes vui vẻ nói.

- Không có gì hơn cái lò đang cháy rực thế kia trong thời tiết khốn nạn này!

- Hình như ngài lạnh quá thì phải, thưa ngài Ryder. Mời ngài ngồi vào chiếc ghế này, tôi thay đôi dép mang trong nhà là chúng ta bắt tay ngay vào công chuyện của ngài. Như vậy là ngài muốn biết điều gì đã xảy ra với những chú ngỗng?

- Vâng, thưa ngài.

- Đúng hơn, chỉ mới một con ngỗng thôi, mà ngài chỉ quan tâm

đến ngỗng trắng, có những đốm đen ở đuôi?

Ryder rùng mình vì lo lắng.

- Ô! Thưa ngài! Hẳn ta kêu lên. Ngài có thể cho tôi biết con ngỗng ấy hiện giờ đang ở đâu?

- Nó hiện đang ở đây.

- Đang ở đây?

- Đúng, một con ngỗng không bình thường, không phải vô cơ mà ngài quan tâm đến nó. Sau khi chết con ngỗng đã để lại cho chúng tôi một quả trứng, một hạt nhân có màu xanh da trời lấp lánh tuyệt vời. Viên đá vẫn ở đây.

Người khách đứng lên chệnh choạng, bàn tay phải dựa vào cửa lò. Holmes lặng lẽ mở tủ chống cháy lấy ra viên "The Blue Carbuncle", nó lấp lánh những tia óng ánh rực rỡ và lạnh lẽo như một vì sao. Ryder đứng đực ra, khuôn mặt hắc méo xệch và trong đôi mắt vô vọng của hắn ánh lên sự lưỡng lự có nên đòi hỏi viên đá cho mình chăng? Hay từ chối mọi quyền hạn chiếm đoạt.

- Trò chơi đã thất bại rồi, Ryder ạ. Sherlock Holmes bình tĩnh nói. Ngài hãy đứng cho vững kẻo không bị ngã vào lửa bây giờ. Watson! Anh giúp anh ta ngồi xuống. Hẳn còn yếu lắm không đủ sức để lừa gạt nữa đâu. Anh lấy cho hắn một ly brandy. Như thế, bây giờ trông hẳn ta mới ra hồn người một chút. Đúng là loài sâu bọ thảm hại!

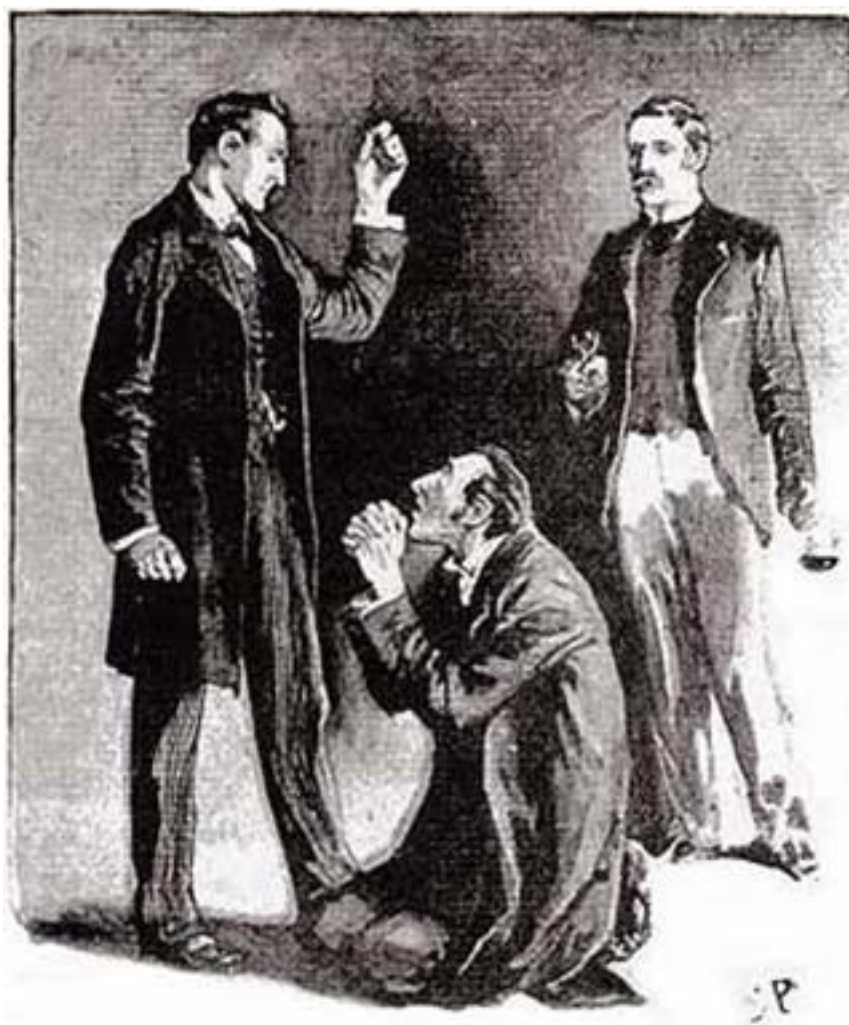
Ryder loạng choạng và chút nữa thì hẳn lăn quay ra sàn, nhưng nhờ có ly rượu hắn ta gượng lại, mặt hơi ửng hồng lên một chút. Hắn ngồi xuống ghế như một tảng thịt đỏ, sợ sệt nhìn lên người tố giác mình.

- Tôi đã biết hầu như tất cả, trong tay tôi có đầy đủ dẫn chứng. Cho nên ngài phải có trách nhiệm bổ sung thêm vài chỗ. Tuy nhiên ngài phải cung cấp ngay bây giờ, sao cho trong sự việc này tất cả đều sáng tỏ. Do đâu ngài biết viên đá quý "The Blue Carbuncle" của bá tước phu nhân Morkar?

- Tiểu thư Catherine Cusack nói, hắn trả lời bằng giọng run rẩy sợ

sệt.

- Tôi biết, cô hầu của bá tước. Một món bở như thế đã làm cho ngài mù quáng; điều này cũng xảy ra với những con người trung thực đứng đắn không chỉ một vài lần. Ngài bắt đầu tìm kế thực hiện. Tôi cảm thấy ngài có thể trở thành một thằng bợm không xoàng đâu! Ngài biết anh thợ hàn thiếc Horner đã một lần bị kết án ăn cắp nên mọi sự nghi ngờ sẽ rơi vào anh ta trước nhất. Ngài đã làm gì? Có phải ngài đã bẻ gãy một thanh ở lò sưởi trong phòng bà bá tước chẳng? Ngài và con hầu đã cố đạo diễn để họ mời đúng anh chàng thợ thiếc Horner đến sửa chữa gấp. Khi Horner đi khỏi, ngài đã cuồn ngay viên đá trong chiếc ví, xong xuôi ngài la ó lên ầm ĩ và con người đáng thương kia lập tức bị bắt. Còn sau đó...



Ryder bất thành linh bò xuống tẩm thắm rồi lấy hai tay ôm chặt đầu gối của anh bạn tôi.

- Hãy vì chúa, ngài thương hại lấy tôi! Hãn gào lên thảm thiết,

ngài hãy nghĩ đến cha tôi, mẹ tôi. Điều khủng khiếp này sẽ giết chết họ mất. Tôi chưa bao giờ ăn cắp! Chưa bao giờ! Tôi hứa với ngài điều đó sẽ không bao giờ lặp lại nữa! Mong ngài tha tôi đừng đưa chuyện này ra toà! Vì chúa xin ngài đừng nói chuyện tôi trước tòa.

- Im đi, Holmes lạnh lùng nói. Bây giờ thì mày quỳ lạy van xin khúm núm mới dễ làm sao! Còn mày nghĩ gì khi mày đẩy con người khốn khổ đáng thương kia ngồi vào ghế bị cáo khi anh ta hoàn toàn vô tội?

- Tôi sẽ chạy trốn, thưa ngài Holmes! Tôi sẽ từ bỏ nước Anh, khi đó lời buộc tội đối với anh ta sẽ hết...

- Khoan đã, chúng tôi sẽ đề cập tới điều thỉnh cầu. Còn bây giờ mày hãy kể cho chúng tao nghe câu chuyện kỳ thú kia. Bằng cách nào viên đá lại lọt vào con ngỗng và con ngỗng bị đẩy ra chợ bán? Hãy nói thật, bởi vì sự thật sẽ là con đường duy nhất cứu thoát mày.

Ryder lấy lưỡi liếm liếm đôi môi nứt nẻ.

- Tôi sẽ kể cho ngài tất cả sự thật. Hẳn thề thốt. Khi cảnh sát bắt Horner, tôi quyết định thượng sách là phải tẩu tán viên đá đi, trong lúc cảnh sát chưa có ý nghĩ lục soát người tôi và căn phòng của tôi. Trong khách sạn không có chỗ thích hợp để giấu viên đá. Tôi rời khách sạn như đi giải quyết công việc thường ngày, rồi đến ngay nhà chị tôi. Chị tôi lấy chồng là ông Oakshott sống ở đường Brixton, làm nghề chăn nuôi gia cầm.

Mỗi khi bắt gặp bất cứ người nào, tôi đều có cảm giác họ là cảnh sát hoặc là thám tử. Mặc dù trời rất lạnh, nhưng mồ hôi tôi vẫn tuôn ra như mưa đá. Chị tôi hỏi là có chuyện gì mà sao trông nhợt nhạt thế. Tôi trả lời rằng tôi đang lo sợ hồi hộp vì vụ mất cắp đồ trang sức quý ở khách sạn tôi làm. Sau đó, tôi đi ra phía sau hè, lấy thuốc ra hút và bắt đầu nghĩ cách đối phó.

- Tôi có một anh bạn thân - Tên là Maudsley. Anh ta đã chạy trốn trên đường tới nhà tù Pentonville. Một lần chúng tôi gặp nhau, nói chuyện về những người trộm cắp đã thực hiện những vụ trộm như thế nào? Tôi nghĩ là anh ta không phản đối, vì anh ta đang trốn chạy pháp luật. Tôi quyết định đi thẳng tới chỗ anh ta ở Kilburn và kể lại

tất cả bí mật của mình. Chắc anh ta sẽ nói cho tôi cách biến viên đá thành những đồng tiền. Nhưng làm thế nào để đến được chỗ anh ta. Tôi hồi hộp nghĩ lại phút giây lo âu nghi hoặc đau đớn giày vò mà tôi đã trải qua trên đường đi từ khách sạn đến nhà chị tôi. Mỗi phút người ta đều có thể chộp tôi, lục soát và tìm thấy viên đá nằm trong túi áo của tôi. Tôi đứng dựa vào tường, nhìn ngắm những con ngỗng đang chạy lung tung, rúc rích dưới chân tôi. Bỗng nhiên tôi nảy ra ý nghĩ đánh lừa viên thám tử sừng sỏ nhất thế giới như thế này...

Vài tuần trước đây chị tôi có nói, tới ngày lễ Giáng sinh tới sẽ được chị cho một con ngỗng đã được lựa chọn kỹ càng nhất để thay món quà. Tôi biết chị tôi bao giờ cũng giữ lời hứa. Tôi quyết định lấy ngay con ngỗng từ bây giờ và nhét viên đá vào mỏ nó để mang luôn đến Kilburn. Ở trong sân có một cái chuồng, tôi đuổi một con ngỗng to lông trắng có chấm đen ở đuôi vào đấy.

Tôi tóm lấy con ngỗng bạnh cái mỏ ra và ấn viên đá vào họng càng sâu càng tốt, con ngỗng nuốt ừng ực, tôi lấy tay sờ soạng đẩy viên đá xuống diều. Con ngỗng chống cự, lấy đôi cánh đập ầm ầm. Chị tôi nghe thế chạy ra. Khi tôi chạy lại chỗ chị để trả lời thì con ngỗng trời đánh kia tuột khỏi tay tôi và nhào vô trong bầy.

- Cậu làm cái gì con ngỗng thế Jem ²⁴)? Chị tôi hỏi.

- Em định bắt một con ngỗng. Tôi nói. Chị hứa là tặng em một con nhân ngày lễ Giáng sinh và em xem thử con nào mập nhất".

- Ô! Chị tôi thốt lên. Chị đã lựa cho cậu một con con rồi. Anh chị gọi nó là "con ngỗng của cậu Jem". Nó đấy, to và trắng toát kia kìa, tất cả có 26 con ngỗng trong đó có một con cho cậu, một con để lại nhà, còn lại nguyên hai tá đem đi bán".

- Cám ơn chị Maggie. Tôi nói. Nếu như chị không cho là quan trọng, chị hãy cho em con ngỗng mà em vừa cầm trong tay lúc nãy".

- Con ngỗng của cậu nặng hơn con kia ít ra cũng 3 pound đấy, anh chị nuôi nó một cách đặc biệt để dành riêng cho cậu thôi.

- Điều đó không quan trọng. Em thích chính con ấy và muốn bắt ngay bây giờ.

- Đó là việc của cậu. Chị tôi nói và hơi tự ái. Cậu muốn bắt con nào?

- Con trắng có chấm đen ở đuôi, nó đang ở giữa bầy kia kìa.

- Cậu hãy đuổi nó ra và bắt lấy!

- Tôi đã làm như thế, thưa ngài Holmes; và tôi mang con ngỗng tới Kilburn. Tôi kể tất cả cho anh bạn thân. Anh ta là người mà tôi dễ dàng dốc hết bầu tâm sự. Anh cười vang, sau đó chúng tôi lấy dao rạch con ngỗng ra. Tim tôi như ngừng đập. Khi thấy không có viên đá ở đó, tôi giật mình, thế là có sự nhầm lẫn ghê người. Tôi để con ngỗng lại rồi vội vàng ba chân bốn cẳng phóng đến nhà chị tôi. Tôi chạy ra sau hè, đàn ngỗng đã biến mất.

- Chị Maggie ơi? Đàn ngỗng đâu rồi? Tôi quá lớn.

- Đem đến nhà lái buôn hết rồi.

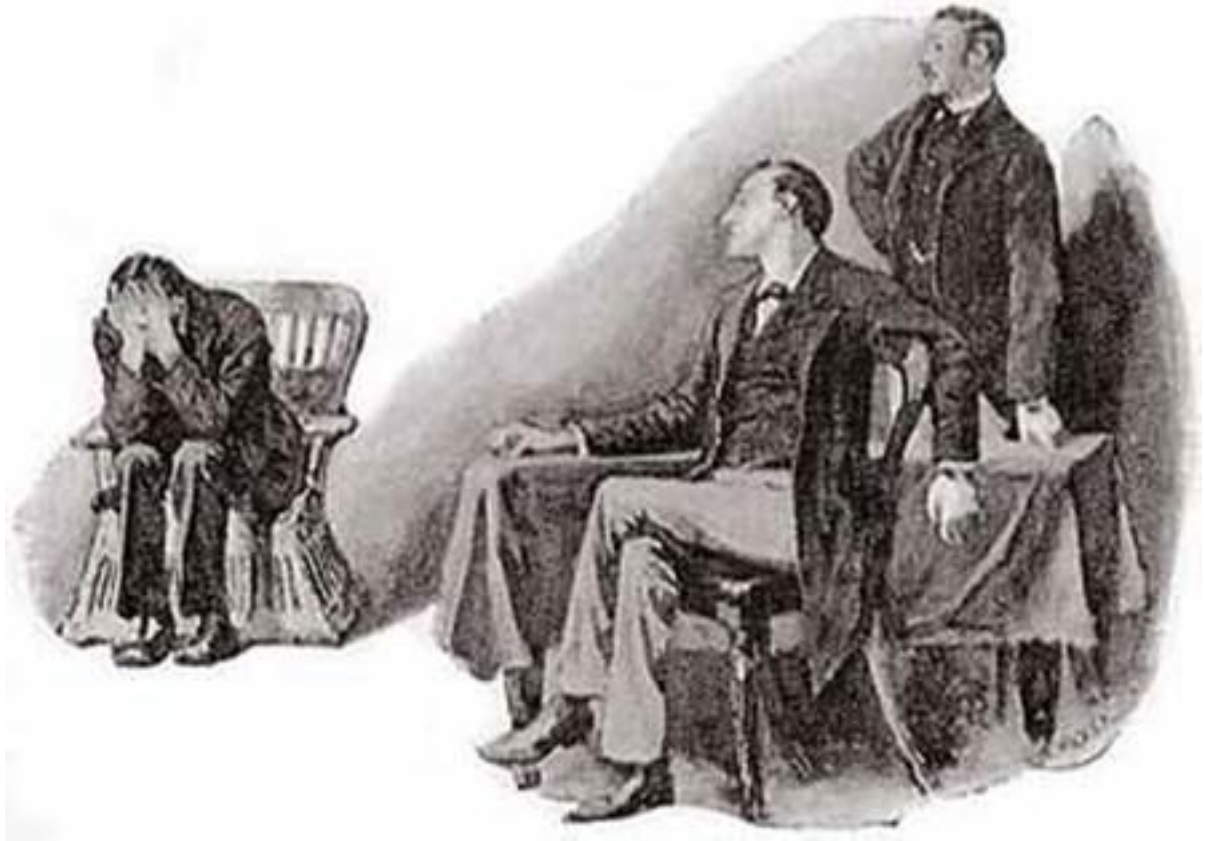
- Lái buôn nào?

- Ông Breckinridge ở Covent Garden ấy.

- Trong bầy ngỗng của chị có mấy con lông trắng có chòm đen ở đuôi, giống như con mà em vừa cắt tiết xong đấy? Tôi hỏi hồi hộp.

- Đúng đấy, Jem! Có hai con trắng chấm đen ở đuôi, chị cũng hay bị lộn lăm.

Thế là tôi hiểu ra tất cả. Tôi tất tưởi chạy đến ngay nhà ông Breckinridge. Nhưng ông ta đã bán tất cả số ngỗng đó rồi, và ông ấy nhất quyết không chịu hé răng là ông ta đã bán cho ai. Chính ngài đã chứng kiến những lời lẽ thô tục của ông ta. Chị tôi nghĩ tôi bị thần kinh và chính tôi cũng có cảm giác là mình đang điên thực sự. Thế là... thế là... tôi... tên kẻ trộm nhơ nhuốc, mặc dù tôi không có ý định làm giàu, ôi, vì viên đá mà tôi đã làm hại cả cuộc đời thanh thản của mình. Lạy chúa! Hãy cứu giúp tôi! Lạy chúa! Hãy cứu con với!



Hắn bỗng khóc oà lên, hai tay ôm lấy mặt một cách thiếu não, toàn bộ cơ thể hắn như không còn sinh khí. Im lặng kéo dài, thỉnh thoảng chỉ nghe thấy những tiếng thở dài của Ryder và tiếng gõ khe khẽ đều đặn của Holmes xuống cạnh bàn. Bỗng Sherlock Holmes đứng dậy và mở toang cánh cửa ra.

- Hãy cút khỏi nơi đây! Anh nói.

- Như thế là thế nào? Thưa ngài! Hắn lặp bặp nói. Ô bầu trời sẽ làm cho ngài vinh quang và cao thượng.

- Đừng nói nữa, hãy cút khỏi nơi đây ngay!

Không cần nhắc lại, những bước chân hăm hở đang vang dội dưới cầu thang, tiếng cánh cửa đóng nhẹ ở phía dưới và từ ngoài phố vọng lên những bước chân chạy vội vàng.

- Rốt cuộc, Watson. Holmes nói và đưa tay lên lấy tẩu thuốc. Tôi làm việc tuyệt nhiên không phải để sửa chữa những sai lầm bị hớ của bên cảnh sát. Nếu anh chàng Horner bị đe dọa bởi một mối nguy hiểm thì lại là chuyện khác. Nhưng Ryder không thể chống lại anh ấy, sự việc sẽ được giải quyết ổn thỏa cho cả hai. Có thể tôi là kẻ che giấu những tên bịp bợm, nhưng đúng hơn là tôi đã cứu con người

trước cái chết và sự sụp đổ hoàn toàn. Với anh chàng Ryder, trường hợp tương tự như thế này sẽ không bao giờ lặp lại nữa. Anh ta hoảng sợ quá mức chịu đựng. Cuộc đời oái oăm cứ bắt chúng ta phải va chạm với những trò đánh đố kỳ quặc! Giải đáp những câu chuyện hóc búa kia, đó chính là phần thưởng và là niềm vinh quang cho chúng ta. Anh làm ơn gọi chuông hộ tôi với. Chúng ta lại tiếp tục một câu chuyện mới - nhân vật là chú gà gô đang đợi chúng ta.

☺

DẢI BĂNG LỖM ĐỐM

The Speckled Band

Một sáng sớm tháng tư năm 1883, vừa thức giấc, tôi đã thấy Sherlock Holmes ăn mặc tề chỉnh đứng bên đầu giường mình. Lệ thường, anh hay dậy muộn; mà theo đồng hồ lúc này chỉ mới 7 giờ 15. Tôi ngược nhìn anh, hơi ngạc nhiên. Ánh mắt tôi cũng thoáng vẻ bực dọc, vì chính tôi cũng quen dậy muộn.

- Tôi lấy làm tiếc là đã đánh thức anh dậy. - Holmes nói

- Có chuyện gì thế? Hòa hoãn à?

- Không, có một thân chủ đang chờ. Một tiểu thư trẻ đang thảng thốt lo âu và khẩn khoản xin gặp tôi. Cô ấy hiện ngồi đợi dưới phòng khách. Khi những tiểu thư trẻ dám băng qua thành phố vào lúc mới rạng sáng như thế này và dám đánh thức những người chưa quen biết dậy, thì chắc hẳn họ phải gặp chuyện gì đó rất đáng lo. Vụ này có lẽ rất thú vị, đáng cho anh ghi chép, nên tôi tin chắc anh sẽ muốn theo dõi ngay từ đầu. Tôi nghĩ nên đánh thức anh, để anh khỏi bỏ lỡ một dịp may.

-Ồ, anh bạn vàng, tôi không đời nào chịu để lỡ một dịp may vì bất cứ lý do gì.

Tôi hối hả mặc quần áo, và chỉ vài phút sau đã theo chân bạn tôi xuống phòng khách. Cô tiểu thư mặc bộ quần áo đen, gương mặt khuất sau một tấm mạng nhỏ thó, đang ngồi bên cửa sổ, cô vội đứng ngay dậy khi chúng tôi bước vào.

- Chào tiểu thư, - Holmes niềm nở - tôi là Sherlock Holmes. Còn đây là bạn tôi, bác sỹ Watson. Tiểu thư có thể trò chuyện với anh ấy cởi mở, như với chính tôi. À, rất mừng là bà Hudson đã tinh ý nhóm giúp lò sưởi. Tiểu thư nên ngồi gần thêm chút nữa cạnh lò sưởi và tôi xin phép được mời tiểu thư một tách cà phê nóng, vì tôi thấy tiểu thư đang rét run lên.

- Tôi run không phải vì trời lạnh, cô gái khẽ đáp.
- Vậy thì vì lý do gì?



- Vì sợ, thưa ông. Vì kinh hoàng. - Vừa nói, cô gái vừa nâng tấm mạng che mặt lên, và chúng tôi thấy cô đang thật sự thảng thốt trong nỗi kinh hoàng. Sắc mặt tái mét ánh mắt lộ rõ vẻ khiếp sợ, như ánh mắt con thú săn đang bị bủa vây. Trông bề ngoài, cô chỉ trạc ba mươi, nhưng mái tóc đã điểm bạc đôi chỗ, còn cử chỉ thì lộ rõ vẻ ẻo lả, mỏi mệt. Chỉ bằng khoé mắt từng trái của mình, Sherlock Holmes đã biết về cô đủ mọi điều.

- Cô đừng sợ - anh nói, - chúng tôi sẽ giúp cô sớm giải thoát được mọi ưu phiền. Tôi chẳng chút hồ nghi. Tôi biết rõ cô vừa tới đây bằng chuyến tàu sớm nay.

- Thế ra ông đã biết tôi trước lúc tôi đến đây hay sao?

- Không, nhưng tôi nhìn thấy trên chiếc găng tay bên trái của cô phần còn lại của tấm vé khứ hồi. Cô đã phải dậy rất sớm, rồi còn phải ngồi co ro rất lâu trên một chiếc xe đò suốt cả một chặng đường

dài lầy lộn trước lúc ra tới ga.

Cô gái bối rối, nhìn anh bạn tôi chăm chăm.

- Chẳng có gì huyền bí đâu, thưa tiểu thư, anh mỉm cười nói - trên ống tay áo vết cô đang mặc lấm tẩm bùn, ít nhất là ba chỗ. Những vết bẩn ấy còn mới. Không một loại phương tiện giao thông nào, ngoại trừ xe độc mã, lại có thể làm bẩn nhiều bùn đất đến thế lên người hành khách; nhất là khi họ ngồi bên trái xà ích.

- Ông hoàn toàn đúng, dù ông dùng cách nào để phán đoán như vậy, cô gái nói. Tôi rời khỏi nhà lúc gần 6 giờ, đến Leatherhead lúc 6 giờ 20 và đáp ngay chuyến tàu đầu tiên đến ga Waterloo... Thưa ông, tôi không còn chịu đựng được nữa. Tôi sẽ hóa điên mất nếu tình cảnh này cứ kéo dài. Tôi chỉ có một người để nhờ vả, nhưng con người khốn khổ đó e chẳng giúp ích được bao nhiêu. Vì vậy, tôi đành tới cầu cứu ông, thưa ông Sherlock Holmes. Ông có đủ sức giúp không, ít ra là cũng làm sáng tỏ ít nhiều những bí ẩn đáng sợ đang bủa vây tôi bốn bề?

- Xin cô cứ kể hết với chúng tôi tất cả những gì có thể giúp chúng tôi hình dung được tình cảnh đang khiến cô sợ hãi.

- Điều khủng khiếp nhất trong tình cảnh của tôi hiện nay là những lo sợ của tôi, những lo sợ đều hết sức mơ hồ - cô thân chủ đáp. - Những ngờ vực của tôi đều bắt nguồn từ những chuyện rất nhỏ nhặt, đến nỗi người khác có thể cho là vớ vẩn. Nhưng tôi nghe đồn chỉ có ông, thưa ông Sherlock Holmes, mới thấu hiểu hết tâm địa hiểm ác của người đời; ông mới có thể khuyên tôi nên xoay xử thế nào trong những hiểm họa đang bủa vây quanh tôi.

- Tôi đang lắng nghe cô đây, thưa cô.

- Tôi tên là Helen Stoner. Tôi đang ở với ông bố dượng. Ông ấy là người cuối cùng còn sống của một dòng họ Saxon lâu đời nhất Anh quốc, dòng họ Royslotts xứ Stoke Moran, tại cực tây này, giáp ranh với Surrey.

Sherlock Holmes gật đầu.

- Tôi đã được nghe nói khá nhiều đến cái tên đó - anh nói.

- Có một thời, họ từng là dòng họ giàu có nhất Anh quốc. Lãnh địa họ, ở mạn bắc, vắt qua cả biên giới, ăn sâu vào tận Berkshire, và ở mạn tây, tận Hampshire. Nhưng vào cuối thế kỷ trước, cả bốn thế hệ liền đã mặc sức phung phí và chẳng buồn làm gì. Trong thập niên 1820, những gì còn sót lại đã bị một gã máu mê cờ bạc nướng hết vào các trò đen đỏ, ngoài trừ một vài mẫu đất và một tòa nhà cũ, xây từ hai trăm năm trước. Viên điền chủ cuối cùng của dòng họ đành phải lui về cư ngụ tại ngôi nhà nọ, sống cuộc đời thảm hại của một người quý tộc nghèo. Nhưng cậu con trai độc nhất của ông ta, người hiện là bố dượng tôi, hiểu rằng phải tìm cách thích nghi với tình cảnh mới. Ông ấy cố kiếm được một mảnh bằng bác sỹ, rồi lên đường sang Calcutta. Tại đây, ông ta nhờ có tay nghề và đức kiên nhẫn, nên chẳng bao lâu sau đã được đông đảo khách hàng tín nhiệm. Nhưng rồi nhà ông ta bị mất cắp, khiến ông ta tức điên người, đánh một gia nhân người bản xứ đến chết, và chật vật lắm ông ta mới thoát khỏi bản án xử绞. Sau vụ đó, ông ta đã phải chịu cảnh tù tội rất lâu, nên khi được thả ông trở về Anh quốc trong tâm trạng thất vọng và bi quan.

Hồi còn làm bác sỹ ở Ấn Độ, bác sỹ Royslott đã kết hôn với mẹ tôi, bà Stoner, một quả phụ trẻ, vốn là vợ của Thiếu tướng Stoner, chỉ huy pháp binh tại Bengal. Tôi và Jlia, chị tôi, là hai chị em sinh đôi. Hồi mẹ tôi đi bước nữa, hai chúng tôi mới 20 tuổi. Mẹ tôi có một khoản tiền khá lớn, mỗi năm được hưởng không dưới một ngàn bảng lợi tức. Bà giao hết khoản tiền đó cho bác sỹ Royslott cai quản, vì hai chị em tôi còn phải sống cùng ông bố dượng, và dặn ông ta phải chia đôi cho hai chúng tôi khi nào chúng tôi đi lấy chồng. Mẹ tôi qua đời chỉ ít lâu sau ngày chúng tôi trở về Anh: bà chết cách đây 8 năm trong một vụ tai nạn hỏa xa gần Crewe.

Ngay sau ngày đó, bác sỹ Royslott lập tức bỏ ý định ở lại London hành nghề, và đưa hai chị em tôi về Stoke Moran, sống tại ngôi nhà được thừa kế. Khoản tiền mẹ tôi để lại thừa đủ chu cấp cho mọi sở thích của chúng tôi, và tưởng chừng chẳng có gì ngăn trở chúng tôi sống hạnh phúc.

Nhưng đúng vào thời kỳ đó, tính khí bố dượng tôi bỗng thay đổi hẳn. Thay vì kết thân và tới viếng thăm những người hàng xóm, mới đầu rất hồ hởi khi được gặp lại một người thuộc dòng dõi Royslott trở

về sống tại quê cũ, ông ta cứ ru rú suốt ngày ở nhà. Ông ta chẳng mấy khi bước ra ngoài, và hễ đi ra đến ngoài thì lần nào cũng gây gổ dữ dội với bất cứ ai chạm trán với ông trên đường đi. Cái tính hay có những cơn giận hung hãn đã thành một tật cố hữu của cánh đàn ông dòng họ Royslotts. Và đến đời bố dượng tôi, các tật đó lại càng tăng thêm, có lẽ vì ông ta sống quá lâu ở miền nhiệt đới. Một loạt những vụ ẩu đả tồi tệ đã xảy ra, trong đó có hai vụ đã phải kết thúc ở đồn cảnh sát. Rốt cục, ông ta trở thành nỗi kinh hoàng của cả làng, và dân ở đây ai cũng vội vã tránh mặt ông ta, vì ông ta có một thể lực phi thường và hoàn toàn không thể tự kiềm chế, khi đã nổi cơn thịnh nộ.



Bạn bè độc nhất của ông ta là những người Digan ²⁵⁾ sống lang thang nay đây mai đó; ông cho họ dựng lều trại trên mảnh đất nhỏ, diện tích chỉ vài acre ²⁶⁾ của dòng họ để lại. Ông ấy thích lang thang đây đó cùng họ; có lần vắng nhà hàng tuần. Ông ta cũng thích những giống vật Ấn Độ, được người quen gửi tận bên đó về. Hiện ông đang nuôi một con báo đốm ²⁷⁾ và một con khí đầu chó ²⁸⁾, suốt

ngày đêm thả rông, mặc cho chúng muốn đi đâu thì đi. Dân làng hầu như ai cũng sợ chúng chẳng kém gì chủ chúng.

Qua lời tôi kể, chắc ông dễ dàng hình dung được là cảnh sống của chị Julia đáng thương và tôi chẳng lấy gì làm sung sướng cho lắm. Không một người giúp việc nào chịu nổi cảnh sống ở nhà chúng tôi, nên từ lâu lắm rồi, hai chị em tôi đã phải tự tay làm lấy mọi việc trong nhà. Chị tôi đã chết hồi chỉ mới ba mươi tuổi, và tóc chị ấy cũng đã điểm bạc như tóc tôi.

- Thế chị ấy đã mất rồi sao?

- Chị ấy qua đời cách nay vừa tròn hai năm. Chính tôi cũng đang định kể với ông về cái chết của chị ấy. Các ông thấy đấy, cảnh sống mà tôi vừa kể khiến chúng tôi không còn thích giao du với bất cứ ai cùng trang lứa và địa vị. Chị em tôi có một bà dì ruột, sống độc thân, tên là Honoria Westphail, bà ở mạn Harrow, nhưng họa hoằn lắm chúng tôi mới được phép đến thăm bà vài ngày. Cách đây hai năm, chị Julia có đến đó đón lễ Noel và đã gặp một Thiếu tá Hải quân, rồi đính hôn cùng anh ta. Dượng tôi được biết chuyện đó sau ngày chị Julia trở về và không tỏ ý phản đối cuộc hôn nhân ấy. Nhưng rồi hai tuần trước ngày họ định tổ chức hôn lễ, chị Julia đã gặp một việc khủng khiếp, chuyện đó đã cướp mất của tôi người bạn tâm tình độc nhất trên đời.

Sherlock Holmes nãy giờ ngả người vào lưng ghế, mắt lim dim, đầu tựa trên chiếc gối đặt trên tay vịn của chiếc đi văng. Nghe đến đó, anh bỗng hé mắt nhìn thẳng vào mắt cô gái.

- Xin cô kể lại chuyện ấy thật cặn kẽ - anh nói.

- Việc này đối với tôi rất dễ, vì mọi điều xảy ra vào khoảng thời gian kinh hoàng đó đều đã khắc sâu vào ký ức của tôi. Tòa nhà chính mà dượng tôi được thừa kế, như tôi vừa kể, rất cũ kỹ, chỉ còn một dãy bên là còn ở được. Sàn của mấy phòng ngủ ở đây toàn là sàn đất nện; mấy phòng khách thì chiếm phần trung tâm tòa nhà. Trong ba phòng ngủ kia, thì phòng đầu là bác sỹ Roylott, phòng thứ hai là của chị tôi, còn phòng cuối thì dành cho tôi. Chẳng phòng nào ăn thông với phòng nào; nhưng cả ba đều có cửa mở ra dãy hành lang chung. Tôi kể như vậy, có được rõ không ạ?

- Rất rõ.

- “Cửa sổ ba phòng đều hướng ra phía bãi cỏ. Vào cái đêm kinh hoàng đó, bác sỹ Royslott về phòng rất sớm, nhưng chúng tôi biết ông ấy chưa ngủ, vì chị tôi phải khó chịu vì cái mùi xì gà Ấn Độ rất nặng mà ông ta quen dùng. Vì vậy, chị ấy rời phòng sang bên tôi, ngồi một lúc, nói chuyện gẫu về cái đám cưới sắp tới. Mười một giờ thì chị ấy đứng dậy, rời phòng tôi, nhưng ra đến cửa bỗng dừng lại, ngoái nhìn sau lưng, rồi lên tiếng hỏi tôi:



- Helen, vào đêm khuya, em có bao giờ nghe tiếng ai đó huýt sáo không?

- Chưa bao giờ - tôi đáp.

- Biết đâu em có thể huýt sáo lúc mơ ngủ?

- Không thể có chuyện đó được. Nhưng tại sao chị hỏi thế?

- Vì mấy đêm gần đây, vào khoảng ba giờ sáng, đêm nào chị cũng nghe có tiếng huýt sáo rất khẽ và rõ. Chị vốn tỉnh ngủ, nên tiếng

động đó khiến chị thức giấc. Chị không thể nói rõ nó từ phía nào đưa lại. Có thể là từ phòng bên, mà cũng có thể từ ngoài bãi cỏ vọng vào. Hôm qua, chị đã định hỏi em có nghe thấy không.

- Không, em không nghe. Chắc là đám Digan đấy.

- Có lẽ đúng vậy thật. Nhưng nếu quả là từ ngoài bãi cỏ vọng vào thì sao em không nghe thấy? Lạ thật!

- Ồ, em ngủ say hơn chị nhiều.

- Thôi, toàn chuyện vợ vẫn không đâu - chị ấy mỉm cười, khép cửa phòng tôi, và lát sau tôi nghe thấy tiếng chìa lách cách trong ổ khóa phòng chị."

- Thì ra là vậy, Sherlock Holmes nói. Chị cô và cô bao giờ cũng khóa cửa trước lúc đi ngủ?

- Vâng.

- Sao vậy?

- Hình như tôi đã kể với ông là dưỡng tôi có nuôi thả rông một con báo đốm và một con khỉ đầu chó. Hai chị em tôi chỉ cảm thấy an toàn khi đã khóa trái cửa sau lưng.

- Tôi hiểu. Xin cô kể tiếp.

"Đêm đó, tôi không thể nào chớp mắt được. Tôi linh cảm mơ hồ một điều bất hạnh sắp xuống giáng xuống đầu mình. Hai chúng tôi, hẳn ông còn nhớ, là hai chị em sinh đôi, và chắc ông cũng biết, anh em hay chị em song sinh vốn gắn bó với nhau mật thiết như thế nào. Đêm đó quả là một đêm ghê rợn. Gió rít từng hồi, còn mưa thì xối xả trút nước vào cửa sổ. Bất thành linh, trong tiếng gió gào thét bỗng dậy lên một tiếng rú man dại của một người phụ nữ đang hốt hoảng. Tôi nhận ra ngay: đó là tiếng chị tôi. Tôi nhảy vội xuống đất, lao ra hành lang. Lúc đang mở cửa, tôi chợt nghe một tiếng huýt sáo khẽ, đúng như chị tôi kể, rồi chỉ một lát sau, tiếng rơi đánh sầm của một vật nặng bằng kim loại. Khi tôi chạy sang, tôi thấy cửa phòng chị tôi không khóa, cánh cửa đang từ từ xoay trên bản lề. Tôi kinh hãi, trở mắt nhìn, không biết cái gì sắp xảy ra đây. Dưới ánh đèn treo ngoài

hành lang, tôi thấy chị Julia hiện ra sau cánh cửa, mặt trắng bệch vì khiếp sợ. Chị chới với vươn hai tay ra phía trước, cầu cứu tôi, toàn thân lão đảo như thể đang say. Tôi chạy vội tới, ôm chàng lấy chị, nhưng đúng vào lúc đó, chân chị bỗng bủn rủn và chị ngã khụy xuống đất. Chị quằn quại vì một nỗi đau đớn không thể chịu đựng nổi. Mới đầu, tôi tưởng chị không nhận ra mình; nhưng lúc tôi cúi xuống, chị bỗng hét lên bằng một giọng mà tôi nhớ suốt đời: "Trời ơi, Helen! Cái dải băng ấy! Dải băng lốm đốm!".



Chị ấy còn cố nói một điều gì đó nữa, tay chỉ chỉ về phía phòng ông bố dượng, nhưng một cơn co giật nữa lại ập tới, không cho chị thốt nên lời. Tôi vừa đứng bật dậy, vừa lớn tiếng gọi ông bố dượng, và thấy ông ta chạy vội ra khỏi phòng. Trên người còn mặc chiếc áo ngủ lụng thụng. Khi ông ta chạy tới thì chị tôi đã bất tỉnh. Ông ta đổ rượu brandy vào miệng chị tôi, cho người đi gọi ông thầy thuốc trong làng nhưng mọi cố gắng cứu chữa chị tôi đều vô hiệu. Chị lả dần, rồi tắt thở, không còn tỉnh lại được nữa. Người chị yêu quý của tôi đã chết một cách khủng khiếp như vậy đó."

- Xin hỏi cô một câu, Sherlock Holmes nói - Cô có tin chắc là đã nghe tiếng huýt sáo và tiếng rơi của một vật nặng bằng kim loại? Cô có dám thề là mình đã không nghe lầm không?

- Tôi cảm thấy mình không lầm chút nào. Nhưng dẫu sao tôi cũng không dám đoán chắc lắm, vì lúc đó gió đang gào thét bên ngoài và căn nhà cũ cũng phát ra đủ mọi thứ âm thanh giữa lúc mưa to gió lớn.

- Chị cô lúc đó đã ăn mặc tề chỉnh?

- Không! Chỉ mỗi chiếc áo ngủ trên người. Bên tay phải đang cầm một que diêm đã đánh lửa, còn bên tay trái - một bao diêm.

- Điều đó chứng tỏ cô ấy đã quẹt diêm lên để xem thử có chuyện gì khiến cô ấy sợ hãi. Chi tiết đó rất quan trọng. Vậy ông dự thẩm kết luận thế nào khi đến điều tra?

- Ông ấy xem xét hết sức cẩn thận nội vụ, vì bác sỹ Roylott từ lâu đã là đối tượng khả nghi. Nhưng ông ấy không tài nào tìm thấy một chứng cứ gì xác đáng về nguyên nhân cái chết. Cửa phòng được khóa chặt từ bên trong. Bên ngoài cửa sổ còn có thêm một lần cửa gỗ được gá trên những thanh sắt to bản để phòng ngừa kẻ gian. Hơn nữa, đêm nào cũng cài then cẩn thận. Tôi cũng đưa ông ấy đi xem tường vách: tất cả đều vẫn còn vững chãi lắm. Sàn nhà cũng được khám xét kỹ, nhưng vẫn chẳng có dấu hiệu khả nghi nào. Ống khói lò sưởi tuy rộng, nhưng không thể chui qua. Như vậy, chắc chắn là khi xảy ra cái tai họa bi kịch ấy, chị tôi chỉ có một mình trong phòng.

- Thế khả năng bị đầu độc?

- Các bác sỹ cũng đã khám nghiệm tử thi, nhưng chẳng thu được một kết quả nào.

- Vậy, theo cô, lý do gì đã khiến người chị bất hạnh của cô chết thảm khốc như thế?

- Tôi tin rằng chị ấy chỉ vì quá kinh hoàng và chấn động thần kinh, tuy không thể hình dung nổi điều gì đã khiến chị ấy sợ hãi đến mức đó.

- Hôm đó, đám Digan có mặt trong địa phận trang trại không?

- Có, họ hầu như lúc nào cũng ở gần trang trại.

- Này, vậy cô nghĩ gì về dải băng, dải băng lốm đốm, mà chị cô có nhắc tới?

- Có lúc tôi nghĩ đó chỉ là những lời vô nghĩa trong cơn mê sảng của chị tôi; nhưng có lúc tôi cho rằng có lẽ chị tôi muốn nói tới một loại băng đảng ²⁹⁾ gì đấy, chắc là tới đám người Digan, cũng có thể là thứ khăn trùm sắc sỡ mà dân Digan hay dùng đã khiến chị ấy thốt ra hai chữ "lốm đốm" ³⁰⁾ kỳ dị đó.

Holmes lắc đầu như có ý không chút nào thấy thỏa mãn.

- Còn có một cái gì khác nữa kia! - anh nói - Xin cô kể tiếp đi.

"Hai năm trôi qua kể từ ngày đó, và cuộc sống của tôi càng trở nên lẻ loi, cô độc hơn bao giờ hết. Nhưng tháng trước, một anh bạn thân mà tôi quen biết từ nhiều năm, đã ngỏ lời cầu hôn tôi. Anh ấy tên là Armitage, Percy Armitage, thứ nam của ông Armitage ở vùng Crame Water, gần Reading. Bố dượng tôi không phản đối, và chúng tôi định sang xuân thì tổ chức hôn lễ. Cách đây hai ngày, bác sỹ Roylott gọi thợ tới, cho sửa chữa phần trái nhà ở mạn tây. Họ đập phá vách tường căn phòng ngủ của tôi, nên tôi phải dời sang ở tạm tại căn phòng nơi chị tôi đã qua đời, ngủ trên chính chiếc giường chị ấy từng ngủ. Đêm qua, tôi nằm mà chẳng tài nào chợp mắt được, vì nghĩ tới cái chết bi thảm của chị mình. Thế rồi, các ông có hình dung được không nỗi kinh hoàng của tôi. Tôi bỗng nghe thấy trong cảnh vắng lặng của đêm khuya cái tiếng huýt sáo khế mà chính chị tôi từng nghe thấy trước lúc chết. Tôi choàng ngay dậy, châm đèn lên, nhưng chẳng thấy gì trong phòng cả. Tôi quá hoảng sợ, nên không thể lên giường ngủ tiếp, đành mặc sẵn quần áo, ngồi chờ. Thấy trời vừa sáng, tôi vội lên đường đến gặp ông ngay, để cầu cứu ông."

- Cô đã xử sự rất khôn ngoan. - Bạn tôi nói - Nhưng cô đã kể hết chưa?

- Thưa ông, hết rồi.

- Chưa đâu, cô Royslott ạ. Cô đang bao che cho ông bố dượng của cô đấy.

- Sao kia? Ông muốn ám chỉ điều gì?

Thay vì câu trả lời, Holmes kéo cao ống tay áo của cô thân chủ lên. Năm vết đỏ bầm, dấu của năm ngón tay, nổi rõ trên cổ tay trắng muốt của cô gái.

- Cô bị ông ta đối xử tàn tệ quá! Holmes nói.

Cô gái đỏ bừng mặt, kéo vội ống tay áo xuống để che cái cổ tay bị bầm.

- Ông ấy là hạng người cục súc, cô nói, sức lực như hộ pháp, và chắc không lường hết được sức mạnh của mình.

Cả ba chúng tôi ngồi im lặng hồi lâu. Holmes thì cầm lên hai tay, nhìn chăm chăm ngọn lửa cháy trong lò.

Mãi sau, anh mới lên tiếng:

- Vụ này thật bí ẩn. Có tới hàng trăm tình tiết tôi đang muốn biết rõ trước lúc quyết định phương hướng hành động. Chúng ta đừng để mất thời giờ. Cô có thể giúp chúng tôi về Stoke Moran ngay hôm nay, để chúng tôi xem kỹ lại mấy căn phòng đó, mà dượng cô không hề hay biết, được không?

- Được ạ. Vì ông ấy có nói là hôm nay phải lên London thu xếp một số công việc gì đó hết sức hệ trọng. Chắc ông ta sẽ vắng nhà suốt ngày, nên không ai cản trở các ông đâu.

- Tuyệt! Thế thì cả hai chúng tôi sẽ cùng đến. Còn cô, cô có phải thu xếp việc riêng gì nữa không?

- Tôi có vài việc đang định làm gấp nhân lên đây, nhưng tôi sẽ quay về ngay bằng chuyến tàu 12 giờ, nên tôi vẫn có mặt ở nhà để tiếp đón hai ông.

- Vậy cô nên đợi sẵn chúng tôi sau mười hai giờ trưa. Tôi cũng có vài việc vặt cần thu xếp. Cô có vui lòng ở lại dùng điểm tâm với chúng tôi không?

-Ồ không, tôi phải đi gấp. Hy vọng sẽ gặp lại các ông vào chiều nay - cô gái buông chiếc mạng đen xuống, rồi rời căn phòng.

- Anh nghĩ sao về vụ này, Watson? - Sherlock Holmes vừa hỏi vừa ngã người vào lưng ghế.

- Tôi cảm thấy đây là một vụ án đầy bí hiểm, có thể chứa đựng một tội ác thâm độc.

- Bí hiểm thật, mà cũng thâm độc thật.

- Cô gái cho biết sàn nhà, tường, vách còn rất chắc; không một ai có thể đột nhập qua cửa ra vào, cửa sổ và ống khói, thì rõ ràng là người chị chỉ có một mình trong phòng, lúc cái chết bí hiểm kia ập đến.

- Vậy thì tiếng huýt sáo lúc nửa đêm, và những lời kỳ lạ cô ấy thốt ra trước lúc chết phải lý giải thế nào?

- Tôi chưa thể nghĩ ra.

- Anh nên ngẫm nghĩ kỹ về tiếng huýt sáo giữa đêm khuya và dải băng của đám Digan mà lão bác sỹ chứa chấp trong địa phận của lão. Ta cũng có lý do để tin rằng lão ta rất quan tâm tới việc ngăn cản cô con gái của người vợ cũ đi lấy chồng. Hơn nữa, ở đây còn có lời cô chị nhắc tới dải băng và sau cùng, là tình tiết cô Helen Stoner nghe thấy tiếng rơi của một vật nặng bằng kim loại. Âm thanh đó rất có thể là do một thanh sắt gá vào cánh cửa chắn bên ngoài cửa sổ phát ra, khi nó bật mạnh vào vị trí cũ. Tất cả những tình tiết đó, theo tôi, có thể giúp ta lý giải vụ án.

- Nhưng nếu vậy thì đám Digan có liên quan gì?

- Tôi chưa thể hình dung.

- Tôi thấy có quá nhiều điều chống lại cái giả thuyết anh vừa đưa ra.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Chính vì lý do đó nên hôm nay chúng ta phải tới tận nơi, tới Stoke Moran. Tôi muốn biết những bằng chứng phản bác có vững hay không, hay ít ra cũng hiểu rõ được sự thể hơn.Ồ, lại

sắp có chuyện quỷ quái gì nữa đây?

Cửa phòng bật mở, và một người đàn ông cao lớn vạm vỡ xuất hiện. Ông ta cao đến nỗi mũi gần chạm vào thanh ngang trên cùng của khung cửa, và to ngang tới mức choán gần hết cả bề rộng cửa ra vào. Mặt ông ta to bè, nhăn nheo, sạm nắng và hằn sâu những dấu tích của đủ mọi thứ dục vọng quỷ quái. Ông ta đảo mắt lia lịa nhìn hai chúng tôi, và cặp mắt trũng sâu cùng cái mũi khoằm của ông ta khiến ông ta trông như một con ác quỷ già hung dữ.



- Trong hai anh, ai là Holmes, hả? - lão hỏi
- Tôi đây, thưa ngài - bạn tôi bình thản đáp.
- Ta là bác sỹ Grimesby Roylott ở Stoke Moran.
- Rất hân hạnh - Holmes nói - Mời bác sỹ ngồi.
- Ta chẳng thềm ngồi với anh làm gì. Con gái vợ ta vừa ở đây ra.

Ta đã lần được dấu vết nó. Nó đã hét gì với các anh, hả?

- Trời lạnh thế này quả là trái mùa - Holmes nói.

- Nó đã hét với anh những gì? - lão rít lên, giọng tức giận.

- Nhưng tôi nghe nói hoa vẫn sẽ được mùa - bạn tôi nói tiếp.

- À, anh định đánh trống lảng chứ gì? - ông khách vừa nói vừa bước lên trước một bước. - Anh thì ta chẳng lạ. Ta nghe danh anh lâu rồi. Anh là Holmes, một gã rất hay can thiệp vào công việc người khác.

Holmes tủm tỉm cười đắc ý.

- Trò chuyện với ông thật thú vị. - Anh nói. - Bao giờ ra khỏi đây, ông làm ơn khép cửa hộ, vì phòng này hay có gió lùa.

- Ta chỉ ra khỏi đây chừng nào ta nói hết những điều cần nói với anh. Đừng có liều can thiệp vào công việc của ta. Ta biết con Stoner đã mò tới đây, ta đã lần theo dấu vết của nó! Ta là một người nguy hiểm! Nhìn đây.

Lão bước nhanh về phía lò sưởi, cầm thanh sắt cời than, bẻ cong nó lại bằng đôi tay hộ pháp sạm nắng.

- Liệu hồn, chớ có để bị sa vào tay ta - lão gầm lên, vút thanh cời than vào lò, rồi bỏ đi.

- Quả là một con người dễ mẫn - Holmes vừa nói vừa cười lớn. - Giá lão còn ở lại, tôi có thể cho lão thấy tay tôi cũng chẳng yếu hơn tay lão lắm đâu. Nói chưa dứt lời, anh cầm thanh sắt cời than lên, rồi lên gân uốn thẳng nó lại như cũ.

- Anh Watson, bây giờ tôi sẽ bảo dọn điếm tâm; sau đó, tôi đi một lúc, hy vọng sẽ thu thập được một ít tin tức khả dĩ giúp chúng ta trong vụ này.

Khoảng một giờ trưa, Holmes trở về. Anh cầm trên tay một tờ giấy màu xanh, chi chít những ghi chép và những hình vẽ, những con số.

- Tôi đã được tận mắt thấy bản di chúc của người vợ quá cố - Anh

nói - Tổng số lợi tức khoảng 750 bảng. Mỗi cô gái có quyền đòi 250 bảng lợi tức khi nào họ đi lấy chồng. Như vậy, nếu cả hai cô đều lấy chồng, thì lão bác sỹ chỉ còn được hưởng một số tiền chẳng đáng là bao; thậm chí chỉ một cô về nhà chồng thì lão cũng đã bị thua thiệt đáng kể. Công việc của tôi sáng nay vậy là chẳng vô ích, vì nó cho thấy lão ta có đủ lý do rất hệ trọng để tìm mọi cách ngăn cản việc kết hôn của hai cô gái. Và bây giờ, nếu anh đã sẵn sàng rồi thì chúng ta sẽ gọi một chiếc xe để ra ga Waterloo. Tôi sẽ rất biết ơn, nếu anh vui lòng nhét vào túi khẩu súng ngắn của anh. Súng với bàn chải đánh răng nữa, tôi nghĩ chúng ta chỉ cần hai thứ đó.

Đến Waterloo, chúng tôi đáp ngay tàu lên Leatherhead, rồi thuê một cỗ xe ngựa tại một quán trọ gần ga. Chúng tôi lên xe ngựa, băng qua khoảng bốn năm dặm trên những con đường làng ngoại mục của vùng Surrey. Hôm đó thời tiết tuyệt đẹp, ánh nắng chan hoà, bầu trời hơi vẩn mây, không khí sục nức mùi đất ẩm. Tôi cảm thấy có một sự tương phản kỳ lạ giữa những dấu hiệu ngọt ngào hứa hẹn một mùa xuân đẹp với công việc khủng khiếp mà chúng tôi đang theo đuổi. Bạn tôi ngồi đằng trước, đăm mình trong những trầm tư, hai tay khoanh trước ngực, mũ kéo sụp xuống tận mắt, cằm tì sát ngực. Nhưng bỗng anh vỗ vai tôi, chỉ tay về phía những cánh đồng.

- Nhìn kia! anh nói.

Một khu vườn sum suê cây cối trải dài trên một sườn đồi thoải. Giữa đám cây lá nhô lên cái mái cao của một tòa nhà cũ tàn tạ.

- Stoke Moran thì phải? - anh hỏi.

- Vâng, thưa ngài, đó là dinh cơ của bác sỹ Grimesby Roylott - người xà ích đáp - Ngài sẽ đỡ mất thời giờ hơn, nếu đi theo lối đường tắt băng qua đồng. Chỗ có một tiểu thư đang đi kia kia.

- Theo tôi đó chắc là cô Stoner - Holmes phỏng đoán vậy.



Chúng tôi xuống xe, trả tiền, và chiếc xe ngựa lại lóc cóc quay về Leatherhead.

- Chào cô Stoner - Holmes nói.

Thân chủ chúng tôi chạy vội lại đón chúng tôi, vẻ mặt mừng rỡ.

- Tôi rất mong hai ông - Cô reo lên, ân cần xiết tay chúng tôi. Bác sỹ Roylott đã lên London và khó có thể quay về trước tối nay.

- Chúng tôi đã có hân hạnh được gặp bác sỹ rồi - Holmes nói, và anh vẫn tắt thuật lại những gì đã diễn ra. Cô Stoner tái mặt khi biết chuyện đó.

- Trời ơi! - Cô kêu lên. - Vậy là lão đã theo sát gót tôi.

- Chắc thế.

- Lão quỷ quyết tới mức tôi không thể biết lúc nào mình được an toàn. Lão có nói khi nào lão quay về không?

- Chắc lão phải cẩn trọng, vì có thể lão hiểu rằng mình đã gặp trên đường đi một người còn tinh khôn hơn chính lão. Đêm nay, cô phải

khóa chặt cửa để tránh lão. Nếu lão định làm gì, chúng tôi sẽ gửi cô đến Harrow, ở với bà dì cô. Còn bây giờ, chúng ta phải tận dụng tối đa thời cơ, vì vậy, xin cô đưa ngay chúng tôi đến mấy căn phòng mà chúng tôi phải xem kỹ.



Tòa nhà được xây bằng đá xám; phần giữa cao, còn hai chái xây cong. Mấy khung cửa sổ ở một bên chái đã vỡ, nên phải bít lại bằng những thanh gỗ. Ngói trên mái sụt lở nhiều chỗ. Một cánh tường đổ nát phơi bày trước mắt chúng tôi. Phần giữa nhà khá hơn ít nhiều, nhưng hiện đại hơn cả vẫn là khối bên phải. Những tấm rèm trên mấy khung cửa sổ và làn khói bay lên từ mấy cái lò sưởi cho thấy cả gia đình hiện sống tại phần này. Holmes đi đi lại lại trên bãi cỏ, chăm chú ngắm nhìn phía ngoài mấy khung cửa sổ.

- Tôi đoán cửa sổ này là cửa phòng ngủ trước đây cô sử dụng; cái chính giữa là phòng của chị cô, còn cái kế cận với tòa nhà chính là phòng của bác sỹ Roylott, đúng không, thưa cô?

- Vâng, đúng rồi. Nhưng tôi hiện phải ngủ tại căn giữa.

- Chỉ tạm thời trong lúc sửa chữa thôi, nếu tôi không lầm. À luôn tiện cũng xin hỏi: hình như chẳng việc gì phải sửa chữa gấp như vậy thì phải. Vì tôi thấy bức tường ở đầu nhà còn chắc lắm mà.

- Đúng vậy. Tôi tin chắc đó chỉ là cái cớ để bắt tôi phải chuyển phòng thôi.

- À! Có thể đúng thế thật. Này, mặt trong cái chái hẹp này có một dãy hành lang mà cả ba phòng ngủ đều ăn thông ra, phải không? Bên phía đó chắc cũng phải có cửa sổ chứ?

- Vâng, nhưng nhỏ lắm. Nhỏ đến nỗi không một ai có thể chui qua được.

- Vậy là từ mặt đó, không một ai có thể lọt vào phòng hai chị em cô, nếu đêm nào các cô cũng khóa chặt cửa. Bây giờ, cô làm ơn vào phòng cô và đóng chặt mấy cánh cửa chặn lại nhé.

Cô Stoner làm theo lời Holmes, và anh cố tìm mọi cách thử mở cánh cửa chặn, nhưng vô hiệu.

- Hừm! - anh nói - Giả thuyết đầu của tôi như vậy là đã bị loại bỏ. Không một ai có thể chui qua ngả này, nếu cửa chặn đã bị cài chặt. Được rồi, bây giờ thì ta thử vào phía trong, xem có phát hiện được gì mới không.

Một cánh cửa nhỏ bên hông dẫn vào hành lang mà cửa của ba phòng ngủ đều ăn thông ra. Chúng tôi vào căn phòng thứ nhì, hiện là phòng ngủ của cô Stoner và cũng là nơi chị cô đã gặp tai họa. Đó là một căn phòng nhỏ, đủ tiện nghi, trần thấp và có một lò sưởi lớn. Một cái tủ gỗ nâu đựng quần áo, có ngăn kéo, kê ở một góc phòng; còn góc kia là một cái giường trắng hẹp và một cái bàn con đặt bên trái cửa sổ. Hết thấy những thứ vừa kể cùng hai chiếc ghế dựa là toàn bộ đồ đạc trong phòng, nếu không kể tới tấm thảm trải giữa sàn. Holmes đặt vào góc phòng một chiếc ghế, ngồi xuống im lặng nhìn quanh toàn bộ căn phòng, không bỏ sót một chi tiết nào.

- Sợi dây kéo chuông này ăn thông vào đâu? - mãi sau, anh mới lên tiếng, tay chỉ vào một sợi dây giạt chuông cỡ lớn buông thõng

xuống sát đầu giường.

- Nổi với phòng người quản gia.

- Trông có vẻ mới hơn mọi thứ vật dụng trong phòng.

- Vâng. Vì mới được lắp cách đây vài năm.

- Chắc chị cô đòi mắc?

- Không tôi chẳng bao giờ thấy chị tôi giật chuông cả. Chúng tôi toàn tự tay làm lấy mọi việc, vì nhà không nuôi người hầu.

- Xin lỗi cô mấy phút nhé, tôi muốn xem kỹ thêm sàn căn phòng một chút.

Anh bò tới bò lui, xem xét cẩn thận từng đường rãnh những tấm ván lát sàn. Cuối cùng, anh đến cạnh giường ngủ, nhìn chăm hăm một lúc, rồi lại đưa mắt nhìn bức tường từ trên xuống dưới rồi từ dưới lên trên. Đoạn, anh cầm lấy dây chuông giật mạnh một cái.

- Sao không nghe chuông reo gì cả? Thậm chí nó cũng chẳng được nối vào sợi dây thép kéo chuông. Lạ thật! Cô nhìn kìa, sợi dây thậm chí chỉ buộc vào một cái móc sắt nằm ngay phía trên cửa thông gió.

- Thật vô lý quá! Vậy mà lâu nay tôi chẳng để ý.

- Rất kỳ lạ! Holmes vừa lăm bắm, vừa giật sợi dây. Căn phòng này có một vài điểm rất kỳ quặc. Chẳng hạn, gã thợ xây hẳn phải điên rồi lăm mới trở cửa thông hơi sang phòng bên cạnh; lẽ ra hẳn có thể trở ra ngoài; cũng chỉ mất chừng ấy công thôi.

- Cái này cũng mới làm gần đây - cô tiểu thư nói

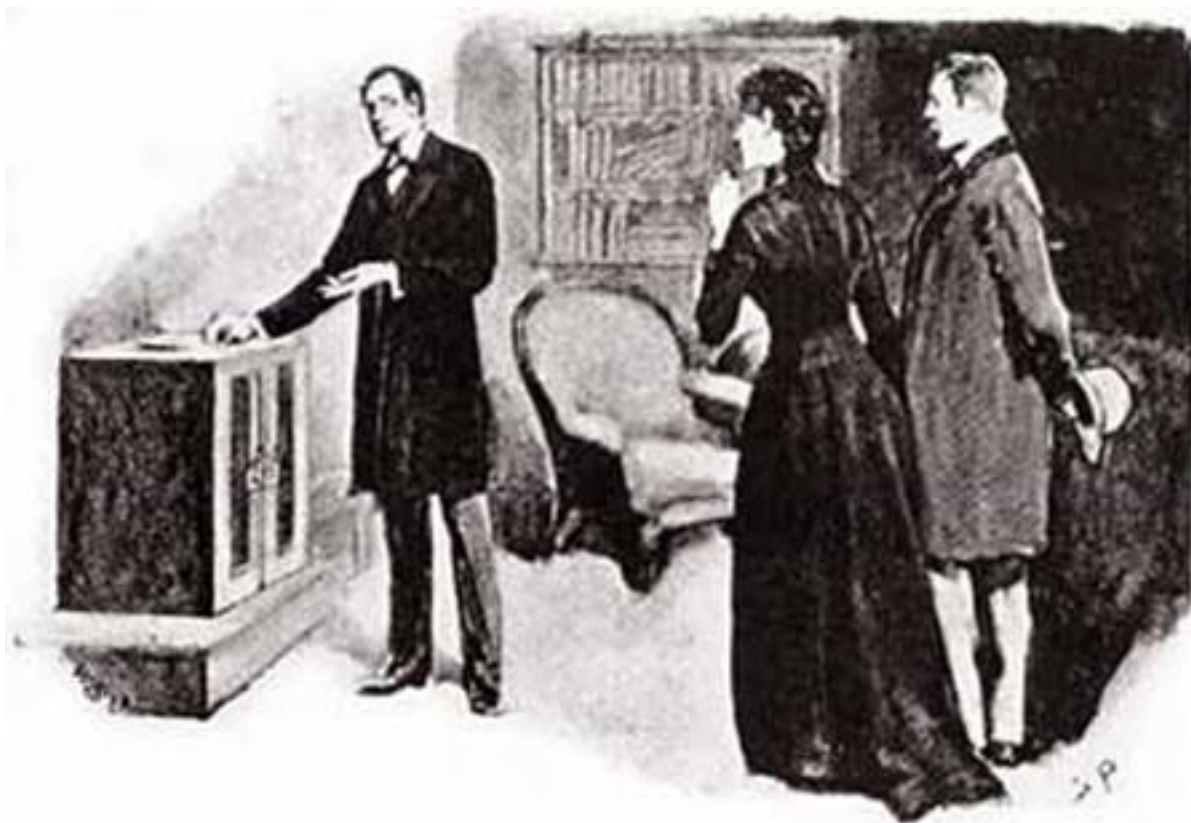
- Chắc làm cùng lúc với sợi dây kéo chuông - Holmes nhận xét.

- Vâng dạo đó có một số thay đổi nhỏ trong nhà.

- Cô Stoner, cô vui lòng cho chúng tôi sang phòng ông bác sỹ xem qua một chút.

Phòng bác sỹ Roylott rộng hơn phòng hai cô con riêng của bà vợ trước, nhưng đồ đạc bài trí rất đơn sơ. Chỉ có một cái giường, một giá sách nhỏ bằng gỗ, một cái ghế bành kê cạnh giường, một cái ghế xếp đặt sát tường, một cái bàn tròn và một tủ sắt lớn. Holmes thong thả đi quanh phòng, xem hết sức kỹ lưỡng từng món đồ đạc.

- Tủ này đựng gì? Holmes vừa hỏi gõ vào chiếc tủ sắt.
- Giấy tờ làm ăn của bố dượng tôi.
- Ồ, thế ra cô đã có dịp nhìn vào bên trong?
- Chỉ một lần duy nhất, cách đây vài năm. Tôi nhớ là trong tủ đầy ắp giấy tờ.
- Ông ta có nuôi gì trong đó không? Như mèo chẳng hạn.
- Không, ông hỏi gì lạ thế!
- Thế thì cô nhìn đây! - Anh cầm lên một cái đĩa lót tách nhỏ, đựng sữa, đặt trên nóc tủ.



- Không, chúng tôi không nuôi mèo. Nhưng có một con báo đốm và một con khỉ đầu chó.

À, vâng. Dĩ nhiên! Báo đốm chẳng qua chỉ là một con mèo lớn xác thôi. Nhưng tôi nghĩ rằng đĩa sữa nhỏ này e khó lòng chu cấp đủ cho con vật đó. Còn một điểm nữa tôi muốn làm sáng tỏ - Anh lấy kính lúp ra soi lên mặt chiếc ghế gỗ, xem xét mặt ghế hết sức kỹ lưỡng.

- Cảm ơn cô. Thế là rõ rồi, anh vừa nói vừa đứng dậy, cất chiếc kính lúp vào túi. Chà! Món này lý thú đây!

Vật khiến anh chú ý là chiếc roi nhỏ, treo trên góc giường. Tuy nhiên, chiếc roi ấy bị uốn cong ở đầu mút, rồi thắt lại thành một vòng tròn.

- Watson, anh nghĩ gì về món này?

- Đó chỉ là một cái roi cũng bình thường thôi. Có điều tôi không hiểu tại sao lại thắt vòng ở đầu mút.

- Chẳng bình thường lắm đâu, anh không thấy sao? Tôi nghĩ tôi xem xét xong rồi đấy, cô Stoner ạ. Điều hết sức hệ trọng là từ bây giờ, cô nhất nhất phải làm đúng những điều tôi khuyên. Vụ này nghiêm trọng lắm, ta không được chần chừ một phút nào nữa. Tính mạng của cô tùy thuộc cô đấy.

- Tôi xin phớt lờ hết cho ông.

- Trước hết, đêm nay cả hai chúng tôi phải ở lại trong phòng cô. Cả tôi lẫn cô Stoner đều kinh ngạc trở mắt nhìn anh.

- Vâng, phải như thế mới được. Để tôi cắt nghĩa. Chắc ở đằng kia là cái quán trọ của vùng này?

- Vâng, đó là quán trọ Crown.

- Rất tốt. Từ đó nhìn sang có thể thấy được cửa sổ căn phòng cô không?

- Thấy được chứ.

- Khi nào bố dựng cô về, cô không được ra khỏi phòng, lấy cố là cô bị nhức đầu. Bao giờ nghe thấy lão sửa soạn đi ngủ, thì cô hãy mở ngay cửa sổ, đặt lên bậu một ngọn đèn để báo hiệu cho chúng tôi.

Xong xuôi, cô mang hết những gì mình cần sang bên phòng cũ của cô. Tôi tin chắc rằng, tuy đang sửa chữa, cô vẫn có thể nghỉ tạm một đêm bên đó.

- Vâng, chuyện đó chẳng có gì khó.

- Phần còn lại cô cứ để mặc chúng tôi lo liệu.

- Nhưng các ông sẽ làm gì

- Chúng tôi sẽ ngồi bên căn phòng mới của cô để tìm cho ra nguyên nhân của những tiếng động đã quấy rầy cô.

- Ông Holmes, tôi tin rằng ông đã đi đến được một kết luận - cô Stoner vừa nói vừa đặt tay lên ống tay áo của bạn tôi.

- Có lẽ cô đúng.

- Vậy xin ông cho tôi biết tại sao chị tôi chết.

- Trước lúc cho cô biết, tôi muốn có những bằng chứng hiển nhiên hơn.

- Ít nhất ông cũng có thể cho tôi biết là tôi đoán định như vậy có đúng không: chị tôi chết vì nỗi hoảng sợ quá đột ngột?

-Ồ không, tôi không cho là vậy. Tôi nghĩ là có một nguyên nhân cụ thể hơn nhiều. Còn bây giờ, chúng ta phải tạm biệt nhau, vì nếu bác sỹ Roylott quay về mà bắt gặp chúng tôi ở đây, thì chuyến đi này coi như uổng công. Tạm biệt cô, cô hãy can đảm lên nhé! Nếu cô làm đúng những gì tôi dặn, cô có thể tin rằng chúng tôi sẽ sớm loại bỏ những hiểm họa đang rình rập cô.



Sherlok Holmes và tôi thuê một phòng ngủ và một phòng khách tại quán trọ Crown. Cả hai đều nằm ở tầng trên cùng, nên chúng tôi có thể nhìn rõ dãy nhà đang được sử dụng trong trang trại Stoke Moran. Vào lúc nhá nhem tối, chúng tôi thấy chiếc xe ngựa chở bác sỹ Grimesby Roylott chạy ngang qua cửa sổ phòng trọ. Vóc người lão trông càng cao lớn bên cạnh cậu xà ích bé nhỏ. Đến cổng, cậu đánh xe loay hoay một lúc mới mở được hai cánh cổng sắt, và chúng tôi nghe được cái giọng khàn của bác sỹ Roylott gầm lên, trong khi lão giận dữ khua hai nắm đấm trước mũi cậu xà ích. Chiếc xe chạy qua cổng và chỉ một lát sau, chúng tôi đã thấy giữa lùm cây lóe lên một ánh đèn mới thắp trong một phòng khách tại nhà lão.

- Watson ạ, quả tình tôi chưa dám chắc đêm nay có nên đưa anh đi cùng hay không - Holmes nói khi chúng tôi đang ngồi bên nhau trong bóng tối - Tình hình chắc sẽ nguy hiểm lắm!

- Tôi có thể giúp ích cho anh chút nào không?

- Có anh đi cùng là rất quý.

- Vậy thì tôi nhất định sẽ đi cùng anh.

- Cám ơn, anh tốt quá.

- Anh có nói đến nguy hiểm. Chắc chắn là anh đã phát hiện được nhiều điều trong những căn phòng đó hơn tôi.

- Không, tôi nghĩ rằng tôi chỉ rút ra được nhiều kết luận hơn anh thôi. Tôi cho rằng anh cũng đã trông thấy những gì tôi trông thấy.

- Tôi chẳng phát hiện được gì đáng chú ý, ngoại trừ sợi dây giạt chuông. Tôi không hình dung nổi sợi dây đó được dùng làm gì.

- Anh cũng nhìn thấy cả cái lỗ thông gió chứ?

- Có. Nhưng tôi nghĩ rằng chẳng có gì kỳ lạ là có một lỗ hờ nhỏ giữa hai phòng. Nó nhỏ tới mức một con chuột nhắt cũng khó chui quá.

- Tôi biết trước thế nào chúng ta cũng phát hiện được cái lỗ thông gió đó ngay từ khi chưa đến Stoke Moran.

- Thế thì hơi quá đây, anh Holmes thân mến ạ.

- Ồ, đúng thế. Anh không nhớ là cô Stoner cho biết chị cô ấy có lần ngửi thấy mùi khói xì gà của lão bác sỹ Roylott hay sao? Điều đó cho thấy ngay rằng giữa hai căn phòng tất phải có một lỗ thông sang nhau. Có điều cái lỗ thông đó phải rất nhỏ, nếu không thì viên dự thẩm đã nhận thấy. Tôi rút ra kết luận: đó chỉ là một cái lỗ thông gió.

- Nhưng cái lỗ đó thì phỏng có hại gì?

- Ồ, ít ra cũng có sự trùng khớp đáng lưu ý giữa các sự việc: người ta trổ một cái lỗ cửa thông gió ngay phía trên đầu giường, người ta treo một sợi dây giạt chuông lên, thế là cô gái ngủ trên cái giường kia chết. Anh không thấy sự trùng khớp đó là kỳ lạ?

- Tôi vẫn chưa thấy những cái đó có gì dính dáng với nhau.

- Thế anh không thấy có gì kỳ lạ nơi chiếc giường ngủ kia sao?

- Không.

- Chân giường được gắn chặt vào sàn nhà. Đã bao giờ anh thấy một kiểu kê giường như thế chưa?

- Có lẽ chưa bao giờ.

- Cô gái không thể di chuyển được cái giường. Nó luôn được đặt cố định bên dưới lỗ thông gió và sợi dây thừng. Chúng ta có thể gọi đó chỉ là sợi thừng, vì người ta treo nó lên không phải để giật chuông.

- Anh Holmes - tôi reo lên - Bây giờ như tôi đã hiểu được lời mờ những gì anh muốn nói. Vậy là chúng ta đã có mặt vừa kịp thời để chặn đứng một tội ác khủng khiếp.

- Phải, cũng khá khủng khiếp. Nhưng chúng ta sẽ còn phải nếm đủ mùi khủng khiếp chừng nào đêm nay còn chưa trôi qua. Cho nên, ta hãy bình tâm thưởng thức những tẩu thuốc này và nghĩ tới một cái gì đó vui hơn trong vài tiếng đồng hồ,

Khoảng chín giờ tối, ánh đèn giữa các lùm cây vụt tắt, cả trang trại bỗng chìm vào bóng tối. Hai tiếng đồng hồ nữa chậm chạp trôi qua, rồi thình lình một ánh đèn đơn độc đã lóe sáng phía trước.

- Đó là ám hiệu của chúng ta - Holmes nói, rồi đứng bật dậy - ánh đèn phát ra từ cánh cửa sổ ở giữa.

Lát sau, chúng tôi đã xuống đường. Trời tối, gió lạnh quạt vào mặt. Ánh đèn vàng ệch đăng trước soi đường cho chúng tôi trong đêm tối. Chúng tôi lách qua giữa những gốc cây, đến chỗ bãi cỏ, rồi băng qua nó. Khi chúng tôi sắp trèo qua cửa sổ, thì từ trong những bụi rậm gần đó bỗng lao tới một quái vật tựa như một đứa bé dị dạng. Nó gieo mình xuống đất, trụ lại trên bốn cẳng chân co quắp, rồi lao qua bãi cỏ, mất hút vào bóng đêm.



- Trời ơi! - tôi rí tai Holmes - Anh có trông thấy gì không?

Trong khoảng một phút đồng hồ Holmes cũng hoảng sợ như tôi. Rồi anh cười khẽ và thì thầm vào tai tôi:

- Một cơ ngơi thật khả ái. Con khỉ đầu chó đó.

Tôi đã quên khuấy mất lũ "gia súc" kỳ quặc của lão bác sỹ hiểm độc. Thú thực, tôi cảm thấy nhẹ cả người, khi noi gương Holmes, cởi giày và trèo qua cửa sổ vào phòng. Bạn tôi khẽ đóng cánh cửa chặn lại, đặt ngọn đèn lên bàn, rồi đảo mắt nhìn quanh phòng.

Mọi thứ vẫn y nguyên như hồi chiều. Rồi anh rón rén tiến lại gần tôi, rí tai tôi, giọng khẽ đến mức khó lòng nghe rõ được từng lời:

- Chỉ một tiếng động nhỏ nhất cũng có thể khiến những dự tính của chúng ta tiêu ma.

Tôi gật đầu để cho Holmes biết là tôi đã nghe thấy.

- Chúng ta phải tắt đèn ngay. Lão có thể phát hiện được ánh sáng qua lỗ cửa thông gió trên kia.

Tôi lại gật.

- Nhớ đừng ngủ gật nhé. Mạng sống của anh đang tùy thuộc vào đó. Chuẩn bị khẩu súng để khi cần, ta có thể ra tay. Tôi sẽ ngồi ở mép giường; còn anh, hãy ngồi tạm xuống chiếc ghế kia.

Tôi lấy khẩu súng ngắn ra, đặt lên góc bàn.

Holmes có mang theo một cây gậy dài, mảnh. Anh đặt nó lên mặt giường, sát bên tầm tay. Cạnh đó, anh đặt một bao diêm và một cây nến; xong xuôi, anh tắt đèn, và chúng tôi ngồi im trong bóng tối.

Chắc chẳng bao giờ tôi quên được cái đêm mất ngủ khủng khiếp đó! Tôi không thể nghe được một âm thanh nào, thậm chí cả tiếng thở. Tôi biết bạn tôi đang ngồi cách mình mấy bước, mắt mở trừng trừng và cũng đang trong trạng thái thần kinh căng thẳng như tôi. Cánh cửa chặn ngăn hết mọi thứ ánh sáng, chúng tôi ngồi trong bóng tối dày đặc. Bên ngoài chốc chốc lại vọng vào tiếng chim ăn đêm; và có một lần vang lên một tiếng hú dài tựa tiếng mèo kêu: hẳn là con báo đốm đã được thả. Từ xa vẳng lại tiếng chuông nhà thờ điểm giờ: cứ mười lăm phút lại buông một tiếng trầm trầm. Ôi, những khoảng thời gian mười lăm phút đó sao mà dài thế! Đồng hồ điểm mười hai giờ, một giờ, hai giờ, rồi ba giờ... và chúng tôi vẫn im lặng ngồi đợi xem điều gì sẽ xảy ra.

Bỗng một ánh lửa lóe lên từ bên kia lỗ cửa thông gió, rồi vụt biến mất ngay. Sau đó mùi dầu cháy và mùi sắt nung khét lẹt bay sang. Ai đó ở phòng bên đã châm đèn. Tôi nghe một tiếng di động rất khẽ, rồi tất cả lại chìm vào im lặng, tuy mùi khét mỗi lúc một nồng nặc. Suốt nửa giờ tôi căng tai nghe ngóng. Rồi thành linh tôi nghe một tiếng động khác, rất khẽ, tựa như tiếng luồng hơi nước thoát ra từ một ấm đun nước. Đúng vào lúc tôi nghe thấy âm thanh đó, thì Holmes đứng bật dậy, đánh diêm và giạn dữ vụt cây gậy tới tấp vào sợi dây giạt chuông.



- Anh có thấy nó không, Watson? - anh rít lên - Anh có thấy nó không?

Nhưng tôi chẳng thấy gì cả. Vào lúc Holmes đánh diêm, tôi nghe thấy có tiếng huýt sáo khẽ, nhưng rõ. Tuy vậy, ánh lửa ở đầu que diêm đột ngột lóe sáng đập vào cặp mắt mệt mỏi của tôi, khiến tôi không thể nói đích xác bạn tôi đang đập tới tấp vào cái gì. Tuy vậy, tôi có thể thấy rõ mặt anh tái nhợt như một xác chết và đẩy kính hắt. Anh ngừng tay, ngược nhìn chăm chăm vào lỗ cửa thông gió, rồi giữa cảnh im ắng của đêm khuya bỗng vang lên một tiếng rú kinh hoàng mà tôi chưa từng nghe thấy bao giờ. Tiếng rú mỗi lúc một to hơn, một tiếng rú khàn khàn, chứa đầy đau đớn, sợ hãi và phẫn nộ. Tôi đứng nhìn trừng trừng vào Holmes, còn anh thì nhìn tôi, cho tới lúc những tiếng vọng cuối cùng của tiếng rú kia chìm vào cảnh im ắng của đêm khuya như ban nãy.

- Thế nghĩa là thế nào? - Tôi thở dốc.

- Thế nghĩa là mọi chuyện đã kết thúc, - Holmes đáp - và xét cho

cùng, kết thúc như thế là hay hơn cả. Anh cầm súng lên, chúng ta sẽ vào phòng bác sỹ Roylott.

Với vẻ mặt trang nghiêm, anh chậm đèn lên và bước ra hành lang. Tôi đi ngang anh sang phòng bên. Anh gõ cửa hai lần, nhưng bên trong không có tiếng đáp. Anh vặn quả đấm, rồi đi vào phòng. Tôi vào theo, súng lăm lăm trong tay.

Một cảnh tượng kỳ lạ đập vào mắt chúng tôi. Trên bàn đặt một ngọn đèn, hắt ánh sáng chói gắt lên chiếc tủ sát với cánh cửa đang hé mở. Ngồi trên chiếc ghế gỗ kê cạnh đó là bác sỹ Grimesby Roylott mình choàng chiếc áo chùng màu xám; và vắt ngang trên đùi lão là chiếc roi mà chúng tôi đã để ý tới hồi chiều. Cầm lão ta hếch lên, còn đôi mắt thì nhìn trừng trừng vào một góc trần nhà: một cái nhìn bất động trông rất khủng khiếp. Quanh đầu lão quấn một dải băng màu vàng kỳ dị, điểm những đốm màu nâu sẫm. Khi chúng tôi bước vào, lão vẫn ngồi im lặng và bất động.



- Dải băng! Dải băng lốm đốm! - Holmes khẽ thốt lên.

Tôi bước tới một bước. Ngay trong khoảnh khắc đó, dải băng bắt đầu chuyển động. Từ đám tóc của bác sỹ Roylott ngóc lên một cái

đầu có cạnh và cái cổ ngang của một con rắn gớm ghiếc.

- Đó là giống rắn độc đâm lầy! - Holmes kêu lên - Độc hơn bất cứ giống nào ở Ấn Độ. Lão ta chết mười giây sau khi bị rắn cắn. Anh hãy nhốt ngay con rắn độc kia vào tủ sắt đã, rồi đưa cô Stoner đến một nơi an toàn; xong đi báo cảnh sát địa phương.

Anh vừa nói, vừa rút vội cây roi trên đùi viên bác sỹ. Anh tròng đầu roi vào cổ rắn, thắt lại, rồi nhốt rắn vào tủ, đóng lại.

Đó là sự kiện đích thực về cái chết của bác sỹ Grimesby Roylott ở Stoke Moran. Trên đường về vào sáng hôm sau, Holmes nói thêm cho tôi rõ những việc còn lại mà tôi chưa biết về vụ này.

- Ban đầu, tôi đã kết luận hoàn toàn sai - Anh nói. Điều đó cho thấy, Watson thân mến, sẽ nguy hiểm biết chừng nào khi lý giải mà chưa có đủ thông tin. Không còn nghi ngờ gì nữa, chính việc cô gái tội nghiệp nọ đã dùng dải băng để diễn tả những gì cô trông thấy nhờ ánh sáng của que diêm và cả sự có mặt của đám Digan trong trang trại - hai thứ đó đã gợi ra trong đầu tôi một ý nghĩ hoàn toàn sai lầm. Nhưng tôi đã gạt bỏ ngay giả thuyết đó khi hiểu rõ rằng không thể có một hiểm họa nào đe dọa cô ấy từ phía cửa sổ và cửa ra vào. Ý nghĩ của tôi nhanh chóng đổ dồn vào cái lỗ thông gió và sợi dây giặt chuông thõng xuống đầu giường, như tôi đã có lưu ý với anh. Tôi còn phát hiện thêm được rằng sợi dây nọ chỉ là đồ giả và chiếc giường ngủ bị gắn chặt vào gỗ lát sàn. Những chi tiết đó khiến tôi nghĩ ngay; sợi dây kia chỉ là một thức cầu nối, giúp cho một vật đi từ lỗ thông gió xuống giường ngủ.

Tôi đoán đó phải là một con rắn, vì biết lão bác sỹ có nhận một số giống vật từ Ấn Độ gửi sang. Tôi cảm thấy hình như mình đã lần ra đầu mối. Rồi tôi nghĩ tới tiếng huýt sáo. Dĩ nhiên lão phải gọi con rắn kia về trước khi trời sáng, để khỏi bị nạn nhân phát hiện.

Lão đã luyện cho nó chắc là bằng đĩa sữa mà chúng ta đã thấy, khi nghe tiếng huýt sáo mà lão gọi. Lão chỉ cho nó leo qua lỗ thông gió vào thời điểm thích hợp, và biết rằng nó sẽ theo sợi dây mà bò xuống đầu giường. Con rắn có thể cắn người ngủ trên giường, mà cũng có thể không. Đêm đêm, cô gái có thể thoát chết trong vòng một tuần nhưng sớm muộn gì rồi cũng bị nó cắn.

Tôi đã đi đến những kết luận đó trước khi đặt chân vào phòng lão. Khi quan sát mặt ghế, tôi thấy lão hay đứng lên đó. Lão nhất thiết phải làm vậy, vì không thể nào với tay tới lỗ cửa thông gió sát trên trần nhà. Cái tủ sắt, đĩa sữa và ngọn roi đã đủ để xua tan những ngờ vực còn lảng vảng trong trí tôi. Tiếng động mạnh do một vật bằng kim loại phát ra, mà cô Stoner nghe được, rõ ràng do ông bố dựng gây ra: lão cần đóng mạnh cánh cửa sắt để nhốt con vật nuôi đáng sợ đó. Sau khi đã đi đến những kết luận đó, tôi liền tiến hành việc chứng minh, nhưng anh đã thấy đó. Khi nghe được những tiếng động rất khẽ mà tôi nghĩ chính anh cũng nghe rõ, tôi lập tức thắp đèn lên và tấn công con vật”.

- Kết quả là anh đã đuổi nó bò trở lại lỗ thông gió.

Và cũng chính bằng cách đó, tôi đã xua nó về lại với ông chủ đang ngồi ở phòng bên. Bị đánh tới tấp, con rắn trúng gậy mấy lần, nó nổi giận và tấn vào kẻ đầu tiên mà nó chạm trán trên đường về. Và chính vì vậy, không còn ngờ vực gì nữa, tôi gián tiếp chịu trách nhiệm về cái chết của bác sỹ Grimesby Roylott. Nhưng chắc là việc đó chẳng đè nặng lên lương tâm tôi lắm đâu.

☞

NGÓN TAY CÁI CỦA VIÊN KỸ SƯ

The Engineer's Thumb

Từ ngày quen nhau, trong số những vụ án mà anh bạn tôi, Sherlock Holmes xử lý, chỉ có 2 vụ mà tôi là người dẫn tới anh, đó là vụ Ngón tay cái của ông Hatherley và Cơ điên của Đại tá Warburton. Trong số đó, vụ thứ hai có thể là một cơ hội tốt hơn cho nhà quan sát phát huy sự sắc sảo và sáng tạo, nhưng vụ thứ nhất lại kỳ lạ ngay từ khi bắt đầu, và diễn biến của nó hấp dẫn đến nỗi đáng được ghi lại hơn cả, mặc dù vụ án này không cho anh bạn tôi nhiều cơ hội vận dụng khả năng suy luận tài ba mà nhờ đó anh đã gặt hái được nhiều thành công rực rỡ. Tôi tin chắc rằng câu chuyện này đã được hơn một lần kể lại trên các báo, nhưng cũng giống như tất cả các bài tường thuật khác, chỉ với một "khung chữ" in vền vẹn trong nửa cột báo thì ấn tượng về nó thật kém xa nếu bạn tận mắt chứng kiến quá trình sự thật dần dần được hé mở, và điều bí ẩn dần dần biến mất khi mà mỗi khám phá mới đều là một bước tiến tới sự thật hoàn hảo. Toàn bộ câu chuyện lúc đó đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc đến nỗi hai năm sau cũng không hề phai nhạt.

Câu chuyện mà tôi sắp kể đây diễn ra vào mùa hè năm 1889, không lâu sau đám cưới của tôi. Tôi vừa mới trở lại làm việc ở phòng khám và cuối cùng cũng phải bỏ lại Holmes trong căn nhà ở phố Baker, mặc dù vẫn thường xuyên tới thăm và thỉnh thoảng còn thuyết phục anh từ bỏ những thói quen lúi xùi để đến thăm chúng tôi. Tôi cũng rất bận rộn, và vì chỗ tôi ở không xa ga Paddington lắm nên tôi cũng có vài bệnh nhân là nhân viên làm việc ở đó. Có một người được tôi chữa khỏi căn bệnh nan y hành hạ, không bao giờ chán việc quảng cáo về năng lực của tôi và luôn luôn giới thiệu tôi cho bất kỳ người bệnh nào mà anh ta quen biết.

Vào một buổi sáng, khoảng 7 giờ, tôi bị đánh thức dậy bởi tiếng đập cửa của bà giúp việc. Bà báo cho tôi có hai người đàn ông đến từ Paddington và đang đợi tôi ở phòng khám. Tôi vội vã thay quần áo vì kinh nghiệm cho thấy, những trường hợp tai nạn đường sắt hiếm khi là những ca bình thường. Tôi chạy vội xuống nhà, cũng là lúc người

cộng tác cũ của tôi, anh bảo vệ, bước ra khỏi phòng và đóng chặt cánh cửa lại.

- Tôi đã đưa anh ta đến đây rồi – anh ta thì thào, chỉ tay ra phía sau – anh ta ổn rồi”.

- Có chuyện gì vậy? – Tôi hỏi thế vì thái độ của anh ta cứ như là vừa mới nhốt một sinh vật lạ vào phòng tôi vậy.

- Đó là một bệnh nhân mới – anh ta vẫn thì thào – Tôi nghĩ rằng tôi phải đích thân đưa anh ta đến đây nếu không anh ta sẽ ngã giữa đường mất. Anh ta đã tới được đây rồi, hoàn toàn bình an vô sự. Tôi phải đi bây giờ, thưa bác sĩ, tôi cũng như ông, đều có việc của mình.

Và anh ta bỏ đi, vội vã, không kịp để cho tôi nói lời cảm ơn. Tôi bước vào phòng khám và thấy một quý ông ngồi bên cạnh bàn làm việc. Anh ta mặc bộ com lê bằng vải tuýt-xô, và chiếc mũ vải mềm anh ta vừa đặt lên chông sách của tôi. Một bàn tay được quấn bằng khăn mùi xoa có lấm tẩm những vết máu loang. Anh ta còn trẻ, không quá 25 tuổi, tôi đoán vậy. Anh ta có khuôn mặt mạnh mẽ, đầu nam tính nhưng sắc mặt thì tái nhợt đi, điều đó tạo cho tôi ấn tượng về một người vừa bị kích động mạnh mà phải dùng toàn bộ sức mạnh ý chí để tự chủ được chính mình.

- Tôi xin lỗi vì đã gõ cửa phòng khám của ông quá sớm, thưa bác sĩ – anh ta nói – nhưng tôi vừa bị một tai nạn nghiêm trọng đêm qua. Tôi đến đây bằng chuyến tàu sáng, tôi tìm bác sĩ ngay tại ga Paddington. Một anh bạn rất tốt bụng đã đưa tôi đến tận đây. Tôi đưa cho bà giúp việc tẩm danh thiếp của mình, và bà ấy đã để nó trên bàn.

Tôi cầm danh thiếp lên, đọc qua 'Ông Victor Hatherley, kỹ sư thủy lực học, 16A phố Victoria, (tầng 3)'. Đó là tên, nghề nghiệp và địa chỉ của vị khách mới tới.

- Tôi xin lỗi vì đã để anh chờ - tôi nói và ngồi xuống ghế của mình – Tôi hiểu là anh vừa trải qua một chuyến đi qua đêm nhàm chán.

- Ồ không, đêm qua của tôi không thể gọi là nhàm chán được. - Anh ta phá lên cười sặc sụa, tỏ ra rất vui vẻ, lại còn ngả người ra ghế cười đến nỗi tất cả những dụng cụ y tế của tôi đều rung theo người

anh ta vì trận cười đó.

- Đủ rồi! – Tôi hét lên – Bình tĩnh lại nào!

Tôi rót cho anh ta ít nước lọc. Nhưng cũng vô ích. Anh ta dường như bị kiệt sức vì trận cười bộc phát đó. Bây giờ thì phút kích động đã qua, anh ta trở lại với chính mình, chán nản và nhợt nhạt.

- Tôi hành động như một thằng ngốc vậy – Anh ta nói trong tiếng thở hổn hển.

- Không sao. Anh uống đi. - Tôi rót thêm một ít rượu mạnh vào nước, hai má anh ta đã hồng hào trở lại.

- Thế này tốt hơn rồi - Anh ta nói – Còn bây giờ, thưa bác sĩ, xin ông vui lòng khám giúp tôi ngón tay cái, hay chính xác hơn là cái chỗ mà ngón cái của tôi đã từng ở đó.



Anh ta tháo bỏ chiếc khăn và gơ tay ra. Thậm chí thần kinh thép

như tôi còn thấy khiếp sợ khi nhìn vào nó. Chỉ còn bốn ngón tay với một mẫu xương nhầy nhụa máu đỏ ở nơi mà trước đây từng là ngón cái. Chắc hẳn là nó đã bị gãy hay bị chặt ra khỏi bàn tay.

- Lạy chúa! – Tôi kêu lên - Một vết thương nghiêm trọng! Chắc là anh mất nhiều máu lắm!.

- Vâng thưa bác sĩ. Tôi đã ngất xỉu khi mọi chuyện xảy ra, và nghĩ mình sẽ bị mất cảm giác trong một thời gian dài. Khi tỉnh lại, tôi thấy máu vẫn chảy nên quyết định buộc khăn vào cổ tay và thắt chặt nút lại.

- Tuyệt! Lẽ ra anh phải là bác sĩ mới đúng.

- Cái đó thuộc về lĩnh vực thuỷ lực học, ông biết đấy, đó là nghề nghiệp của tôi.

Tôi kiểm tra vết thương:

- Vết thương này bị gây ra bởi một vật nặng và sắc.

- Một vật giống như một con dao phay – anh ta nói.

- Một tay nạn tôi đoán thế.

- Hoàn toàn không.

- Cái gì?! Một vụ tấn công với ý định giết người à?

- Đúng, hoàn toàn có chủ ý.

- Anh làm tôi sợ quá đấy!

Tôi lau chùi vết thương, rửa sạch nó và cuối cùng băng lại bằng băng khử trùng. Anh ta nằm xuống mà không hề nhăn mặt, mặc dù anh ta cố mím môi vì đau suốt từ đầu đến giờ.

- Anh cảm thấy thế nào rồi? – Tôi hỏi khi đã băng bó xong.

- Vô cùng tai hại! Rượu và bông băng của ông làm cho tôi cảm thấy như một người khác. Tôi rất yếu, nhưng tôi đã vượt qua quá nhiều chuyện.

- Có lẽ anh không nên nói chuyện này. Rõ ràng là nó quá sức chịu đựng đối với thần kinh của anh.

-Ồ không! Tôi sẽ còn phải trình báo với cảnh sát, nhưng thật ra nếu không có bằng chứng thuyết phục là vết thương này thì chính tôi cũng sẽ ngạc nhiên nếu họ tin vào sự trình báo của tôi. Vì quả thật, nó rất bất thường, mà lại không có nhiều bằng chứng đủ để kể lại một cách mạch lạc, thậm chí nếu họ có tin tôi thì những chứng cứ tôi đưa ra cũng quá mờ nhạt, đến nỗi tôi không biết công lý có được thực hiện không?

- Ha! - Tôi khẽ kêu lên - Nếu nó là một vấn đề mà anh thật sự muốn được giải quyết thì tôi chân thành khuyên anh đến tìm bạn tôi, Sherlock Holmes, trước khi tìm đến cảnh sát.

-Ồ, tôi đã nghe tiếng ông ấy - người khách của tôi trả lời – và tôi rất mừng nếu ông ấy chịu giúp tôi, mặc dù rất tự nhiên là tôi vẫn phải nhờ đến cảnh sát. Ông có thể giới thiệu tôi với ông ấy không?

- Tôi sẽ làm hơn thế nữa. Tôi sẽ đưa anh đến tận nơi.

- Tôi rất biết ơn ông.

- Chúng tôi sẽ gọi một cỗ xe ngựa và cùng đi. Có lẽ chúng ta sẽ đến kịp bữa sáng. Anh có đồng ý không?

- Vâng, tôi sẽ không thể thấy thoải mái khi chưa kể được câu chuyện của tôi.

- Thế thì chúng ta đi thôi.

Tôi chạy vội lên gác, giải thích ngắn gọn sự việc cho vợ tôi biết và 5 phút sau, tôi đã ở trong xe ngựa, chạy thẳng tới phố Baker cùng với người khách mới quen.

Sherlock Holmes, đúng như tôi nghĩ, mặc bộ áo khoác ở nhà, miệng ngậm tẩu thuốc, đang ngồi uể oải trong phòng khách đọc mục Trò chuyện của tờ The Times. Chiếc gạt tàn còn đầy thuốc của những lần hút trước, một thói quen trước bữa sáng của anh. Tất cả diễn ra chỉ ở một góc kệ lò sưởi. Anh đón chúng tôi bằng một thái độ ân cần, trầm tĩnh vốn có và gọi cho chúng tôi món thịt muối và trứng, rồi

cùng dùng bữa. Ăn xong, anh mời vị khách ra ghế bành, đặt cái gối dưới đầu anh ta và để cốc rượu mạnh có pha lẫn nước trong tầm tay anh ta.



- Có thể dễ dàng nhận ra rằng chuyện của anh không phải là chuyện bình thường, anh Hatherley – anh nói. - Hãy cầu nguyện, cứ nghĩ tự nhiên như ở nhà mình. Hãy kể cho chúng tôi nghe những gì anh có thể, nếu mệt thì thôi và cố giữ gìn sức khoẻ.

- Cám ơn ông. - bệnh nhân của tôi nói – Nhưng tôi đã cảm thấy khá hơn từ lúc bác sĩ băng bó cho tôi, tôi nghĩ rằng bữa sáng của bác sĩ Watson đã hoàn thành nốt việc chữa trị. Tôi sẽ cố không làm mất thời giờ quý báu của ông, vì vậy tôi sẽ bắt đầu ngay câu chuyện kỳ lạ của mình.

Holmes ngồi trong chiếc ghế bành to với bộ mặt tỏ ra chán chường và hờ hững, cố che giấu bản chất hứng thú và tò mò bên trong. Còn tôi thì ngồi đối diện với anh và chúng tôi im lặng lắng nghe câu chuyện kỳ lạ mà vị khách kể lại từng chi tiết.

“Các ông phải biết rằng – anh ta nói – tôi là một đứa trẻ mồ côi, sống độc thân trong khu nhà trọ ở London. Chuyên môn của tôi là kỹ sư thủy lực học, và tôi đã tích lũy được một vốn kinh nghiệm đáng kể trong công việc suốt thời gian 7 năm thử việc cho Công ty Venner và Matheson, một doanh nghiệp nổi tiếng ở Greenwich. Hai năm trước đây, sau khi đã thu xếp thời gian và cũng được hưởng món tiền thừa kế ít ỏi từ người cha tội nghiệp, tôi quyết định bắt đầu sự nghiệp riêng của mình và lập văn phòng làm việc trên phố Victoria.

“Tôi cho rằng bất kỳ ai khi mới bắt đầu tự lập trong sự nghiệp cũng đều dễ cảm thấy nản lòng. Đối với tôi thì đều đó càng đúng. Trong suốt 2 năm, tôi chỉ có nổi 3 lần kiểm tra máy và một công việc nhỏ, và đó là tất cả những gì nghề nghiệp đem lại cho tôi. Tổng thu nhập của tôi chỉ có 27 bảng 10 xu. Hàng ngày, từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều, tôi chỉ biết ngồi đợi trong căn phòng nhỏ cho đến khi nhụt chí, và bắt đầu tin rằng tôi sẽ không bao giờ có khách hàng nữa.

“Tuy nhiên, đến hôm qua, khi tôi đang định rời văn phòng thì thư ký của tôi bước vào báo có một quý ông đang đợi tôi. Anh ta còn đưa cho tôi danh thiếp của vị khách với cái tên “Đại tá Lysander Stark”. Theo sát gót là ông đại tá, một người đàn ông cao lớn nhưng gầy đét. Tôi không hình dung được có ai gầy đến thế. Cả khuôn mặt ông ta chỉ nhìn thấy mũi và cằm, còn da ở hai bên má thì bị kéo căng ra bởi xương gò má nhô lên quá cao. Nhưng khuôn mặt hốc hác đó dường như là bẩm sinh và không hề có bệnh, vì mắt ông ta rất sáng, bước đi nhanh nhẹn và tác phong rất dứt khoát. Ông ta ăn mặc đơn giản nhưng gọn gàng, còn về tuổi tác của ông ta, tôi đoán là gần 40 hơn là 30.



“Ông Hatherley phải không? – ông ta phát âm giống người Đức – Tôi được biết, thưa ông Hatherley, ông là người không chỉ thành thạo về chuyên môn mà còn rất thận trọng và có khả năng giữ bí mật”.

Tôi nghiêng mình, cảm thấy hãnh diện như bất kỳ một chàng trai trẻ nào khác khi được khen như vậy. “Tôi có thể biết ai đã cho tôi những đức tính tốt đến như vậy không, thưa ngài?”.

“Ồ, có lẽ tôi không nên được tiết lộ điều đó vào lúc này. Tôi còn được biết ông là một trẻ mồ côi và đang sống độc thân ở London.”

“Đúng vậy! – Tôi trả lời – Nhưng xin ngài thứ lỗi nếu tôi nói rằng tất cả những điều này không liên quan gì đến khả năng chuyên môn của tôi. Tôi hiểu rằng ông tới đây vì muốn nói chuyện công việc?”

“Không có gì phải nghi ngờ về điều đó. Nhưng rồi ông sẽ thấy những gì tôi nói đều có mục đích cả. Tôi có một công việc cho ông, nhưng ông phải tuyệt đối giữ bí mật - tuyệt đối bí mật, ông hiểu chứ. Và dĩ nhiên chúng tôi trông chờ điều đó ở một người sống một mình

hơn là người sống trong sự đùm bọc của gia đình”.

“Nếu tôi hứa sẽ giữ bí mật, - tôi nói – thì ngài có thể hoàn toàn tin tưởng vào điều đó”.

Khi tôi nói điều này, ông ta nhìn tôi với ánh mắt ngờ vực và thắc mắc nhất mà tôi từng thấy.

“Thế ông có hứa không?” - cuối cùng ông ta nói.

“Vâng, tôi hứa”.



“Đảm bảo tuyệt đối im lặng trước, trong và sau khi công việc kết thúc chứ? Không một sự tiết lộ nào về công việc, cả trong lời nói và chữ viết chứ?”.

“Tôi đã hứa rồi?”.

“Rất tốt” – Ông ta đột ngột đứng bật dậy, băng qua căn phòng

như một tia chớp mà đẩy mạnh cửa. Hành lang bên ngoài hoàn toàn vắng lặng.

“Thế này thì ổn rồi, - ông ta nói khi quay trở lại – Tôi biết có những người thư ký thỉnh thoảng rất tò mò về công việc của người chủ. Giờ thì chúng ta có thể nói chuyện an tâm rồi”. Ông ta kéo ghế lại sát bên tôi và bắt đầu nhìn tôi vẫn với ánh mắt nhìn hoài nghi đầy bí ẩn.

Một cảm giác ghê sợ hay cái gì tương tự như nỗi sợ hãi bắt đầu dâng lên trong tôi vì cái trò kỳ quái của người đàn ông chỉ có da bọc xương này. Thậm chí cả nỗi lo mất khách hàng cũng không thể khiến tôi khỏi sốt ruột.

“Tôi mong ngài bắt đầu công việc cho – tôi nói - Thời gian của tôi là vàng bạc”. Chúa tha tội cho tôi vì câu nói sau cùng đó, nhưng từ ngữ cứ trôi tuột khỏi môi tôi vậy.

“50 đồng vàng cho một đêm làm việc có vừa ý ông không?” – ông ta hỏi.

“Thế thì thật tuyệt”.

“Tôi nói một đêm làm việc, nhưng có lẽ một giờ thì đúng hơn. Đơn giản, tôi chỉ muốn biết ý kiến của ông về một cỗ máy nén thủy lực bị trật bánh ray. Chỉ cần ông chỉ cho chúng tôi được chỗ sai sót, chúng tôi sẽ tự sửa lại nó. Ông nghĩ thế nào về một công việc như vậy?”.

“Công việc có vẻ nhẹ nhàng và trả lại công lại hậu hĩnh”.

“Cũng có giá cả thôi. Chúng tôi muốn ông đi ngay đêm nay bằng chuyến tàu cuối cùng”.

“Đến đâu?”.

“Đến Eyford, ở Berkshire. Đó là một thị trấn nhỏ gần biên giới giáp ranh với Oxfordshire, và cách Reading 7 dặm. Có một chuyến tàu đi từ ga Paddington, nó sẽ đưa ông tới đó lúc 11 giờ 15”.

“Rất tốt”.

“Tôi sẽ đi xe ngựa đến đón ông”.

“Phải đi xe ngựa kia à?”

“Vâng, chỗ của chúng tôi cách xa thị trấn. Nó cách ga Eyford khoảng 7 dặm”.

“Thế thì khó có thể tới nơi trước nửa đêm. Tôi cho rằng sẽ không kịp bắt tàu trở về. Tôi bắt buộc phải ở lại một đêm”.

“Vâng, chúng tôi có thể dễ dàng thu xếp chỗ ngủ lương cho ông”.

“Thế thì lạ lùng thật. Tôi không thể tới đó vào giờ khác thuận tiện hơn sao?”

“Chúng tôi đã xem xét kỹ rồi, tốt nhất là ông nên đi muộn. Những gì chúng tôi trả cho ông, một người trẻ tuổi và không có tiếng tăm, là để bồi thường cho những cái bất tiện như thế. Với số tiền ấy chúng tôi có thể hỏi ý kiến của những chuyên gia hàng đầu trong ngành của ông. Dĩ nhiên, nếu ông muốn rút lui thì vẫn còn đủ thời gian đấy”.

Tôi nghĩ tới 50 đồng vàng và tới chuyện số tiền ấy sẽ có ích với tôi đến thế nào. “Không sao – tôi nói – Tôi sẽ rất vui lòng thụ hiện theo yêu cầu của ngài. Tuy vậy, tôi chỉ muốn hiểu rõ thêm chút nữa về công việc mà ngài muốn tôi làm”.

“Cũng thế thôi. Cũng là hợp tự nhiên khi ông thấy tò mò về bí mật mà chúng tôi yêu cầu ông giữ kín. Tôi cũng không mong ông sẽ làm việc gì mà không biết tường tận về nó. Liệu chúng ta có thể yên tâm rằng không bị nghe lén chứ?”

“Hoàn toàn yên tâm”.

“Chuyện là thế này. Có lẽ ông cũng biết đất sét là một tài nguyên có giá trị, và chỉ có thể được tìm thấy ở một hoặc hai nơi trên đất nước Anh?”

“Tôi cũng nghe vậy”.

“Không lâu trước đây, tôi mua một ngôi nhà vườn nhỏ, rất nhỏ, cách Reading khoảng 10 dặm. Tôi đã thật sự may mắn khi khám phá được một mỏ đất sét ở một trong những thửa vườn của tôi. Tuy nhiên, khi đi kiểm tra nó, tôi phát hiện ra mỏ của tôi chỉ là một mỏ

nhỏ, và nó là đường thông giữa hai mỏ lớn hơn rất nhiều ở bên trái và bên phải, nhưng cả hai đều thuộc đất của người hàng xóm. Những con người chân chất này hoàn toàn không biết rằng đất của họ có chứa một thứ quý tương tự như mỏ vàng. Như một lẽ tự nhiên, tôi rất muốn mua lại mảnh đất của họ trước khi họ kịp phát hiện ra giá trị thực của nó, nhưng thật không may, tôi không đủ khả năng tài chính để làm việc này. Dù vậy, tôi vẫn tiết lộ bí mật này cho một vài người bạn và họ gợi ý rằng chúng tôi nên giấu kín và bí mật khai thác khu mỏ nhỏ của chúng tôi, và bằng cách đó chúng tôi có thể kiếm đủ tiền để mua lại mảnh đất của những người hàng xóm. Chúng tôi đã thực hiện kế hoạch này được một thời gian và để trợ giúp việc khai thác, chúng tôi đã chế tạo một máy nén thủy lực. Cái máy này, như tôi đã giải thích, đã bị hỏng, chúng tôi cần lời khuyên của ông về việc sửa chữa nó. Chúng tôi bảo vệ bí mật này rất nghiêm ngặt, nhưng một khi ai đã biết có kỹ sư thủy lực đến ngôi nhà nhỏ của chúng tôi, họ sẽ nghi ngờ, và sau đó, nếu sự thật bị phơi bày thì sẽ không cơ hội mua lại những cánh đồng đó để tiếp tục kế hoạch của chúng tôi. Đó là nguyên nhân vì sao tôi muốn ông hứa không nói cho ai biết việc ông tới Eyford đêm nay. Tôi hy vọng mọi chuyện rõ ràng với ông rồi chứ?”.

“Tôi sẽ làm theo lời ngài. – Tôi nói - Điều duy nhất tôi không thể hiểu nổi là một cái máy nén thủy lực thì có tác dụng gì trong việc khai thác đất sét, bởi vì đất sét có thể dễ dàng lấy ra khỏi mỏ như lấy những viên sỏi vậy”.

“À, chúng tôi có cách của chúng tôi. Chúng tôi đóng đất sét thành gạch để có thể vận chuyển mà không bị phát hiện ra nó. Tôi đã làm ông tin tôi rồi. Ông Hatherley ạ, và tôi cũng đã cho ông thấy tôi tin ông như thế nào?”. Ông ta đứng vậy và nói “Tôi sẽ đợi ông ở Eyford lúc 11 giờ 15”.

“Chắc chắn tôi sẽ tới”.

“Và không hề nói một lời, ông ta nhìn thẳng vào tôi rất lâu bằng ánh mắt dò hỏi, sau đó siết chặt tay tôi trong cái bắt tay lạnh giá và nhớp nháp rồi vội vã ra về.

“Thế đấy, khi tôi bình tâm nghĩ lại tất cả chuyện này, tôi đã rất sửng sốt, chắc hai ông cũng hiểu được lý do, về công việc bất chợt

được giao cho tôi. Một mặt, tất nhiên là tôi rất mừng vì khoản tiền công ít nhất cũng đã gấp 10 lần những gì mà tôi có thể đặt giá cho một dịch vụ của mình, và có thể là đơn đặt hàng này sẽ kéo theo những mối hàng khác. Mặt khác, khuôn mặt và thái độ của người khách hàng đã gây một ấn tượng không tốt trong tôi, và tôi có thể nghĩ rằng lý do ông ta đưa ra về mỏ đất sét đã đủ để giải thích cho việc tôi cần phải đến vào lúc nửa đêm, và cho nỗi lo lắng tột độ của ông ta về việc tôi có thể kể cho người khác biết chuyện vặt vãnh này. Dẫu sao, tôi cũng rũ bỏ được mọi nỗi lo sợ, ăn vội bữa ăn đêm, tới ga Paddington và lên đường, hoàn toàn tuân theo yêu cầu của vị khách.

Tới Reading tôi không những phải đổi xe ngựa mà còn phải đổi ga. Dù vậy, tôi vẫn kịp bắt chuyến tàu cuối cùng tới Euford và có mặt ở nhà ga tối tăm đó sau 11 giờ đêm. Tôi là hành khách duy nhất ra đường lúc đó, khắp sân ga không có ai trừ người khu khuân vác đang gà gật. Tuy nhiên, khi đi qua cửa xếp, tôi trông thấy vị khách ban sáng đang đứng chờ trong một góc tối ở bên kia đường. Không nói một lời, ông ta nắm tay tôi, kéo vội đến một chiếc xe ngựa đã mở cửa sẵn. Ông ta đóng hai bên cửa rồi vỗ vào thành xe, thể là cỗ xe chạy hết tốc lực.

“Một ngựa kéo thôi à?”. Holmes ngắt lời

“Vâng chỉ một ngựa kéo”.

“Anh có thấy màu lông của nó không?”

“Có, tôi nhìn thấy nhờ một chút ánh sáng đèn khi tôi bước lên xe. Nó màu hạt dẻ”.

“Trông nó mệt mỏi hay sung sức?”

“Ồ rất sung sức và bóng mượt”.

“Cần cảm ơn anh. Tôi xin lỗi vì đã ngắt lời anh. Hãy tiếp tục câu chuyện thú vị của anh đi”.

“Chúng tôi cứ đi mãi, ít nhất là một tiếng. Đại tá Lysander Stark đã nói chỉ phải đi có 7 dặm, nhưng tôi nghĩ với tốc độ và thời gian chúng tôi đi thì quãng đường cũng phải dài gần 12 dặm. Ông ta ngồi bên

cạnh tôi, từ đầu đến cuối không nói một lời nào, và tôi nhận thấy rằng hơn một lần tôi thấy ông ta nhìn tôi rất căng thẳng. Con đường đoạn này có vẻ không tốt lắm vì chúng tôi bị lắc lư và xóc dữ dội. Tôi cố nhìn ra ngoài cửa sổ để mong thấy một cái gì đó ở nơi chúng tôi đang đi qua, nhưng cửa được làm bằng kính mờ và tôi không thể thấy gì ngoài mấy vệt sáng mờ vụt qua. Thi thỉnh thoảng tôi đánh liều phá tan sự im lặng của chuyến đi, nhưng ông đại tá chỉ trả lời nhất gừng và cuộc nói chuyện nhanh chóng lắng xuống. Cuối cùng, đoạn đường xóc cũng hết vì xe chạy rất êm trên đường trải sỏi. Cỗ xe dừng lại. Đại tá Lysander Star bật dậy, tôi theo ông xuống xe, lập tức cả hai lọt vào một cánh cổng có mái che rộng phía trước. Chúng tôi bước xuống xe ngựa đi ngay vào tiền sảnh, vì thế tôi không kịp nhìn vào bao quát mặt tiền của ngôi nhà. Ngay khi vừa bước qua bậc cửa, cánh cửa đã sập mạnh lại sau lưng chúng tôi và tôi nghe loáng thoáng tiếng lạo xạo của bánh xe ngựa lăn trên đường.

Trong nhà tối như mực, viên đại tá luống cuống tìm diêm và thi thào điều gì đó. Đột nhiên cánh cửa cuối hành lang bật mở, một vệt sáng dài màu vàng lan dần đến chỗ chúng tôi. Nó lớn dần, và một phụ nữ xuất hiện với một cây đèn trên tay, giơ cao quá đầu và nhìn chúng tôi dò xét. Tôi có thể thấy cô ta rất đẹp, và nhờ ánh sáng của cây đèn chiếu vào bộ váy sẫm màu của cô ta mà tôi biết được nó được may bởi một loại vải đắt tiền. Cô ta nói gì đó bằng tiếng nước ngoài, nghe như câu hỏi, và khi người đồng hành của tôi trả lời bằng giọng khàn khàn nhất gừng, cô ta giật mình, suýt đánh rơi cây đèn. Đại tá Stark tiến tới chỗ cô ta, nói thầm điều gì đó đẩy cô ta vào phòng mà cô ấy vừa bước ra. Còn ông ta thì lại phía chúng tôi với cây đèn trên tay.

“Xin ông vui lòng đợi ở đây ít phút” – Ông ta nói rồi đi đến mở một cánh cửa khác. Đó là một căn phòng yên ắng, nhỏ và bài trí đơn giản với một cái bàn tròn đặt ở giữa, trên bàn có một vài cuốn sách tiếng Đức. Đại tá Stark đặt cái đèn lên cái kệ cạnh cửa ra vào. “Tôi sẽ không để ông chờ lâu đâu” – Ông ta nói và biến mất vào bóng tối.

“Tôi liếc qua mấy cuốn sách trên bàn, mặc dù không biết tiếng Đức, tôi vẫn có thể đoán được hai cuốn trong số đó là luận án khoa học và những cuốn khác là tập thơ. Rồi tôi đi lại phía cửa sổ với hy vọng có thể ngắm nhìn, dù chỉ một phút, miền quê này, nhưng một

bộ cửa chớp bằng gỗ sồi với những chấn song chắc chắn sẽ được lắp vào đó. Ngôi nhà hoàn toàn tĩnh lặng. Chỉ có tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ cũ treo đầu đó ngoài hành lang, ngoài ra mọi vật đều im lặng đến chết người. Một cảm giác lo lắng mơ hồ bắt đầu dâng lên trong tôi. Những người Đức này là ai, và làm gì ở ngôi nhà kỳ lạ và cách biệt này? Còn đây là đâu? Tôi đang ở cách Eyford khoảng 10 dặm, đó là những gì tôi biết, nhưng về phía bắc, nam, đông hay tây thì tôi không thể xác định được. Vì Reading và có thể là những thị trấn lớn khác đều nằm trong bán kính đó nên ngôi nhà không thể xác định chắc chắn. Nhưng chắc chắn là chúng tôi đã ở một vùng nông thôn vì không gian ở đây yên ắng tuyệt đối. Tôi đi lại trong phòng, lẩm nhẩm một giai điệu để lấy tinh thần, tự nhủ rằng tôi sẽ kiếm được 50 đồng vàng nếu hoàn thành vụ này.

Bất chợt, cánh cửa phòng bật mở mà không hề có một chút tiếng động nào báo hiệu trước, ngay cả giữa không gian hoàn toàn tĩnh mịch. Một phụ nữ đang đứng đó, đằng sau là bóng tối bao trùm, ánh sáng vàng từ cây đèn của tôi hắt lên khuôn mặt đẹp như đầy vẻ lo lắng của cô ta. Chỉ nhìn qua nhưng tôi đã nhận thấy sự sợ hãi và ánh nhìn lạnh lùng xoáy vào tôi. Cô ta giơ một ngón tay ra hiệu cho tôi im lặng và thì thầm với tôi vài từ tiếng Anh rời rạc, mắt liếc chừng về khoảng tối phía sau.

“Tôi sẽ đi - dường như cô ta vất vả lắm mới nói được một cách bình tĩnh – Tôi sẽ đi. Tôi sẽ không ở lại đây đâu. Ông chẳng làm được gì đâu”.

“Nhưng thưa cô, tôi còn chưa làm được cái việc mà vì nó mà tôi mới tới đây. Tôi không thể bỏ đi khi chưa nhìn thấy cái máy”.



“Nó không đáng để ông phải đợi đâu - Cô ta tiếp tục – Ông có thể đi ra qua lối cửa ra vào, không ai cản trở ông đâu”. Sau đó, thấy tôi chỉ mỉm cười và lắc đầu, cô ta bất ngờ bước đến chắp hai tay vào “Vì Chúa!” – cô ta thì thào – “Ông hãy đi khỏi đây ngay trước khi quá muộn!”.

“Nhưng tôi bẩm sinh đã là người bướng bỉnh, và tôi lại càng sẵn sàng bắt tay vào công việc hơn khi có một trở ngại nào đó. Tôi đã nghĩ về 50 đồng vàng tiền công, về chuyến đi buồn tẻ và về một đêm không mấy làm vui vẻ phía trước. Chẳng nhẽ tôi phải làm tất cả những thứ đó chẳng vì cái gì sao? Tại sao phải trốn đi khi chưa bắt đầu công việc và khi không có khoản tiền công mà lẽ ra phải được trả? Người phụ nữ này, theo tôi nghĩ, có lẽ là quá lo lắng. Do vậy, mặc dù thái độ của cô ta đã làm cho tôi hơi dao động, nhưng sự kiên nhẫn của tôi vẫn khiến tôi lắc đầu và nhất quyết ở lại. Cô ta dường như định tiếp tục van xin tôi thì cánh cửa bật mở phía trên đầu chúng tôi, tiếp theo là tiếng bước chân trên cầu thang. Cô ta lắng nghe một lúc, phác một cử chỉ tuyệt vọng rồi vội vã bỏ đi, cũng không có một

tiếng động như lúc đến.

Những người mới tới là Đại tá Lysander Stark và một người đàn ông thấp đậm với bộ râu sọc mọc ra từ những vết ngăn hai cằm, người đó được giới thiệu là ông Ferguson.

“Đây là thư ký và quản lý của tôi – Viên đại tá nói – Mà, tôi nhớ là mình đã đóng cửa, tôi sợ ông bị lạnh”.

“Trái lại – Tôi nói – Chính tôi đã mở cửa vì tôi thấy trong phòng hơi ngột ngạt”.

Ông ta hướng tia nhìn hoài nghi về phía tôi” Có lẽ chúng ta nên tiến hành công việc bây giờ thôi – Ông ta nói – Ông Ferguson đây và tôi sẽ đưa ông lên xem xét cái máy”.

“Tôi có cần phải đội mũ vào không?”

“Ồ không cần, nó ở ngay trong nhà tôi thôi”.

“Cái gì, các ông đào đất sét trong nhà sao?”

“Không, không. Đây chỉ là chỗ chúng tôi nén đất. Nhưng đừng để tâm đến chuyện đó. Những gì chúng tôi muốn ông làm là kiểm tra cái máy và cho chúng tôi biết nó bị hỏng ở đâu.”

Chúng tôi cùng lên gác, viên đại đi trước soi đèn, viên quản lý to béo theo sau và cuối cùng là tôi. Ngôi nhà có kiến trúc kiểu cổ với hành lang, cầu thang xoắn hẹp và những cửa ra vào thấp nhỏ mà những bệ cửa đã mòn đi do đã bao nhiêu thế hệ bước qua. Không có thảm và cũng không có dấu hiệu của thứ đồ đạc nào trên này, tường thì tróc vữa và loang lổ những chỗ ẩm ướt màu xanh. Tôi cố gắng tỏ ra không để tâm nhưng vẫn không quên được lời cảnh báo của người phụ nữ, mặc dù tôi có vẻ đã coi thường và bỏ qua chúng, cũng như luôn để mắt tới hai người đồng hành của tôi. Ông Ferguson có vẻ là người hay râu rĩ và trầm lặng, nhưng ít ra tôi cũng đoán được rằng ông ta là một người cộng sự của viên đại tá.

Đại tá Lysander Stark dừng lại trước một cánh cửa thấp, đã được mở khoá. Bên trong là một căn phòng hình vuông nhỏ tới mức ba chúng tôi không thể vào cùng lúc được. Ferguson đứng ngoài, còn

viên đại tá dẫn tôi vào.

“Bây giờ chúng ta đang ở trong cái máy nén đó, và sẽ không may cho chúng ta nếu có ai đó khởi động máy. Trần cửa căn phòng nhỏ này thực chất là phần cuối của cái pít-tông, nó sẽ bị ấn xuống bằng sức ép nặng hàng tấn của trần nhà bằng kim loại. Các cột nước nhỏ xung quanh nhận sức ép đó sẽ truyền và nhân nó lên theo cách đã quá quen thuộc với ông rồi. Chiếc máy đã từng hoạt động tốt, nhưng có một số hoạt động không hiệu quả làm mất đi một ít sức mạnh của nó. Có lẽ ông sẽ vui lòng kiểm tra giúp chúng tôi và chỉ cho chúng tôi biết cách sửa chữa.

“Tôi lấy cây đèn từ tay ông ta và kiểm tra lại toàn bộ cỗ máy”. Đó là một cỗ máy khổng lồ có thể thực hiện một lực ép lớn khủng khiếp. Ngay lập tức tôi thoáng nghe có tiếng rò rỉ rất khẽ của nước chảy qua xi-lanh. Kiểm tra qua một lần, tôi phát hiện ra những cao su quấn quanh cần điều khiển đã bị co lại không còn khớp với phích cắm nữa. Tôi chỉ cho khách hàng của tôi thấy đây rõ ràng là nguyên nhân làm giảm hiệu quả của máy. Ông ta chăm chú theo dõi nhận xét của tôi và hỏi cách sửa chữa nó. Sau khi đã giải thích cho họ rõ, tôi trở lại căn phòng chính của cỗ máy và chăm chú ngắm nhìn nó để thoả mãn trí tò mò. Rõ ràng câu chuyện về đất sét chỉ là chuyện bịa đặt vì thật lố bịch nếu một cỗ máy mạnh mẽ như thế lại được chế tạo cho mục đích không tương xứng như vậy. Các bức tường được làm bằng gỗ, nhưng sàn lại làm bằng những mảnh sắt lớn, và khi xét kỹ, tôi thấy có lớp vỏ bằng kim loại phủ hết bề mặt của nó. Tôi đang cúi rạp người xuống để xem chính xác nó là gì thì nghe thấy những lời thì thào bằng tiếng Đức và nhìn thấy khuôn mặt xanh xao của viên đại tá đang nhìn tôi.

“Ông đang làm gì đó?” – Ông ta hỏi tôi.

Tôi rất bực mình vì đã bị lừa bởi một câu chuyện bịa bợm mà ông ta kể cho tôi.

“Tôi đang chiêm ngưỡng đất sét của ông - tôi nói – Tôi nghĩ rằng tôi sẽ có thể có những lời khuyên tốt hơn cho ông và cỗ máy của ông nếu tôi biết được mục đích thực sự của nó”.

Đúng lúc ấy, tôi chợt thấy hối hận về sự hấp tấp của mình khi nói

ra những lời đó. Mặt ông ta đanh lại, từ đôi mắt xám lóe lên sự hăm dọa.

“Tốt thôi! – Ông ta nói – Ông sẽ biết tất cả về cỗ máy”. Ông ta lùi một bước, sập cửa lại và xoay chìa khoá. Tôi lao đến, kéo mạnh nắm đấm cửa nhưng nó quá chắc chắn. Tôi ra sức đá và đập cửa, nhưng đều vô dụng. “Này! - tôi gào lên – Này! Ngài đại tá! Thả tôi ra!”.



Và lúc đó, giữa không gian yên ắng bất chợt tôi nghe thấy một âm thanh làm tim tôi thắt lại. Đó là tiếng lạch cạch của cần đèn bẫy và tiếng róc rách của nước chảy qua xi-lanh. Ông ta đã khởi động cỗ máy. Cây đèn vẫn đặt trên sàn nhà, đúng chỗ tôi đã để để khi kiểm tra ống máng. Nhờ ánh sáng của nó mà tôi có thể thấy mảng trần nhà đen ngòm đang dần hạ xuống đầu tôi, chậm rãi, giạt cục nhưng hơn ai hết, tôi hiểu là với sức ép đó nó có thể nghiền tôi nát bét chỉ trong vòng một phút. Tôi lông lộn, la hét và đập cửa và cào cấu vào ổ khóa. Tôi van xin viên đại tá thả tôi ra, nhưng tiếng máy ầm ì tàn nhẫn đã nhấn chìm những tiếng la hét của tôi. Trần nhà chỉ còn cách

đầu tôi khoảng một hai sai, và chỉ cần với tay lên là tôi có thể chạm vào bề mặt cứng và ráp của nó. Đúng lúc đó, trong đầu tôi lại lóe lên ý nghĩa rằng sự đau đớn trong cái chết của tôi phụ thuộc rất nhiều vào vị trí tôi chết. Nếu tôi nằm sấp thì toàn bộ trọng lượng sẽ đè lên xương sống của tôi, và tôi sợ phát khiếp khi nghĩ đến cái xương sống sẽ bị nghiền nát. Cách khác dễ dàng hơn có lẽ là lấy hết can đảm nằm ngửa, nhìn lên cái bóng đèn chết chóc đang ập xuống người tôi. Lúc đó tôi không còn có thể đứng thẳng được. Bất chợt, tôi trông thấy một tia hy vọng sốt sốt, một lối thoát.

Như tôi đã kể, mặc dù sàn và trần nhà làm bằng sắt, nhưng các bức tường lại bằng gỗ. Khi tôi tuyệt vọng tìm quanh, tôi đã thấy một khe sáng màu vàng bé xíu giữa hai thanh gỗ đang lớn dần khi một tấm ván nhí bị đẩy ra phía sau. Ngay lập tức tôi nhào tới và lách người qua tấm ván. Mảnh ván đóng lại sau lưng tôi, những tiếng loảng xoảng của cây đèn, và ngay sau đó là tiếng va chạm của hai tấm kim loại đã cho tôi biết tôi đã thoát chết trong gang tấc, và kẻ hở giúp tôi thoát ra hẹp đến mức nào.

Tôi sực tỉnh bởi một bàn tay nắm cổ tay tôi giật mạnh và tôi thấy mình đang nằm trên nền đá của một hành lang nhỏ, trong khi một người phụ nữ đang cúi xuống bên tôi, lay mạnh người tôi bằng tay trái, còn tay phải cầm cây nến. Đó chính là người phụ nữ tốt bụng đã cảnh báo tôi lúc trước mà tôi cố tình lờ đi.

“Chạy đi, chạy đi! – Cô ta kêu không ra hơi - Họ sẽ đến đây bây giờ. Họ sẽ biết ông không ở trong đó. Đừng có lãng phí thời gian nữa, chạy đi!”.

Lần này, tôi không còn coi thường lời khuyên của cô ta nữa. Tôi chạy tập tễnh theo cô ta dọc hành lang xuống cầu thang xoắn, dẫn tới một lối đi rộng và đúng lúc chúng tôi đến nơi thì có tiếng chân chạy rầm rập và tiếng la hét của hai người, một vọng ra từ tầng chúng tôi đang đứng và một từ tầng dưới. Người dẫn đường giúp tôi dừng lại và có vẻ như không biết làm sao. Sau đó cô ta đẩy cánh cửa dẫn vào một buồng ngủ, ngoài cửa sổ trắng sáng vằng vặc.”

“Đó là cơ hội duy nhất của ông - Cô ta nói - Nó hơi cao nhưng ông cũng có thể nhảy xuống được”

Vừa nói, cô ta vừa nhìn vào cuối lối đi. Ở đó tôi thấy đại tá Lysander Stark đang chạy lại với chiếc đèn lồng và một vũ khí trong giống như một con dao phay. Tôi lao qua buồng ngủ, đẩy mạnh cửa sổ và phía dưới cao không dưới 30 sải. Tôi leo lên bệ cửa nhưng còn chần chừ chưa nhảy ngay, cho đến khi tôi đã chạm tới ranh giới giữa sự sống và kẻ đuổi theo tôi. Nếu cô ta gặp nguy hiểm thì dù bất cứ giá nào tôi cũng quay lại cứu cô ta. Ý nghĩ đó chỉ kịp thoáng qua trong đầu tôi khi viên đại tá đuổi tới cửa ra vào, lao qua cô ta, hất cánh tay đang cố níu ông ta lại của cô ta.

“Fritz! Fritz! – cô ta hét lên bằng tiếng Anh – Hãy nhớ lời hứa của anh lần trước. Anh sẽ nói sẽ không bao giờ lặp lại nữa. Ông ta sẽ giữ im lặng! Ôi ông ta sẽ im lặng mà!”

“Em điên rồi Elise! – Ông ta quát, và vùng ra khỏi cô – Em sẽ làm hỏng việc mất thôi. Ông ta đã biết quá nhiều. Hãy để anh đi, anh đã nói rồi đấy!”. Ông ta đã đẩy cô sang một bên và chạy cửa sổ, chém tôi bằng một thứ vũ khí nặng nề. Tôi đã buộc phải trèo xuống và đang bám tay vào bậu cửa, treo mình lơ lửng. Khi ông ta chém, tôi cảm thấy đau buốt, nới lỏng dần tay ra và rơi xuống khu vườn bên dưới.



Tôi chỉ hơi xây xát chứ không bị đau bởi cú ngã, vì vậy tôi tự gượng dậy và khó nhọc chạy trốn, len lỏi giữa các bụi cây vì tôi hiểu rằng mỗi nguy hiểm vẫn còn đang ở rất gần. Tuy nhiên, một cảm giác choáng váng và rã rời bao trùm lấy tôi. Tôi liếc xuống bàn tay đang đau nhói và đến lúc đó mới biết ngón tay cái của mình đã bị chặt đứt. Từ chỗ vết thương, máu tuôn ra xối xả. Tôi gắng gượng buộc khăn quanh chỗ vết thương, nhưng lúc đó tai tôi bị ù đi và liền sau đó, tôi lăn ra bất tỉnh giữa hai bụi hoa hồng.

Tôi không biết mình đã ngất đi bao lâu, nhưng chắc hẳn là một thời gian dài vì khi tôi tỉnh dậy, mặt trăng đã lặn, trời đã sáng rõ. Quần áo tôi ướt sũng sương đêm, còn tay áo thì ướt sũng máu từ vết thương chỗ ngón tay cái. Cảm giác đau buốt làm tôi nhớ lại cuộc phiêu lưu từ hồi đêm, và tôi lại vùng dậy vì cảm thấy nguy hiểm chưa thực sự lùi xa. Nhưng trước sự sững sốt của tôi, chẳng có ngôi nhà lẫn vườn nào đấy cả. Tôi đã đang nằm bên lề đường cao tốc, và phía dưới kia là dãy nhà dài. Khi tôi đến nơi tôi mới nhận ra đó chính là nhà ga mà tôi đã đến đêm hôm trước. Nếu không phải vì vết thương

trên tay thì chỉ riêng những chuyện xảy ra suốt những giờ phút kinh hoàng vừa qua có lẽ chỉ có thể là cơn ác mộng.

Hơi ngạc nhiên, tôi đi vào nhà ga và hỏi về chuyến tàu sáng. Gần một tiếng nữa sẽ có một chuyến đi tới Reading. Tôi nhận ra người khuôn vác đêm qua vẫn đang làm việc như khi tôi tới. Tôi hỏi anh ta có biết gì về đại tá Lysander Stark không? Cái tên hoàn toàn xa lạ với anh ta. Tôi hỏi anh ta có trông thấy cỗ xe ngựa đã đợi tôi đêm qua không? Anh ta cũng trả lời là không thấy. Tôi còn hỏi có đồn cảnh sát nào gần đây không và được biết có một đồn cảnh sát cách đó 3 dặm.

“Tôi không thể đi xa thế được. Tôi rất mệt và yếu. Tôi quyết định đến lúc về thị trấn sẽ kể lại câu chuyện này cho cảnh sát. Tôi đến nơi thì đã hơn 6 giờ rưỡi, và việc đầu tiên phải làm là tìm một bác sĩ băng bó lại vết thương, và ông bác sĩ tốt bụng này đã đưa tôi đến tận đây. Đó là tất cả mọi chuyện, tôi sẽ làm theo những gì ông khuyên tôi”.

Cả hai chúng tôi đều phải ngồi im sau khi nghe câu chuyện kỳ lạ này. lát sau, Sherlock Holmes lôi từ giá sách công kênh của anh xuống một cuốn sách mà trong đó mà trong đó có những mẫu tin anh cắt ra từ báo chí.

- Trong này có một thông báo mà tôi nghĩ sẽ làm anh hứng thú – Holmes nói - Một năm trước đó đã được in trên các báo. Anh nghe nhé:

“Ông Eremiah Hayling, 26 tuổi, kỹ sư thủy lực học đã mất tích ngày mùng 9 tháng này. Ông rời nhà lúc 10 giờ đêm và từ đó không có tin tức gì. Khi đi, ông ta mặc...”

Ha, nó trùng với lần gần đây nhất viên đại tá muốn kiểm tra lại cỗ máy của ông ta. Tôi bắt đầu có hứng thú rồi đấy.

- Lạy chúa tôi! - Bệnh nhân của tôi kêu lên - Điều đó cũng giải thích điều mà cô gái đã nói.

- Không nghi ngờ điều gì nữa. Rõ ràng là viên đại tá là một kẻ lạnh lùng và tàn bạo, hẳn không muốn có gì cản trở kế hoạch của hẳn, giống như bọn cướp biển sẽ không để ai sống sót trên con tàu chúng cướp được. Bây giờ mỗi giây phút đều rất quý báu, vì vậy nếu ông đồng ý thì chúng ta sẽ cùng tới Scotland Yard và khởi hành tới

Eyford.

Khoảng 3 giờ sau chúng tôi đã ở trên đoàn tàu chạy từ Reading tới làng Berkshine nhỏ bé. Tất cả chúng tôi gồm có Sherlock Holmes, người kỹ sư thủy lực, thanh tra Bradstreet của Scotland Yard, một cảnh sát mặc thường phục. Bradstreet vừa trải ra trước mặt mọi người một tấm bản đồ khu vực và đang bận rộn với việc vẽ một vòng tròn bằng com-pa, tâm là Eyford.

- Nhìn này – Ông ta nói – Đây là vòng tròn bán kính 10 dặm quanh ngôi làng. Địa điểm chúng ta cần phải tìm là một chỗ nào đó gần đường kẻ. Anh đã nói là 10 dặm phải không?.

- Vâng, khoảng 1 giờ đi xe ngựa.

- Và anh cho rằng rằng họ đã đưa anh đi vượt qua quãng đường đó quay trở về khi anh bất tỉnh sao?

- Chắc chắn họ đã làm vậy. Tôi nhớ mang máng là đã được xốc lên và thả xuống ở đâu đó.

- Điều tôi không hiểu nổi – tôi nói – là tại sao họ lại thả cho anh khi họ thấy anh bất tỉnh trong vườn. Có lẽ chúng nể lời van xin của người phụ nữ đó.

- Tôi không nghĩ thế. Tôi chưa bao giờ thấy ai có bộ mặt không chút mủi lòng như vậy.

- Rồi chúng tôi sẽ sớm tìm ra lý do thôi. - Bradstreet nói – Đây, tôi đã vẽ xong vòng tròn, giá mình biết được câu chuyện chúng ta đang điều tra xảy ra ở điểm nào trên đó.

- Tôi nghĩ tôi có thể chỉ đích danh chỗ đó. – Holmes trầm ngâm nói.

- Thật không? – Viên thanh tra reo lên – Ông đã suy luận được rồi kia à? Đến đây xem chúng ta có cùng ý tưởng không nhé. Tôi nghĩ là ở phía nam, vì khu này rất hoang vắng.

- Còn tôi cho nó ở phía đông. - người bệnh nhân nói.

- Tôi là cho là ở phía tây. – Viên cảnh sát mặc thường phục nhận

định - Ở đó có vài ngôi nhà nhỏ tĩnh mịch.

- Còn tôi nghĩ là phía Bắc – Tôi nói - bởi vì đó không có đồi núi, mà anh bạn của chúng ta thì nói không thấy cỗ xe ngựa lên dốc lần nào.

- Thế đấy! – Viên thanh tra cười và nói – Có quá nhiều ý kiến khác nhau. Mọi người bỏ phiếu cho ai đây?.

- Các ngài đều nhằm cả.

- Nhưng không nhằm tất cả được.

- Thế mà có thể đấy. Đây là ý kiến của tôi - Holmes đặt ngón tay vào chính giữa vòng tròn – Đây chính là nơi chúng ta sẽ tìm họ.

- Thế còn chuyển đi dài 12 dặm thì sao? – Hatherley sừng sốt.

- 6 dặm đi và 6 dặm về. Không có gì đơn giản hơn thế. Chính anh nói rằng con ngựa khoẻ khản và bóng mượt khi anh tới nơi mà. Làm sao nó khoẻ thế được khi chạy hết quãng đường khó khản dài 12 dặm?

- Đây đúng là trò đánh lạc hướng - Beadstreet trông có vẻ trầm ngâm – Không còn nghi ngờ gì về hành vi phạm pháp của băng nhóm này.

- Hoàn toàn không – Holmes nói – Chúng là bọn đúc tiền giả với quy mô lớn, và đã dùng cỗ máy với mục đích trộn chất liệu thay thế cho bạc.

- Chúng tôi được biết có một băng nhóm làm chuyện này – Viên thanh tra nói – Chúng đã biến đồng tiền nửa curon thành đồng 1000. Chúng tôi đã lần theo dấu vết của chúng đến tận Reading nhưng rồi mất hẳn vì chúng đã xóa dấu vết bằng cách làm chúng tôi nghĩ rằng bọn chúng đã giải nghệ. Nhưng giờ thì nhờ dịp may này, tôi cho rằng chúng tôi sẽ tóm được chúng.

Nhưng viên thanh tra đã nhằm vì băng tội phạm đó cuối cùng đã thoát khỏi sự trừng phạt của công lý. Khi chúng tôi tới được ga Eyford, chúng tôi thấy một cột khói khổng lồ bốc lên từ sau những

lùm cây nhỏ ngay cạnh đó, bay lơ lửng trên mặt đất giống như một chiếc lông vũ của con đà điểu không lồ.



- Một ngôi nhà bị cháy à? - Bradstreet hỏi khi đoàn toàn hủ cùi tiếp tục chuyển bánh.

- Đúng vậy thưa ngài. - Người quản lý ga đáp

- Ngọn lửa bùng lên từ bao giờ?

- Hình như từ đêm qua thưa ngài, nhưng nó càng lúc càng như cháy to, toàn bộ căn nhà chìm trong biển lửa.

- Đó là nhà ai vậy?

- Của bác sĩ Becher.

- Có phải - người kỹ sư ngắt lời – đó là một người Đức gầy gò với cái mũi dài và nhọn không?

Người quản lý ga cười xòa khi trả lời:

- Không phải, thưa ông. Bác sĩ Becher là người Anh, và ở cái xứ đạo này không có ai có cái áo gi-lê đẹp hơn của ông ta. Nhưng có một người đàn ông sống cùng với ông ta, theo tôi hiểu đó là một bệnh nhân người nước ngoài, có lẽ đến cả con bò Bershine cũng không làm gì nổi ông ta.

Người quản lý chưa kịp nói hết câu thì tất cả chúng tôi đã đồng loạt kịp chạy về hướng đám cháy. Con đường nhỏ dẫn lên đỉnh một ngọn đồi thấp và trước mắt chúng tôi là toà nhà rộng lớn quét vôi trắng, lửa vẫn phụt ra từ tất cả các khe hở và cửa sổ, trong lúc đó, 3 xe cứu hỏa ở trong vườn vẫn đang cố gắng để dập tắt ngọn lửa.

- Đúng là nó rồi! – Hatherley kêu lên sừng sốt – Có cả con đường trải sỏi, và cả những bụi hồng mà tôi đã nằm lên... Cửa sổ thứ hai là chỗ mà tôi đã nhảy xuống.

- Vậy là chí ít anh cũng đã trả thù được chúng – Holmes nói – Không nghi ngờ gì nữa, cây đèn dầu anh để lại trong máy nén đã bắt lửa vào những bức tường gỗ, còn chúng thì quá chú tâm vào việc kiếm anh nên không phát hiện ra đám cháy kịp thời. Bây giờ thì anh hãy cố mở to mắt mà tìm những “người bạn” của anh đêm qua trong đám đông kia, mặc dù tôi sợ họ đã cao chạy bay xa từ lâu rồi.

Và nỗi lo ngại của Holmes đã trở thành hiện thực vì từ đó đến nay không hề có tin tức nào về người phụ nữ xinh đẹp, gã người Đức dữ tợn hay người đàn ông người Anh trầm tĩnh. Sáng sớm hôm đó, một người nông dân bắt gặp một cỗ xe ngựa, trong đó có chở một vài người và những chiếc hòm rất công kênh lao nhanh về hướng Reading, nhưng đến đó thì mọi dấu vết của những kẻ trốn chạy đều biến mất, và bộ óc thông minh kiệt xuất của Holmes cũng chịu không tìm ra một manh mối nào mà chúng ẩn náu. Những người lính cứu hỏa đã rùng mình hoảng sợ với cách bày trí lạ lùng trong căn nhà, và còn khiếp sợ hơn nữa khi tìm thấy ngón tay mới bị cắt lặn lóc trên bậu cửa sổ tầng hai. Khi mặt trời lặn, những nỗ lực của họ cuối cùng cũng có kết quả, ngọn lửa đã bị thuần phục nhưng rồi cả mái nhà cũng sụp xuống, và cả ngôi nhà chỉ còn lại đống đổ nát. Trừ mấy cái xi-lanh khổng lồ và đường ống sắt thì không còn sót lại một chút dấu vết nào của cỗ máy đã gây ra kinh hoàng cho viên kỹ sư. Những

đồng niken và thiếc lớn được tìm thấy trong nhà kho, nhưng tuyệt nhiên không có một đồng xu nào, điều này giải thích cho sự hiện diện của những chiếc hòm cống kênh đã được đề cập bên trên.

Bằng cách nào mà người kỹ sư thủy lực của chúng ta được đưa từ khu vườn tới nơi anh ta tỉnh lại có lẽ sẽ mãi mãi là một điều bí ẩn nếu như không nhờ lớp đất mùn xốp đã cho chúng tôi biết toàn bộ câu chuyện. Rõ ràng anh ra đã được đưa đi bởi hai người, một người có bàn chân rất nhỏ và người kia có bàn chân rất to bình thường. Tóm lại, rất có thể gã đàn ông kia người Anh trầm tĩnh, người có vẻ đờ tòn bạo và bằng giá hơn người cộng tác của hắn, đã giúp người phụ nữ đưa người kỹ sư đang bất tỉnh, thoát nạn.

- Chà, - người kỹ sư nói vẻ tiếc rẻ khi chúng tôi lên tàu trở về Luân Đôn, - đó quả là một công việc kinh khủng! Tôi đã mất ngón tay cái và mất cả 50 đồng vàng tiền công, vậy mà tôi đã được những gì chứ?

- Một vố nhớ đời. – Holmes nói và cười phá lên - Về một khía cạnh nào đó thì nó rất có giá trị, anh biết đấy, anh chỉ cần kể lại câu chuyện và thế là sẽ trở nên nổi tiếng bởi lần thoát chết ngoạn mục đó.

☺

CHÀNG QUÝ TỘC ĐỘC THÂN

The Noble Bachelor

Câu chuyện xảy ra trước ngày cưới của tôi vài tuần, vào những ngày tôi còn ở chung với Holmes tại phố Barker. Một hôm, sau lần đi dạo buổi chiều trở về nhà, anh thấy một lá thư trên bàn. Hôm ấy tôi ở lì trong phòng suốt ngày vì trời bỗng đổ mưa đột ngột với những cơn gió lớn. Ngồi thu mình trên ghế bành, với những đồng nhật báo vây quanh, tôi đọc miết tờ này sang tờ khác. Đọc mãi cũng chán, tôi bèn ném chúng sang một bên và nằm ườn ra, quan sát cái phong bì nằm trên bàn, và tự hỏi không biết người đàn ông quý tộc gửi thư cho Holmes là ai?

- Đây là một lá thư đúng điệu – Tôi nhận xét khi anh bước vào phòng - Những lá thư buổi sáng của anh thường là của người bán cá hay một nhân viên thuế quan.

- Vâng, thư từ giao dịch của tôi rất là đa dạng và lá thư nào có vẻ khiêm nhường hơn, thường là thú vị hơn. Lá thư này coi bộ là một lá thư mời xã giao mà mình không mong đợi, đi dự thì cũng khổ mà không đi cũng khổ.

Anh xé thư và nhìn vào tờ giấy.



- Ồ, coi vậy nó cũng hứa hẹn một vụ hấp dẫn đấy.
- Không phải thư mời xã giao chứ?
- Thuần túy nghề nghiệp.
- Của một thân chủ quý tộc?
- Một trong những nhà quý tộc được trọng vọng tại nước Anh.
- Tôi mừng cho anh đấy.
- Watson ạ, cái địa vị của ông ta không làm cho tôi quan tâm bằng cái sự việc của ông ta. Gần đây anh chịu khó đọc báo lắm, đúng không?
- Hình như thế, tôi chẳng có việc gì để làm cả.
- Tôi chỉ đọc những tin tức hình sự và mục rao vặt. Mục sau thì luôn luôn hữu ích. Nhưng nếu anh theo dõi sát những biến cố gần đây, hẳn là anh đã đọc các bài viết về ngài Simon và đám cưới của

ông ta?

- Vâng, với sự quan tâm sâu sắc!

- Tốt! Lá thư này là của ngài Simon. Tôi sẽ đọc cho anh nghe và đổi lại, anh phải lật những tờ báo đó và cho tôi biết những gì có liên quan đến vụ này.

“ÔNG SHERLOCK HOLMES THÂN MẾN,

Huân tước Backwater bảo tôi rằng, tôi có thể tin cậy vào sự xét đoán, sự kín đáo và sự tế nhị của ông. Bởi vậy, tôi đã quyết tâm thỉnh ý ông về biến cố đau lòng có dính líu đến hôn lễ của tôi. Ông Lestrade đang bắt tay vào vấn đề này, nhưng ông ta nói ông ta không phản đối gì, nếu có sự cộng tác của ông. Tôi sẽ đến chỗ ông vào bốn giờ chiều, nếu ông có một cái hẹn nào vào thời điểm ấy, mong ông hãy hoãn lại, vì đây là một vấn đề vô cùng quan trọng.

Kính chào ông!

ROBERT ST.SIMON”

Thư được viết từ lâu đài Grosvenor bằng bút lông ngỗng, và ngài quý tộc đã không may bị giầy một tí mực ở phía ngoài ngón tay phải nhỏ bé của ông ta - Holmes nhận xét, khi anh xếp thư lại.

- Ông ta hẹn bốn giờ chiều, mà bây giờ đã ba giờ. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa, ông ta sẽ đến đây.

- Vậy thì, tôi còn một chút thời gian để nắm một số sự kiện về vụ này. Nhờ anh gỡ những tờ báo ấy ra và sắp xếp những mẫu tin theo thứ tự thời gian, trong khi đó, tôi sẽ nhìn xem thân chủ của tôi là ai.

Anh nhắc ra một quyển sách có bìa đỏ từ một dãy sách tham khảo bên cạnh lò sưởi.

- Đây rồi, - Anh nói, ngồi xuống và đặt sách trên đầu gối – Robert Walsingham de Vere St. Simon, con trai thứ hai của Quận công Balmoral. Hừm! sinh năm 1846, bốn mươi bốn tuổi. Đã giữ chức Thứ trưởng tại thuộc địa trong chính quyền cũ. Vị Quận công Balmoral đã

từng là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao... Hừ! Chẳng có gì bổ ích lắm ở đây. Anh Watson, chắc là tôi phải quanh sang anh, để tìm thấy một cái gì vững chải hơn, hãy cho tôi những tin tức mà anh đã chọn từ trong các tờ báo.



- Đây là mẫu tin đầu tiên. Nó nằm trong mục "Việc riêng" của tờ Bưu Điện Buổi Sáng, phát hành cách đây vài tuần.

"Một cuộc hôn nhân đã được sắp xếp, và sẽ - nếu lời đồn đại là đúng sự thật - được cử hành rất nhanh chóng giữa ngài Robert St. Simon, con trai thứ hai của Quận công Balmoral và cô Hatty Doran, con gái độc nhất của ông Aloysius Doran. Esq., thành phố San Francisco, tiểu bang California, nước Mỹ".

- Rất súc tích và đi thẳng vào vấn đề - Holmes nhận xét, duỗi đôi chân khẳng khiu về phía lò sưởi.

- Có một đoạn nói rõ hơn về chuyện này trên một tờ báo của tầng lớp thượng lưu:

“Chẳng bao lâu nữa sẽ kéo một hồi còi báo động trên thị trường hôn nhân, bởi vì sự tự do hôn nhân, bởi vì sự tự do kinh doanh hiện nay cho thấy “hàng nội hóa” của chúng ta đã thua kém nặng nề. Dần dần, sự quản lý của dòng họ quý tộc của nước Anh đang chuyển vào tay “những cô em họ” chúng ta ở bên kia bờ Đại Tây Dương. Trong tuần qua, một dấu cộng quan trọng vừa mới được thêm vào danh sách những “báu vật” vừa mới bị mang đi bởi “những kẻ xâm lăng xinh đẹp” này. Ngài Simon, người mà hơn 20 năm qua đã chứng tỏ là ở ngoài tầm cây cung của vị thần ái tình bé nhỏ, bây giờ đã báo tin ông ta sắp kết hôn với cô Doran, con gái của nhà triệu phú bang California. Cửa hôn môn của cô ta lên tới hàng triệu dollars, và trong tương lai còn hứa hẹn nhiều hơn nữa. Bởi vì, trong những năm qua, Quận công Balmoral đã phải bán đi những bức tranh của ông, bởi vì ngài Simon không có tài sản riêng nào, ngoại trừ một ít bất động sản”.

- Có gì khác nữa không? – Holmes hỏi.

- Vâng, còn nhiều. Có một đoạn ngắn trên tờ Bưu Điện Buổi Sáng nói rằng đây sẽ là một cuộc hôn nhân tuyệt vời lạnh lẽ, sẽ được cử hành tại nhà thờ Saint – George, quảng trường Hanover, chỉ có vài bạn hữu thân tình được mời, và rồi họ sẽ trở về biệt thự Lancaster Gate. Hai ngày sau đó, có một lời báo tin vắn tắt, rằng hôn lễ đã cử hành và rằng tuần trăng mật sẽ được trải qua tại nhà của huân tước Backwater, gần Petersfield. Đây là những tin vắn tắt xuất hiện trước khi cô dâu biến mất.

- Trước cái gì? – Holmes hỏi, giật mình.

- Cô dâu mất tích.

- Cô ta biến mất từ bao giờ?

- Tại buổi điểm tâm trong ngày cưới.
- Quả thật, nó hấp dẫn hơn ta tưởng. Đúng y như kịch.
- Vâng, nó vẻ hơi khác thường.
- Hãy cho tôi biết những chi tiết.
- Những chi tiết ấy rất thiếu sót.
- Có lẽ thế. Nhưng chúng ta có thể làm cho chúng bớt thiếu sót hơn.
- Có một bài trên tờ báo buổi sáng, ra ngày hôm qua. Đề mục: "Biến cố độc đáo tại một đám cưới thời thượng."

"Gia đình ngài Simon đã sửng sốt trước những diễn biến liên quan đến đám cưới của ông ta. Hôn lễ được cử hành tại nhà thờ Saint George, quảng trường Hanover, rất lộng lẫy. Không có ai tham dự ngoài bố của cô dâu, bố mẹ chú rể, huân tước Backwater, huân tước Eustace, tiểu thư Clara St. Simon (em trai và em gái chú rể), phu nhân Alicia Whittington. Sau đó, những người dự lễ đến nhà ông Doran Aloysius Doran ở Lancaster Gate để dự bữa tiệc điểm tâm. Dường như có một người đàn bà đến quấy rối. Bà ta cố ra sức xô đẩy vào nhà, phân bua rằng bà cần nói chuyện với chú rể. Giằng co một hồi lâu, người quản gia và người hầu mới tổng khứ được bà ta.



May mắn thay, trước đó cô dâu đã vào nhà, và đã ngồi dùng điểm tâm với mọi người khác. Nhưng bỗng nhiên cô dâu nói rằng cô thấy khó ở và lùi về phòng mình. Lâu quá không thấy cô ta ra, mọi người bắt đầu bàn tán. Cha cô vội vàng đi tìm và được người tớ gái cho biết cô vừa mới lên phòng, thì liền chộp áo choàng và mũ bon-nê, rồi vội vã xuống cầu thang. Một trong những người hầu gái nói rằng, ông ta đã thấy một người phụ nữ từ trong nhà đi ra, ăn mặc y như thế. Nhưng ông ta lại không dám chắc chắn đó là cô chủ, vì tin rằng cô đang dùng bữa với mọi người. Khi thấy đúng là con gái mình đã biến mất, ông Doran cùng chú rể đi báo với cảnh sát, các cuộc điều tra tiến hành ráo riết. Tuy vậy, cho đến gần hết đêm qua vẫn chưa tìm ra dấu vết của cô dâu. Có tin đồn về chuyện phá đám trong vụ này. Người ta nói, cảnh sát đã bắt giữ người đàn bà gây rối, vì họ tin rằng do ghen tuông hoặc do một động cơ nào đó, bà ta có thể dính líu vào sự mất tích của cô dâu”.

- Tất cả chỉ có thế?

- Có thêm một mẫu tin vẫn trên một tờ báo buổi sáng khác. Nó cũng có một đôi điều đáng chú ý.

- Đó là...?

- Cô Flora Millar, người đàn bà gây rối, đã bị bắt. Hình như xưa kia cô ta là một vũ nữ đã quen với chú rể cách đây vài năm. Không có chi tiết đặc biệt nào khác.

- Tôi sẽ không bỏ qua trường hợp này. Nhưng sẽ có chuông cửa reo đấy. Anh Watson, đừng bỏ đi đấy nhé.

- Thưa, có ngài Simon đến – Chú tiểu đồng của chúng tôi báo tin và mở tung cửa lớn.



Một người đàn ông bước vào, khuôn mặt khá điển trai của một người có học. Mũi cao, nét mặt xanh xao, có một chút hờn dỗi. Đôi mắt mở to, nhìn không chớp. Phong thái anh ta nhanh nhẹn, thể

nhưng dáng vẻ bên ngoài lại gây cho ta ấn tượng về tuổi già. Vì khi bước đi, ông hơi gù về phía trước và đầu gối hơi cong. Khi ông ta giở mũ, ta có thể thấy mớ tóc hoa râm ở phía mép ngoài, và hơi hói ở trên đỉnh đầu. Y phục được chăm sóc quá kỹ lưỡng đến mức đom đàng: cổ áo cao, áo choàng đen, áo gi-lê trắng, bao tay vàng, giày da hảo hạng và ghệt có màu nhạt.

- Xin chào ngài – Holmes nói, đứng lên cúi chào - Mời ngài ngồi. Đây là bạn và là người cộng sự của tôi, bác sĩ Watson.

- Ông Holmes ạ. Tôi đã bị đánh vào chỗ đau nhất. Tôi hiểu rằng ông đã xử lý nhiều vụ tế nhị thuộc loại này, chúng tôi cho rằng khó có một vụ nào xảy ra trong một giai cấp như giai cấp của tôi.

- Mới đây một vị vua có vấn đề thuộc loại đó.

- Ồ, thật thế ư? Vua nào thế?

- Vua xứ Scandinavia.

- Ồ, ông ta mất vợ rồi chứ?

- Xin ngài hiểu cho. Tôi giữ bí mật những sự việc của những thân chủ khác, cũng như tôi sẽ làm như thế, đối với việc của ngài.

- Đúng lắm! Ông bỏ lỗi cho nhé.

- Không có gì... Tôi đã tìm hiểu những gì có trong báo chí. Chưa biết thêm gì hơn. Tôi có thể xem như bài báo này viết đúng sự thật.

Thân chủ của tôi liếc nhìn qua nó.

- Vâng, đúng như bài báo đã viết.

- Nhưng cần phải bổ sung nhiều, trước khi có thể xác lập một giả thiết.

- Xin ông cứ việc hỏi.

- Ngài gặp cô Hatty Doran lần đầu tiên vào lúc nào ?

- Tại San Francisco, cách đây một năm.

- Ngài du lịch sang nước Mỹ?

- Vâng.

- Lúc ấy, ngài đã có ý định kết hôn chưa?

- Chưa.

- Nhưng ông bà đối xử thân mật với nhau?

- Tôi thích được gần nàng, và nàng có thể thấy như thế.

- Cha cô ấy rất giàu?

- Có thể nói ông ta là người giàu nhất.

- Ông ta làm giàu bằng cách nào?

- Khai thác mỏ vàng. Một vài năm trước đây, ông ta chưa có gì cả. Rồi ông ta tìm thấy mỏ vàng, đầu tư vào nó và càng ngày càng phát lên.

- Hiện giờ, ngài có ấn tượng gì về tính cách của người phụ nữ trẻ đó?

Nhà quý tộc du đưa cặp kính và nhìn chăm chăm vào lò sưởi.

- Trước khi cha nàng trở nên giàu có, nàng đã hai mươi tuổi. Trong thời gian đó, nàng chạy rong tự do trong các trại mỏ, lang thang qua rừng, qua núi; nàng được giáo dục bởi thiên nhiên nhiều hơn là bởi trường học. Nàng là con người mà tại Anh, chúng tôi gọi là tomboy. Tâm hồn nàng như núi lửa. Nàng quyết định rất nhanh chóng và không sợ hãi trong việc thực hiện những quyết định của mình. Mặt khác, hẳn là tôi đã không trao cho nàng cái tên mà tôi có vinh dự được mang - Ông ta hăng giọng một cách đĩnh đạc - nếu tôi không cho rằng, nàng là một phụ nữ quý tộc, rằng nàng có khả năng tự quên mình một cách dũng cảm, và rằng bất cứ cái gì đê mạt thì không phù hợp với bản thân của nàng.

- Ông có ảnh của cô ấy chứ?

- Có.

Ông ta mở một cái hộp hình trái tim và cho chúng tôi xem khuôn mặt chụp thẳng của một người phụ nữ rất xinh đẹp. Holmes nhìn chăm chú một hồi lâu. Rồi anh đóng nắp hộp và trao lại cho nhà quý tộc.

- Rồi cô ấy đến Luân Đôn, và hai người nối lại duyên tình với nhau?

- Vâng, vừa rồi cha nàng đưa nàng đến nghỉ mùa đông tại Luân Đôn. Tôi gặp nàng một đôi lần, đính hôn với nàng và đã làm lễ cưới. Theo tôi biết, cô ấy có một món tiền hồi môn đáng kể.

- Một món tiền khá. Nhưng không nhiều hơn số tiền hồi môn bình thường trong gia đình tôi.

- Lễ cưới đã xong, vậy thì món hồi môn đã đến tay cô ấy rồi chứ?

- Tôi thật sự không hỏi han gì đến chuyện ấy cả.

- Đương nhiên như thế. Ông có gặp cô Doran vào hôm trước đám cưới không?

- Có.

- Cô ấy có phần khởi không?

- Chưa bao giờ nàng vui hơn.

- Đó là một điều đáng chú ý! Thế còn vào buổi sáng trong ngày cưới.

- Nàng cũng tươi như hoa.

- Ngài thấy có gì thay đổi nơi cô ấy không?

- Ồ, lúc đó tôi thấy nàng gắt gỏng. Song chuyện ấy quá nhỏ, có lẽ nó không ăn nhập gì tới vụ mất tích này.

- Dù thế, ngài cũng nên cho chúng tôi biết.

- Ồ, đây là chuyện trẻ con thôi mà. Nàng đánh rơi bó hoa khi chúng tôi đi về phía phòng cưới. Lúc đó nàng đi qua cái ghế dài ở

phía trước, và bó hoa rơi vào trong cái ghế dài ấy. Người đàn ông ngồi trên ghế trao nó lại cho nàng, và trông nó vẫn bình thường, không bị hư hỏng gì cả. Thế nhưng, sau đó khi tôi nói chuyện ấy với nàng thì nàng lại xằng giọng, có vẻ bức tức vô lý về cái chuyện nhỏ nhặt đó.



- Thật ư? Ngài nói là lúc ấy có vài người đi lễ ở đó?
- Vâng. Không thể mời họ ra, khi nhà thờ mở cửa.
- Người đàn ông này không phải là người bạn của vợ ngài chứ?
- Không. Trông anh ta cũng bình thường. Tôi chả có để ý gì đến cái bề ngoài của anh ta cả. Nhưng thưa ông, chúng ta đã đi xa vấn đề rồi.
- Vậy là từ nhà thờ trở về, phu nhân kém vui hơn. Cô ấy đã làm gì khi bước vào nhà cha mình?

- Tôi thấy nàng nói chuyện với cô tớ gái.
- Cô ta tên gì.
- Alice. Cô ta là người Mỹ và đến từ California cùng với nàng.
- Một cô tớ gái thân tín?
- Còn hơn thế nữa.
- Cô ấy nói chuyện với Alice bao lâu?
- Một vài phút. Tôi không để ý.
- Ngài không nghe họ nói gì ư?
- Nàng nói một cái gì đó về sự "tiếm đoạt" ³¹). Nàng có thói quen dùng tiếng lóng theo kiểu đó. Tôi không hiểu mô tê gì cả.
- Sau khi nói chuyện với cô tớ gái, phu nhân làm gì?
- Nàng bước vào phòng điếm tâm.
- Cùng với ngài.
- Không. Một mình. Rồi, sau khi chúng tôi đã ngồi xuống trong vài phút, nàng vội vã đứng dậy, nói lí nhí một điều gì đó, rồi ra khỏi phòng. Và không trở lại nữa.
- Nhưng cô tớ gái khai rằng vợ ngài vào phòng, khoác một áo choàng rộng lên cái áo cô dâu, đội mũ rồi đi ra ngoài.
- Đúng như thế. Và sau đó, người ta thấy nàng đi vào công viên Hyde cùng với cô Flora Millar, người đã làm náo loạn buổi sáng hôm đó.
- Tôi muốn biết thêm một vài điều cụ thể về người đàn bà này, và mối quan hệ giữa ngài và cô ta.

Nhà quý tộc nhún vai và nhướn mày lên:

- Tôi có quan hệ thân mật một thời gian với người vũ nữ này. Nhưng tính tình cô ta cực kỳ nóng nảy. Cô ta đã viết cho tôi những lá thư khủng khiếp, khi nghe tin tôi sắp lấy vợ. Thật tình mà nói, sở dĩ

hôn lễ phải được cử hành lặng lẽ như thế là vì tôi sợ sẽ có một vụ gây rối trong nhà thờ.

- Phu nhân có nghe thấy việc này không?

- Không.

- Và sau đó, người ta thấy cô ấy đi với người đàn bà này?

- Vâng. Đó là điều mà cảnh sát xem như là một chi tiết quan trọng. Người ta nghĩ rằng Flora đã nhử vợ tôi ra, và giăng cho nàng một cái bẫy.

- Vâng, có thể như vậy.

- Ông cũng nghe như thế ư?

- Tôi không nói chắc chắn là thế. Nhưng chính ngài không nghĩ là có thể ư?

- Tôi không nghĩ là Flora làm đau một con ruồi.

- Nhưng sự ghen tuông sẽ làm biến đổi tính cách con người. Vậy, theo ngài, ngài nghĩ thế nào?

- Theo tôi, nàng đã bị chấn động tâm lý, nên đã gây ra một vài rối loạn thần kinh cho vợ tôi.

- Tóm lại, cô ấy đã bất thần trở nên loạn trí?

- Ồ, thực thế.

- Thưa ngài, bây giờ tôi gần đã có tất cả những dữ kiện mà tôi cần. Xin hỏi thêm một câu cuối cùng: Ngài có ngồi ở bàn điểm tâm, để có thể nhìn ra ngoài cửa sổ không?

- Chúng tôi có thể nhìn thấy phía bên kia đường và công viên.

- Đúng y như thế. Vậy thì, bây giờ ngài có thể ra về. Tôi sẽ liên hệ với ngài sau.

- Mong ông giải quyết được vấn đề.

- Tôi đã giải quyết xong.

- Vậy thì vợ tôi đang ở đâu?
- Tôi nói, là tôi đã giải quyết xong.
- Vậy thì tôi đang ở đâu?
- Tôi sẽ nhanh chóng nói cho ngài biết.

Người đàn ông lắc đầu:

- Có lẽ, việc ấy phải đòi hỏi những đầu óc khôn ngoan hơn ông và tôi – Ông ta nói, rồi cúi đầu chào kiểu cách, bước ra khỏi phòng.

- Ông ấy đã có lòng tốt khi đặt cái đầu tôi ngang hàng với cái đầu của ông ta – Holmes cười nói – Ta phải uống một ly whisky pha soda và hút một điếu xì gà sau cuộc “thăm vấn” như thế này. Tôi đã có câu kết luận về vụ này trước khi thân chủ của chúng ta bước vào phòng.

- Thật thế ư?

- Tất cả mọi sự xét của tôi chẳng qua là để kiểm tra lại cho chắc chắn mà thôi.

- Tôi cũng đã nghe tất cả những gì anh đã nghe. Nhưng tại sao tôi lại không phát hiện ra điều gì nhỉ?

- Anh đã nghe, nhưng anh ta không biết nhiều trường hợp tương tự như thế đã xảy ra ở nơi này, nơi kia.Ồ, tay Lestrade đang đến kìa! Anh sẽ thấy một con lật đật hảo hạng có những điếu xì gà trong hộp.

Người thám tử nhà nước đeo cà vạt trông như một thủy thủ, cầm một cái túi vải. Với một lời chào ngắn ngủi, ông ta ngồi xuống và đốt điếu thuốc xì gà đã được trao cho ông. Holmes nhấp nháy mắt hỏi:

- Có chuyện gì thế? Nom ông có vẻ bất mãn?

- Tôi chưa hài lòng. Đó là cái vụ án liên hệ đến ngài Simon.

- Thật sự? Ông làm tôi kinh ngạc đấy.

- Chưa bao giờ có một vụ nào phức tạp như thế! Mọi đầu mối đều đã tuột khỏi tay tôi. Tôi đã làm việc về vụ án đó suốt cả ngày.

- Và hình như nó làm cho ông đổ nhiều mồ hôi thì phải – Holmes nói, đặt tay lên vai ông.

- Vâng, tôi đã lê lết cả ngày trên đại lộ Serpentine.

- Để làm gì vậy?

- Để tìm xác của phu nhân Simon.

Sherlock Holmes tựa mình ra sau và cười ha hả:

- Ông có lê lết tại cái bể nước trên quảng trường Trafalgar không?

- Ông muốn nói gì?

- Bởi vì, biết đâu ông lại chẳng tìm thấy xác phu nhân ở đó?

Lestrade bắn một tia nhìn giận dữ vào bạn tôi.

- Ông làm như ông đã biết hết mọi chuyện về vụ này.

- Vừa mới nghe các sự kiện, là tôi đã biết hết rồi.

- Vậy là đại lộ Serpentine không đóng vai trò nào trong vụ này ư?

- Không.

- Vậy tại sao tôi lại tìm thấy cái này ở đó?

Ông ta mở cái túi vải và xổ tung ra trên sàn một chiếc áo cưỡi bằng lụa, một đôi giày xa tanh trắng, một vòng hoa cô dâu, một tấm mạng che mặt. Tất cả đều dầm nước. Ông đặt chiếc áo cưỡi lên trên đóng quần áo.



- Đây, có một vấn đề khó khăn để ông giải quyết, thưa ông Sherlock Holmes!

-Ồ, quả thế! – Holmes nói, thổi vào không khí những vòng tròn khói thuốc – Ông đã đưa chúng tôi về từ đại lộ Serpentine đây ư?

- Không. Chúng tôi lênh bênh gần bờ được một người giữ công viên phát hiện. Và theo tôi, nếu y phục ở đó thì cái xác chắc cũng gần đâu đó thôi.

- Bằng một lập luận thông minh kiểu đó, thì xác mọi người có thể tìm thấy gần chiếc tủ áo của họ. Xin làm ơn cho tôi biết, qua những thứ này, ông gì vọng đạt tới cái gì?

- Đạt tới một chứng cứ nào đó dính líu đến cô Flora Millar trong vụ mất tích.

- Ông sẽ thấy khó khăn đấy.

- Holmes ạ, chỉ trong hai phút mà ông đã phạm tới hai sai lầm. Cài áo choàng này thực sự có dính líu đến cô Flora Millar – Lestrade nói, giọng cay đắng.

- Dính líu như thế nào?

- Trên cái áo có một cái túi. Trong cái túi có một cái ví nhỏ. Trong ví là một mảnh giấy. Xem đây! – Ông ta đặt mảnh nó xuống bàn trước mặt Holmes, rồi đọc lớn:

“Tôi sẽ gặp cô khi tất cả đã sẵn sàng. Hãy đến ngay.

F.H.M.” [32\)](#)

Giả thiết của tôi, là phu nhân Simon đã bị nhử bởi cô Flora Millar và cô ta phải chịu trách nhiệm về sự mất tích của cô dâu. Mảnh giấy này, có chữ ký của cô ta, chắc chắn đã nhét vào tay của cô dâu ở cửa lớn, và nó đã lôi cuốn cô dâu vào trong tầm hành động của họ.

- Tốt lắm, ông bạn thân mến – Holmes cười nói - Quả thật là ông rất thông minh. Cho tôi xem tí nào?



Anh lơ đãng cầm mảnh giấy, nhưng bỗng nhiên anh chú ý thật sự, và khẽ kêu lên một tiếng kêu thoả mãn.

- Đây quả thật sự là một điều quan trọng.

- Hà! Ông cũng thấy thế ư?

- Cực kỳ quan trọng. Chúc mừng ông.

Lestrade nhóm dậy, ra vẻ đặc chí và cúi đầu xuống để nhìn.

- Ông xem nhầm mặt rồi! – Ông ta hét lên.

- Trái lại, đây mới đúng mặt của nó.

- Đúng mặt? Ông điên rồi ư? Những dòng chữ viết bằng bút chì bên đây này.

- Và mặt này có vẻ như là một cái hóa đơn khách sạn, khiến cho tôi quan tâm sâu sắc.

- Tôi đã xem rồi. Không có gì trong đó cả:

“Ngày 4 tháng 10, Phòng: 8 shilling; Điểm tâm: 2 shilling 6 pence; Cocktail: 1 shilling; Bữa trưa: 2 shilling 5 pence; Rượu sherry: 8 pence”.

Tôi không thấy có gì trong đó cả.

- Rất có thể là không. Mặc dầu vậy, nó cũng rất quan trọng. Còn về những dòng chữ, chúng rất quan trọng, hay ít ra là những chữ đầu viết tắt. Vậy, xin chúc mừng ông một lần nữa.

- Tôi đã phí mất quá nhiều thời giờ rồi – Lestrade nói, đứng lên – Tôi tin tưởng vào những giờ lao động khó nhọc, chứ không phải ngồi bên cạnh lò sưởi để dệt nên những lý thuyết đẹp đẽ! Chào nhé, ông Holmes! Và chúng ta sẽ xem, ai là người đến tận đáy của vấn đề trước.

Ông ta thu thập đồng quần áo trên sàn, nhét chúng vào cái túi xách, rồi đi ra cửa.

Ngay khi ông ta đóng cửa, Holmes đứng dậy và mặc áo khoác:

- Có một cái gì đó cần lưu ý trong những điều không ta vừa nói. Bởi vậy, tôi phải đi ngay.

Tới 5 giờ chiều, Sherlock Holmes vẫn chưa về. Lúc 6 giờ có một người đàn ông và một thanh niên mang một cái hộp dẹt lớn đến. Họ mở hộp ra và dọn một bữa ăn tối ngon lành trên đi-văng của chúng tôi. Có một cặp chim đã gà, một chim trĩ, bánh pa-tê gan, một vài chai rượu lâu năm. Sau khi đặt những thứ xa xỉ này lên trên bàn, hai người khác này bước ra, giống như những vị thần trong truyện Nghìn lẻ một đêm, không một lời giải thích, trừ một điều là những thứ này đã được trả tiền xong và được đưa tới địa chỉ này.

Gần 9 giờ tối, Sherlock Holmes nhanh nhẹn bước vào trong phòng. Nét mặt anh lộ vẻ nghiêm trang, nhưng có một tia sáng lộ trong mắt anh.

- Người ta đã dọn bữa ăn tối rồi đấy nhỉ? – Anh nói - rồi xoa tay vào nhau.

- Hình như anh có khách? Người ta đã dọn 5 phần ăn.

- Vâng, Tôi đoán sẽ có khách ghé thăm. Tôi không hiểu sao ngài Simon chưa đến. Hình như có bước chân ông ta trên cầu thang.

Đúng là thân chủ của chúng ta đang vội vã bước vào, dung đưa cặp kính một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết, và có nét lo lắng trên gương mặt.

- Thư báo tin đã đến ngài rồi chứ? Holmes hỏi.

- Vâng, nội dung của nó làm tôi vô cùng sửng sốt. Ông có đủ chứng cứ để chứng minh cho những điều ông nói không?

- Chứng cứ tốt nhất có thể có được.

Nhà quý tộc buông mình xuống ghế và đưa tay xoa lên trán.

- Công tước sẽ nói gì - Ông ta nói thì thào – Khi ngài thấy một người trong dòng họ phải chịu nhục nhã như thế này.

- Đấy chỉ là một tai nạn thuần tuý, không hề có sự sỉ nhục nào.

- Ông nghĩ vậy, nhưng tôi lại quan niệm một cách khác.

- Tôi không thấy ai đáng trách cả. Người phụ nữ ấy khó lòng làm khác hơn, mặc dù nó là điều đáng tiếc. Trước một tình huống như thế mà nàng lại không có mẹ bên cạnh, không có ai khuyên bảo.

- Đó là một cái tát, thưa ông, một cái tát công khai – Ông ta nói, gõ ngón tay lên bàn.

- Thưa ngài, phải thông cảm cho cô gái đáng thương này. Cô ấy gặp phải một tình huống quá bất ngờ.

- Làm sao thông cảm được. Quả thật tôi rất giận. Tôi bị lợi dụng.

- Hình như có chuông đấy. Vâng, có những bước chân ở đầu cầu thang. Tôi biết tôi không thể thuyết phục được ông, nên tôi đã đưa tới đây một người, hy vọng ông ta sẽ thành công.

Holmes mở cửa và đưa vào một người đàn ông và một phụ nữ:

- Thưa ngài Simon. Xin giới thiệu với ngài đây là ông bà Francis Hay Moulton. Còn người phụ nữ này, tôi nghĩ ngài đã gặp.

Ngay khi thấy những người mới đến này, thân chủ chúng tôi đã nháy chồm lên và đứng thẳng người, mắt nhìn xuống đất và tay thọc vào ngực chiếc áo khoác, một bức tranh nói lên danh dự bị thương tổn. Người phụ nữ đã bước nhanh về phía trước, chìa tay ra cho ông ta, nhưng ông ta không chịu ngước nhìn lên.



- Chắc anh giận em lắm, phải không Robert? Vâng, anh giận như vậy là đúng lắm?

- Xin chớ phân trần với tôi – ngài Simon cay đắng nói.

- Vâng, em có lỗi. Lẽ ra, em phải nói cho anh trước khi em đi, nhưng từ lúc em thấy anh Frank xuất hiện, em không còn biết em làm gì, nói gì nữa.

- Thưa bà Moulton, có lẽ tôi và anh Watson nên lánh, trong khi bà giải thích chuyện này? - Holmes nói.

- Nếu được phép nêu ý kiến - Người đàn ông lạ mặt nói – Tôi xin phát biểu một đôi điều! Chúng ta đã giữ chuyện bí mật này khá lâu rồi. Theo ý tôi, tôi muốn cả Châu Âu và nước Mỹ được nghe thực trạng của vấn đề.

Đó là một người đàn ông nhỏ thó, rậm nắng, răn ròi, râu cạo nhẵn nhụi, với gương mặt sắc sảo và phong thái tinh táo.

- Vậy thì, em sẽ kể câu chuyện của chúng ta ngay sau đây - Người phụ nữ nói – Năm 1884, anh Frank và tôi đã gặp nhau ở McQuire,

gần dãy Rocky, là nơi cha tôi đang khai thác quặng mỏ. Chúng tôi đã bí mật đính hôn với nhau. Nhưng một hôm, cha tôi đào được mỏ vàng và giàu lên, trong khi anh ấy ấy ngày càng thất bại. Bởi vậy, cha tôi không muốn cuộc đính hôn dài lâu hơn nữa, ông bèn đưa tôi đến San Francisco. Nhưng anh không chịu bỏ cuộc, anh ấy theo tôi đến đó, chúng tôi gặp nhau mà cha tôi không hề hay biết gì. Frank nói rằng anh sẽ đi xa để xây dựng cơ nghiệp và chỉ trở về đón tôi khi nào anh đã giàu bằng cha tôi. Tôi hứa sẽ chờ đợi anh ấy đến trọn đời, và thề nguyện là không lấy ai khác, một khi anh ấy còn sống. Anh ấy nói: "Tại sao chúng mình không cưới nhau ngay đi? Để anh được yên tâm về em. Và anh sẽ không công khai nhận anh là chồng của em, cho đến khi anh trở về". Chúng tôi bàn chuyện đó. Anh ấy đã nhờ một ông mục sư làm lễ cưới ngay tại đó, rồi ra đi tìm sự nghiệp, còn tôi trở lại với cha tôi.

Sau đó, tôi được tin anh ở Montana, rồi có tin anh thăm dò quặng tại Arizona, rồi nghe tin anh đến New Mexico. Sau đó, trên báo có đăng một bài dài, nói về một trại mỏ đã bị dân da đỏ tấn công, và có tên anh trong danh sách những người bị giết. Tôi ngất đi, tưởng đã chết, rồi nằm liệt giường mấy tháng sau đó. Cha tôi nghĩ rằng tôi bị suy nhược thần kinh, đưa tôi đến bác sĩ này, bác sĩ nọ. Hơn một năm trời không có tin tức gì Frank, đến nỗi là tôi tin chắc là anh đã chết thật rồi. Thế rồi ngài Simon đến San Francisco, rồi chúng tôi sang London và một cuộc hôn nhân đã được sắp xếp. Cha tôi rất hài lòng, nhưng tôi không thể nào quên Frank.

Tuy vậy, nếu tôi kết hôn với ngài Simon thì tôi đã hoàn thành bổn phận làm con. Tôi đã đi đến nhà thờ với dự định trở thành một người vợ tốt, theo khả năng mà tôi có được. Nhưng ngay khi tôi bước đến gần bàn thờ, tôi nhìn lên thấy Frank đang đứng ở hàng ghế đầu tiên. Thoạt đầu, tôi nghĩ đó là bóng ma anh ấy hiện về, nhưng khi nhìn lại một lần nữa, rõ ràng anh ấy còn sống. Tôi thấy trời đất đang quay cuồng, và những lời nói của vị giáo sĩ giống như tiếng ong bay vù vù bên tai tôi. Tôi liếc ra phía sau, nhìn anh một lần nữa, thấy anh đưa ngón tay lên môi để bảo tôi im. Rồi tôi thấy anh ngoặc ngoạc trên một mảnh giấy. Khi đi qua cái ghế dài mà anh đang đứng, tôi ném bó qua cho anh, và anh tuồn mảnh giấy vào đó rồi trả lại bó hoa cho tôi. Đó chỉ là một dòng chữ yêu cầu tôi theo anh khi nào anh ra dấu hiệu. Tôi quyết tâm làm theo bất cứ chỉ thị nào của anh.

Khi trở lại họ nhà gái, tôi kể chuyện đó cho cô tớ gái của tôi, cô ta đã từng biết Frank từ khi còn ở California và đã từng là bạn của anh ấy. Tôi nhờ cô ta chuẩn bị cho tôi một vài thứ đồ đạc và áo khoác. Tôi biết, lẽ ra tôi phải nói cho Robert biết, nhưng thật là khó khăn khi có mặt mẹ anh ấy và tất cả những người quý tộc khác. Tôi quyết định là chạy trốn trước, giải thích sau. Tôi ngồi ở bàn chưa tới mười phút, thì thấy Frank xuất hiện ở cửa sổ, phía bên kia đường. Anh vẫy tay ra hiệu cho tôi, và bắt đầu bước vào công viên. Tôi lén về phòng, thay vội quần áo, rồi đi theo anh.



Có một người đàn bà đến nói với tôi một cái gì đó về Robert. Qua một đôi điều nghe được, thì dường như Robert cũng có một bí mật nho nhỏ nào đó. Nhưng tôi tìm cách thoát khỏi cô ta, chẳng bao lâu tôi theo kịp Frank, cùng nhau đi lên xe ngựa đi đến một chỗ trọ mà anh đã thuê sẵn và đó mới quả thật đúng là đám cưới của chúng tôi sau bao năm xa cách. Thì ra Frank tuy bị da đỏ bắt làm tù binh, nhưng anh đã trốn thoát, và đến San Francisco. Tại đây, biết tôi đã

theo cha đến nước Anh, Frank cũng sang theo, sau cùng đã tìm gặp tôi đúng vào buổi sáng hôm đó.

- Tôi đọc tin đó trên một tờ báo - Người Mỹ giải thích – Nó cho tôi biết tên cô dâu, chú rể và nhà thờ, nhưng không nói cô dâu sống ở đâu.

Người phụ nữ kể tiếp.

- Rồi chúng tôi bàn bạc xem là nên làm cái gì. Anh ấy muốn công khai chuyện này ra, nhưng tôi ngại quá. Tôi tính chỉ nên gửi vài dòng cho cha tôi, cho ông biết là tôi vẫn còn sống. Thế thôi, Bởi vậy, anh ấy cầm lấy đồ cưới làm thành một gói, ném vào một nơi nào đó để phi tang. Hẳn là ngày mai chúng tôi đã lên đường sang Paris, nếu chiều nay, ông Holmes không đến chỗ chúng tôi. Ông Holmes đã chỉ rõ cho chúng tôi thấy rằng tôi sai và Frank đúng, và rằng chúng tôi giữ bí mật như vậy là không phải. Và ông Holmes hứa cho chúng tôi một cơ hội để nói chuyện với ngài Simon. Vì thế mà chúng tôi đã đến đây. Anh Robert, bây giờ anh đã nghe tất cả rồi. Em rất tiếc là đã làm cho anh đau khổ, và em hy vọng rằng anh sẽ không nghĩ quá xấu về em.

Người phụ nữ ngừng nói. Cho tới lúc này, ngài Simon vẫn chưa giảm đi thái độ cứng cõi, nhưng đôi mày nhíu lại và đôi môi mím chặt.

- Xin lỗi quý vị, tôi không quen bàn những chuyện riêng tư một cách công khai như thế này.

- Vậy là, anh không tha lỗi cho em ư? Anh không bắt tay trước khi em đi sao?

- Nếu cô muốn.



Ông ta chìa tay ra, lạnh nhạt nắm lấy bàn tay của người phụ nữ.

- Tôi đã hy vọng rằng thế nào ngài cũng sẽ lưu lại dùng bữa ăn thân mật với chúng tôi – Holmes nói.

- Có lẽ ông nói hơi quá đấy. Tôi làm sao vui cho được. Bây giờ cho phép tôi được chúc tất cả quý vị một đêm ngon giấc. Xin chào! - Huân tước Simon liếc nhìn mọi người trước khi bước ra khỏi phòng.



- Còn tôi thì tin rằng ông sẽ làm tên tuổi của tôi và của công ty ông trở nên nổi tiếng. – Holmes quay sang nói với người đàn ông - Những cuộc tiếp xúc với người Mỹ, thưa ông Moulton, làm tôi luôn tin tưởng, trong một ngày không xa, con của ông bà sẽ trở nên nổi tiếng ở nhiều quốc gia bởi sự phát triển của Tập đoàn "Jack với Sao và Vạch" ³³).

- Vụ này quả thật là hấp dẫn - Holmes nói, khi các vị khách đã ra về - Bởi vì nó giúp ta thấy rất rõ ràng, một sự việc mà thoát đầu dường như không thể giải thích được, thật ra là vô cùng giản dị! Không có gì hợp tự nhiên hơn là những sự việc mà người phụ nữ đã kể.

- Ngay từ đầu, anh đã đi đúng hướng chứ? - Tôi hỏi.

- Từ đầu, tôi thấy có hai sự kiện rất rõ ràng, Một người phụ nữ đó sẵn sàng dự phần nghi lễ tại nhà thờ. Hai là, chỉ sau đó mấy phút, cô ta đã ân hận về việc đó. Như vậy là có một cái gì đó đã xảy ra trong buổi sáng, nó làm thay đổi ý định của cô ta. Đó là cái gì? Hẳn là cô ta

đã không nói chuyện với người lạ nào, vì có chú rể bên cạnh. Vậy thì, phải chăng cô ta đã nhìn thấy một ai đó? Nếu có, hẳn phải là một người đến từ nước Mỹ, bởi vì cô ta mới sống tại Anh một thời gian quá ngắn, nên không thể có một người Anh nào có thể gây cho cô ta một ảnh hưởng quá sâu sắc, đến nỗi chỉ nhìn thấy anh ta cũng đủ làm cho cô ta thay đổi hẳn kế hoạch. Bằng phương pháp loại trừ, tôi đã đi đến kết luận rằng, có thể là cô ta đã nhìn thấy một người Mỹ. Vậy thì, người Mỹ này là ai, và tại sao anh ta lại có ảnh hưởng quá lớn đến cô ta như vậy? Có thể đó là một người tình? Có thể đó là một người chồng? Tôi biết, thời niên thiếu cô ta đã sinh sống trong khung cảnh hoang dã, dưới những điều kiện đặc biệt. Tôi đã biết đó trước khi ngài Simon kể. Khi ông ta cho biết có một người đàn ông trong ghế dài, về sự thay đổi trong thái độ của cô dâu, về việc đánh rơi bó hoa (một phương pháp trao đổi tin tức khá rõ ràng) về sự cầu cứu đến cô tớ gái tin cẩn, về cái từ "tiếm đoạt" rất có ý nghĩa (theo cách nói của những người khai thác mỏ, thì "tiếm đoạt" nghĩa là chiếm hữu một cái gì mà chủ quyền thuộc về người khác). Với những sự kiện đã kể trên, thì toàn bộ vấn đề đã quá rõ ràng. Cô ấy đã đi theo người tình, hoặc là người chồng cũ của cô ta.

- Và anh đã làm cách nào để tìm thấy họ?

- Kể ra thì cũng khó. Nhưng may nhờ cái hóa đơn khách sạn của ngài Lestrade, ông ta cầm nó trong tay, mà không biết giá trị của nó. Những chữ viết tắt dĩ nhiên là vô cùng quan trọng, nhưng cái quan trọng hơn, là biết được họ đang ở tại một khách sạn thuộc loại sang nhất tại London.

- Làm thế nào anh biết được?

- Cái giá tiền nơi hóa đơn, 8 shillings cho cái giường, và 8 pence cho một ly rượu sherry ³⁴⁾, chừng ấy cũng đủ thấy đó là một trong những khách sạn sang nhất. Tại London chả có mấy khách sạn như thế. Tại khách sạn thứ hai mà tôi đến thăm, qua sổ đăng ký, tôi biết rằng Francis H. Moulton, người Mỹ, chỉ mới rời khách sạn này ngày hôm trước, khi nhìn qua những món mà anh ta phải trả, tôi thấy khớp với những món trong hóa đơn của ngài Lestrade. Anh ta yêu cầu thư từ gửi về khách sạn, xin chuyển lại số 226 quảng trường Gordon. Tôi tìm đến địa chỉ ấy, và may mắn gặp đôi uyên ương. Tôi

đánh bạo cho họ một lời khuyên của một người cha, vạch rõ cho họ thấy rằng mọi sự sẽ tốt hơn nếu họ cho dư luận rộng rãi, nhất là ngài Simon, biết sự thật. Tôi mời họ đến đây để gặp ông ta, và như anh thấy đó, tôi buộc ông ta phải đến.

- Nhưng kết quả không tốt lắm. Ông ta cư xử không mấy lịch sự - Tôi nhận xét.

- Nhưng mà, Watson ạ - Holmes mỉm cười nói – Có lẽ anh cũng không thể nào lịch sự được, nếu anh lâm vào cảnh ngộ của ông ta. Phải vất vả lắm mới làm được đám cưới, thế rồi, dùng một cái, thấy mình mất tất cả chì lẫn chài. Chúng ta xét đoán ngài một cách thông cảm hơn, và hãy cảm ơn số mệnh đã không bắt ta phải chịu một cảnh ngộ oái oăm như vậy. Đẩy cái ghế của anh ta lại gần đây và trao cho tôi cái đàn vĩ cầm, vì vấn đề duy nhất mà chúng ta phải giải quyết bây giờ là làm thế nào sống qua những buổi chiều mùa thu ảm đạm này.

☺

CHIẾC VƯƠNG MIỆN GẮN NGỌC BERIN

The Beryl Coronet

- Holmes!

Buổi sáng hôm đó, tôi đang đứng bên cạnh cửa sổ căn phòng của chúng tôi ở đường Baker.

- Holmes! Tôi gọi lại một lần nữa - Một người điên đang đi dạo ngoài đường. Thật là một cảnh đáng buồn. Đáng lẽ người ta không nên để ông ta đi như thế...

Holmes uể oải rời khỏi ghế bành, tiến đến cửa sổ, nhìn xuống. Lúc bấy giờ là tháng hai, không khí lạnh giá. Dưới ánh mặt trời yếu ớt của mùa đông, lớp tuyết rơi xuống đêm qua vẫn sáng lấp lánh, trắng xóa và trơn trượt. Con đường vắng ngắt, duy nhất chỉ có một người đàn ông...

Ông ta khoảng năm mươi tuổi, thân hình cao lớn, vạm vỡ, dáng dấp có vẻ uy nghiêm trong bộ y phục màu sẫm sang trọng với chiếc áo sơ đan gót đen, chiếc nón mới toanh, đôi giày sạch bóng và quần tây dài đúng mốt, nhưng trong lúc này cái phong cách uy nghiêm đã biến mất! Ông ta vừa chạy vừa nhảy như một người điên, hai tay huơ lên xuống loạn xạ, cái đầu lắc qua lắc lại và gương mặt nhăn nhó một cách thảm hại.

- Chuyện gì đã xảy đến cho ông ta? Dường như ông ta đang tìm số nhà? - Tôi nói.

- Ông ta sẽ đến đây! - Holmes đáp. Vừa xoa hai bàn tay vào nhau.

- Đến đây à?

- Phải ông ta đến gặp tôi để nhờ giải quyết một vấn đề khó khăn. Nhìn những triệu chứng của ông ta là tôi biết ngay. Ấy, bạn thấy chưa, tôi nói có sai đâu?

Thật vậy, người đàn ông đó lao mình đến trước cửa nhà chúng tôi:

ông ta giật dây chuông mạnh đến nỗi tiếng reo ầm ĩ khắp nhà.



Một lát sau, ông ta lao vào phòng, miệng thở hồng hộc, hai tay vẫn còn quơ lia lia, nhưng đôi mắt ông ta ẩn chứa một nỗi tuyệt vọng ghê gớm. Thoạt đầu ông ta không thể nói được một tiếng nào cả, chỉ lắc lư thân hình và vò đầu vò tóc như một người sắp lên cơn điên. Rồi thình lình ông ta lao đầu vào vách tường. Chúng tôi vội kéo tay ông ta ra giữa phòng. Holmes đỡ ông ta ngồi xuống một chiếc ghế, rồi cùng ngồi xuống bên cạnh, nắm lấy bàn tay ông ta và dịu dàng nói:

- Ông đến với tôi để kể tôi nghe câu chuyện của ông, phải không? Ông bị mệt vì phải chạy gấp đến đây. Ông hãy ngồi nghỉ cho đến lúc lấy lại bình tĩnh, sau đó tôi rất vui lòng nghe ông trình bày cái vấn đề nhỏ nhỏ đang làm cho ông điên đầu.

Người đàn ông ngồi im trong một hai phút. Chiếc cằm sệ xuống: ông ta đang cố gắng kiềm chế chống lại cơn xúc động rồi ông ta lấy khăn tay thấm mồ hôi trán, lau khô môi, và quay về phía chúng tôi:

- Chắc các ông nghĩ là tôi điên, phải không?

- Tôi chỉ thấy ông đang có một tai họa lớn - Holmes đáp.

- Và chỉ có Chúa mới biết nó lớn đến mức nào! Một tai họa đủ để làm cho tôi phải mất hết lý trí: nó đã đổ ụp xuống đầu tôi với một sự đột ngột khủng khiếp!... Hơn nữa, không phải chỉ có một mình tôi dính líu vào vụ này. Nhân vật cao quý nhất trong xứ này có thể bị đau khổ, trừ phi tìm được một cách giải quyết êm thấm.

- Xin ông hãy bình tĩnh lại, rồi cho tôi biết ông là ai, và chuyện gì đã xảy ra - Holmes nói

- Tôi là Alexandre Holder, thuộc công ty ngân hàng Holder & Stevenson, ở đường Threadneedle.

Đó là tên của người hùn vốn trọng tuổi nhất trong ban điều hành của một công ty ngân hàng đứng thứ nhì ở thủ đô. Chúng tôi tò mò chờ ông ta kể lại câu chuyện.

- "Ngay khi viên thanh tra cảnh sát bảo tôi: Chỉ có Sherlock Holmes mới giúp được ông tôi liền đi đến đường Baker bằng xe điện ngầm và từ đó tôi chạy bộ đến đây, bởi vì với lớp tuyết dày như thế này, xe ngựa đi rất chậm... Hẳn các ông cũng biết rằng một trong những cách thức bỏ tiền ra có lợi nhất là cho vay. Trong những năm vừa qua, chúng tôi đã cho các gia đình quý tộc vay những số tiền rất lớn, thế chấp bằng những bức tranh, sách quý hoặc vàng bạc. Sáng hôm qua tại ngân hàng, một người thư ký đem đến cho tôi một tấm danh thiếp. Đọc cái tên ghi trên đó, tôi giật nảy mình, bởi vì... đó là một trong những gia đình thế gia vọng tộc lớn nhất. Đó là một vinh dự lớn cho tôi, và khi ông khách được đi vào, tôi tìm cách khen một câu. Nhưng ông ta cắt ngang lời tôi:

- Ông Holder, tôi biết rằng ngân hàng của ông thường cho vay tiền.

- Ngân hàng chúng tôi vẫn thường cho vay, khi người vay có cái gì để bảo đảm.

- Tôi cần ngay tức khắc 50 ngàn đồng bằng. Dĩ nhiên, tôi vẫn có thể mượn của các bạn tôi một số tiền mười lần lớn hơn số tiền nhỏ mọn này, nhưng tôi thích xem việc này là một việc riêng mà tôi phải

tự giải quyết lấy. Với địa vị của tôi, mang ơn người khác là một điều nên tránh.

- Tôi có thể hỏi ngài muốn giữ số tiền đó trong bao lâu không?

- Thứ hai tới, người ta sẽ trả cho tôi một số tiền lớn, và chắc chắn tôi sẽ hoàn lại ông cả vốn lẫn lãi. Nhưng điều quan trọng nhất đối với tôi là phải có ngay 50 ngàn đồng bằng.

- Tôi sẽ lấy tiền túi của tôi ra cho ngài vay mà không đòi hỏi bảo đảm gì cả. Nhưng vị trí của tôi không cho phép tôi có được cái vinh dự đó. Mặt khác, vì lẽ tôi hoạt động cho công ty, nên tôi có bốn phận yêu cầu ngài có những bảo đảm cần thiết.

- Tôi thích như thế hơn - Ông ta đáp rồi đưa ra một chiếc hộp da màu đen, hình vuông - Ông có nghe nói đến chiếc vương miện nạm ngọc berin không?

- Đó là một trong những vật châu bảo quý giá nhất của đất nước.

- Đúng vậy!

Ông lấy chiếc hộp ra: chiếc vương miện đẹp lộng lẫy được đặt nằm trên một lớp nhung màu hồng.

- Nó có tất cả 39 viên ngọc berin thật lớn, và cái khung bằng vàng của nó thì thật là vô giá. Trị giá của chiếc vương miện này tính ra ít nhất cũng là 100 ngàn đồng bằng. Tôi sẵn sàng giao nó cho ông giữ làm vật bảo đảm.



Tôi cầm lấy chiếc hộp quý báu, nhìn chiếc vương miện rồi nhìn người thân chủ.

- Phải chăng ông nghi ngờ giá trị của nó? - Ông ta hỏi.

- Không, hoàn toàn không.

- Đúng hơn, tôi tự hỏi... Vì sao tôi dám giao cho ông giữ một vật quý giá như thế, phải không? Ông đừng lo ngại gì cả! Ông tưởng rằng tôi sẽ hành động như thế sao, nếu tôi không tuyệt đối chắc chắn có thể thu hồi nó lại trong bốn ngày nữa? Đây chỉ là một vấn đề thủ tục thôi. Theo ông, vật bảo đảm này có đủ không? - Nhà quý tộc hỏi.

- Quá đủ!

- Ông Holder, xin ông hãy hiểu rằng tôi tin cậy sự kín đáo của ông và nhất là sự cảnh giác của ông: chắc ông cũng hiểu rằng một vụ tai tiếng lớn sẽ xảy ra nếu có chuyện gì xảy đến cho chuyện này. Một

vết xước nhỏ cũng nghiêm trọng gần bằng với sự mất mát của nó: ông hãy nghĩ rằng trên khắp thế giới không có những viên ngọc berin nào có thể sánh được với những viên ngọc này! Tuy nhiên, tôi vẫn giao chiếc vương miện cho ông giữ. Sáng thứ hai, tôi sẽ đích thân đến lấy nó lại.

Tôi gọi người thủ quỹ và ra lệnh cho anh ta giao ngay 50 ngàn đồng bằng. Tuy nhiên, khi còn lại một mình với chiếc hộp, tôi không khỏi lo sợ khi nghĩ đến cái trách nhiệm lớn lao đè nặng trên vai. Và tôi bắt đầu cảm thấy hối tiếc khi đã nhận lãnh bảo vật quốc gia này. Nhưng đã muộn rồi, không thể làm gì khác hơn, tôi bèn cất nó trong tủ sắt riêng và tiếp tục làm việc. Chiều đến, trước khi về nhà, tôi tự bảo không nên đại dột để lại trong văn phòng một vật quý báu như thế. Hàng năm tủ sắt của ngân hàng đã từng bị phá rồi! Và nếu chiếc tủ sắt của tôi bị phá...., nếu chiếc vương miện biến mất?.... Không! Không thể để chuyện đó xảy ra! Tôi quyết định mang nó về nhà. Và sau đó cất kỹ bảo vật trong chiếc bàn giấy của phòng rửa mặt ở tầng hai.

Bây giờ, thưa ông Holmes, tôi cần phải cho ông biết qua về những người ở trong nhà tôi. Tôi có hai người tớ trai, đều ngủ ở bên ngoài nhà, ba người tớ gái đã giúp việc cho tôi từ nhiều năm nay, và họ là những người rất ngay thật. Một người tớ gái khác, tên là Lucy, mới vào được vài tháng, nhưng cô ấy có một bản tính tốt. Đó là một cô gái khá xinh đẹp, lôi cuốn nhiều chàng trai si tình thỉnh thoảng đến lảng vảng chung quanh ngôi nhà của tôi. Đó là những gia nhân. Còn gia đình tôi thì không có bao nhiêu người. Tôi góa vợ, và chỉ có một đứa con trai duy nhất, tên là Arthur. Thằng bé này là cả một sự thất vọng của tôi. Thưa ông Holmes, khi vợ tôi qua đời, tôi dồn tất cả tình thương cho nó. Tôi không bao giờ từ chối nó một cái gì cả.

Dĩ nhiên, tôi có ý định chuẩn bị cho nó kế nghiệp tôi ở ngân hàng, nhưng nó không có khiếu và cũng không ưa thích kinh doanh. Tính tình của nó không được thuận. Đến tuổi thành niên, nó gia nhập câu lạc bộ quý tộc, và trở thành bạn thân của những nhà quý tộc giàu có, sang trọng, giết thì giờ bằng những trò ăn chơi xa xỉ. Cùng với họ, nó vung tiền vào những canh bạc và những cuộc đua ngựa. Nó thường xuyên xin thêm tiền tôi, ngoài số tiền trợ cấp hàng tháng, để thanh toán những món nợ.. Hơn một lần nó cố gắng đoạn tuyệt với cái câu

lạc bộ nguy hiểm, nhưng lần nào cũng vậy, George Burnwell lại lôi cuốn nó trở về cái nhóm đó.

Sự thật, tôi không ngạc nhiên khi thấy George Burnwell có ảnh hưởng rất lớn đối với Arthur. Ông ta lớn tuổi hơn Arthur: một con người của giới thượng lưu, hào hoa phong nhã và thật là đẹp trai. Tuy nhiên, đôi lúc nhớ lại một vài lời khinh bạc và vô sỉ của George Burnwell, nhớ lại một vài ánh mắt tinh ma quỷ quái của ông ta, tôi bỗng cảm thấy nghi ngại: con người này khó có thể tin cậy được.

Thưa ông Holmes, buổi tối hôm đó, trong phòng khách, tôi kể lại cho Arthur và Mary nghe câu chuyện về cái vương niệm, nhưng không tiết lộ tên của người chủ món hàng. Sau khi pha café xong, Lucy đã rời khỏi phòng, tôi nhớ chắc như thế, nhưng tôi không nhớ rõ là cửa phòng có được đóng lại hay không. Mary và Arthur tỏ ra vô cùng thích thú và yêu cầu được xem vương niệm. Tôi từ chối.

- Ba cất nó ở đâu? - Arthur hỏi.

- Trong bàn giấy riêng của ba.

- Con hy vọng ngôi nhà này sẽ không bị trộm đến viếng trong đêm nay.

- Bàn giấy đã được khóa kỹ.



- Ăn thua gì! - Arthur nói. - Bất cứ chiếc chìa khóa cũ nào cũng có thể mở nó ra được. Khi còn bé, chính con đã mở nó ra với chìa khóa của chiếc tủ bỏ trong căn phòng chứa đồ đạc.

Arthur có tật hay nói đến bất cứ điều gì, và tôi thường không chú ý đến những điều nó nói. Tuy nhiên, buổi tối hôm đó, nó đi theo tôi vào tận trong phòng tôi với vẻ mặt rất nghiêm trọng:

- Thưa ba, ba có thể cho con hai trăm đồng bằng được không? - Arthur nói, đôi mắt nhìn xuống.

- Không. Ba đã quá rộng rãi đối với con về vấn đề tiền bạc rồi! - Tôi xằng giọng đáp.

- Ba đã rất tử tế với con, nhưng con rất cần hai trăm đồng bằng đó, nếu không, con sẽ không bao giờ có thể chường mặt đến câu lạc bộ nữa!

- Đó là một điều rất tốt.

- Vâng, nhưng chắc ba không muốn con trai của ba trở thành một kẻ bị mất danh dự chứ! Con phải tìm cho ra tiền, nếu ba không cho con số tiền đó, con sẽ tìm cách khác.

- Con sẽ không có một xu nào hết. Đừng nài nỉ nữa vô ích! - Tôi giận dữ, trả lời.

Nó nghiêng mình, và lặng lẽ rời khỏi phòng.



Khi nó đi rồi, tôi mở chiếc bàn giấy ra để chắc chắn là cái kho tàng vẫn còn nằm trong đó, rồi tôi khóa lại. Xong, đi một vòng khắp chung quanh nhà để xem có điều gì bất thường không. Công việc này thường do Mary đảm nhiệm, nhưng buổi tối hôm đó, tôi đích thân làm lấy. Khi đi xuống cầu thang, tôi thấy Mary đang đứng ở cửa sổ trước; lúc tôi đến gần, nó đóng cửa sổ lại và gài thật cẩn thận. Nó có vẻ hơi bối rối hỏi tôi:

- Thưa ba, tối nay ba có cho phép Lucy đi ra ngoài không?

- Không!

- Cô ta vừa mới trở lại bằng cửa sau. Con dám chắc là cô ta đã đi gặp một anh chàng nào đó tại cửa nhỏ bên cạnh nhà. Thật là một

hành động không đứng đắn tí nào? Con thấy có lẽ chúng ta phải chấm dứt cái trò đùa đờn này.

- Sáng mai con hãy nói với cô ta. Con chắc chắn là tất cả cửa giả đều đã được đóng kỹ không?

- Dạ chắc.

- Vậy, chúc con ngủ ngon!

- Thưa ông Holmes, tôi cố gắng nói cho ông biết hết tất cả, không bỏ quên một chi tiết nhỏ nhất nào có liên hệ đến vụ này. Nhưng nếu ông thấy có một điểm nào không được rõ, xin ông cứ hỏi lại, đừng ngại gì cả”.

- Bản tường thuật của ông khá rõ ràng đấy.

- “Tôi ngủ không say lắm. Đêm hôm đó do có một nỗi lo âu tiềm tàng trong tâm trí nên tôi càng khó ngủ hơn. Khoảng hai giờ sáng, một tiếng động trong nhà làm tôi giật mình: tiếng động đó im bật khi tôi hoàn toàn tỉnh ngủ, nhưng tôi có cảm giác như thể một cánh cửa sổ ở đâu đó đã được đóng lại thật êm. Tôi cố lắng tai nghe. Thành linh, tôi ngồi nhồm dậy: tiếng chân đi rất nhẹ trong căn phòng kế bên. Tôi liền nhảy xuống giường và chạy đến mở cửa phòng rửa mặt ra.

- Arthur! - Tôi kêu lên - Ô! Thằng vô lại! Thằng ăn cắp! Sao mà dám đụng đến chiếc vương niệm đó?

Bên cạnh chiếc đèn chong đã được tôi vặn nhỏ lại hồi đầu hôm, thằng khốn nạn chỉ mặc áo sơ mi với quần dài, hai tay đang cầm chiếc vương niệm. Dường như nó đang cố gắng hết sức để vặn hay bẻ cong chiếc vương niệm lại. Nghe tiếng kêu của tôi, nó buông chiếc vương niệm rơi xuống sàn nhà, gương mặt tái mét. Tôi nhặt chiếc vương niệm lên thật nhanh và xem xét nó. Một góc bằng vàng, với ba viên ngọc berin gắn vào đó, đã bị sút mất.



- Thằng bất hiếu! - Tôi giận dữ hét lên. - Mà đã phá hỏng nó rồi! Thế là tao bị ô nhục suốt đời. Mà ăn cắp ba viên ngọc rồi phải không?

- Ăn cắp? - Nó lặp lại.

- Phải, mà đã ăn cắp mất ba viên ngọc berin! - Tôi hét lớn, nắm vai nó, lắc mạnh.

- Nhưng có thiếu viên ngọc nào đâu!

- Thiếu ba viên! Mà vừa là một thằng nói láo, vừa là một thằng ăn cắp.

- Ba đã gọi con bằng những danh từ mà con không thể chấp nhận được, con không thể chịu đựng những lời nhục mạ của ba được nữa. Con sẽ không nói thêm một tiếng nào về vụ này. Con sẽ rời khỏi nhà của ba và sẽ tự lo lấy thân con.

- Mày sẽ rời khỏi nhà tao giữa hai người cảnh sát! - Tôi hét lớn giận dữ - Vụ này sẽ được đưa ra công lý, tao thề như thế.

- Con sẽ không nói gì cả! - Nó đáp với một vẻ quyết liệt mà tôi chưa bao giờ trông thấy nơi nó. - Ba đã muốn gọi cảnh sát đến thì hãy để cảnh sát làm việc.

Trong lúc đó, mọi người trong nhà đã thức dậy. Mary là người đầu tiên chạy vào, trông thấy chiếc vương niệm và nhìn khuôn mặt của Arthur, nó đoán biết câu chuyện, kêu lên một tiếng và ngã quỵ xuống sàn nhà, bất tỉnh. Tôi cho chị bồi phòng đi gọi cảnh sát đến. Lát sau, một thanh tra và một cảnh sát viên đến. Arthur này giờ vẫn khoanh tay đứng im, vẻ mặt bức tức, lên tiếng hỏi tôi có ý định tố cáo nó về tội trộm cắp hay không. Tôi trả lời với nó rằng vụ này không còn là một chuyện riêng tư nữa, và tôi muốn pháp luật được thi hành triệt để.

- Ít nhất, xin ba đừng cho bắt con ngay bây giờ! Vì quyền lợi của ba cũng như của con, xin ba hãy để cho con đi ra ngoài trong năm phút.

- Phải chăng mày muốn bỏ trốn hay mày muốn cất giấu mấy viên ngọc?

Ý thức được tất cả tình trạng khủng khiếp của tôi, tôi năn nỉ nó nên nhớ rằng vụ này có thể gây ra một tai tiếng ghê gớm, ảnh hưởng tai hại đến uy tín của quốc gia. Tất cả những nguy cơ đó hãy còn có thể tránh được, chỉ cần nó cho tôi biết ba viên ngọc bây giờ ở đâu.

- Con đủ khôn lớn để nhận thức được tất cả tầm quan trọng của vụ này và nhìn thẳng vào nó. Con đã bị bắt quả tang: không một lời thú nhận nào có thể làm giảm tội lỗi của con được. Nhưng con có thể được khoan hồng bằng cách nói cho ba biết những viên ngọc đó ở đâu. Ba sẽ tha thứ hết.

- Ba hãy để dành sự tha thứ cho những kẻ nào cần đến nó! - Arthur quay lưng lại với tôi và cười gằn.

Thấy không còn cách nào thuyết phục được nữa, tôi đành giao nó cho viên thanh tra cảnh sát. Liền đó, nó bị lục soát, cảnh sát cũng lục soát phòng riêng của nó và tất cả những góc, khe kẽ ở trong nhà.

Nhưng vẫn không tìm thấy gì. Và nó vẫn không nói một tiếng nào. Sáng nay, nó đã bị tổng giam, còn tôi, sau khi làm xong tất cả những thủ tục cần thiết, tôi liền chạy đến đây. Hiện tại, cảnh sát đã thú nhận bắt lặc. Thưa ông Holmes, nếu thấy cần phải tiêu xài những gì, xin ông hãy cứ tự nhiên: tôi đã treo một phần thưởng 1000 đồng bằng.. Chúa ơi! Chỉ trong một đêm, tôi đã mất hết danh dự và đứa con trai duy nhất! Ôi, làm sao bây giờ?"

Ông ta đưa hai bàn tay lên ôm lấy mặt, lắc qua, lắc lại, miệng nói lảm bảm những lời vô nghĩa như một kẻ tâm thần.

Sherlock Holmes ngồi im lặng trong vài phút, đôi mày nhíu lại, mắt nhìn đăm đăm vào ngọn lửa trong lò sưởi

- Ông có thường tiếp khách không? - Holmes hỏi.

- Tôi không tiếp ai cả, ngoài người hùn vốn và gia đình của ông ta, hoặc thỉnh thoảng một người bạn của Arthur. Thời gian gần đây George Burnwell có đến nhà tôi nhiều lần. Ngoài ra, không có ai khác.

- Ông có thường hay đến chỗ này chỗ kia chơi không?

- Arthur thì có. Mary và tôi ở nhà. Cả Mary và tôi đều không thích đi chơi.

- Đó là một điều lạ lùng đối với một thiếu nữ!

- Nó có một bản tính trầm lặng. Và lại nó cũng không còn bé gì nữa: đã hai mươi bốn tuổi rồi

- Theo lời ông kể lại, vụ này cũng đã gây cho cô ấy một cơn xúc động ghê gớm, phải không?

- Phải.

- Cả cô ấy lẫn ông đều không còn một chút nghi ngờ gì nữa về sự có tội của con trai ông?

- Còn nghi ngờ gì nữa khi chính mắt tôi trông thấy chiếc vương niệm nằm trong hai bàn tay của nó?

- Đó chưa phải là một bằng chứng để buộc tội. Có phải phần còn lại của chiếc vương niệm bị hư hại không?

- Phải, bị cong vẹo.

- Vậy ông không nghĩ rằng con trai của ông đang tìm cách uốn nắn nó lại hay sao?

- Ông đang cố gắng làm những gì có thể làm được cho nó và cho tôi! Nhưng đó là một công việc quá khó khăn. Tại sao nó lại có mặt ở đó, để làm gì? Với chiếc vương niệm trong tay? Và nếu nó vô tội, tại sao nó không nói, mà cứ im lặng?

- Đúng! Và nếu cậu ấy có tội, tại sao cậu không bịa ra một điều nói láo thay vì im lặng? Trong vụ này còn có nhiều chi tiết kỳ lạ.. Về tiếng động đã đánh thức ông dậy, ý kiến của cảnh sát như thế nào?

- Cảnh sát nói tiếng động đó có thể do Arthur gây ra khi nó đóng cửa phòng của nó lại.

- Rất khó tin! Không một người nào sắp sửa làm một hành động bất lương lại đóng sầm cửa phòng của mình lại để đánh thức người khác dậy! Còn về ba viên ngọc?

- Họ tiếp tục lục lọi trong nhà với hy vọng sẽ tìm lại được chúng.

- Họ có nghĩ đến việc tìm kiếm ở bên ngoài ngôi nhà không?

- Có. Tất cả khu vườn đã được xem xét rất tỉ mỉ, không sót một chỗ nào.

- Thưa ông, vụ này phức tạp hơn là ông cảnh sát đã nghĩ lúc ban đầu. Xin ông hãy xét kỹ lại giả thiết của ông: Ông cho rằng con trai ông đã rời khỏi phòng của cậu ấy, để đi vào phòng rửa mặt của ông. Một hành động rất liều lĩnh, mở bàn giấy của ông ra, lấy chiếc vương niệm, dùng hết sức lực bẻ gãy một góc nhỏ của nó, rồi trở ra khỏi phòng, đi đến một chỗ nào đó để cất giấu ba viên ngọc.. và cất giấu một cách tài tình đến độ không ai có thể tìm ra được.. rồi cậu ấy lại mang 36 viên ngọc còn lại đi trở vào văn phòng.. nơi mà cậu ấy rất dễ dàng bị phát giác. Nào, tôi xin hỏi ông. Một giả thiết như thế có đứng vững không?

- Nhưng, như vậy thì theo ông, còn giả thiết nào khác nữa? - Ông chủ ngân hàng kêu lên với một cử chỉ tuyệt vọng. - Mà nếu những động cơ của nó là ngay thật, tại sao nó không nói cho tôi biết?

- Công việc đầu tiên của chúng ta là sẽ làm sáng tỏ điểm này. Vậy, nếu ông bằng lòng, chúng ta sẽ cùng đi đến Streatham, ở đó chúng ta sẽ xem xét thật kỹ một số chi tiết.

Holmes yêu cầu tôi cùng đi với anh và ông Holder. Tôi nhận lời ngay. Thú thật, cũng như tôi ông Holder, tôi thấy người thanh niên đó đã phạm tội rõ ràng. Nhưng tin tưởng tài nhận xét và suy luận ít khi sai lầm của Holmes, tôi vẫn còn một vài hy vọng: ngay từ đầu, Holmes đã bác bỏ về giả thiết quá đơn giản về sự phạm tội của Arthur.

Fairbank là một ngôi nhà bằng đá trắng, hình dáng vuông vức, nằm hơi cách xa đường một chút. Một con đường vòng khá rộng để hai chiếc xe có thể chạy song song với nhau và một lối đi chạy dài đến hai chiếc cổng sắt chắn ngang lối vào. Ở bên phải có một rặng cây nhỏ đưa đến lối đi nằm giữa hai hàng rào cây xanh: lối đi này đưa đến cửa nhà bếp và là lối đi dành cho gia nhân. Ở bên trái có một lối đi khác hướng về chuồng ngựa, nó chạy quanh co bên ngoài khu vực ngôi nhà, và thỉnh thoảng những người lân cận cũng đi theo lối này.

Holmes dừng lại trước cửa lớn, chậm chạp đi khắp xung quanh nhà: anh đi qua hết mặt trước của ngôi nhà, đi xuống lối đi dành cho gia nhân và đi vòng quanh khu vườn rồi trở lên bằng lối đi đưa đến chuồng ngựa. Thấy anh không có gì vội vã cả, ông Holder và tôi bèn đi vào phòng ăn, ngồi chờ bên lò sưởi. Chúng tôi ngồi im lặng được một lúc thì một thiếu nữ xuất hiện. Nàng hơi cao hơn trung bình một chút, thân hình mảnh dẻ, tóc vàng và mắt đen huyền nổi bật trên làn da trắng muốt. Gương mặt nàng xanh xao, đôi môi nhợt nhạt và ánh mắt biểu lộ một sự van xin câm lặng, nhưng vô cùng tha thiết. Khi nàng tiến vào phòng với một dáng đi nhanh nhẹn và đều đặn, tôi nhận thấy nỗi đau buồn của nàng còn có phần sâu xa hơn về đau buồn của ông chủ ngân hàng. Không quan tâm đến sự hiện diện của tôi, nàng tiến thẳng về phía người chủ lâu đài và đặt hai bàn tay lên gương mặt ông.



- Ba đã bảo người ta thả anh Arthur ra chưa?

- Không, con ạ.. Ung nhọt cần phải được cắt bỏ.

- Nhưng con tin chắc rằng anh ấy vô tội! Ba biết không, trực giác của một phụ nữ ít khi sai lầm. Ba sẽ hối hận khi đã tỏ ra quá khắc nghiệt.

- Nếu nó vô tội, tại sao nó lại làm thình?

- Ai có thể biết được? Có lẽ anh ấy đã giận ba đã nghi ngờ anh ấy.

- Làm sao ba không nghi ngờ nó được. Chính mắt ba trong thấy nó cầm chiếc vương miện mà.

- Ồ, anh ấy chỉ xem thôi... ba hãy tin con, anh ấy không có tội! Ba hãy bỏ qua cái vụ này đi. Thật là một điều ghê gớm khi nghĩ rằng Arthur bị ở tù!

- Ba sẽ không bỏ qua vụ này trước khi tìm được mấy viên ngọc. Thay vì bỏ qua, ba đã mời từ Luân Đôn về một vị thám tử đại tài sẽ làm sáng tỏ tất cả, ba tin chắc như thế.

- Có phải là ông đây không? - Nàng hỏi, vừa nhìn vào mặt tôi.

- Không, bạn của ông ấy. Trong lúc này, thám tử đang đi vòng theo lối đi tới chuồng ngựa.

- Lối đi tới chuồng ngựa?.. - Nàng nhướn đôi mày đen lên. - Ông ấy có thể tìm được hy vọng gì ở đó vậy, và chắc là ông ấy đây rồi. Thưa ông, tôi hy vọng rằng ông sẽ chứng tỏ được sự vô tội của anh Arthur. Tôi tin chắc là anh ấy bị hàm oan.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với cô, và cũng như cô, tôi hy vọng sẽ chứng tỏ được sự vô tội của anh ấy. - Holmes đáp, vừa quay trở lại tẩm chùi chân để chùi sạch lớp tuyết bám vào đôi giày. - Chắc là tôi đang được hân hạnh nói chuyện với cô Mary phải không. Cô có thể cho phép tôi hỏi cô một vài câu không?

- Xin ông cứ hỏi! Tôi rất muốn điều bí mật khủng khiếp này được sáng tỏ..

- Về phần cô, cô không nghe thấy gì cả trong đêm vừa qua?

- Không, cho đến khi bác tôi bắt đầu kêu to lên. Lúc đó tôi mới chạy xuống.

- Khi đóng những cửa lớn và cửa sổ, cô có đóng kỹ tất cả những cửa sổ không?

- Có.

- Sáng nay, tất cả những cửa sổ đó vẫn còn được đóng kín chứ?

- Vâng.

- Một trong những chị bồi phòng có một tình nhân, phải không? Và tối hôm qua, cô có báo cho ông chủ biết rằng chị ấy đã ra ngoài để gặp anh ta?

- Phải. Lúc chị ấy pha café trong phòng khách. Có lẽ chị ấy đã

nghe bác tôi nói về chiếc vương niệm.

- Tôi hiểu. Cô suy ra rằng chị ấy có thể đã đi ra ngoài để báo cho tình nhân biết, và cả hai người đó đã sắp đặt kế hoạch để lấy trộm chiếc vương niệm.

- Nhưng chúng ta còn đặt ra những giả thiết phiêu lưu đó để làm gì? - Ông chủ ngân hàng nóng nảy kêu lên. - Bởi vì tôi đã nói rằng chính mắt tôi trông thấy Arthur đang cầm chiếc vương niệm trong tay mà!

- Xin ông hãy kiên nhẫn một chút. Chúng ta còn phải trở lại với giả thiết này, với chị bồi phòng ấy. Cô Mary, cô đã trông thấy chị ấy trở vào bằng cửa nhà bếp, phải không?

- Cô có biết anh ta không?

- Có chứ! Anh ta tên là Francis.

- Anh ta đứng ở bên trái của nhà bếp, nghĩa là hơi xa một chút trong lối đi? - Holmes hỏi.

- Phải.

- Và anh ta có một cái chân gỗ?



Một thoáng lo sợ hiện lên trong đôi mắt của người thiếu nữ.

- Phải chăng ông là một vị thánh? - Nàng mỉm cười kêu lên. - Làm sao ông biết được điều đó?

Nhưng Holmes không đáp lại nụ cười của nàng. Anh nói tiếp.

- Tôi cần xem xét trên lầu. Và có thể là tôi sẽ quan sát lại khắp chung quanh nhà một lần nữa.. nhưng trước khi lên gác, có lẽ tôi nên xem xét kỹ những cửa sổ của tầng dưới..

Anh nhanh chóng đi từ cửa sổ này đến cửa sổ khác và dừng lại một lúc trước cửa sổ lớn ngó ra lối đi đưa đến chuồng ngựa. Anh mở nó và dùng chiếc kính lúp xem xét thật tỉ mỉ bờ cửa sổ.

- Tốt! Bây giờ chúng ta có thể đi lên gác. - Sau cùng anh nói.

Phòng rửa mặt của ông chủ ngân hàng là một căn phòng nhỏ đầy đủ tiện nghi. Nó có một tấm thảm màu xám, một chiếc bàn giấy lớn

và một tấm gương soi hình chữ nhật. Holmes tiến đến chiếc bàn giấy và nhìn chăm chú vào ổ khóa.

- Ông thường mở nó bằng chìa nào?

- Chiếc chìa mà con trai tôi đã chỉ: chìa khóa của chiếc tủ để trong phòng để đồ đạc không dùng đến nữa.

- Nó có ở đây không?

- Nó ở trên bàn.

Holmes lấy chiếc chìa khóa và mở bàn giấy ra:

- Chìa khóa này không gây một tiếng động nào cả. Do đó, kẻ gian mở bàn giấy ra mà vẫn không làm cho ông thức giấc. Chắc cái hộp này đựng chiếc vương niệm? Ông cho phép tôi xem nó một chút.

Anh mở chiếc hộp, lấy vương niệm ra đặt lên bàn. Một đầu của vương niệm bị cong và bị gãy: một góc chứa ba viên ngọc đã bị bẻ đi mất.

- Ông Holder, đây là cái góc đối xứng với cái góc đã bị mất. Tôi có thể yêu cầu ông thử bẻ gãy nó được không?

Ông chủ ngân hàng kinh hãi, lùi lại.

- Không! Tôi không thể làm được chuyện đó!

- Vậy thì tôi sẽ thử..

Holmes lấy hết sức mạnh bẻ một cái, nhưng không kết quả.

- Tôi chắc nó chỉ hơi cong một chút xíu thôi. - Anh bình tĩnh nhận xét. - Nhưng dù cho những ngón tay của tôi khỏe đến mấy, tôi cũng không thể bẻ gãy nó được. Nhưng, ông hãy thí dụ là tôi bẻ gãy nó đi: nó sẽ phát ra một tiếng kêu khá lớn, gần như tiếng nổ của một phát súng lục vậy. Và nếu một tiếng động như vậy mà chỉ phát ra cách giường ông vài mét, có thể nào ông lại không nghe thấy gì cả?

- Tôi như người đang ở trong đêm tối.

- Có lẽ tất cả sáng tỏ nếu chúng ta tiếp tục. Cô Mary, cô nghĩ sao?

- Tôi cũng không biết nghĩ sao nữa.

- Con trai của ông không mang giày dép gì cả, khi ông trông thấy cậu ấy?

- Trên mình chỉ có một chiếc áo sơ-mi và chiếc quần tây dài

- Cám ơn ông. Chúng ta được một sự may mắn lạ thường, vậy nên nếu chúng ta không làm sáng tỏ được vấn đề, thì đó là lỗi của chúng ta.

Holmes ra ngoài một mình, làm việc trong một tiếng đồng hồ, rồi trở vào nhà với hai bàn chân dính đầy tuyết và một gương mặt lạnh lùng khó hiểu.

- Thưa ông, bây giờ, điều hay nhất mà tôi có thể làm giúp ông, là trở về nhà tôi.

- Nhưng còn mấy viên ngọc?

- Tôi chưa thể nói được.

Ông chủ ngân hàng vịn vẹo hai bàn tay vào nhau:

- Vậy là tôi sẽ không bao giờ trông thấy lại chúng! - Ông ta kêu lên.. - Còn con trai tôi?

- Tôi vẫn không thay đổi ý kiến về cậu ấy.

- Vậy, tôi van ông, xin ông giải thích, nó như thế nào?

- Nếu sáng mai, ông có thể đến nhà tôi, trong khoảng từ 9 đến 10 giờ, tôi sẽ giải thích cho ông thấy rõ tất cả. Có phải ông đã giao cho tôi toàn quyền chi tiêu, miễn sao thu hồi lại được ba viên ngọc?

- Tôi sẵn sàng chi cả gia tài

- Tốt lắm. Bây giờ tôi đi lo việc đó. Xin chào ông.

Trong chuyến đi trở về, tôi tìm cách dò hỏi nhưng Holmes trả lời rất hờ hững. Chúng tôi về đến nhà trước ba giờ chiều. Holmes chạy

thẳng vào phòng, vài phút sau anh trở ra, cải trang thành một anh bồi: cổ áo và đôi giày mòn gót.



- Như thế này là được rồi. - Anh nói, vừa ngắm nghía mình trong gương. - Trong vụ này, có thể là giả thiết của tôi đúng, nhưng cũng có thể là tôi sai lầm. Dầu sao, rồi ra tôi cũng sẽ biết rõ sự thật.

Anh cắt một lát thịt bò nướng, kẹp nó vào giữa hai miếng bánh mì và ra đi.

Khi anh trở về, tôi vừa uống xong tách chè. Trông anh có vẻ vui tươi thấy rõ: anh cầm một chiếc giày cũ ở đầu sợi dây giày, đong đưa nó qua lại rồi ném nó vào một góc phòng, tôi rót cho anh một chén chè.

- Ở đâu vậy?

- Ồ, ở tận kia của vùng West End. Và tôi không biết giờ nào tôi sẽ về. Vậy anh không cần chờ tôi!

- Có triển vọng không?

- Không tệ lắm! Tôi đã đi đến Streatham, nhưng không vào nhà. Vụ này có một vấn đề nhỏ rất lý thú. Thôi, tôi chỉ còn vừa đủ thì giờ để thay đồ.

Qua những lời nói có vẻ hơi mơ hồ của anh, tôi hiểu anh đã đạt được những kết quả rất khả quan. Chờ đến khuya vẫn chưa thấy anh về, tôi bèn đi ngủ.

Tôi không biết Holmes về lúc mấy giờ, nhưng sáng hôm nay, khi xuống phòng khách để ăn điểm tâm, tôi đã thấy anh ngồi đó tự bao giờ, tươi tỉnh và khỏe khoắn, tay này cầm một tờ báo, tay kia một tách café.

- Xin lỗi đã không đợi anh để cùng ăn, nhưng chúng ta có hẹn với thân chủ, và bây giờ đã hơn chín giờ rồi.

- Thật vậy, dường như tôi vừa mới nghe có tiếng chuông reo.

Quả đúng là nhà tài chính của tôi. Nhưng chỉ mới có một đêm mà ông tiêu tụy hẳn! Ông tiến vào phòng với một vẻ mệt mỏi và đờ đẫn. Tôi đẩy một chiếc ghế bành đến cho ông và ông liền ngồi phịch xuống.

- Không biết tôi đã làm gì nên tội! Cách đây hai hôm, tôi còn là một người thịnh vượng và sung sướng. Nhưng hôm nay tôi là một người khốn khổ nhất trên đời. Họa vô đơn chí, con bé đã ra đi rồi.

- Mary bỏ đi rồi à?

- Phải, sáng nay. Phòng nó trống trơn, trên bàn có một lá thư. Ngày hôm qua, trong cơn đau buồn, tôi có trách nó rằng tất cả câu chuyện thâm thám này sẽ không xảy đến nếu trước kia nó bằng lòng kết hôn với Arthur. Trong thư, nó nhắc đến lời trách móc đó.

“**T**HƯA **B**ÁC **R**ẤT **T**HÂN **Y**ÊU **C**ỦA **C**ON.

Con thấy rằng con là nguyên nhân gây ra tai họa cho bác, rằng nếu con đã hành động khác hơn thì tai họa đó đã không

xảy đến. Với ý nghĩ này ám ảnh trong đầu, con sẽ không bao giờ có thể sung sướng được ở trong nhà bác nữa; vậy tốt hơn con nên vĩnh viễn từ biệt bác. Xin bác đừng lo lắng gì cả cho tương lai của con; con không thiếu thốn gì đâu. Nhất là xin bác đừng tìm kiếm con, mà mất thì giờ vô ích. Dù còn sống hay chết, mãi mãi con vẫn là cháu Mary thương yêu của bác

MARY".

- Ông Holmes, Mary có tự tử không?

- Không! Cô ấy đã chọn giải pháp tốt nhất. Ông Holder, tai họa của ông sắp chấm dứt rồi.

- Ông có nghĩ rằng 1000 đồng bằng cho mỗi viên ngọc là một số tiền quá lớn không?

- Tôi sẵn sàng trả 10.000 đồng!

- Không cần thiết như thế. Chỉ cần ba ngàn đồng. Cộng thêm một số tiền thưởng nhỏ nữa, phải không? Đây, bút đây. Ông chỉ cần viết một ngân phiếu bốn ngàn đồng bằng; thì mọi việc sẽ êm đẹp cả.

Ông chủ ngân hàng mừng quýnh, tay run run viết tờ ngân phiếu. Holmes đi đến bàn giấy của anh, lấy ra một miếng tam giác nhỏ bằng vàng có gắn ba viên ngọc berin và ném nó lên bàn.

- Nó đây rồi! Ông đã tìm ra nó! - Người chủ ngân hàng nói lắp bắp. - Tôi thoát nạn rồi! Thoát nạn rồi!

Ông siết chặt những viên ngọc sát ngực.

- Ông còn mắc nợ một điều khác nữa, ông Holder. - Holmes nói với một vẻ nghiêm khắc.

- Tôi còn mắc nợ? - Ông ta hỏi lại, vừa cầm cây bút lên. - Hãy nói cho tôi biết bao nhiêu, tôi vui lòng trả.

- Không, ông không mắc nợ tôi gì cả. Nhưng ông phải thiết tha xin lỗi con trai ông. Đó là một tâm hồn cao quý. Trong vụ này, cậu ấy đã hành động một cách dũng cảm và cao thượng.

- Arthur không ăn cắp sao?!

- Tôi đã nói với ông ngày hôm qua, và tôi nói lại với ông hôm nay: Không!

- Chắc chắn chứ? Vậy chúng ta hãy chạy đến nhà giam báo cho nó hay.

- Cậu ấy đã biết rồi! Sau khi tìm ra được sự thật, tôi có đến nhà giam nói chuyện với cậu ấy. Vì cậu ấy không chịu mở miệng, nên tôi đã nói cho cậu ấy biết hết mọi điều. Cậu ấy nhìn nhận tôi suy diễn đúng sự thật. Và cậu ấy giải thích thêm vài chi tiết hầy còn hơi mờ. Cái tin về cô Mary sẽ khiến cậu ấy nói hết mọi sự việc cho ông biết.

- Tôi van ông, xin ông hãy nói hết cho tôi nghe.

- Vâng. Nhưng tôi buộc phải bắt đầu bằng sự việc đau lòng nhất cho ông: Thủ phạm là Mary và George Burnwell. Bây giờ họ đã trốn rồi.

- Con bé à? Không thể có chuyện đó!

- Khốn thay, đây không phải là chuyện có thể hay không có thể, mà đây là chuyện có thật! Cả ông lẫn con trai ông đều không hiểu rõ bản chất của George Burnwell. Đó là một trong những người nguy hiểm nhất ở nước Anh: một con bạc bị sạt nghiệp, một tên lưu manh bất trị, một kẻ không có lương tâm. Cô cháu gái của ông hoàn toàn không biết gì cả về hắn. Khi hắn ta bắt đầu tán tỉnh cô ấy (cũng như hắn đã tán tỉnh hàng trăm phụ nữ trước cô ấy), Mary đã hãnh diện, nghĩ rằng cô là người đầu tiên và cũng là người duy nhất làm cho trái tim hắn ta rung động. Chỉ có quý mới biết được những gì tên lưu manh đó nhỏ to với Mary; có điều chắc chắn là trong vòng tay của hắn, nàng đã trở thành một món đồ chơi: gần như đêm nào hai người cũng lén lút gặp nhau.

- Tôi không tin, không thể tin được! - Ông chủ ngân hàng hét to lên, gương mặt màu xám như tro

- "Tốt. Vậy tôi sẽ kể cho ông nghe những gì đã xảy ra ở nhà ông đêm hôm đó. Khi ông đi vào phòng ông thì Mary lén ra khỏi phòng cô ấy và đến đứng bên chiếc cửa sổ hướng ra lối đi dẫn tới chuồng ngựa

và nói chuyện với tình nhân đứng ở bên ngoài. Dấu chân của gã bắt lương in rõ trên tuyết trong suốt thời gian hẳn ta đứng gần bên cửa sổ. Mary đã nói với hẳn về chiếc vương miện. Lòng tham của kẻ bản thủ liền nổi dậy và y thuyết phục nàng đánh cắp bảo vật. Vừa nghe xong những lời dụ dỗ đó, Mary bỗng trông thấy ông đang đi xuống cầu thang, cô vội vã đóng cửa sổ lại và kể cho ông nghe về chuyện chị bồi phòng.

Về phần con trai ông, sau khi xin tiền ông không được, cậu trở về phòng mình nằm trần trọc mãi, tâm trí lo âu vì những món nợ... Lúc nửa đêm, cậu nghe có tiếng bước chân đi nhẹ qua cửa phòng mình. Cậu liền ngồi dậy, nhìn ra ngoài hành lang và kinh ngạc thấy Mary đi vào trong phòng rửa mặt của ông. Sinh nghi, cậu liền mặc vội vào người một chiếc sơ mi và chiếc quần dài rồi đứng núp trong bóng tối. Một lát sau, Mary xuất hiện dưới ánh sáng của chiếc đèn đặt ở dãy hành lang, và cậu ấy thấy rõ nàng cầm chiếc vương miện đi xuống cầu thang. Kinh hãi, cậu liền chạy đến ẩn mình sau tấm màn, gần cửa phòng ông. Tại đó, cậu thấy cô gái nhẹ mở cửa sổ lớn, trao vương miện cho một kẻ nào ở bên ngoài, rồi nhanh chóng đóng cửa sổ lại rồi trở về phòng mình.

Cho tới khi nào Mary vẫn còn đứng đó, Arthur không thể làm gì được mà không gây tai tiếng cho người mà cậu thương yêu.

Nhưng khi nàng đi rồi, cậu liền chạy xuống cầu thang với đôi chân trần. Cậu mở chiếc cửa sổ lớn, nhảy ra ngoài tuyết và lao mình trên lối đi dẫn đến chuồng ngựa. Phía trước cậu hiện ra lờ mờ bóng một người đàn ông đang chạy: George Burnwell cố gắng chạy trốn, nhưng Arthur đã tiến sát đến hẳn ta. Hai người đánh nhau: con ông nắm giữ được một đầu của vương miện và gã Sở Khanh nắm giữ đầu kia. Con trai ông đã nện cho tên lưu manh một vết khá nặng ở phía trên mắt. Rồi thành linh một tiếng rắc khô khan vang lên. Con trai ông nhận thấy mình đã giật lại được chiếc vương miện, liền chạy trở về nhà, đóng cửa lại, leo lên phòng rửa mặt của ông. Chính lúc ấy cậu nhận thấy chiếc vương miện đã bị bẻ cong và cố gắng uốn cho nó thẳng lại thì ông xuất hiện”.



- Có thể nào như thế chẳng? - Ông chủ ngân hàng thì thầm.

- Và lúc đó, ông đã làm cho cậu giận dữ với những lời mắng nhiếc thậm tệ... Nhưng cậu đã chọn giải pháp cao thượng nhất: im lặng để giữ bí mật cho nàng.

- Thế là bây giờ tôi mới hiểu tại sao con nhỏ đã kêu lên một tiếng và bất tỉnh khi nó trông thấy chiếc vương niệm! - Ông Holder đau đớn nói. - Chúa ơi, tôi thật là u mê. Và con tôi đã xin tôi để nó đi ra ngoài trong 5 phút! Thằng bé muốn trở lại chỗ nó đã đánh nhau với tên ác ôn để tìm miếng vương niệm bị gãy... Ôi, tôi rất có lỗi với con tôi.

- "Khi đến nhà ông, tôi liền đi một vòng khắp chung quanh, hy vọng tìm được những dấu chân trong tuyết. Tôi biết rằng đêm hôm trước đó tuyết không rơi, và không khí lạnh giá giữ được nguyên vẹn những dấu vết. Tôi men theo lối đi dành cho gia nhân, nhưng ở đây đã có quá nhiều dấu chân dẫm lên nhau và tôi không thể phân biệt

được gì nữa. Tuy nhiên, tôi cũng nhận ra rằng cách cửa nhà bếp không xa, một người đàn bà đã đứng lại và nói chuyện với một người đàn ông: một dấu tròn ở một bên chứng tỏ người đàn ông này có một cái chân gỗ.. Sau đó, tôi đi khắp khu vườn, nhưng tôi chỉ tìm thấy ở đó những dấu chân loạn xạ khắp nơi: tôi cho đó là những dấu chân của các cảnh sát. Trái lại, khi đi theo lối đi dẫn đến chuồng ngựa, tôi đã khám phá được cả một câu chuyện rất dài và phức tạp: chính những dấu chân còn in rõ mòm mộm trên tuyết đã kể cho tôi biết.

Có hai loại dấu chân song song với nhau: dấu chân của người mang giày và dấu chân của người đi chân không. Những dấu chân trần này chỉ có thể là của con trai ông. Lần theo những dấu chân đó về phía ngôi nhà, tôi đi đến chiếc cửa sổ lớn: ở đó tôi thấy dấu chân của người mang giày in rất sâu xuống lớp tuyết, chứng tỏ người đó đã đứng đây một lúc khá lâu, có lẽ là để chờ đợi. Rồi, vẫn lần theo những dấu chân, tôi quay trở lại đầu kia của lối đi. Cách chừng 100 mét, tôi nhận ra được chỗ hai người đã dừng lại đối diện với nhau: lớp tuyết bị chà đạp nát bấy, ở đây chứng tỏ đã có một cuộc vật lộn dữ dội xảy ra. Sau cùng, tôi thấy có vài giọt máu: vậy là tôi đã không lầm. Người mang giày đã tháo chạy xuống phía dưới lối đi: một vết máu nhỏ ở đây chứng tỏ là hấn đã bị thương. Hấn chạy ra đến con đường lớn, nhưng đến đây thì mất dấu của hấn, bởi vì lề đường và lòng đường đã được quét sạch.

Tuy nhiên, khi trở lại căn nhà, tôi dùng kính lúp xem xét thật kỹ bờ và khung của chiếc cửa sổ lớn. Tôi liền nhận ra ngay có một người đã nhảy qua đó để trở vào nhà. Tôi thấy rõ dấu của một bàn chân còn ướt trên bờ cửa sổ. Lúc bấy giờ, với những chi tiết được thu nhận và phân tích như thế, tôi đã có thể dựng lên một giả thuyết:

Có một người đàn ông đã đứng chờ ở bên ngoài chiếc cửa sổ lớn, một kẻ nào đó ở trong nhà đã đem chiếc vương niệm xuống trao cho hấn, con trai ông đã phát hiện được việc này. Cậu đã đuổi theo tên trộm, đã đánh nhau với nó, mỗi người cố gắng giằng chiếc vương niệm về phía của mình, và sức lực của hai người cộng lại đã làm cho chiếc vương niệm bị gãy mất một góc. Con trai ông đã lấy lại được chiếc vương niệm nhưng đã bỏ lại viên ngọc trong tay gã ăn trộm. Cho tới đó, mọi sự đều rõ ràng, hợp lý. Vấn đề đặt ra bây giờ là tìm

xem tên trộm đó là ai và kẻ nào ở trong nhà đã đem chiếc vương miện xuống cho hắn.

Trong vụ này, chắc chắn ông không phải là người đã đem chiếc vương miện xuống cho tên trộm. Vậy chỉ còn cô cháu gái của ông và những chị bồi phòng. Nhưng nếu thủ phạm là chị bồi phòng thì không có lý do gì Arthur lại im lặng. Vậy thì chỉ còn có Mary, và tôi biết rằng Arthur rất thương yêu cô ta, điều này đủ để giải thích tại sao cậu chịu cảm như hến. Tôi nhớ lại rằng ông đã bắt gặp Mary đứng ở bên chiếc cửa sổ đó, và cô ta đã ngất xỉu khi trông thấy chiếc vương miện mà cô tưởng rằng đang ở trong tay kẻ đồng lõa của cô: thế là giả thuyết của tôi đã trở thành sự thật.

Nhưng ai có thể là kẻ đồng lõa của cô ta? Dĩ nhiên đó phải là một gã tình nhân. Bởi vì không ai đủ sức làm cho cô ấy quên được ông! Tôi biết rằng ông rất ít khi đi ra ngoài chơi, và con số những người bạn thân của gia đình ông cũng rất ít. Nhưng trong số đó có George Burnwell, một người đàn ông bị tai tiếng rất nhiều đối với giới phụ nữ. Có lẽ chính hắn ta là người đồng lõa của Mary và chính hắn đang giữ những viên ngọc bị mất. Dầu Arthur có biết rõ hắn là tên trộm, hắn ta vẫn có thể được an toàn, bởi Arthur sẽ không dám tiết lộ ra một điều sẽ gây tai tiếng cho gia đình cậu.

Lúc bấy giờ tôi cải trang thành một người bồi, đi đến nhà gã quý tộc và tìm cách bắt chuyện với anh hầu của hắn. Anh này cho tôi biết là đêm vừa qua ông chủ của anh ta đã vô ý tự gây ra một vết thương ở mặt. Và sau cùng, với 6 xu, tôi mua được một đôi giày cũ của chủ hắn ta. Tôi liền chạy thẳng một mạch đến Streatham để so xem những dấu chân ở đó có đúng với kích thước và hình dạng của bàn chân hắn ta không: nó giống hệt”.

- Tối hôm qua - Holder nói - Tôi có trông thấy trên lối đi đưa đến chuồng ngựa một gã bụi đời ăn mặt rách rưới.

- Chính tôi đó. Sau khi đã biết chắc tên trộm đó chính là George Burnwell, tôi trở về nhà thay quần áo. Đến đây vai trò của tôi trở thành khó khăn. Bởi vì tôi hiểu rằng không nên làm rùm beng vụ này, cốt để tránh cho ông khỏi bị tai tiếng; tôi cũng biết rằng George Burnwell là một tên táng tận lương tâm, chắc chắn hắn sẽ khai thác cái thế tiến thoái lưỡng nan của ông.

Lúc đầu hăn chối leo lẻo. Nhưng khi tôi kể rõ từng chi tiết sự việc xảy ra đêm hôm đó, hăn liền trở mặt xấc xược và chụp lấy một cái chùy treo trên vách tường. Tôi lập tức dí súng vào thái dương hăn. Tôi đề nghị với hăn cho tôi chuộc lại ba viên ngọc với giá 3000 đồng bằng. Hăn chặc lưỡi: Thật là xui! Tôi chỉ bán có 600 đồng mà thôi! Tôi bèn bắt buộc hăn phải cho tôi địa chỉ người mua, đổi lại tôi hứa sẽ không lôi hăn ra tòa.



Tôi chạy thẳng một mạch đến nhà người mua, và sau một hồi trả giá, tôi chuộc lại được ba viên ngọc với giá 1000 đồng bằng mỗi viên. Xong, tôi liền đi gặp con trai ông để cho cậu ấy biết rằng tất cả đã được giải quyết tốt đẹp. Lúc bấy giờ đã hai giờ sáng, tôi chỉ còn nghĩ đến có một việc: đi ngủ. Sau một ngày làm việc cực nhọc như thế, đây là một sự nghỉ ngơi rất .. xứng đáng đấy chứ!

- Và đó là một ngày đã cứu nước Anh thoát khỏi một vụ tai tiếng xấu xa! Ông chủ ngân hàng kết luận, vừa đứng lên. Thưa ông, tôi

không thể tìm ra được những lời nào để bày tỏ hết lòng biết ơn của tôi đối với ông, nhưng xin ông tin chắc rằng mãi mãi tôi không bao giờ quên ơn ông. Bây giờ tôi chạy đến gặp con trai tôi để xin nó tha thứ cho tôi. Về phần con bé Mary đáng thương đó, hành động dại dột của nó đã làm cho tôi tan nát cõi lòng. Với khả năng xét đoán tài tình của ông, ông có thể cho tôi biết bây giờ nó ở đâu không?

- Cô ấy đang ở nơi mà George Burnwell đang ở; chẳng bao lâu, hẳn ta sẽ nhận một sự trừng phạt còn lớn hơn cả tội lỗi của hẳn ta nữa!

☺

VÙNG ĐẤT "NHỮNG CÂY DÈ ĐỎ"

The Copper Beeches

Bên ngoài, làn sương mù dày đặc lơ lửng giữa những dãy nhà xám xịt. Cửa sổ nhà đối diện hiện ra những vết đen mờ, không ra hình thù gì rõ rệt. Ngọn đèn khí đốt chiếu sáng mấy chiếc đĩa sứ và bộ đồ ăn vẫn còn trên bàn. Sherlock Holmes vẫn giữ im lặng, không ngừng lật những trang bố cáo trong các tờ báo. Cuối cùng anh không lục lợi nữa mà ngắm nghía ngọn lửa nhảy múa trong lò sưởi, rồi nói:

- Anh không đáng bị gán cho là một người chuyên viết truyện "giật gân", bởi vì phần lớn những vụ án mà anh đề cập tới thì không phải là những vụ hình sự. Các câu chuyện nhỏ về ông vua xứ Bohemia, chuyện tình của tiểu thư Mary Sutherland, chuyện người đàn ông môi trề và lễ thành hôn của nhà quý tộc độc thân... không nhất thiết thuộc phạm vi pháp luật. Nhưng nếu tránh các chuyện giật gân, thì sẽ rơi vào chỗ tầm thường.

- Trong các truyện do tôi viết, các đoạn kết thì có thể là tầm thường, nhưng phương pháp viết thì vừa mới lạ vừa thú vị.



- Chà chà! Anh bạn thân mến, phải chăng bây giờ độc giả lại chịu khó để ý tới những tia sáng tinh tế của phép phân tích và phép diễn dịch? Nhưng nếu anh rơi vào chỗ tầm thường, tôi cũng không thể trách anh được, và hiện nay, đâu còn những vụ quan trọng nữa. Giờ đây cái nghề hèn mọn của tôi đang biến thành công việc tìm kiếm những đồ vật thất lạc hoặc làm cố vấn cho các công chức về hưu. Như ngày hôm nay đây, cái thư này cho ông biết tôi đã "hết thời" rồi. Anh hãy đọc đi!

"**T**HƯA **Ô**NG **H**OLMES **T**HÂN **M**ẾN,

Tôi rất cần ý kiến của ông để quyết định xem nên nhận hay từ chối một chỗ dạy trẻ. Nếu không có gì phiền ông, tôi sẽ đến gặp ông vào lúc 10 giờ 30 ngày mai. Chúc ông mạnh khoẻ.

VIOLETTE HUNTER".

- Anh quen biết cô này chứ? - Tôi hỏi.

- Tôi đấy à? Đâu có.

- Đã mười giờ rưỡi rồi.

- Vâng. Cô ta đang gọi cửa.

- Việc này có thể đáng chú ý hơn anh tưởng. Anh có nhớ vụ "con ngỗng" không. Lúc đầu nó như một chuyện khôi hài, sau đó phát triển thành một cuộc điều tra công phu. Lần này cũng dễ như vậy lắm.

- Hãy hy vọng thế! Nhưng sự ngờ vực của chúng ta sẽ sáng tỏ ngay thôi, vì cô ta đã tới.



Cửa mở và một thiếu nữ bước vào. Cô ta ăn mặc giản dị nhưng duyên dáng. Gương mặt lạnh lợi lăm lăm những nốt tàn nhang. Tóc cô vàng óng. Cử chỉ của cô cho thấy cô là người tháo vát. Khi bạn tôi đứng lên chào, cô nói ngay:

- Xin tha lỗi đã làm phiền ông. Nhưng tôi vừa gặp một chuyện lạ

lòng, mà tôi không có bà con hay bạn bè để hỏi ý kiến. Thế là tôi nghĩ tới ông. Có lẽ ông vui lòng chỉ bảo tôi cách hành động?

- Thưa cô, mời cô ngồi đã. Tôi rất sung sướng được phục vụ cô.

Tôi nhận thấy là Holmes có ấn tượng tốt về ngôn ngữ và cử chỉ của người khách hàng. Đầu tiên anh ta quan sát theo thói quen cố hữu, rồi mới ngồi xuống, nghe trình bày.

“Tôi đã làm nghề dạy trẻ suốt 5 năm trong gia đình đại tá Spence Munro. Cách đây hai tháng, đại tá được bổ nhiệm đến Halifax, Nova Scotia. Ông đem theo các con nhỏ đến Mỹ, nên tôi thất nghiệp. Tôi đăng báo tìm việc, gửi thư đến các nơi đăng tin tìm người. Tất cả đều không có kết quả. Sau cùng, tiền dành dụm đã cạn, tôi không còn biết phải làm gì nữa. Ở khu West End có cơ sở Westaway chuyên tìm việc cho người dạy trẻ. Mỗi tuần một lần, tôi tới đó xem có chỗ nào không. Cô Stoper là người quản lý cơ sở này, cô làm việc trong văn phòng nhỏ, những người lạ tìm việc ngồi trong phòng đợi, lần lượt được đưa vào. Cô Stoper nghiên cứu các hồ sơ rồi tìm chỗ phù hợp cho mỗi người.

Tuần vừa rồi, tôi được đưa vào văn phòng đó như thường lệ. Nhưng lần này ở trong phòng, ngoài cô Stoper ra, còn có một người đàn ông rất béo, khuôn mặt tươi cười với một cái cằm rất to; ông ta mang kính, nhìn chăm chăm những người bước vào phòng. Khi trông thấy tôi, ông ta đứng phắt lên và quay sang cô Stoper:

- Thật thích hợp! Tôi không mơ ước gì hơn nữa! Tuyệt vời! Tuyệt vời! - ông ta xoa tay mừng rỡ. - Cô tìm việc làm, phải không?



- Thưa ông, vâng.

- Cô là người dạy trẻ?

- Thưa ông, vâng.

- Lương cô bao nhiêu?

- Đại tá Spence Munro trả tôi bốn bảng một tháng.

-Ồ! Cái tên lợi dụng! Cái tên bóc lột! - ông ta xoa xoa tay, rồi vung vẩy tay, giận sôi sùng sục - Tại sao có những kẻ lại có thể trả số lương tẻ mạt như vậy cho một người xuất sắc và hoàn bị như cô?

- Về sự hoàn bị, có lẽ không được như ông mong mỏi. Một chút tiếng Pháp, một chút tiếng Đức, âm nhạc và trẻ...

- Suýt suýt! Chuyện đó chỉ là phụ. Điểm chính yếu là thế này: cô có cái vẻ của một tiểu thư đài các. Nếu cô không được thế, cô không

xứng đáng làm người giáo dục cho một đứa trẻ có thể đóng một vai trò đáng kể trong lịch sử nước này. Nếu ngược lại, thì tại sao lại có những người nhân tâm trả cho cô cái đồng lương chết đói đó? Thưa cô, tôi sẽ trả cho cô lương khởi điểm ở nhà tôi là 100 bảng một năm.

Nói xong, con người hào phóng ấy mở ví và rút ra một tờ giấy bạc:

- Tôi cũng có thói quen ứng trước một nửa tiền lương để các tiểu thư có thể trang trải phí tổn di chuyển và mua sắm áo quần - ông ta vừa nói vừa mỉm cười rất khả ái, đến nỗi đôi mắt ông ta thu nhỏ lại thành hai điểm sáng giữa khối mỡ trắng bệch.

Tôi hầu như chưa hề gặp một người nhiệt thành và lịch thiệp hơn ông ta. Tôi đang thiếu nợ: số tiền ứng trước thật đúng lúc! Nhưng dù sao một sự giao dịch như vậy cũng có vẻ bất thường, nên tôi muốn biết thêm cho rõ, trước khi nhận lời.

- Tôi có thể biết ông ở đâu không?

- Tại hạt Hampshire. Một mảnh đất nhỏ đẹp mê hồn. "Những cây dẻ đỏ ³⁵⁾" cách Winchester 5 dặm. Thưa cô, đó là một xứ sở xinh đẹp, và nhà tôi là ngôi nhà đáng yêu nhất trong số những ngôi nhà xưa trong quận.

- Công việc của tôi như thế nào?

- Tôi chỉ có một thằng bé vừa lên 6. À, nếu cô thấy được cái cách nó dùng đôi dép hạ những con gián? Trước khi nó nhú mào, đã có ba con bị hạ.

Ông ta dựa ngửa vào ghế và lại cười, nụ cười làm cho đôi mắt như mất hút trong khối thịt phì nộn. Tôi hơi ngạc nhiên về trò chơi mà cậu bé ưa thích, nhưng tiếng cười của ông bố khiến tôi nghĩ rằng có lẽ ông ta chỉ đùa thôi.

- Tôi chỉ phải chăm nom cho một mình cậu bé thôi chứ? - Tôi hỏi lại.

-Ồ không! Không phải chỉ có thế, thưa cô thân mến! Cô còn phải tuân lệnh vợ tôi, tất nhiên đó luôn luôn là những mệnh lệnh mà một thiếu nữ có phẩm hạnh có thể tuân theo, và tôi chắc là một người

thông minh như cô đã đoán được. Đâu có gì khó, phải không cô?

- Tôi rất sung sướng được phục vụ ông bà.

- Tuyệt. Nhưng, nhân tiện, xin nói về trang phục. Vợ chồng tôi là những người kỳ cục, nhưng tốt bụng. Nếu chúng tôi yêu cầu cô mặc một cái áo nào đó vào một ngày nào đó thì cô không phản đối chứ.

- Thưa ông, không. - Tôi trả lời, hơi ngơ ngác.

- Hoặc yêu cầu cô ngồi chỗ này thay vì chỗ kia, hoặc ngồi chỗ kia hay vì chỗ này, cô không coi là bị xúc phạm chứ?

-Ồ không đâu?

- Và yêu cầu cô cắt tóc ngắn?

- Thưa ông, tôi có một mái tóc màu hạt dẻ. Mọi người đều khen là rất đẹp. Tôi sợ rằng điều này không thể được, thưa ông.

- Còn tôi, tôi sợ rằng đây là điều chính yếu. Đó là một sở thích nhỏ nhỏ của vợ tôi. Vậy, cô sẽ cắt tóc chứ?

- Thưa ông, tôi sẽ không cắt tóc!

- A, tốt! Thôi chúng ta không bàn nữa... Thật đáng tiếc. Thưa cô Stoper, trong trường hợp này, tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm một ứng cử viên khác.

Trong suốt thời gian chúng tôi thảo luận, cô quản lý chú ý mũi vào đồng hồ sơ và không hề mở miệng. Nhưng tới lúc đó, cô ta nhìn tôi với vẻ thù ghét, khiến tôi hiểu ngay rằng việc tôi từ chối sẽ làm cho cô ta mất một số tiền hoa hồng béo bở. Cô ta hỏi tôi:

- Cô có muốn chúng tôi giữ tên cô trong sổ đăng ký không?

- Vâng, thưa cô Stoper.

- Cô đã từ chối những đề nghị tuyệt vời! Cô chớ mong chúng tôi mất thì giờ tìm cho cô một việc khác. Chào cô, cô Hunter! - Cô Stoper ấn chuông và người ta đưa tôi ra.

Tôi trở về. Khi tôi kiểm lại số thực phẩm trong nhà, khi tôi thấy hai hay ba tờ hoá đơn trên bàn, tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng tôi đã làm một điều ngu xuẩn. Ít có cô dạy trẻ nào được trả 100 bảng một năm... và chẳng, bộ tóc dài của tôi có giúp ích gì cho tôi đâu. Nhiều phụ nữ đã cắt tóc ngắn, thế mà họ chẳng xấu đi chút nào.

Ngày hôm sau, tôi tự coi mình là một con ngốc.

Hôm sau nữa, tôi chắc chắn là tôi đã làm một điều dại dột. Vào lúc tôi dẹp bỏ lòng tự ái, định trở lại cơ sở tìm việc hỏi xem chỗ đó còn trống không, thì tôi nhận được một bức thư. Tôi xin đọc ông nghe:

“NHỮNG CÂY DÈ ĐỎ, WINCHESTER,

THƯA CÔ HUNTER THÂN MẾN.

Cô Stoper đã có nhã ý cho tôi địa chỉ của cô, nên tôi viết thư này cho cô, hỏi xem cô có xét lại quyết định trước đây không. Nhà tôi rất muốn cô đến đây, vì qua sự mô tả của tôi, bà ấy rất thích cô. Chúng tôi sẵn sàng trả cho cô 30 bảng mỗi quý. Vậy là 120 bảng một năm, ấy là để đền bù những bất tiện nho nhỏ do tính kỳ quặc của chúng tôi gây ra cho cô. Dù sao, đó cũng không phải là những đòi hỏi quá đáng! Nhà tôi rất thích màu xanh và bà ấy muốn cô mặc áo màu này mỗi sáng. Tuy nhiên, cô không cần bỏ tiền mua sắm, vì chúng tôi có sẵn một cái như thế trước đây của con gái tôi. Alice hiện nay đang ở Philadelphia.

Mặt khác, về chỗ ngồi hay nơi cô đi đứng, chúng tôi sẽ chỉ cho cô, cô sẽ không gặp bất tiện gì đâu. Về bộ tóc, tôi rất tiếc nhưng tôi cương quyết giữ nguyên quyết định. Tôi hy vọng rằng số thù lao tăng lên sẽ đền bù được sự mất mát đó! Về phần đứa bé, công việc của cô sẽ rất nhẹ nhàng. Cô cố gắng đến với chúng tôi nhé, tôi sẽ đem xe đón cô ở Winchester. Xin cho tôi biết giờ xe lửa khởi hành.

Chúc cô mạnh khoẻ.

JEPHRO RUCASTLE”

Đó là nội dung bức thư. Và tôi đã quyết định nhận lời. Tuy vậy,

trước khi lao vào khoảng không, tôi muốn ông cho một lời khuyên.

- Nhưng, thưa cô, nếu cô đã quyết định rồi thì đâu còn vấn đề gì nữa!

- Có phải là ông khuyên tôi nên từ chối?

- Đó không phải là chỗ tôi mơ ước cho cô em gái của tôi, nếu tôi có một đứa em gái.

- Điều đó có nghĩa gì, thưa ông Holmes?

- Chẳng có một dữ kiện nào cả, nên tôi không thể nói gì hơn. Nhưng có lẽ cô cũng có ý kiến riêng chứ?

- Tôi thấy ông Rucastle có vẻ là người tốt và lịch thiệp, nhưng có lẽ vợ chồng họ có những sở thích ngông cuồng nên ông ta nhượng bộ cho gia đình được êm ấm và để tránh những bất trắc có thể buộc phải đưa bà Rucastle vào viện an dưỡng. Giả thiết của tôi có vô lý không?

- Chẳng những không vô lý; mà còn là giả thiết có nhiều khả năng nhất. xem xét về mọi mặt thì một cô gái trẻ hẳn không lấy gì làm dễ chịu trong gia đình này.

- Nhưng còn tiền lương, ông Holmes ơi!

- Vâng, đúng vậy. Tiền thù lao cao, rất cao! Chính điều đó làm cho tôi khó chịu! Tại sao họ lại trả cho cô 120 bảng. Trong khi họ có thể mướn bất kỳ ai với giá 40 bảng?

- Bởi vậy tôi đã rất có lý, khi đến đây hỏi ý kiến của ông. Tôi yên tâm biết bao khi ông biết sẽ ủng hộ tôi.

- Tôi ủng hộ cô! Tôi sẽ hết sức chú ý tới câu chuyện này. Hãy thật lòng nói cho tôi biết cô có cảm thấy bất an hay nguy hiểm gì không?

- Nguy hiểm? Ông dự đoán có nguy hiểm?

Holmes lắc đầu, nghiêm nghị nói:

- Nguy hiểm không còn nữa, nếu ta nhận diện được nó. Nói vắn

tắt, bất kỳ lúc nào, dù ngày hay đêm, hễ cô gửi một điện tín là tôi sẽ tức tốc tới đó ngay.



- Như vậy, tôi an tâm.

Cô gái đứng dậy, mặt rạng rỡ:

- Tôi ra đi với tinh thần thư thái. Tôi sẽ viết thư ngay cho ông Rucastle; chiều nay tôi đi cắt tóc; ngày mai tôi sẽ có mặt ở Winchester.

Cô nói lời cảm ơn, chúc sức khỏe, rồi ra về. Lắng nghe tiếng chân nhanh nhẹn, vững chắc của cô gái đang đi xuống cầu thang, tôi nói:

- Ít ra cô ta cũng có vẻ biết cách xoay xở.

- Chỉ trong một thời gian ngắn thôi, cô ta sẽ cầu cứu với chúng ta.

Mười lăm ngày đã trôi qua. Trong thời gian này, tâm trí tôi cứ hướng về "Những cây dẻ đỏ". Tôi tự nhủ cô gái đang dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu kỳ lạ biết bao. Số tiền lương cao bất thường, những điều kiện kỳ quặc, công việc nhẹ nhàng (theo lời người cha

hứa), tất cả những cái dò cho thấy một điều gì đó không bình thường. Điều gì đó là do tính tình kỳ quặc hay có một âm mưu? Ông kia là một kẻ thương người hay là một tên vô lại? Về phần Holmes, tôi nhận thấy đôi khi anh trầm ngâm hàng mấy giờ liền. Và mỗi khi tôi nhắc tới cô gái, anh khoát tay ngắt lời: "Tôi chờ tin tức. Những dữ kiện! Không thể làm bánh nếu không có bột?". Anh rít lên nho nhỏ rằng nếu là em gái thì anh không chịu để cô nhận một chỗ làm như vậy.

Chúng tôi nhận được điện tín vào một buổi tối, bấy giờ đã khuya. Holmes mở phong bì, liếc qua bức điện tín rồi ném cho tôi:

- Anh hãy kiểm tra lại giờ tàu chạy.

Bức điện tín rất ngắn:

"Vui lòng có mặt ở khách sạn "Thiên nga đen" ở Winehester lúc 12 giờ trưa. Tôi kiệt sức.

HUNTER".

Khi tôi đọc xong, Holmes hỏi:

- Anh đi với tôi chứ?
- Tôi không mong mọi gì hơn.
- Vậy cho tôi biết giờ tàu khởi hành.
- Có một chuyến lúc 9 giờ rưỡi tới Winchester lúc 11 giờ rưỡi.
- Tốt lắm.

Vào lúc 11 giờ ngày hôm sau, chúng tôi đã gần tới thủ đô của nước Anh. Holmes nấp sau một đồng nhật báo suốt cuộc hành trình, nhưng sau khi qua khỏi địa phận Hampshire, anh chui ra ngắm cảnh. Bầu trời xanh nhạt, những đám mây trong, trôi êm ả từ tây sang đông, mặt trời chói lọi, có thể người thấy mùi nhựa sống trong không khí. Vạn vật mời gọi con người hoạt động. Trên những cánh đồng trải dài đến các ngọn đồi quanh Aldershot, những mái ngói đỏ tươi hoặc trắng xám của các trang trại in hình lên màu xanh lá mới.

- Tươi mát và xinh đẹp tuyệt vời, có phải không? - Tôi bất giác thốt lên, với sự phấn khởi của người thường giam mình trong thành phố. Holmes khẽ gật đầu.

- Anh có biết không, Watson. Đầu óc tôi bị ám ảnh đến nỗi cứ nhìn mọi vật dưới khía cạnh nghề nghiệp. Tôi cũng nhìn thấy những ngôi nhà đó như anh, nhưng chỉ có một ý nghĩ độc nhất ở trong đầu tôi. Chúng ở lẻ loi quá, hẻo lánh quá, nên tội ác xảy ra ở đây dễ dàng thoát khỏi sự trừng phạt của pháp luật.



- Trời đất ơi! - Tôi nói lớn, giận hờn - Tại sao anh lại ghép chung tội ác với những tổ ấm thân thiết kia?

- Những ngôi nhà như vậy luôn luôn làm tôi kinh sợ. Dựa theo kinh nghiệm, tôi có cảm giác những con hẻm tối tăm nhất ở Luân Đôn còn ít chứa chấp tội lỗi hơn cánh đồng xinh tươi này!

- Anh làm tôi kinh hãi đấy, Holmes.

- Lý do thật hiển nhiên. Ở thành thị, áp lực của dư luận có thể làm được điều mà pháp luật phải bó tay. Không có nơi nào ở Luân Đôn mà tiếng kêu than của một đứa trẻ bị hành hạ, tiếng đấm đá của một anh chàng say sưa lại không làm nổi dậy lòng bất bình của hàng xóm. Và bộ máy pháp luật ở gần người dân đến nỗi một lời tố giác yếu ớt cũng buộc nó phải vận động: từ chỗ phạm tội tới vành móng ngựa chỉ có một bước ngăn; còn những ngôi nhà lẻ loi này, anh hãy nhìn kỹ đi? Mỗi nhà rào kín trong khu đất của mình, trong đó phần đông là những người nghèo khó, không thông hiểu pháp luật. Những hành vi thô bạo có thể diễn ra tự do mà không ai hay biết. Nếu cô gái đang cầu cứu chúng ta đang sống ở Winchester thì tôi không lo ngại gì hết. Năm dặm ngăn cách cô ta với thành phố làm tôi không yên. Chỉ còn may một điều là bản thân Hunter chưa bị đe dọa...

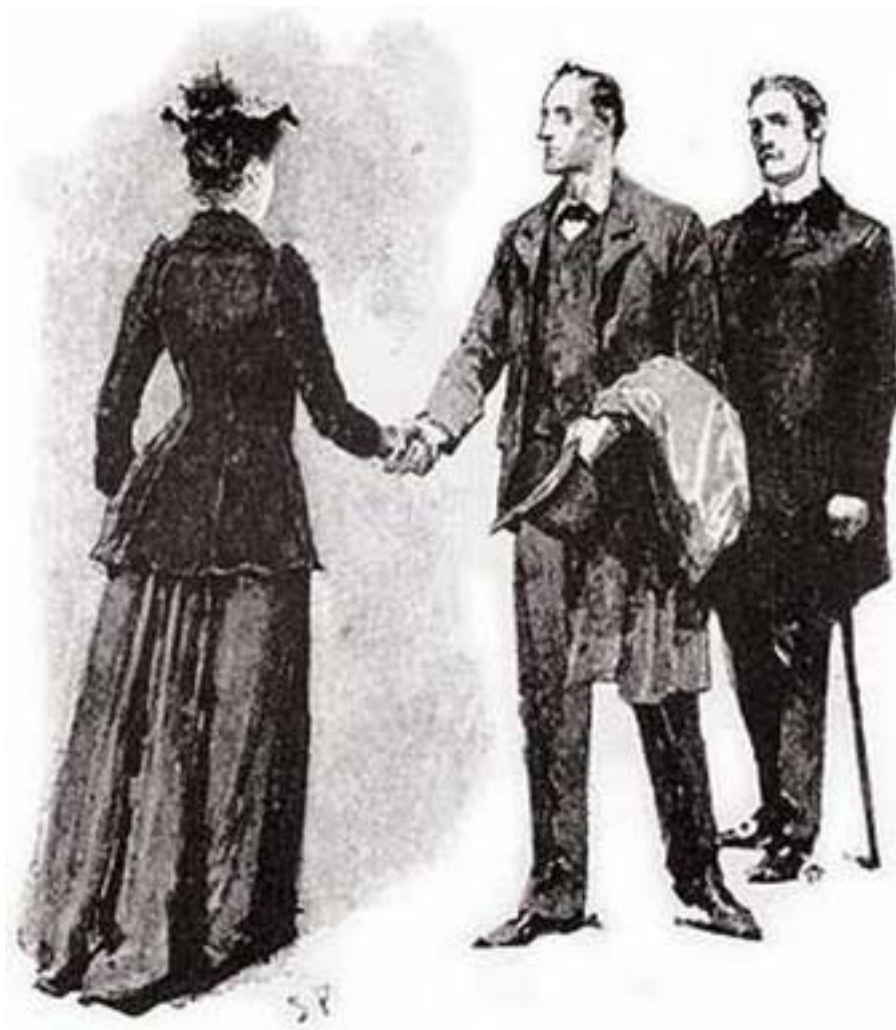
- Chắc hẳn Hunter không bị đe dọa! Nếu cô tới gặp chúng ta ở Winehester được, thì có nghĩa là cô còn được tự do đi lại.

- Đúng vậy.

- Vậy thì có vấn đề gì? Anh có thể giải thích cho tôi không?

- Tôi có cả thảy bảy giải pháp riêng biệt, mỗi giải đáp phù hợp với những sự kiện như chúng ta đã biết, chỉ còn phải tìm xem giải đáp nào là đúng. A! Đây là tháp chuông nhà thờ lớn, chúng ta sắp gặp cô em rồi.

Khách sạn "Thiên nga đen" là một quán trọ nổi tiếng, gần nhà ga. Chúng tôi gặp ngay cô giáo, và bữa điểm tâm đã sẵn sàng. Cô reo lên:



- Tôi sung sướng biết bao, khi thấy các ông tới. Các ông thật tốt! Nói thật tình, tôi không biết phải làm sao nữa, nên mới cầu cứu.
- Nói ngay chuyện gì đã xảy ra!
- Vâng. Tôi phải nói gấp vì tôi phải trở về trước ba giờ
- Cô hãy kể theo thứ tự - Holmes nói, vừa ngồi duỗi đôi chân quá khổ về phía lò sưởi, chuẩn bị tư thế thoải mái để nghe chuyện.
- Trước hết, tôi phải nói là tôi không hề bị hai ông bà ấy ngược đãi. Nhưng tôi không hiểu nổi họ, và tôi lo ngại.
- Cô không hiểu cái gì?
- Nguyên nhân hành động của họ...

"Khi tôi tới đây thì ông Rucastle đã có mặt với chiếc xe, và đưa tôi về. "Những cây dê đỏ" quả là một địa điểm tuyệt vời, nhưng ngôi nhà

thì không đẹp, nó là một khối vuông đồ sộ loang lổ. Chung quanh là ruộng, những rừng cây mọc ở cả ba phía. Phía còn lại là một cánh đồng dốc thoải chạy xuống quan lộ đi Southampton, con đường này vòng lại cách cổng trước độ 100 yard. Miếng đất đó thuộc sở hữu của ông Rucastle, còn rừng cây là của huân tước Southerton. Mấy đám cây dẻ đỏ mọc trước cổng, nên trang trại được gọi là "Những cây dẻ đỏ".

Ông chủ giới thiệu tôi với bà chủ và cậu con vào buổi chiều. Và tôi đã lầm, thưa ông Holmes: bà Rucastle không phải là người điên. Bà ít nói, mặt trắng bệch, trẻ hơn ông chồng nhiều. Nghe họ nói chuyện, tôi biết họ lấy nhau đã bảy năm, rằng lúc đó ông ta goá vợ và đứa con duy nhất của người vợ trước là cô gái đang sống ở Philadelphia. Ông Rucastle cho tôi biết sở dĩ cô ấy bỏ đi vì không hoà thuận với kẻ mẫu. Vì cô ấy chỉ vào khoảng 20 tuổi nên tôi hiểu là cô ta không cảm thấy thoải mái với người dì ghẻ của mình. Bà Rucastle không có cảm tình mà cũng không ác cảm với tôi. Rõ ràng bà ta rất yêu chồng và đứa bé. Ông chủ rất lịch sự với vợ, dường như họ rất hoà hợp và hạnh phúc. Tuy thế, bà ấy giấu kín một nỗi u sầu bí mật. Bà thường ngồi trầm tư, ánh mắt buồn rầu. Nhiều lần tôi thấy bà khóc một mình. Tôi tưởng bà khổ tâm vì tính nết của đứa con hư đốn. Thì giờ của nó dành cho những ham mê man dại xen với những cơn hờn dỗi. Thú tiêu khiển ưa chuộng nhất của nó là hành hạ những con vật yếu đuối: nó bắt chuột nhắt, những con chim nhỏ và côn trùng. Nhưng tôi không muốn dài dòng về chú bé này vì thực sự nó ít liên quan đến câu chuyện của tôi."

- Tôi muốn biết hết mọi chi tiết, cả những chi tiết mà cô thấy là vô vị.

- "Điều bực bội duy nhất ở trong nhà này, là thái độ của hai gia nhân: họ là một cặp vợ chồng. Anh chồng Toller là một người thô lỗ, có mái tóc hoa râm, lúc nào cũng sặc sụa mùi rượu. Bà vợ là một người cao lớn, mạnh mẽ và là một người đàn bà khó ưa.

Trong hai ngày đầu, cuộc sống thật dễ chịu. Sáng sớm ngày thứ ba, bà chủ xuống nhà ngay sau khi ăn điểm tâm. Bà thì thầm vài tiếng bên tai ông chồng.

- Ừ, ừ! - ông chồng vừa trả lời vợ vừa quay sang tôi - Thưa cô

Hunter, chúng tôi rất biết ơn cô đã cắt tóc ngắn. Bây giờ chúng ta sẽ thử xem cái áo màu xanh kim quýt có vừa với cô không. Cái áo trên giường của cô.

Cái áo đã có người mặc qua. Tuy vậy, nó rất vừa vặn với khổ người tôi. Hai ông bà Rucastle đều rất hài lòng. Họ chờ tôi trong phòng khách có ba cửa sổ lớn. Một chiếc ghế đã được đặt sẵn gần bên cửa sổ giữa, lưng ghế quay ra phía ngoài ánh sáng. Họ yêu cầu tôi ngồi lên đó. Bây giờ ông Rucastle vừa đi ngang dọc phòng khách vừa kể lể những chuyện khôi hài mà tôi chưa bao giờ được nghe. Tôi cười nôn ruột. Bà chủ chỉ mỉm cười vài lần. Bà ngồi khoanh tay trước ngực, mắt buồn bã, lo âu. Khoảng một giờ sau, ông thấy đã tới giờ làm việc, nói rằng tôi có thể đi thay áo và dạy học.

Hai ngày sau, cảnh đó lại diễn ra tương tự. Một lần nữa, tôi lại đi thay áo, một lần nữa người ta lại yêu cầu tôi ngồi gần cửa sổ. Và một lần nữa tôi lại cười chảy nước mắt vì những câu chuyện của ông chủ. Rồi ông đưa cho tôi một quyển tiểu thuyết, khẽ xoay chiếc ghế tôi đang ngồi cho tôi khỏi chói mắt và yêu cầu tôi đọc to lên. Tôi bắt đầu đọc chừng 14 phút, ông bảo tôi dừng lại, và ra lệnh cho tôi đi thay áo.



Tôi để ý là họ hết sức quan tâm về việc phải ngồi quay lưng về phía cửa sổ. Tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ. Sẵn cái gương cầm tay của tôi bị vỡ, tôi lấy một mảnh giấu trong khăn tay. Ngay giữa một tràng cười, tôi đưa khăn lên ngang mắt và khéo léo nhìn xem có cái gì ở phía sau lưng mình. Tôi thất vọng: chẳng có gì cả.

Lần thứ hai, tôi thấy một người đàn ông trên đường đã nhìn trộm tôi.

- Một người bạn của cô, phải không? - ông chủ hỏi.

- Không đâu! Tôi không quen ai ở đây.

- Chúa ơi! Trơ tráo thật! Tôi xin cô quay lại và ra hiệu cho anh ta đi đi!

- Làm như không nhìn thấy anh ta có hay hơn không? - Tôi đưa ra ý kiến.

- Không, không nên! Anh ta sẽ la cà mãi ở đây. Tôi xin cô, cô hãy quay lại và ra hiệu cho anh ta đi đi! Làm như thế này này!

Tôi làm theo lời ông ta trong khi bà chủ kéo rèm.

Chuyện đó cách đây một tuần. Từ ngày đó chưa bao giờ tôi lại phải ngồi bên cửa sổ, chưa bao giờ tôi phải mặc chiếc áo xanh và chưa bao giờ tôi thấy lại người đàn ông.”

- Cứ tiếp tục đi cô giáo. - Holmes nói - Câu chuyện hứa hẹn nhiều điều hấp dẫn.

“Ngay hôm tôi tới, ông Rucastle có dẫn tôi đến một gian nhà phụ, bên cạnh nhà bếp. Khi tới gần, tôi nghe có tiếng xích sắt khua và tiếng một con vật to đang trở mình.

- Cô hãy nhìn vào xem! Nó có đẹp không? – ông Rucastle chỉ vào một khe hở giữa hai tấm ván. Tôi nhìn vào, thấy một cặp mắt sáng và một hình thù mơ hồ trong bóng tối.

- Đừng sợ! - ông chủ vừa nói vừa cười khi tôi lùi lại một bước - Đó là Carlo, con chó chăn bò. Nó chỉ tuân lệnh lão Toller. Chúng tôi chỉ cho nó ăn mỗi ngày một bữa, nên nó rất hung dữ. Ban đêm, Toller mới thả nó ra. Vô phúc cho tên lang thang nào bén mảng vào nhà tôi. Ban đêm, cô chó có ra khỏi nhà, có thể nguy hiểm đấy.

Hai đêm sau, vào lúc 2 giờ sáng, tôi tình cờ nhìn qua cửa sổ, trăng sáng vằng vặc, lối đi trước nhà lung linh ánh bạc. Vẻ đẹp bình yên của cảnh vật xâm chiếm tâm hồn tôi, nhưng tôi vẫn nhận biết có cái gì đó cựa quậy trong đám cây dẻ. Khi cái hình thù đó ra khỏi bóng cây, tôi thấy rõ đó là một con chó khổng lồ, to bằng một con bê, răng nanh dài, mõm đen, gầy trơ xương. Nó băng ngang lối đi và mắt hút vào bóng tối. Tôi lạnh toát cả người.

Bây giờ tôi xin kể ông nghe một chuyện kỳ dị. Như ông biết, tôi đã cắt tóc ở London và mang những lọn tóc đó theo, kết lại thành một cuộn. Một buổi tối, lúc thằng bé đã đi ngủ, tôi xem xét đồ đạc trong phòng và sắp xếp lại quần áo. Có một cái tủ cũ, hai ngăn trên trống và không khoá, ngăn dưới cùng khoá kín. Tôi xếp quần áo vài hai ngăn trống mà vẫn còn thừa nên tôi hơi bực bội, vì không sử dụng ngăn thứ ba được. Tôi tự nhủ có lẽ người ta đã khoá tủ do lơ đãng,

nên tôi lấy chòm chìa riêng mở thử.

Cái chìa đầu tiên đã mở được ngay: trong ngăn kéo đó chỉ chứa một vật duy nhất: bộ tóc. Tôi cầm lên, quan sát. Cũng một màu hơi đặc biệt, cũng mai mai. Nhưng đột nhiên tôi biết ngay đó không phải là tóc của tôi, vì làm sao nó lại ở đây được? Tay run run, tôi mở rương và thấy bộ tóc của mình vẫn còn nguyên ở đáy rương. Tôi đặt hai bộ tóc bên nhau và thấy chúng giống hệt. Tôi suy nghĩ mãi mà vẫn không hiểu gì cả. Tôi đặt "bộ tóc lạ" vào chỗ cũ và không hé môi với ai về chuyện này. Sự thật, tôi đã có lỗi khi mở một cái ngăn kéo có khoá.



Thưa ông Holmes, ông có thể nhận thấy rằng tôi có óc quan sát tự nhiên. Vì vậy nên chẳng bao lâu tôi đã thuộc lòng sơ đồ ngôi nhà. Có một căn phòng dường như không có người ở, ở đó có một cánh cửa đối diện với cửa phòng của vợ chồng Toller, nhưng luôn luôn khoá. Một bữa, khi lên thang gác, tôi chạm mặt ông Rucastle đang từ phòng đó đi ra, tay nắm chìa khoá và nét mặt hăm hăm; ông khoá

cửa, và đi qua mặt tôi, không nói một lời, dường như không nhìn thấy tôi vậy.

Việc đó làm tôi đâm ra tò mò, vì vậy khi dẫn thẳng bé đi chơi, tôi đi về phía có thể nhìn thấy các cửa sổ của dãy phòng đó. Có bốn cửa sổ: ba cái thì đầy bụi bặm, còn cái thứ tư có cửa chớp kín. Rõ ràng là góc nhà này bị bỏ hoang. Khi tôi lang thang ở đó thì ông Rucastle đi về phía tôi: vẻ tươi cười vui vẻ đã trở lại.

- Xin bỏ lỗi cho tôi khi đi ngang qua cô lúc nãy mà không chào cô. Lúc đó tôi bận quá.

- Thưa ông, không có gì ạ? Nhân đây tôi có nhận xét ông có nhiều phòng bỏ trống quá, một phòng trong số đó có cả cửa chớp che kín nữa.

- Nhiếp ảnh là một trong số những say mê của tôi. Phòng tối đặt ở đó. Nhưng, thưa cô thân mến, cô thật là một người có mắt quan sát. Ai có thể tin được? Ai có thể tin được chứ?

Ông ta nói bằng giọng đùa cợt, nhưng đôi mắt ông ta nhìn tôi chăm chăm không có vẻ đùa cợt tí nào: ông ta đã nghi ngờ

Từ lúc tôi hiểu rằng cái gì đó ở trong các gian phòng kia thì tôi chỉ còn mơ tới chúng. Tôi có linh cảm rằng nếu tôi đột nhập vào nơi đó, tôi sẽ làm được một điều rất tốt, rất thiện.

Cơ hội đến vào ngày hôm qua. Tôi phải cho ông biết là không chỉ một mình ông Rucastle có việc gì phải làm trong mấy gian phòng vắng đó, mà cả vợ chồng ông Toller cũng có đến đó. Tôi đã thấy Toller mang vào đó một túi vải đen lớn. Gần đây, ông ta uống rượu nhiều và chiều qua ông ta say mèm. Khi lên thang gác, tôi thấy chìa khoá cắm ở cánh cửa đó. Chắc hẳn ông ta đã bỏ quên Tôi có một cơ hội tuyệt vời: ông và bà Rucastle đang ở dưới nhà với cậu con. Tôi nhẹ nhàng vặn khoá, mở cánh cửa và lướt thẳng tới đầu kia.

Trước mặt tôi là một hành lang trần trụi, sàn không lót thảm mà tường cũng không dán giấy. Cuối hành lang là một góc ngoặt. Sau góc ngoặt có ba cánh cửa liên tiếp. Cửa thứ nhất và cửa thứ ba thì mở ngỏ, phòng trống, dơ bẩn và u ám. Phòng giữa có khoá: một cái nhíp xe chặn ngang cửa, một đầu móc vào một cái vòng gắn trong

tường, đầu kia được buộc dây. Bản thân cánh cửa thì có khoá, nhưng không có chìa khoá trong ổ khoá. Cánh cửa được chặn kỹ đó ứng đúng với cửa sổ có cửa chớp bị bịt kín phía ngoài. Qua khe hở dưới cửa, tôi thấy là phòng có ánh sáng. Hiển nhiên là có một khung cửa kính ở trên cao để cho ánh sáng lọt vào phòng. Trong lúc tôi đang loay hoay trước cánh cửa hắc ám đó, tự hỏi bên trong căn phòng chứa đựng một bí mật gì, thì thành tình tôi nghe có tiếng bước chân trong phòng và qua khe hở dưới cửa, tôi có thể phân biệt được một cái bóng đang đi tới đi lui. Lúc đó tôi sợ quá, tôi quay lưng bỏ chạy. Tôi chạy như có một bàn tay khủng khiếp cố tóm lấy tôi. Tôi vượt qua hết hành lang, đâm bổ ra cửa và... ngã vào tay ông Rucastle.

- Nào, nào! Thế ra là cô? - ông vừa nói vừa cười - Khi tôi thấy cửa mở, tôi đã ngỡ là cô.



- Tôi sợ quá, tôi sợ quá! - Tôi hỗn hển nói.

- Ồ, cô thân mến! Tiểu thư thân mến! Nào, việc gì mà cô sợ hãi

quá vậy?- Giọng ông ta quá mơn trớn, quá ngọt ngào khiến tôi cảnh giác.

- Tôi đại dột đi vào cái chái vắng vẻ này. Trong đó tối và yên lặng quá, nên tôi đâm sợ. ôi, trong đó yên lặng đến rợn người?

- Chỉ có vậy thôi ư? - ông ta dò xét.

- Còn thế nào nữa? Ông cho là thế nào?

- Tại sao cô nghĩ rằng cửa này được khoá kín?

- Tôi không biết gì chuyện cửa nẻo cả.

- Tôi khoá cửa chỉ là để những kẻ vô can khỏi chúi mũi vào đây. Cô hiểu không? - ông ta vẫn tiếp tục mỉm cười một cách khả ái.

- Nếu tôi biết thế, thì...

- Tốt lắm. Bây giờ thì cô biết rồi. Nếu cô còn đặt chân tới sau cánh cửa này nữa, thì... - Lúc đó nụ cười của ông ta biến thành một cái nhếch mép giận dữ, và ông ta nhìn tôi từ đầu đến chân với bộ mặt của một con quỷ - Thì... tôi sẽ cho con chó ăn thịt cô đấy!

Tôi kinh hoàng đến nỗi không nhớ tôi đã làm gì nữa. Tôi nghĩ là tôi đã chạy nhào về phòng. Tôi không còn nhớ gì hết. Nằm trên giường mà tôi run rẩy cả người. Tất cả mọi người đều làm tôi sợ hãi: ngôi nhà, ông chồng, bà vợ, hai người gia nhân và cả cậu con nữa. Hiển nhiên là tôi có thể bỏ trốn, nhưng sự tò mò cũng mạnh mẽ như sự sợ hãi vậy. Vì thế sau khi gửi cho ông một điện tín, lòng tôi rất nhẹ nhõm. Khi về tới nhà, một mối lo khủng khiếp nảy sinh, nếu họ thả con chó rồi thì sao? Nhưng tôi nhớ là Toller đang say bí tỉ, và anh ta là người duy nhất trong nhà có thể sai khiến con vật và có phận sự thả nó ra. Thế là tôi chuồn êm vào nhà và đêm qua hầu như tôi không ngủ vì quá vui mừng với ý nghĩ là ông sắp tới đây. Sáng nay họ để tôi đi Winchester mà không làm khó dễ gì; tôi chỉ phải trở về trước ba giờ, vì ông bà Rucastle sẽ vắng nhà cả buổi tôi và tôi phải trông nom cậu con.

Holmes và tôi bị câu chuyện lạ lùng thu hết tâm trí. Khi cô Hunter kết thúc câu chuyện, bạn tôi đứng dậy, thọc tay vào túi áo, đi tới đi

lui khắp phòng, nét mặt rất trầm trọng.

- Gã Toller vẫn còn say chú?

- Vâng. Tôi nghe vợ ông ta phàn nàn với bà Rucastle là chẳng hỏi han gì ông ta được cả.

- Tối nay ông bà sẽ ra khỏi nhà?

- Vâng.

- Nhà có hầm và có khoá?

- Vâng, có hầm rượu.

- Cô đã hành động như một cô gái can đảm và nhạy cảm. Cô có nghĩ là cô có thể làm thêm một việc nữa không?

- Tôi sẽ cố. Tôi phải làm gì?

- Tôi và bạn tôi đây sẽ tới điền trang "Những cây dẻ đỏ" lúc bảy giờ tối. Lúc đó vợ chồng ông Rucastle đã ra khỏi nhà và lão Toller thì vô dụng, tôi hy vọng thế. Chỉ còn bà Toller có khả năng báo động. Nếu cô dụ được bà ta xuống hầm rượu và nhốt bà ta dưới đó, thì công việc của chúng ta dễ dàng đi rất nhiều!

- Tôi sẽ làm được.

- Hoan hô! Trong trường hợp này, chúng ta sẽ giải quyết vấn đề tận gốc. Chắc chắn chỉ có một lời giải thích cho trường hợp của cô: Cô được đưa tới "Những cây dẻ đỏ" để thay thế cho một người. Cô giống người đó và người đó đang bị giam cầm. Người bị giam trong phòng kia chắc chắn là tiểu thư Alice. Tóc cô ấy cắt ngắn, và bộ tóc trong ngăn kéo thứ ba là tóc của Alice. Người đàn ông trên đường có thể là một người bạn, có thể là hôn phu của Alice. Cô mặc chiếc áo xanh của Alice, tóc cũng giống như Alice và có cử chỉ xua đuổi anh ta, nên anh chàng kia tin rằng Alice không còn yêu anh ta nữa. Đêm đêm, con chó chặn bò được thả ra là để ngăn mọi cuộc tiếp xúc với cô gái. Mọi chi tiết hoàn toàn sáng tỏ. Điểm quan trọng trong câu chuyện này là thái độ của cậu con trai.

- Chuyện đó có gì đáng chú ý? - Tôi hỏi.

- Anh Watson, nếu người ta có thể nghiên cứu cha mẹ để đoán ra các khuynh hướng của một đứa bé, thì người ta cũng có thể nghiên cứu đứa bé mà "hiểu được" cha mẹ nó. Những khuynh hướng độc ác của thằng bé này, có thể đã được kế thừa từ người cha "thơn thớt nói cười" của nó, hoặc từ mẹ nó. Chính vì thế mà ta có thể tiên liệu rằng cô gái đáng thương đang bị giam cầm có thể phải chịu nhiều khổ sở.

- Tôi chắc chắn rằng ông nói đúng, ông Holmes - Cô giáo kêu lên - Bây giờ tôi mới nhớ lại nhiều sự kiện chứng tỏ ông đã lần tới được điểm mấu chốt. Mau lên, đừng mất thì giờ nữa. Chúng ta phải cứu cô gái đó!

*

Bây giờ chúng tôi có mặt ở đám cây dẻ đỏ. Cô giáo tươi cười tiếp đón chúng tôi.

- Cô đã thu xếp được chưa? - Holmes hỏi. Một tiếng động trầm trầm, mơ hồ phát ra từ dưới lòng đất.

- Các ông vừa nghe bà Toller cử động dưới hầm rượu đó. Còn chồng bà ta thì đang ngáy ầm ĩ trong nhà bếp. Chìa khoá đây.

- Tuyệt vời! - Holmes phấn khởi nói - Cô dẫn đường.

Chúng tôi lên cầu thang, mở cánh cửa cấm, đi theo một hành lang và tới trước ăn phòng mà cô giáo đã mô tả. Holmes cắt dây và gạt thanh sắt chặn sang một bên. Lấy chìa khoá thử mở cửa, nhưng không mở được.

Bên trong không có một tiếng động. Sự im lặng đó làm mặt Holmes tối sầm lại. Anh nói:

- Chúng ta tới quá trễ! Cô đừng vào, Watson, anh kê vai phụ đẩy cánh cửa với tôi.

Cánh cửa đã bị một ăn nên chúng tôi phá ra dễ dàng. Chúng tôi cùng lao vào phòng. Phòng trống trơn. Khung cửa kính trên cao mở rộng: người nữ tù đã đi rồi.

- Đáng giận thật! Tên tinh ma ấy đã đoán được ý định của cô Hunter nên đã dời tù nhân đi chỗ khác - Holmes nói.

- Nhưng bằng cách nào?

- Qua khung cửa kính. Ta sẽ qua đó xem.

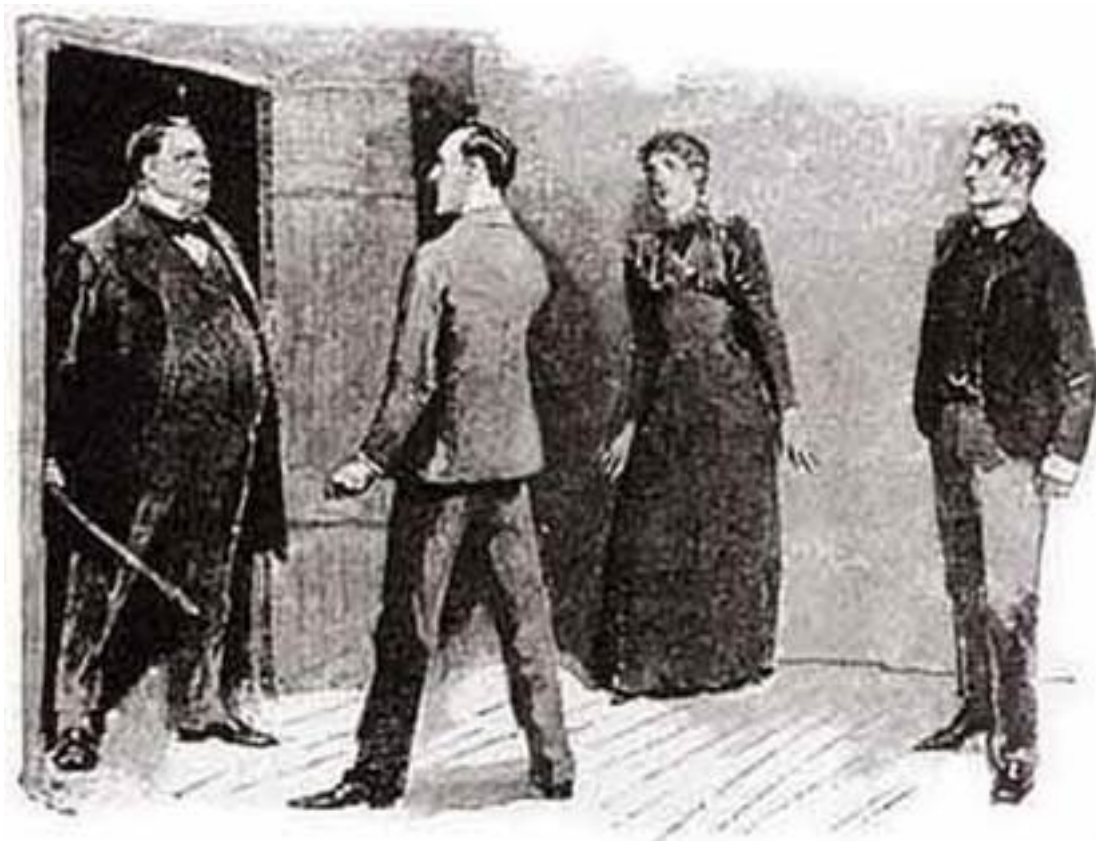
Holmes đu mình lên mái nhà, nhanh như một con sóc.

- Đây rồi - Anh la lên - Có một cái thang dài đưa xuống hầm rượu. Tôi hiểu ra rồi.

- Không thể thế được? - Cô giáo nói - Lúc ông bà ấy ra đi thì không có cái thang ở đó.

- Vậy thì ông ta đã trở lại và ông ta đã dựng cái thang. Tôi đã nói rằng ông ta là một người nguy hiểm mà! Anh Watson, anh lên đạn khẩu súng đi, ông ta đang tới kìa.

Holmes vừa dứt lời thì một người đàn ông xuất hiện ở cửa: một người to mập, có vẻ rất khoẻ mạnh, tay cầm một cây gậy bự. Khi trông thấy ông ta, cô Hunter rú lên, nhưng Holmes đã nhảy tới, đối mặt với ông ta.



- Này, tên cướp. Con gái của anh đâu?

Con người to bự kia nhìn quanh mình, rồi nhìn lên khung cửa kính. Ông ta thét:

- Chính ta mới có quyền hỏi các người. Quân trộm cướp! Quân gián điệp và trộm cướp! Ta bắt được chúng bay rồi. Chúng bay đang ở trong tay ra! Được lắm, ta sẽ lo cho chúng bay.

Ông ta tháo lui và chạy xuống thang.

- Ông ta đem chó đến! - Cô giáo rên rỉ.

- Tôi có súng. - Tôi nói, để trấn an cô.

- Đóng cửa lại! - Holmes la lên.

Chúng tôi chạy xuống thang. Vừa tới cửa thì nghe có tiếng chó sủa, rồi có tiếng gào khủng khiếp và tiếng vật lộn ầm ầm. Một người đứng tuổi, gương mặt đỏ gay và tay chân run rẩy đang lao đảo tiến ra từ một cửa hàng.

- Trời ơi! Ai đã thả con chó ra rồi? - ông ta kêu thét lên - Đã hai

ngày nay nó chưa ăn. Mau lên, mau lên kéo trẻ mất.



Holmes và tôi lao ra ngoài và chạy vòng ngôi nhà. Toller chạy theo sau. Cái mõm đen ngòm của con vật đang cắn vào cổ họng của ông Rucastle. Tôi nhảy tới bắn vỡ sọ con vật. Chúng tôi phải khó nhọc lắm mới gỡ người chủ nhà ra khỏi hàm răng của con chó và mang ông ta vào nhà, đặt lên trường kỷ. Toller giờ đã tỉnh rượu. Tôi bảo Toller thả vợ anh ta ra, và săn sóc cho ông Rucastle. Bỗng nhiên cánh cửa bật mở: một người đàn bà dữ tợn đi vào.

- Bà Toller! - Cô giáo la lên.

- Phải. Ông Rucastle đã thả tôi ra khi ông ấy vừa quay về nhà. Thật là đáng tiếc, thưa cô Hunter, cô đã mất thì giờ vô ích!

- Tôi thấy dường như bà Toller biết rõ câu chuyện hơn bất cứ ai ở đây - Holmes nói.

- Phải, tôi biết rõ và tôi sẵn sàng nói ra tất cả.

- Vậy, mời bà ngồi đây và nói đi. Còn vài điểm tôi chưa chắc lắm.

- Có lẽ tôi đã kể cho các ông nghe sớm hơn nếu tôi không bị kẹt ở hầm rượu. Khi vụ này ra trước pháp luật xin các ông nhớ cho rằng tôi là người duy nhất đứng về phía các ông và tôi cũng là bạn của cô Alice.

“Chưa bao giờ cô Alice được sung sướng ở trong căn nhà này. Nhất là từ khi cha cô tái giá. Người ta khinh rẻ cô, cô không có quyền có ý kiến. Nhưng mọi chuyện hồng cả khi cô gặp gỡ ông Fowler ở nhà bạn bè. Theo chỗ tôi biết, cô Alice có một phần tài sản thừa kế do mẹ cô để lại, nhưng cô giao quyền lợi của mình cho người cha. Người cha biết rằng ông ta không gặp khó khăn gì với cô con gái. Nhưng nếu cô lấy chồng và nếu người chồng đòi hỏi những quyền lợi hợp pháp của mình, thì ông bố sẽ sạt nghiệp. Vì vậy ông ấy ép cô gái ký một văn tự nhượng mọi quyền lợi cho cha, dù cô có lấy chồng hay không. Khi cô ấy từ chối, ông quát mắng một trận đến nỗi cô gái uất ức và ngã bệnh suýt chết. Rồi cô bình phục, từ đó cô như một cái bóng, và người ta đã cắt tóc cô. Nhưng tất cả những chuyện đó không làm thay đổi tình cảm của chàng trai.

- Cảm ơn bà có lòng tốt cho biết nội vụ một cách rành mạch - Holmes nói - Tôi có thể suy ra phần sau của câu chuyện: Sau đó người cha quyết định giam cô gái vào một chỗ kín đáo, phải không?

- Thưa ông, đúng vậy.

- Và ông ta đưa cô Hunter từ London về đây để tìm cách tổng khứ anh chàng cứng cổ Fowler phải không?

- Thưa ông, đúng vậy.

- Nhưng cái gã si tình tài giỏi ấy đã bao vây nhà này, anh ta có gặp bà, đã thuyết phục bà, dùng lời lẽ cảm động hoặc đe dọa, cuối cùng đã làm cho bà thấy được là quyền lợi của anh ta cũng có nghĩa là quyền lợi của bà.

- Ông Fowler là một người rất lễ độ, rộng lượng - Bà Toller thản nhiên xác nhận.

- Và anh ta sắp đặt để cho bà thực hiện: làm sao cho ông Toller luôn luôn say mèm, làm sao cho có được một cái thang vào lúc ông bà chủ vắng nhà, có phải không?

- Chính xác như vậy.

- Xin cảm ơn bà. Bà đã làm sáng tỏ mọi chuyện. Kìa bà Rucastle

đã về, cùng với một ông y sĩ. Hãy để cho họ săn sóc ông Rucastle, còn chúng ta đưa cô Hunter trở lại London.

Vậy là câu chuyện bí ẩn về “Những cây dẻ đỏ” kết thúc. Ông Rucastle vẫn còn sống, nhưng ông ta chỉ còn là một cái bóng vật vờ, phải nương tựa vào bà vợ. Họ vẫn giữ những gia nhân cũ tại nhà. Ông Fowler và Alice đã lấy nhau và sang lập nghiệp ở đảo Mauritius. Cô Hunter thì điều khiển một trường tư thục ở Walsall và tôi tin rằng cô sẽ thành công.

♫

CHÚ THÍCH

- 1) Nguyên văn: pound, tức khoảng 3,5 kg (1 pound = 0,45 kg).
- 2) Nguyên văn: Continental Gazetteer.
- 3) Nguyên văn: 6 feet 6 inches, khoảng 2 m (1 foot = 12 inch = 0,3 m).
- 4) Nguyên văn: Prague, nay là thủ đô Cộng hòa Czech.
- 5) Nguyên văn: Warsaw, nay là thủ đô của Ba Lan.
- 6) Nguyên văn: Contralto.
- 7) Một loại tiền Anh, có giá trị bằng 21 shilling.
- 8) Một loại tiền Anh, có giá trị bằng 20 shiling.
- 9) Nguyên văn: Encyclopedia Britannica.
- 10) Khoảng 400 ms.
- 11) Nguyên văn: 150 yards, xấp xỉ 137 m.
- 12) Con chuột cống (Tiếng Anh).
- 13) Khoảng 46 m.
- 14) Xấp xỉ 2m.
- 15) Nguyên văn: "What of the rat, then?".
- 16) Nguyên văn: Assize (Tòa đại hình - tiếng Anh).
- 17) Xem chú thích trên.
- 18) Thế kỷ XIX.
- 19) Nguyên văn: American Encyclopaedia.
- 20) Nguyên văn: The Cedars.
- 21) Nguyên văn: the lascar.
- 22) Nguyên tác: "THE BLUE CARBUNCLE".

23) Nguyên văn: forty-grain weight.

24) Cách gọi thân mật của tên "James".

25) Nguyên văn: Gypsies (dân Gypsy, một giống dân du mục ở châu Âu).

26) Đơn vị đo diện tích Anh (1 acre tương đương khoảng 4000 m²).

27) Nguyên văn: Cheetah.

28) Nguyên văn: Baboon.

29) Trong tiếng Anh, chữ "band" vừa có nghĩa là dải băng vừa có nghĩa là băng đảng.

30) Nguyên văn: speckled.

31) Nguyên văn: "jumping a claim".

32) Nguyên văn: "You will see me when all is ready. Come at once. F.H.M.".

33) Sao và Vạch: Quốc kỳ Mỹ.

34) Một loại rượu nhẹ cho nữ.

35) Nguyên văn: The Copper Beeches.

☺

HẾT

